



LỊCH SỬ GIÁO HỘI CÔNG GIÁO

LỜI NGỎ

Giáo hội là Dân Thiên Chúa

Như Israel xưa lữ hành trong sa mạc

Đoàn Dân Mới đã cất bước đăng trình

qua hai mươi thế kỷ lịch sử trần gian.

Lữ hành đức tin,

Maisen mới : Đức Giêsu Nhập thể

Hiến chương mới : Luật Bát Phúc Ngài trao

Còn giao ước mới Ngài ký bằng máu đào

trên đỉnh cao thập giá.

Ngài vẫn hiện diện kêu mời hoán cải,

bỏ mảnh đất nô lệ những đam mê.

Ngài nói với kẻ này "hãy theo ta",

với người khác "hãy dự Tiệc Nước Trời",

Ngài kêu gọi từng người "làm vườn nho" Thiên Chúa

nhủ bên tai họ "hãy mãi mãi yêu thương"

Lữ hành Đức Tin :

Từng đoàn lớp người đã tiên bước,

dắt dìu nhau đáp lại tiếng kêu mời,

đồng hành với nhau trên đường xa gian khổ,

chia sẻ với nhau lúc nắng gắt mưa sa

Bước đi trong niềm tin :

đôi lúc họ vẫn nhớ củ hành củ tỏi đất Ai Cập,

cũng lắm lúc thềm nước ngọt thịt ngon,

tệ hơn nữa cũng có khi phản bội Ngài

Để bái thờ bò vàng ăn cỏ.

Cuộc Lữ hành vẫn đang tiếp tục

theo cột lửa Niềm Tin Phục Sinh,

ai nhìn lên "Rắn Đồng" mới được sống.

Xin mời bạn, lữ khách, hãy dừng chân

cùng nhau nhìn lại những chặng đường ...

I/ Giáo Hội thời thượng cổ

Phần I :GIÁO HỘI THỜI THƯỢNG CỔ

I. NHỮNG ANH EM Ở GIÊRUSALEM

Lịch sử Giáo Hội bắt đầu khoảng năm 30 tại Giêrusalem vào ngày lễ Ngũ Tuần của người Do Thái (kỷ niệm giao ước Sinai), Nhóm 12 môn đệ Đức Giêsu loan báo cho đồng bào Do Thái ở khắp nơi về mừng lễ một TIN MỪNG. Các vị nói về Đức Giêsu sứ giả của Thiên Chúa tuy bị đóng đinh nhưng vẫn đang sống, Ngài đã phục sinh. Ngài chính là Đấng Messia, là Đấng Cứu Thế mà dân Do Thái qua bao thế hệ hằng mong đợi.

"Xin toàn thể nhà Israel hãy biết cho rằng : Thiên Chúa đã đặt làm Chúa, làm Messia, Đức Giêsu mà các người đã đóng đinh kia" (Cv 2,36)

Qua lời loan báo Tin Mừng đó, Nhóm 12 tự khẳng định tiếp nối sứ vụ của Đức Giêsu, Đấng sáng lập Giáo Hội. Đầy tràn Thánh Thần, những ngư phủ nhút nhát bỗng nói năng trôi chảy. Các vị như thấy một dân tộc mới đang nảy sinh ; "Lời hứa được ban cho anh em và con cái anh em cùng mọi kẻ ở phương xa và cho hết mọi người" (Cv 2,39).

Phêrô mạnh dạn lên tiếng trước đám đông đang nói ông say rượu. Ông tuyên xưng niềm tin vào Đức Giêsu-Messia và kêu gọi hoán cải : "Hãy hối cải và mỗi người hãy chịu thanh tẩy nhân danh Đức Giêsu để được tha thứ và được lãnh ơn Thánh Thần". Ngày hôm đó, 3000 người xin chịu thanh tẩy, Giáo Hội được khai sinh

1,1. Sinh hoạt cộng đoàn

Như Đức Giêsu, các thành viên đầu tiên của Giáo Hội là người Do Thái, dùng ngôn ngữ Aram. Họ vẫn lui tới đền thờ và giữ luật Maisein. Họ bề ngoài giống như một trong nhiều nhóm Do Thái khác : Pharisaiêu, Saducêô, Zêlôt ... Thế nhưng họ không khép kín như những nhóm này. Họ gọi nhau là "anh em" và mở rộng đón mọi người. Tài liệu quý nhất về sinh hoạt cộng đoàn tiên khởi là Công Vụ Tông Đồ của thánh Luca, cho ta thấy niềm tin của tín hữu tiên khởi, và cho thấy những hình ảnh êm ả nhất : "Ngày ngày họ đồng tâm nhất trí đến Đền thờ, bẻ bánh ở nhà, cùng nhau chia sẻ của nuôi thân, lòng hân hoan, dạ đơn thành trong lời ngợi khen Thiên Chúa và sự mến phục của toàn dân".

Đón nhận Tin Mừng, mỗi người đều hoán cải, lãnh phép rửa nhân danh Đức Giêsu (2,38), "chuyên cần nghe giáo huấn tông đồ và trung tín với sự hiệp thông, việc bẻ bánh và cầu nguyện"(2,42). Ngoài ra "các kẻ tin hết thầy đều coi mọi sự là của chung : đất đai của cải họ bán đi, phân phát cho mọi người, ai nấy túy theo nhu cầu" (2,44). Họ làm vậy vì tình huynh đệ cộng đoàn, nhưng một phần cũng vì tưởng ngày Chúa quang lâm đã gần kề. Trong chuyện hai vợ chồng Anania và Saphira nộp của cải nhưng giấu đi một phần nên bị phạt cho ta thấy việc góp tài sản này hoàn toàn tự do và tự nguyện. Thánh Phêrô nói : "Có bán đi các người vẫn tự quyền xử định. Hà tất phải bận tâm bày ra chuyện (gian dối) này" (5,4).

Ngồi lại với nhau, các tín hữu chia sẻ cho nhau những kinh nghiệm sống động được gặp Đức Kitô của mình. Họ kể : "Ngày ấy ... Ngài đang nói thì ...". Mađalêna, các môn đệ làng Emmaus vẫn còn đó. Gioan thì nói về Đấng mình đã nghe, đã chứng kiến, cung chiêm, đụng chạm đến ... "để anh em được hiệp thông và được sự sống đời đời" (I Ga 1,1-3). Thánh Phêrô còn cho ta biết thêm bầu khí của cộng đoàn : "cùng nhau thông cảm, mặn nồng tình huynh đệ, đầy lòng xót thương và khiêm nhu" (I Pr 3,8). Kết quả là "số kẻ được cứu rồi mỗi ngày được ban thêm cho cộng đoàn" (Cv 2,47).

1.2. Cản trở từ phe Đền thờ

Dẫu sao, niềm tin Đức Giêsu là Messia cũng gây khó chịu cho những người Do Thái khác. Niềm tin đó như lời phản đối các thượng tế và kỳ lão đã kết án Đức Giêsu, và chống lại lưu truyền về Đấng Messia vinh quang ... Sự đối kháng bùng nổ khi Phêrô và Gioan chữa một người què. Họ bắt hai vị nhưng lại sợ dân chúng nên thả ra. Câu trả lời của hai vị trở thành châm ngôn của nhà truyền giáo : "Chúng tôi không thể im về những gì chúng tôi đã thấy và đã nghe ... Phải vâng lời Thiên Chúa hơn là vâng lời người ta". Sự đối kháng đó ngày càng gia tăng. Khi bị bắt lần hai, các vị bị đánh bằng roi. Nhưng Tin Mừng đã tác động cách nào đó ngay trong chính hàng ngũ các Biệt Phái, rabbi Gamalien đã can thiệp để hai vị tự do, vì : "Các ngài không phá nổi đâu, nếu đây là công trình của Thiên Chúa".

1.3. Lời Chúa không bị ràng buộc ở Giêrusalem

Cũng như dân Do Thái, các tín hữu tiên khởi có hai khuynh hướng : một bên đề cao dân được chọn, bắt tân tòng phải cắt bì khi gia nhập; bên kia đa số ở các cộng đoàn hải ngoại (Diaspora) thường được gọi là nhóm Hy-hóa, hiểu giá trị của văn hóa Hy Lạp hơn. Nhân việc các bà góa phe Hy hóa bị lãng quên, các tông đồ đã chọn bảy phó tế để hướng dẫn những người này. Các vị này hăng say truyền bá Tin Mừng ra ngoài Giêrusalem. Họ đều năng động, trẻ tuổi, thông thuộc Cựu-Uớc và hiểu biết văn hóa Hy Lạp.

Trưởng nhóm bảy người là Stêphanô còn lưu lại một diễn từ gây gợn khúc chiết (Cv 7). Ông vạch rõ tính tạm bợ của Đền thờ và nói đến việc phượng tự mới của Đức Giêsu trong tinh

thần và chân lý. Ông bị dân Do Thái ném đá và trở thành vị tử đạo tiên khởi trong Giáo Hội (năm 34). Cuộc bắt bớ bùng nổ, "các người bị phân tán đi qua đâu, họ rao giảng Lời Tin Mừng đến đó" (Cv 8,4). Phó tế Philip mạnh dạn đến với dân Samari, vốn bị Do Thái khinh ghét, ông giảng và rửa tội cho viên hoạn quan đang trên đường đi Gaza, rồi lập công đoàn ở Cêsarea. Các tông đồ hưởng ứng công tác này, đã phái Phêrô và Gioan đến Samaria ban phép Thêm Sức và củng cố Đức Tin.

Thánh Phaolô, khi đó có tên là Saulô, kẻ từng tham gia cuộc ném đá Stêphanô, đi lùng bắt các tín hữu. Chúa Giêsu đã chinh phục ngài trên đường Damas (Cv 9). Sau ba năm sống trong sa mạc Arabie, thánh nhân được Barnabê giới thiệu với các Tông đồ và đưa đi giảng Tin Mừng tại Antiokia.

1.4. Lời Chúa không dành riêng cho Dân Do Thái

Thánh Phêrô nhờ một thị kiến, hiểu ra rằng Tin Mừng được gửi đến cho mọi dân : "Thiên Chúa chẳng thiên tư tây vị, bất cứ thuộc dân tộc nào, ai kính sợ Người và làm lành thì đều được Người chiếu nhận". Thánh nhân đã nói như vậy trước khi ban phép Thánh tẩy cho viên bách quan Cornêlio và gia đình. Ngài đã thấy Thánh Thần đổ xuống trên họ (Cv 10, và 11), nhưng mới chỉ coi là luật trừ cho người có hạnh kiểm tốt.

Antiokia là nơi có nhiều tín hữu đến lánh nạn nhất, cũng là nơi đầu tiên họ được gọi là Kitô hữu. Thánh Phêrô đã lập Tòa tại đây (lễ kính 22.02). Tại Antiokia, Phaolô và Barnabê giảng cho dân ngoại mà không buộc họ phải giữ luật Maisen Do Thái, không cần cắt bì. Điều này làm cho nhóm Giacôbê ở Giêrusalem quan ngại, và cho người đi kiểm tra. Hôm ấy Phêrô đang ăn với các tân tông, e sợ nên tránh mặt, đã bị Phaolô thẳng thắn phê phán (Gl 2,11t). Vấn đề được đưa ra Công đồng Giêrusalem năm 49, và được các Tông đồ giải quyết rõ rệt. Phép cắt bì và luật Maisen không phải Tin Mừng. Không cần đòi văn hóa để tiếp nhận Lời Chúa. Chủ trương của thánh Phaolô đã thắng với một nhượng bộ nhỏ về việc kiêng ăn uống máu huyết (Cv 15).

II. GIÁO HỘI LAN RỘNG TRONG ĐẾ QUỐC ROMA

2.1. Khung cảnh đế quốc

Roma, một mảnh đất thuộc Italia, được thành lập năm 753 trước Chúa Giáng Sinh. Sau nhiều đợt chinh phục, đế quốc thống lĩnh toàn bộ khu vực quanh Địa Trung Hải. Pompeius chiếm Giêrusalem (năm 63), Cêsar chiếm Galia (năm 50), Octavius chiếm Ai Cập (năm 30). Vị cuối cùng tự xưng là Augusto hoàng đế, khởi sự cho thời đại "hòa bình Roma" (pax Romana) kéo dài đến năm 192.

Chính nhờ bối cảnh thống nhất của đế quốc Roma, Giáo Hội dễ dàng lan rộng : việc phát triển đường xá, thương thuyền, một ngôn ngữ chung phổ biến là Hy Lạp (tiếng Latinh đến cuối thế kỷ II mới thông dụng) và các cộng đoàn Do Thái hải ngoại (diaspora) đã sống rải rác khắp nơi. Bối cảnh văn hóa, tôn giáo cũng đem lại nhiều thuận lợi : các triết thuyết khắc kỷ và hoài nghi đã gọi lên ước muốn độc thân, những người bị bỏ rơi trong xã hội như nô lệ, phụ nữ dễ dàng đến với tôn giáo, nhất là việc tiếp xúc với các thần đồng phương đã gọi lên trong quần chúng ước vọng kết hiệp với Thượng Đế.

2.2. Giáo hội phát triển với Phaolô và Phêrô

Trong hành trình thứ II, thánh Phaolô ở Troas gặp một thị kiến : một người Macêdoan nài xin ông hãy đến giúp (Cv. 16,9). Tin Mừng vượt Tiểu Á sang Châu Âu năm 49. Thánh Phaolô đi giảng ở Philipphê, Thessalônica, Côrintô và Athêna. Thất bại của lý luận về Thần Vô Minh đã biến ngài thành vị rao giảng về sự khôn ngoan của Thập Giá.

Hành trình thứ III (năm 53-58), thánh nhân đi thăm từng cộng đoàn cũ, giảng thuyết tùy hoàn cảnh cụ thể, giải quyết những xung đột. Tại mỗi nơi, ngài tìm cộng sự viên và trao giáo đoàn cho họ. Vượt qua mọi gian truân (II.Cr 11 và 12), ngài không ngừng công bố sứ điệp Đức Kitô, loan báo về dân tộc mới (không còn Do Thái hay Hy Lạp) trong đó mọi người là anh em, mỗi người phải thắng chính mình, sống tự do con cái Chúa và sống ơn Phục Sinh qua mâu nhiệm khổ giá.

Hành trình thứ IV (năm 60-63) đưa Phaolô đến Roma như một tù nhân. Hai năm bị giam lỏng, ngài vẫn không ngừng rao giảng và viết bốn ngục thư (Philipphê, Ephêsô, Côlôxê, Philêmon). Trở về Tiểu Á, ngài bị bắt về Roma lần thứ hai, bị án trăm quyết thời hoàng đế Nêrô, có lẽ là năm 67, như thánh Phêrô.

Sử gia Eusêbio (LSGH 3) cho ta biết thánh Phêrô đã đi giảng Tin Mừng tại Pont, Galata, Cappadôcia, Tiểu Á. Thư 1Cr. 1,12 xác định ngài đến Côrintô trước khi đến Roma. Khi Nêrô bách hại đạo gay gắt, thánh nhân định bỏ trốn để tiếp tục phục vụ giáo đoàn. Nhưng theo lưu truyền, ngài gặp Đức Giêsu vác thập giá đi vào thành (biến cố Quo vadis :Thầy đi đâu?), nên ngài quay trở lại thủ đô và xin được đóng đinh ngược. Việc ngài tử đạo ở Roma được Giáo Hoàng Clêmente (+97) nhắc đến, và được các giáo phụ như Ignatio, Origène và Tertulianô xác định, đã khiến Roma trở thành thủ đô của Giáo Hội cho đến nay.

2,3. Hoạt động của các Tông Đồ khác

Hai vị Tông đồ ở lại Giêrusalem là thánh Giacôbê Tiền bị chém năm 42 và thánh Giacôbê Hậu bị ném đá năm 62. Thánh Mathêu rong ruổi đến Bắc Phi Châu, thánh Bartôlômêô thì giảng đạo ở Armênie và Ả Rập, hai thánh Simon và Giuđa hoạt động ở Ai Cập và cũng tử đạo ở Mêsôpôtamia. Nếu thánh Mathias đến Ba Tư, thì thánh Thomas qua Ba Tư đến tận Ấn Độ. Khu vực Tiểu Á có thánh Anrê bị xử tử thập giá chữ X, có thánh Philip và đặc biệt là thánh Gioan, vị duy nhất không tử đạo mặc dù đã bị bỏ vào vạc dầu sôi năm 92.

Ngoài ra cũng nên biết, Maccô thánh sử, mới đầu là môn đệ thánh Phaolô, nhưng sau cùng làm việc với thánh Phêrô ở Roma. Luca thánh sử người y sĩ đồng hành với Phaolô, cũng là tác giả Công Vụ Tông Đồ đã hoạt động và tử đạo ở Akaia.

TÓÁT YẾU

1. Cộng đoàn Giêrusalem : là nhóm "anh em" luôn rộng mở mời đón mọi người. Họ nhìn nhận Đức Giêsu là Đấng Messia, là Chúa. Họ tin, hối cải đón nhận Thánh Thần và loan báo về Ngài, mặc cho mọi chống đối từ phe Đền thờ. Theo Công vụ tông đồ 2,24 họ chuyên cần với giáo huấn các Tông đồ, với việc hiệp thông, bẻ bánh và kinh nguyện ... Họ góp của cải thành tài sản chung để phân phát cho mỗi người tùy theo nhu cầu.

2. Lời gieo ngoài Giêrusalem : Tin Mừng được dần dần lan rộng nhờ các Diaspora Do Thái đã rải rác khắp đế quốc. Các phó tế và thánh Phêrô đã đi tiên phong trong việc đem Tin Mừng cho dân ngoại. Cuộc bách hại của Hêrôđê và việc Giêrusalem sụp đổ, thúc đẩy Tin

Mừng đi nhanh hơn. Công đồng năm 49 tại Giêrusalem như lời tuyên cáo Luật Mới đã thay thế luật Maisen. Thánh Phêrô chọn thủ đô mới cho Giáo Hội là ROMA, ngài giảng đạo và tử đạo tại đó.

3. Nhân sinh quan mới : Dưới góc nhìn lịch sử, thánh Phaolô có vai trò đặc biệt xây dựng hệ thống giáo lý, đề ra phương án thực hiện tổ chức, biến niềm tin thành một cuộc cách mạng tôn giáo : khám phá ra Đức Kitô là đỉnh cao của lịch sử, mở ra một thời đại mới, dân tộc mới (không còn Do Thái hay Hy Lạp). Niềm tin ấy của các tín hữu sơ khai đã kết tinh lại trong ngòi bút của các thánh ký qua 27 tác phẩm Tân Ước.

I. NHỮNG HIỂU LẦM VÀ THANH MINH

1,1. Người ngoài nhận định về Giáo Hội

Vì Giáo Hội là một hệ phái từ phương đông, vì Kitô hữu không hoàn toàn hòa mình với tập tục đế quốc, vì các nghi thức phụng vụ khó hiểu... Giáo Hội đã bị nhận định sai với bản chất của mình :

* Giới bình dân thì nói các Kitô hữu : vô thần đã chọc giận các thần linh gây nên các thiên tai. Họ vu khống các tín hữu tụ họp phụng vụ để loạn luân, uống máu trẻ em, ăn thịt người và thờ đầu lừa.

* Giới trí thức thì coi Kitô hữu như những kẻ khốn khổ, dốt nát, mê tín theo đạo lý sai lầm. Celsus (năm 170) và Porphyre (+305) cố chứng tỏ các sai lầm đó : Thiên Chúa không thể là hài nhi, Giêsu tầm thường không đáng bậc thánh hiền, việc phục sinh là chuyện dối gạt, bốn Phúc âm nói ngược với nhau, và bí tích chỉ cổ võ phạm thêm tội.

* Giới cầm quyền coi Kitô hữu là công dân xấu, vì không tôn thờ hoàng đế, không vâng lời vua quan, và cuối thế kỷ III, họ không tham gia quân đội.

1,2. Các nhà hộ giáo

Một số giới trí thức trong đạo, qua thư từ, sách vở biện hộ cho Kitô giáo (hộ giáo) gởi cho chính quyền hoặc quần chúng. Nổi bật nhất có Thánh Justinô, Origene và Tertuliano. Nội dung chính của các tài liệu đó gồm :

* Trình bày sinh hoạt và phụng vụ để chứng tỏ các tín hữu gặp nhau "không làm gì mờ ám".

* Giới thiệu đời sống bác ái của Giáo Hội và tố cáo sự băng hoại luân lý của đế quốc : việc giết trẻ em sơ sinh, những cuộc phiêu lưu tình ái ...

* Chứng minh giáo lý hợp lý và tính cách lâu đời của đạo đã có từ thời Maisen so với các triết gia Hylạp.

* Những biểu lộ công dân của tín hữu : cầu nguyện, vâng phục và nộp thuế ; giải thích lý do không hợp tác trong một số nghề buộc phải tế thần hoặc làm đổ máu người khác như chánh án, quân đội...

II. NHỮNG CUỘC BÁCH HẠI

Lịch sử Giáo Hội thời tử đạo kéo dài hai thế kỷ rưỡi, nhưng thực ra thời bình an cũng xấp xỉ với thời hoạn nạn. Nói chung, ta có thể chia làm hai giai đoạn :

2,1. Trước 192 : Bách hại theo khu vực

Chúng ta chỉ nghiên cứu những cuộc bách hại chính :

a/. Hoàng đế Nêron tại Roma (64-67)

Sau cuộc hỏa hoạn từ 18 đến 24-7-64 tại Roma, Nêron đổ lỗi cho các Kitô hữu. Từng đoàn tín hữu bị đẩy ra hí trường để xoa dịu dư luận và làm trò tiêu khiển. Nêron bắt họ đấu gươm, đấu với thú dữ hoặc đóng đinh, tẩm dầu, đốt đuốc. Nhưng các tín hữu bỏ vũ khí ôm nhau chúc bình an; không chống trả với thú lẫn người. Họ bình thân đợi chờ ngày cứu thoát đang đến.

b/. Thời Domitiano (92-96)

Sau khi bị đảo chánh hụt, Domitiano nghi kỵ, thanh lọc lại triều đình, triệt hạ những người Do Thái thờ độc thần và thờ "Ông Vua Do Thái" Giêsu.

c/. Chiếu chỉ Trajan năm 112

Vốn là Hoàng đế tốt bụng và thông minh, Trajan qua thư trả lời cho quan Pline-Trẻ, đề ra chính sách ảnh hưởng suốt thế kỷ II gồm ba điểm : "Không nên tằm nã Kitô hữu. Nhưng nếu bị tố cáo và nhận là Kitô hữu thì phải trừng phạt. Nếu ai chối và minh chứng bằng việc thờ cúng thần minh thì được tha".

Những vị tử đạo lớn trong thế kỷ này có : Thánh Ignatio (+110), Polycarpo (+155), Justinô (+165), Photin ở Lyon (+177), Cêcilia (+179) ... Việc bách hại thế nào tùy thuộc các quan tổng trấn địa phương thiện cảm hay không đối với đạo.

2,2. Việc bách hại thế kỷ III

Từ 192, thời Pax Romana chấm dứt. Các Hoàng Đế hầu hết xuất thân từ quân đội và kết thúc sự nghiệp do đảo chánh hoặc bị ám sát. Nhiều vùng đất như Gallia, Á-Rập, Ba-Tur đòi tự trị. Kinh tế bị suy sụp do nội chiến hay thiên tai, đưa đến việc lạm phát và lạm thuế. Luân lý, văn hóa cũng bị xuống cấp theo. Ngược lại, Giáo Hội sau bao trở ngại thấy rõ hơn khả năng của mình. Sự phát triển về giáo thuyết và nhân sự đã hỗ trợ cho đức tin thuần túy thuở ban đầu.

Trước tình thế đó, các hoàng đế phản ứng theo hai hướng trái ngược nhau : hoặc thỏa hiệp hoặc thẳng tay triệt hạ. Thời thỏa hiệp vẫn có các cuộc tử đạo lẻ tẻ, nhưng trong giai đoạn bách hại, chính sách được áp dụng trên toàn đế quốc. Xin ghi lại những thời điểm chính :

a/. Gần 80 năm lắng dịu 212-249 ; 260-298

Có nhiều lý do giúp Giáo Hội được hưởng những thời kỳ thư thái này. Một số hoàng đế thiện cảm với đạo trong đó có Gallienus (260-268) có vợ là Kitô hữu. Một số hoàng đế khác chủ

trương đạo-tổ-hợp, đặt tượng Đức Giêsu bên cạnh các thần khác, như Severus Alexander (+235) nói : "Thà Thượng đế được thờ cách nào đó thì tốt hơn". Ngoài ra có các hoàng đế ở trên ngai quá ngắn hạn, hoặc có vị muốn tranh thủ các tín hữu để chống lại man dân.

b/. Chiếu chỉ Septimus Severus 202

Sau giai đoạn 10 năm cởi mở, hoàng đế thấy số tín hữu tăng nhanh quá, nên : cấm dạy và theo đạo, đóng cửa các học viện như Alexandria, theo dõi lùng bắt khắp nơi. Tiêu biểu cho thời này là hai thánh nữ Perpétua và Fêlixita (+203). Các hầm mộ được sử dụng nhiều hơn và trở thành sở hữu tập thể. Đức Calixto (+222) từng phụ trách tổ chức và mở rộng một khu rộng lớn.

c/. Chính sách Decius 249

Hoàng đế Decius không chủ trương giết hại, nhưng coi việc phụng tự hoàng đế là yếu tố bảo vệ sự thống nhất đế quốc. Vì thế ông tìm mọi cách để tín hữu bỏ đạo : giam lâu hơn, dụ dỗ, hứa hẹn, tra tấn, bắt đi lao động hầm mỏ, phát thẻ xông hương để kiểm tra. Đức Coreêlio từ đạo nơi lưu đày, Tarcio từ đạo khi mang Thánh Thể cho các tù nhân. Giai đoạn này nhiều tín hữu, vì sống yên ổn khá lâu, nên dễ yếu đuối chới đạo. Một số giám mục như Novatio cương quyết loại trừ họ, còn Đức Cornêlio và Công đồng Roma (257) chấp nhận cho họ trở về với Giáo Hội sau những thử thách cần thiết.

Hoàng đế Valêrio đi xa hơn : năm 257 ông cấm tụ họp phụng tự, tịch thu các nghĩa trang, tịch thu tài sản, đày ải giáo sĩ. Năm 258, ông xử tử những ai không dâng hương tể thần. Vấn đề trưng thu tài sản khiến các quan địa phương tích cực hơn, các tín hữu gặp áp lực ngay từ thân nhân trong gia đình. Cuộc tử đạo của đức Sixtô II và th. Laurensô (+258) phản ánh chính sách này

d/. Con Hồng thủy Diôclêtiânô : 303-313

Để cai trị cho hiệu quả, Diôclêtiânô áp dụng chính sách tứ quyền (Tétrarchie) : Bên Đông, ông chọn một phụ tá Galêrio, Bên Tây, Constantin Chlorus chọn Maximiano. Roma có 96 tỉnh nay sát nhập lại còn 12 tỉnh. Pháp luật được áp dụng gắt gao. Việc thờ cúng hoàng đế đạt đến thời vàng son, trở thành nghi lễ triều đình. Đây là lý do khiến hoàng đế nghi ngờ các tín hữu.

Từ 298, Galêrio buộc tất cả quân nhân phải dâng cúng. Sau đó ông áp lực để Diôclêtiânô tung ra bốn sắc lệnh cấm đạo năm 303. Ngoài các biện pháp của Decius, hoàng đế còn ra lệnh thiêu hủy Sách Thánh, triệt hạ các nơi thờ phượng. Do tổ chức chính trị chặt chẽ, các quan địa phương phải răm rắp tuân theo. Nhiều hình khổ mới được sáng tạo để gây kinh hoàng cho các tín hữu. Năm 311, Maximiano Daia còn cho rảy nước tế thần trên mọi thực phẩm ở chợ ... Thời này có nhiều vị tử đạo trong quân đội như Sebastiano (+296), Georgio (+303), đại đội Maximiano, và có nhiều thánh nữ tử đạo để vẹn toàn tiết hạnh như Agnes, Lucia, Catarina ...

III. ĐỜI SỐNG GIÁO HỘI

3.1. Sinh hoạt và phượng tự

Tuy có lúc phải trốn tránh, Giáo Hội đã phát triển ngay giữa lòng xã hội. Tertuliano khẳng định : "Kitô hữu không xa lánh cuộc đời, chúng tôi vẫn lui tới công trường, bể tắm, xưởng thợ, tiệm buôn, chợ búa. Chúng tôi là thủy thủ, quân nhân, nông dân hay thương gia". Dấu Thánh Giá và Con Cá = ICHTHUS : (Iesus Christos Theou Unios Soter), đã xuất hiện khi tình hình an ninh đời buộc.

Nếu thời sơ khai, phụng vụ được cử hành trên gác nhà (Cv 20,7t) hoặc ở phòng ăn, thì dần dần các tín hữu sử dụng những tư gia dành riêng. Khoảng năm 250 mới xuất hiện các nhà thờ đầu tiên. Hầu hết tân tòng xin nhập đạo vì chứng kiến gương bác ái, tình huynh đệ cộng đoàn hoặc sự can đảm của các tử đạo. Sau thời gian thử nghiệm về hạnh kiểm, ứng viên phải có một tín hữu bảo lãnh (đỡ đầu) và sẽ được rửa tội trong lễ Phục Sinh cùng với việc đặt tay và tham dự bàn tiệc Thánh Thể (ba bí tích khai tâm).

Lễ tạ ơn các ngày thứ nhất trong tuần đưa tín hữu vào mâu nhiệm sự chết và Phục Sinh của Chúa. Trước lễ họ xưng thú lỗi lầm thiếu sót (Gc 5,16). Riêng các tội nặng (bội giáo, giết người, ngoại tình) chỉ được hòa giải một lần. Hôn nhân các tín hữu giữ theo tập tục đế quốc. Nhưng theo linh đạo của thánh Phaolô (Ep 5) một vợ một chồng và bất khả phân ly. Việc cầu nguyện và xúc dầu người yếu liệt đã được nói đến trong thư Giacôbê (5,14-15).

3.2. Tổ chức cộng đoàn

Ngoài nhóm 12 tông đồ và 7 phó tế, các cộng đoàn sơ khai có ba tác vụ chính : các tông đồ du thuyết (như thánh Phaolô, Barnabê) ; các vị tiên tri giải thích Lời Chúa trong buổi họp và các tiến sĩ chuyên nghiên cứu Kinh Thánh.

Đầu thế kỷ thứ II, theo thánh Ignatio Antiokia ta thấy ba chức vụ : Giám mục, Linh mục và Phó tế. Các nhà du thuyết biến mất, họ định cư phục vụ các công đoàn, dần dần xuất hiện các tác vụ khác. Thống kê năm 250 ở Roma gồm "có 46 linh mục, 7 phó tế, 7 chuẩn phó tế, 42 thầy giúp lễ, 52 thầy trừ quỷ, nhiều thầy đọc sách và giữ cửa" (Eusebio H.E 43,11). Tại Syria thế kỷ III còn thấy xuất hiện hai nữ phó tế, cũng được đặt tay thánh hiến, chuyên phục vụ nữ giới.

3.3. Ý nghĩa tử đạo

Martyr theo chữ có nghĩa là chứng nhân. Một vị tử đạo đúng nghĩa phải hội đủ ba yếu tố : khôn ngoan, can đảm và ý thức làm chứng cho Đức Kitô. Họ không phải là những người cuồng tín. Thánh Polycarpo nói : "Tôi đã khiển trách những kẻ tự ý nộp mình rằng đây không phải là Thần Khí của Thiên Chúa". Nhưng khi đã bị bắt, họ làm chứng cho tới cùng và theo gương Đức Kitô, chấp nhận cả cái chết. Họ làm chứng bằng thái độ tin tưởng, bằng lời nói và bằng chứng tá cho tình yêu tha thứ.

Chứng tử bằng máu đó thường mang đến những kết quả bất ngờ : dân chúng cảm xúc, lý hình trở lại và quan tòa cũng phải kính phục. Origène xin rửa tội khi chứng kiến thân phụ tử đạo. Justino trước chống các kitô hữu, đã trở lại vì nghĩ rằng "Họ không sợ chết là điều mọi người sợ, vậy họ không thể làm điều xấu được". Tertuliano thì nói "các vị càng tiêu diệt chúng tôi càng gia tăng". Vì "máu tử đạo là hạt giống trở sinh kitô hữu".

Thế nhưng, tử đạo còn là một hiến tế. Thánh Victrise quả quyết "tử đạo là gì nếu không phải là bất chước Đức Giêsu Kitô" còn thánh Ignatio lại mong muốn trở thành hạt lúa bị thú vật nghiền nát, để trở thành "Bánh dâng lên Thiên Chúa". Và trên giàn lửa thánh Polycarpo đã cầu nguyện rằng : "Lạy Chúa, hiến tế của con sắp hoàn tất trong ngày hôm nay ... Xin tạ ơn Người cho con vinh dự chịu đau khổ, được cầm trong tay triều thiên tử đạo và được kê mồ vào chén thương khó".

Hiến tế ấy đưa các vị tử đạo vào mỗi phúc thứ tám, dành cho những người hiến dâng mạng sống cho Đấng mình yêu mến. Hiến tế ấy là dấu chắc chắn phúc vinh quang. Các tín hữu tôn kính các ngài như những vị thánh, lưu giữ thánh tích và kỷ niệm ngày các ngài sinh ra trên Thiên quốc. Sau này, các tín hữu chọn các ngài làm đấng bảo trợ. Nhưng Giáo Hội sẽ xác định vị nào thực sự là thánh tử đạo.

TOÁT YẾU

Lịch sử Giáo Hội thời tử đạo kéo dài hai thế kỷ rưỡi (64-313) trong đó thời bình xấp xỉ với thời hoạn nạn. Gồm hai thời kỳ :

1/. Thời Roma còn ổn định (64-192): Do những nghi kỵ với tôn giáo mới, do tin đồn thất thiệt và thú vui hí trường, cuộc tử đạo bộc phát dưới thời Nêrô, Domitiano. Suốt thế kỷ thứ 2, việc bách hại rải rác tùy theo khu vực, do chiếu chỉ Trajan năm 112 : cấm tầm nã, xét xử nếu bị tố cáo và tha cho tín hữu sám hối.

2/. Thế kỷ III : Từ năm 192, Roma bước vào cuộc khủng hoảng về mọi mặt : chính thể quân phiệt, kinh tế văn hóa xã hội suy đồi. Nên đứng trước một Giáo Hội trên đà phát triển, các hoàng đế hoặc thỏa hiệp hoặc bách hại trên toàn đế quốc. Riêng từ 212-249, 260-298 tình hình lắng dịu vì các vua nhu nhược, vì đạo tổ hợp hoặc vì cần các tín hữu góp phần chống nạn man dân.

Chiếu chỉ Septimus 202 cấm theo đạo, dạy đạo. Decius (249-251) chủ trương giam lâu, dụ dỗ , bắt lao động nặng và phát thẻ xông hương. Valerio (257-260) cho quan địa phương thu tài sản. Nhưng từ 298 và sau 303, Giáo Hội trải qua cơn hồng thủy thời Diocletiano khi lệnh bách hại buộc phải áp dụng cách máy móc tại các địa phương.

3/ Đời sống Giáo Hội : Tuy phải trốn tránh, các tín hữu vẫn sống chan hòa trong lòng xã hội, thực hành đủ nghề nghiệp. Trong những lúc căng thẳng, hang toại đạo là thành phố ngầm cho họ cư ngụ. Sinh hoạt tôn giáo đi sâu vào sống bí tích. Các chức vụ Giám mục, Linh mục, Phó tế đi vào ổn định.

Để thành vị tử đạo phải hội đủ năm yếu tố : khôn ngoan, can đảm làm chứng cho Đức Kitô đặc biệt bằng tình yêu tha thứ; ngoài ra tử đạo còn là một hiến tế, là con đường chắc chắn nhất đón nhận mỗi phúc thứ tám Chúa đã hứa thuở xưa.

II/ Giáo Hội giữa thế giới bị hiểu lầm VIỆC TÔN THỜ HOÀNG ĐẾ

... Các quan phải đặt ảnh hoàng đế Augustô, thân phụ của Cêsar vào chỗ nhất, chỗ thứ hai, phía bên phải, phải đặt ảnh Augusta (Livia, vợ của Augustô), và chỗ thứ ba phía bên trái, đặt

ảnh của Tiberiô Cesar, con trai Augustô, thủ đô sẽ cung cấp các bức ảnh đó cho các quan. Ngoài ra, ở mỗi nhà hát, phải đặt một bàn thờ và một lư hương, trước khi các nghệ sĩ xuất hiện thì các thành viên của hội đồng và tất cả các quan chức sẽ dâng hương chúc tụng các vị hoàng đế (...)

(Bản ghi bằng tiếng Hy Lạp từ năm 14 tới 15 sau công nguyên, khởi đầu triều đại Tibère, trích trong petit, op.cit trang 125).

KITÔ HỮU, KẼ DỄ TIN VÀ NGÂY THƠ

Luciano (125-192), văn sĩ Hy Lạp gốc Samosate xứ Syrie, đã đi du lịch nhiều nơi và đã sáng tác nhiều truyện ngắn, thường là các mẫu đối thoại. Ông đã ghi lại hình ảnh vui của xã hội thời đó, chế giễu các giá trị đã được thiết lập : triết học và tôn giáo. Trong tác phẩm "cái chết của kẻ lang bạt ", ông kể về cuộc đời một tên bịp bợm khoác lác, đã một thời khai thác tính dễ tin của kitô hữu. Đối với Lucianô, đây là cơ hội để trình bày về các kitô hữu như những kẻ ngây thơ.

Trước hết, những người đáng thương này xác tín rằng họ sẽ bất tử và sẽ sống mãi. Vì thế họ coi thường cái chết và nhiều người tự ý chấp nhận cái chết. Người sáng lập tôn giáo của họ đã thuyết phục họ rằng tất cả họ đều là anh em. Từ khi bỏ các vị thần Hy Lạp, họ thờ một gã ngụy biện bị đóng đinh và sống theo lời dạy của ông. Thế là họ coi thường của cải và góp tài sản để dùng chung (...) Bỗng dưng xuất hiện trong số họ một tên bịp bợm khôn khéo, biết lợi dụng tình thế, hẳn có thể làm giàu nhanh chóng, nắm đầu những kẻ ngu ngơ đó làm theo ý mình.

(Trích trong P.de Labriolle,
La réaction paienne, Paris 1934, trang 103).

LỜI ĐÒN ĐẠI

Tôi nghe nói rằng, các kitô hữu do niềm tin phi lý nào đó thúc đẩy mà tôi không biết, đã tôn thờ đầu một con vật xấu xí, đó là đầu con lừa. Nghi thức nhập đạo thì thật khủng khiếp. Một đứa trẻ được phủ đầy bột đặt trước mặt người dự tòng, để người này khỏi nghi ngờ. Người dự tòng bị đánh lừa bởi lớp bột, tin rằng những nhát dao của mình vô hại, và thế là y đã giết chết đứa trẻ (...) Họ đua nhau liếm máu của đứa trẻ, rồi tranh dành, chia nhau các phần chi thể. Chính bởi tội ác này đã liên kết họ với nhau, chính vì đã đồng lõa vi phạm tội ác, họ sẽ cùng giữ bí mật (...)

Còn về các bữa tiệc của họ thì mọi người đều biết cả, vì đâu đâu cũng thấy nói (...) Vào các ngày lễ họ tụ họp dự tiệc cùng với tất cả con cái, chị em, và mẹ của họ, đàn ông đàn bà con trai con gái, thuộc mọi lứa tuổi. Sau khi đã ăn uống no đầy, khi cơn say đốt lên lửa dục loạn luân, thì họ thúc con chó đã được cột sẵn vào trụ đèn dầu nhảy lên bằng cách ném thức ăn cho nó xa hơn chiều dài sợi dây cột . Thế là đèn rớt xuống và tắt ngúm (...) Khi đó họ ôm ghì lấy bất cứ ai và nếu họ không loạn luân bằng hành động, thì họ cũng đã loạn luân trong ý muốn.

(Minucius Felix, Octavius, IX,6
trích trong : Labriolle, La Reaction paienne, trang 91).

Ý KIẾN CỦA CELCUS

Có một giống người mới sinh hôm qua, chúng vô tổ quốc cũng chẳng có truyền thống, đã liên kết với nhau để chống lại mọi tổ chức tôn giáo và dân sự, bị công lý truy nã, bị mọi người sỉ nhục, chúng lại lấy làm vinh dự vì sự khinh bỉ này : đó là các Kitô hữu (...)

Đây là các châm ngôn của họ : "Đi khỏi đây, hỡi những người có văn hóa, khôn ngoan, biết phán đoán; với chúng tôi, những kẻ văn hóa, khôn ngoan là những kẻ xấu. Còn người dốt nát, thiển cận, thất học và đôn sơ , hãy mạnh dạn đến với chúng tôi". Khi nhận rằng những hạng người đó mới xứng với Chúa của mình, họ cho chúng ta thấy rõ là họ chỉ muốn và chỉ thu nạp những tên khờ khạo, những tâm hồn xấu xa, ngu xuẩn, các nô lệ, đàn bà và trẻ em đáng thương.

Muốn bác bỏ việc một Thiên Chúa xuống trần gian để công chính hóa con người thì chẳng cần gì phải lý luận dài dòng. Bởi lẽ Thiên Chúa có ý định gì khi vào trần gian này ? Phải chăng là để biết chuyện gì xảy ra nơi con người ? nhưng Ngài vốn biết tất cả mọi sự mà ! Hay là, dù biết mọi sự nhưng quyền năng của Ngài bị hạn chế đến nỗi Ngài không thể sửa lại các sai trái nếu không gửi ngay vị đại diện xuống trần gian (...)

Phải chăng vì phần rỗi của chúng ta mà Thiên Chúa muốn tự mặc khải mình để cứu độ những kẻ được coi là đạo đức, tức những kẻ nhận biết Ngài, và để phạt những kẻ xấu là những kẻ khước từ Ngài ? Nếu thế thì người ta phải nghĩ rằng sau nhiều thế kỷ Thiên Chúa mới lo công chính hóa nhân loại, còn trước đó Ngài không quan tâm gì tới ? (...) Thiên Chúa là chân, Thiện, Mỹ; Ngài là sự thiện tối cao, là vẻ đẹp tuyệt hảo. Nếu xuống trần gian Ngài sẽ phải chịu sự biến đổi : thiện hảo sẽ biến thành độc ác, vẻ đẹp thành xấu xí, hạnh phúc thành bất hạnh, trọn hảo thành thiếu sót (...) một sự thay đổi như thế không thể nào xứng hợp với Thiên Chúa được.

Nếu các Kitô hữu không chịu làm trọn phận sự phụng tự thông thường, không chịu tỏ lòng tôn thờ vị cầm quyền thì họ cũng phải từ chối việc người ta giải phóng mình, từ chối quyền cưới vợ, sinh con, và kiếm sống. Họ chỉ còn cách là đi xa khỏi đây, không để lại chút mầm mống nào, hầu trái đất không còn giống người này nữa. Nhưng nếu họ muốn lập gia đình, có con cái, ăn hoa quả của đất, thì họ phải chia sẻ niềm vui lẫn nỗi đau của cuộc sống, phải trả lại cho những người được ủy thác cai trị niềm vinh dự họ đáng được.

Nếu ai cũng như các người, thì hoàng đế chỉ còn một mình và bị bỏ rơi. Như thế, đế quốc sẽ trở nên miếng mồi cho man dân thô bạo nhất, dữ tợn nhất. Chẳng mấy chốc, cái tôn giáo đẹp đẽ của các người sẽ chẳng còn dấu vết nào, và thế là xong, không thể nào cứu vãn được vinh quang của sự khôn ngoan đích thực trong loài người nữa (...)

Hãy đem hết sức mình phục vụ hoàng đế, hãy cùng ngài bảo vệ luật pháp, hãy chiến đấu vì ngài nếu tình thế đòi hỏi, hãy giúp đỡ ngài trong việc điều khiển quân đội. Để làm được những điều đó, các người đừng trốn tránh nghĩa vụ dân sự và quân sự, nếu cần hãy nhận các chức vụ nhà nước vì luật pháp đòi hỏi và vì lý do đạo đức.

(Celse, La Parole de Vérité qua tác phẩm "Contre Celse"
của Origène thế kỷ III, - JC. Để đọc LSGH I. tr 38).

PORPHYRE

Nếu cho rằng người Hy Lạp khá đần độn vì nghĩ các thần ở trong tượng đá, thì quan niệm đó vẫn trong sáng hơn, kẻ cho rằng Thiên Chúa đã xuống trong cung lòng Trinh nữ Maria, đã trở thành một thai nhi, và sau khi lọt lòng mẹ, đã được vắn tã, vấy đầy máu mẹ, và còn những thứ tẻ hơn nữa (...).

Tại sao khi bị dẫn tới trước mặt vị thượng tế và chính quyền, ông Kitô không nói được một lời nào xứng với bậc hiền triết, một nhân thần....? Ngài đã để cho người ta đánh đập, khạc nhổ vào mặt, đội vòng gai (...) Cứ cho rằng ông phải chịu đau khổ theo lệnh của Thiên Chúa, phải chấp nhận hình phạt, nhưng trong suốt cuộc khổ nạn, ông không có lấy một diễn từ can đảm, một đôi lời mạnh mẽ và khôn ngoan để đối lại với Philatô, kẻ xét xử ông lại để ông ta xỉ nhục như một tên vô lại ở đầu đường xó chợ.

Còn về việc phục sinh : một sự dối trá kinh khủng (xem Thes. 4, 14) người ta đã biến chế nó thành bài hát cho những con vật vô tri để chúng đáp lại, và các con vật này hét rống lên, tru tréo lên, ồn ào điếc tai, với ý tưởng con người bằng xương bằng thịt, tự bay lên không trung như chim, hay được nâng lên trên đám mây (...)

(Trích trong Labriolle, trang 260 tt).

LỜI NGUYỆN CHO CHÍNH QUYỀN

Bức thư của th. Clémente kết thúc bằng một "lời nguyện chung" cầu cho các Kitô hữu và hết mọi người.

Lạy Chúa, xin ban sự hòa thuận và bình an cho chúng con và mọi dân cư trên trái đất, như Chúa đã ban cho cha ông chúng con khi cha ông chúng con cầu khẩn Danh Chúa trong đức tin và chân lý. Vì thế, xin Ngài hãy làm cho chúng con biết phục tùng Danh toàn năng và chí thánh Ngài, cũng như với các vị đang lãnh đạo và hướng dẫn chúng con dưới thế này.

Lạy Chúa, chính Ngài đã ban cho họ quyền năng do uy lực lớn lao và khôn tả của Ngài, để khi đã hiểu rằng chính do ngài, họ nhận được vinh quang và vinh dự, chúng con sẽ tùng phục họ và sẽ không làm gì trái ý Chúa. Xin Chúa ban cho họ sức khỏe, bình an, hòa thuận, ổn định, để họ thực thi quyền hành Chúa ban cách tốt đẹp

(Clément de Roma, Thư gửi tín hữu Corintô, 60-61
trích trong "Les Ecrits des Pères apostoliques" trang 108).

TERTULIANO MÔ TẢ CỘNG ĐOÀN

Tertuliano (155-222) ở Carthage đã đem tài trạng sư của mình để bênh vực các Kitô hữu, lòng can đảm của họ đã khiến ông trở lại. Sau tác phẩm của thánh Augustinô, tác phẩm của ông thuộc vào loại quan trọng nhất của văn chương Kitô giáo La tinh, và là tác phẩm đầu tiên mang tính bút chiến.

Chúng tôi mới xuất hiện hôm qua, nhưng hôm nay chúng tôi đã có mặt khắp lãnh địa và các tổ chức của quý vị : thành phố, hải đảo, đồn binh, đô thị tự trị, làng xã, trại lính, quân đội, đền đài, thượng viện, chợ búa, nghị trường ; chúng tôi chỉ chừa lại cho quý vị các đền thờ thần thôi ! (...) Đã đến lúc đích thân tôi trình bày cho quý vị sinh hoạt của nhóm người mà quý vị

gọi là "bọn phiến loạn Kitô giáo" để sau khi đã chứng minh các sinh hoạt đó không phải là xấu, tôi sẽ cho quý vị thấy đó là những sinh hoạt rất tốt.

Chúng tôi là một thân thể vì cùng có một niềm tin, tuân giữ cùng một kỷ luật, liên kết trong cùng một niềm hy vọng. Chúng tôi hợp thành một hiệp hội, một đoàn thể vây quanh Thiên Chúa bằng kinh nguyện của chúng tôi như một đoàn quân xiết chặt vòng vây. Khí giới này làm đẹp lòng Thiên Chúa. Chúng tôi cũng cầu nguyện cho các hoàng đế, cho các vị cầm quyền, cho quân đội, cho tình thế hiện nay, cho hòa bình thế giới, cho tận thế chậm đến. ... Nhưng nhất là khi chúng tôi thực thi đức ái, những kẻ bêu xấu chúng tôi, sẽ phải nói : "Kìa xem họ yêu nhau như đường nào", bởi vì những kẻ ấy thường ghen ghét lẫn nhau ; và nói : "Kìa xem họ sẵn sàng chết cho nhau", vì những kẻ ấy chỉ rình giết nhau. Còn tiếng "anh em", một từ ngữ riêng của Kitô hữu chúng tôi, thì họ lại cắt nghĩa sai đi. Tôi tin rằng ở nơi họ, tất cả các từ ngữ chỉ mối quan hệ thân thuộc, đều là những tình cảm giả vờ.

Chúng tôi cũng là anh em với quý vị vì thiên nhiên là bà mẹ chung của chúng ta ; quý vị sẽ không là người nữa nếu quý vị không là anh em tốt với nhau. Nhưng người ta càng có lý hơn nữa, khi gọi và coi nhau như anh em vì cùng nhận một Thiên Chúa là Cha chung, vì cùng được no thỏa bởi cùng một thần khí thánh thiện và cùng được ánh sáng chân lý chiếu soi, sau khi đã cùng nhau ra khỏi vực sâu u tối, mê muội.

... Chúng tôi cùng chung sống với quý vị, cùng của ăn, áo mặc như quý vị, cùng kiểu sống như quý vị, cùng có những nhu cầu cuộc đời như quý vị. Chúng tôi không phải là các tu sĩ Bà la môn hay những thầy tu khổ hạnh (fakirs) ở rừng sâu Ấn Độ hay những người xa lìa cuộc sống (...). Chúng tôi vẫn đến nghị trường, chợ búa, nhà tắm công cộng, quán xá, cửa hàng, nhà trọ, hội chợ và các nơi buôn bán khác của quý vị, chúng tôi ở trong thế giới này của quý vị. Cùng quý vị, chúng tôi là quân nhân, nông gia và là thương nhân.

(Tertullianô, Apologétique, chương 37,39, 42
được viết vào khoảng năm 200, trad. Belles Lettres).

KITÔ HỮU KHÔNG THỂ LÀ QUÂN NHÂN

Khi cấm các tín hữu quân nhân mang vòng hoa trong các buổi cúng tế, Tertullianô kết luận rằng Kitô hữu không được ở lại trong quân đội.

... Kitô hữu có được phép dùng gươm không, khi Chúa đã dạy: ai dùng gươm sẽ chết vì gươm ? Là con của hòa bình, ngay cả việc tranh cãi nhau cũng không được phép, vậy Kitô hữu có được đi chiến đấu không ? Người Kitô hữu có thể kết án người khác mang xiềng xích, tù ngục, tra tấn hay tử hình không, trong khi chính anh ta không được trả thù những bất công người khác gây ra cho mình ? Kitô hữu có được đứng gác đền thờ thần mà anh ta đã từ bỏ không ? Anh ta có được phép ngồi ăn ở những nơi mà thánh tông đồ đã cấm không ? Những kẻ mà Kitô hữu phải tránh xa như phù thủy thì khi tai biến đến Kitô hữu có được bảo vệ họ bằng cây giáo đã từng đâm sâu cạnh sườn Đức Kitô không ? Liệu anh ta có thể mang cờ hiệu đối thủ của Đức Kitô không ?

DỰ TÒNG BỊ CẤM MỘT SỐ NGỀ

Thánh Hippolitô, linh mục ở Roma, đầu thế kỷ III, trong cuốn Tradition apostolique (truyền thống tông đồ), đã đề nghị các mẫu kinh Phụng vụ và chỉ rõ các điều kiện cần thiết để lãnh bí tích rửa tội, các thừa tác vụ...

... Ai là tư tế hay canh giữ đền thờ thần ngoại thì phải bỏ nghề hoặc bị đuổi (không được học đạo). Quân nhân cấp dưới không được giết ai cả. Nếu nhận lệnh thì không được thi hành và không được tuyên thệ. Nếu từ chối sẽ bị đuổi. Ai có quyền xét xử, làm quan án trong thành phố mặc áo đỏ, phải từ chức nếu không sẽ bị đuổi. Người mới học đạo hay tín hữu gia nhập quân đội sẽ bị đuổi vì họ coi thường Thiên Chúa.

Hippolyte, La Tradition apostolique
(Sources Chrétiennes)

BỨC THƯ CỦA PLINE GỬI HOÀNG ĐẾ TRAJAN

... Tôi chưa bao giờ tham gia vào một cuộc thẩm tra các kitô hữu nào ; vì vậy tôi không biết thường thường người ta dựa vào sự kiện gì để trừng phạt họ, tra hỏi về cái gì và phải đi đến đâu (...)

Phải chăng chỉ vì mang tên kitô hữu, không cần có tội ác nào, hay là danh xưng kitô hữu gắn liền với tội ác mà ta phải trừng phạt ? Tam thời, đây là cách tôi đã theo dõi với các kitô hữu được giao nộp cho tôi. Đích thân tôi hỏi họ có phải là Kitô hữu không? Đối với những người nhận mình là kitô hữu tôi hỏi lại lần thứ hai, rồi lần thứ ba đồng thời dùng cực hình để dọa họ. Kẻ nào cứ một mực xưng mình là Kitô hữu, tôi ra lệnh xử tử. Thực ra, dù việc xưng mình là Kitô hữu có ý nghĩa gì đi nữa, thì đối với tôi, thái độ cứng đầu và cố chấp đã đáng bị trừng phạt rồi. Trong số những người cuồng tín này có những công dân Roma, tôi đã ghi tên và giải họ về Roma (...) nhiều trường hợp đặc biệt đã xảy ra (...)

Có nhiều người chối đạo, không nhận mình hiện là Kitô hữu hay đã là Kitô hữu. Theo lệnh tôi, họ kêu khẩn các thần linh, dâng hương và rượu, cầu xin trước tượng ngài, hơn nữa, còn phỉ báng danh Giêsu Kitô, nghĩa là tất cả những gì mà theo người ta nói, không thể nào ép buộc được những kẻ thực sự là kitô hữu. Với những người này, tôi nghĩ là phải thả họ ra ...

Một số người khác quả quyết rằng họ đã bỏ đạo không còn là kitô hữu nữa, người được ba năm, người lâu hơn, kẻ khác đã bỏ được 20 năm. Tất cả họ đã tôn thờ tượng ngài, các tượng thần và phỉ báng Giêsu Kitô.

Đàng khác, họ quả quyết rằng tất cả tội lỗi và sai lầm của họ chỉ là thường xuyên tụ họp vào đúng ngày đã định, trước khi mặt trời mọc, để cùng nhau đối đáp bài ca ca tụng Đức Kitô là Chúa và cùng thề hứa với nhau, không phải là kết ước gây tội ác này hay tội ác kia, nhưng là hứa không phạm tội ăn trộm, ăn cướp, ngoại tình, lừa dối, không từ chối ở tù khi bị đòi buộc. Sau đó họ có thói quen là chia tay nhau rồi lại họp nhau để dùng bữa, bữa ăn này rất bình thường và vô tội và ngay cả cách thực hành này họ đã bỏ ngay sau tội theo lệnh ngài cấm các cuộc hội họp. Hơn nữa, tôi nghĩ rằng cần phải tiến hành việc tìm kiếm cho ra sự thật nên tôi cũng đã tra tấn hai nữ nô lệ mà họ gọi là hai nữ phó tế. Tôi đã chẳng tìm thấy một sự mê tín vô lý và quá độ nào cả.

Vì vậy, tôi đã xin ngưng thi hành lệnh để xin tôn ý của ngài. Tôi thấy rằng nội vụ này đáng phải làm như vậy, nhất là vì số người bị ghép tội. Đó là một đám đông đủ mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp xã hội, phái nam phái nữ, đã bị hoặc sẽ bị đem ra xét xử. Thứ mê tín này đã lan tràn ra không chỉ ở thành thị mà cả ở làng mạc, thôn quê. Tôi tin rằng chúng ta có thể chặn đứng nó được và tìm ra phương dược để chữa trị. Vì thế, hiện nay tôi thấy đền thờ trước đây hoang

vắng thì nay lại có người thường xuyên lui tới, những cuộc đại lễ lâu nay phải bị gián đoạn nay được tiếp tục lại (...)

(Pline le Jeune, Correspondance, X, 96,
trad. Belles Lettres).

PHÉLIXITA TỬ ĐẠO TẠI CARTHAGO (+203)

Félicité được Chúa ban một ơn trọng đại. Bà bị bắt khi đã có thai được tám tháng. Gần ngày có tổ chức những cuộc vui chơi, bà cảm thấy buồn phiền vì cuộc xử tử bà sẽ bị hoãn lại : vì luật Roma cấm giết đàn bà có thai. Bà sợ rằng sau này máu tinh tuyền, không tì vết của mình sẽ hòa trộn với máu kẻ gian ác. Những bạn tù chịu tử đạo cũng buồn khi nghĩ rằng phải bỏ lại một người bạn tù rất tốt, một người bạn đã cùng họ tiến bước đến cùng một niềm hy vọng.

Vì vậy, ba ngày trước khi diễn ra cuộc lễ vui, mọi người cùng đồng tâm hiệp ý cầu nguyện, dâng lên Chúa lời khẩn xin của họ. Ngay khi vừa cầu nguyện xong, Félicité chuyển bụng sinh con. Và do sự khó khăn tự nhiên vì sinh con vào tháng thứ tám, bà đau đớn, rên la. Lúc đó người cai tù nói với bà : "Đau đẻ mà rên như vậy thì khi bị đem ra cho thú dữ, bà sẽ ra sao ?" Félicité đáp lại : "Lúc này tôi phải chịu đau đớn, nhưng đến lúc đó, một Đấng khác trong tôi sẽ chịu đau đớn thay cho tôi, bởi chính vì Ngài mà tôi chịu đau đớn".

(Texte présenté dans A.Kamman, La Geste du sang, p.81).

Khi có lệnh thiêu hủy Sách Thánh, Irena ở Salonique tuyên bố : "Tôi thà chịu thiêu sống chứ không chịu để sách Thánh bị đốt". Còn thầy phó tế Hermes ở Heracles thì nói : "Thưa quan tòa, giả dụ ngài tìm thấy và đốt hết sách Thánh của chúng tôi, thì hãy biết cho rằng, con cháu chúng tôi trung thành với những kỷ niệm của cha ông, sẽ tái tạo những tác phẩm ấy nhiều gấp bội".

III/ Đế quốc RÔMA tông giáo
ĐẾ QUỐC RÔMA TÔNG GIÁO
313-395

I. TỰ DO TÔN GIÁO ĐẾN QUỐC GIÁO (313-380)

1.1 Chiếu chỉ Milan 313

Từ năm 303, hệ thống chính trị của Diocletiano mất ổn định. Đế quốc có tới sáu hoàng đế tranh quyền chống nhau. Bên Tây, con trai của Constance Chlorus và nữ hoàng Helena (Công Giáo) là Constantin đã lần lượt hạ từng đối thủ. Cuộc nội chiến kết thúc khi Constantin thắng Maxentius tại cầu Milvius trên sông Tiber năm 312. Tương truyền hoàng đế thắng nhờ phép lạ. Trước đó, ông thấy cờ Thánh giá chiếu sáng trên trời với hàng chữ : "Với dấu này người sẽ thắng". Có thể ông muốn các tín hữu tin Chúa cho ông thắng. Ông ghi danh Chúa Kitô trên hiệu kỳ "Labarum".

Tại Đông phương, Galerio lúc sắp chết vì bạo bệnh, đã ký sắc chỉ tha đạo năm 311, nhưng Maximiano Daia không thi hành. Năm 313, hoàng đế Constantin cùng với một hoàng đế Đông phương là Licinius, đã ký chiếu chỉ Milan về tự do tôn giáo nhân ngày cưới của Licinius với em gái hoàng đế.

Licinius trở về thống lĩnh vùng Đông phương. Được ít lâu, ông xung đột với Constantin và bách hại các Kitô hữu. Constantin liền đem quân chinh phạt và trở thành hoàng đế duy nhất của Đế quốc năm 324.

a/. Áp dụng chiếu chỉ Milan

Tuy chiếu chỉ Milan xác định tự do tôn giáo : "...ban phép cho tất cả Kitô hữu cũng như mọi người, quyền tự do và quyền theo tôn giáo mình chọn lựa...". Sau đó là chỉ thị trao trả các tài sản tịch thu của Giáo Hội. Tuy nhiên, cán cân nghiêng về phía Kitô giáo, vì hoàng đế tự coi mình là Kitô hữu. Năm 315, tiền của đế quốc được khắc mẫu tự viết tắt danh Chúa Kitô.

Hoàng đế tự nhận mình là "giám mục bên ngoài", đem quân dẹp tan các nhóm lạc giáo Donatus ở Phi Châu và Ario tại Nicea. Với các tín hữu, việc chấm dứt bách hại quả là phi thường. Họ tưởng vương quốc Thiên Chúa đã khởi sự và coi Constantin như Maisein mới, như Davít mới thay mặt Chúa làm thủ lãnh của dân Kitô giáo.

b/. Tôn giáo của Constantin (280-337)

Dù được Eusebio khen ngợi, Constantin chưa bao giờ là một Kitô hữu gương mẫu. Chỉ trên giường hấp hối ông mới xin rửa tội. Những tội ác chứng tỏ ông còn khá xa với giáo lý của đạo : ngay trong gia đình, ông đã giết bố vợ ; anh vợ là Maxentius đã chết ông còn lôi xác lên chém đầu ; năm 324 ông giết em rể là Licinius ; năm 326 từ Đông phương trở về, thấy không được đón tiếp trọng thể, ông nghe Fausta xúi giục, đã giết con vợ trước là Crispus để đề phòng đảo chánh. Khi thái hậu Hêlena quở trách, ông giết luôn vợ trong buồng tắm. Có lẽ đó là lý do khiến ông hờn trợ cho hoàng thái hậu Hêlena đi tìm lại Thánh Giá bị chôn vùi ở Giêrusalem (327).

Ngày 11-5-330, hoàng đế dời thủ đô về thành phố Byzance, đặt tên là Constantinople. Ông không ngờ mình đã chia đôi đế quốc và chia rẽ hai nền văn hóa Hy - La. Ông nhường Roma cho Giáo Hội làm thủ đô ?

c/. Những đặc ân của hoàng đế

Nhiều Kitô hữu coi hoàng đế như ân nhân. Ông xây dựng nhiều giáo đường và dâng tặng Giáo hội các đền đài. Ông cho xây cất những đại thánh đường ở Roma, nơi Mộ Thánh, tại Bêlem và Constantinople. Ông gởi quà tặng cho các Giám mục và giáo đoàn. Giáo sĩ được hưởng nhiều đặc quyền (miễn dịch, miễn thuế) và Tòa Giám mục có quyền tài phán ngang với những tổng trấn.

1,2. Tiến đến quốc giáo

Sau năm 313, tôn giáo cổ truyền vẫn còn bám rễ sâu nơi hai đầu chiếc thang xã hội, nghĩa là nơi nghị viện và dân chúng nông thôn. Thế nhưng, càng ngày luật pháp đế quốc càng bất lợi cho họ. Năm 319, Hoàng đế cấm thực hành ma thuật và bói ruột thú. Năm 356, Constantius cấm dâng lễ tế thần, tuy lệnh này chưa được áp dụng sát sao.

Hoàng đế Juliano (361-363) quen bị gọi là Bội-Giáo, luyện nhớ thời các hoàng đế xưa, phê phán Giáo Hội qua tác phẩm "Chống những người Galilê". Ông cấm tín hữu thực hành một

số nghề, cấm phổ biến sách đạo. Ông xây nhiều đền thờ các thần Roma. Dù sống khá đạo đức, Juliano không được lòng dân. Việc ông tử trận ở Ba-Tur bị coi như dấu Chúa trừng phạt. Giờ hấp hối ông hô lên : "Hỡi người Galilê, Ngài đã chiến thắng".

Các hoàng đế sau Juliano ngày càng loại trừ các thần xưa cũ. Năm 379, Gratiano từ chối trước hiệu Giáo chủ Tối cao (Maximus Pontifex). Năm 380, hoàng đế Théodose tuyên bố Kitô giáo là quốc giáo : "Từ nay toàn dân phải liên kết với đức tin của thánh Phêrô truyền bá ở Roma". Từ đây lạc giáo cũng bị truy nã như ngoại giáo. Năm 392, hoàng đế trưng thu các đền thờ ngoại giáo hoặc phá hủy. Năm 395, những ai theo lạc giáo đều bị tước quyền công dân. Sự tách rời chính quyền với tôn giáo chưa ai nghĩ đến. Đế quyền vẫn coi tôn giáo là nền tảng nối kết xã hội. So với những thế kỷ trước, cơ cấu não trạng vẫn là một, chỉ có tôn giáo được ủng hộ là thay đổi thôi.

Mặc dù việc giúp đỡ của chính quyền như trên được nhiều tín hữu ủng hộ, nhưng một số Giám mục vẫn tỏ ra thận trọng. Thánh Athanasio nói "lẫn lộn hai quyền là vi phạm Luật Chúa". Giám mục Martino lên tiếng khi hai Giám mục Tây Ban Nha kiện nhau trước hoàng đế : "Thật là kỳ quái, việc Giáo Hội lại được xét xử bởi quan tòa đời". Thánh Hilario cũng cảnh giác "Coi chừng kẻ bách hại quý quyết không đập lưng mà vuốt bụng, không bỏ tù nhưng bắt làm nô lệ đền đài, không chặt đầu mà bóp cổ các linh hồn".

II. ĐỜI SỐNG GIÁO HỘI

2.1. Tiến hóa của bí tích Rửa tội và Cáo giải

Tuy nghi lễ không có gì thay đổi, nhưng việc thực hành phép rửa và cáo giải có nhiều biến chuyển. Vì lý do sự phạm (nhiều người xin tòng giáo để tìm ưu đãi), tân tòng chỉ được học về các nhiệm tích trong tuần bát nhật sau rửa tội.

Việc thử thách các hối nhân rất khắt khe. Sau khi thú tội, họ bị tách rời khỏi bàn Tiệc Thánh, ăn mặc xấu xí, buộc giữ chay kiêng thịt, và bố thí trong nhiều tháng, có khi trong vài năm trời. Có người bị cấm một số nghề, cấm quan hệ vợ chồng... Thế mà, sau lần hòa giải duy nhất này họ lại phạm tội, họ chỉ còn trông đợi được rước lễ của ăn đàng trên giường hấp hối thôi.

Hậu quả tai hại của luật lệ khắt khe trên là nhiều dự tòng trì hoãn ngày rửa tội, còn tội nhân thì chờ sắp chết mới xưng tội. Việc giải tội trở thành công tác mục vụ cho người già và bệnh nhân. Dĩ nhiên, tín hữu nào từng phục luật lệ này, tinh thần hy sinh khiêm hạ của họ thật tuyệt vời.

2.2. Sống đạo và năm Phụng Vụ

Qua tài liệu các giáo phụ ta thấy các tín hữu đào sâu Kinh Thánh hơn. Sự chú tâm đến các địa danh Thánh Kinh và cuộc đời Chúa Cứu Thế, đã đưa đến những phong trào hành hương thánh địa, hành hương mộ các Tông đồ và Tử đạo. Trên mộ các ngài, người ta xây những thánh đường nguy nga. Các thánh tích như gỗ thánh giá, xương thánh, đất thánh được phổ biến thái quá đôi khi thiếu kiểm chứng, được kèm với nhiều truyền tụng về phép lạ. Thánh lễ ngày càng trang trọng hơn : từ đền thờ trang phục, vật dụng, đến giảng đài và rước kiệu. Nhiều thánh đường có lễ Misa mỗi ngày.

Mùa chay 40 ngày phát xuất từ việc huấn luyện dự tòng mô phỏng 40 ngày Chúa Giêsu ở trong sa mạc. Cuối thế kỷ IV, xuất hiện lễ Hiện Xuống kết thúc ngũ tuần mừng Lễ Phục Sinh. Vùng Đông phương mừng chung Giáng Sinh, Lễ Quán Tẩy, vào lễ Hiện Linh ngày 06-01 (ngày người Ai Cập thờ Mặt trời). Bên Tây phương từ năm 330, Giáng Sinh được chọn vào ngày 25-12 (cũng thay thế lễ Mặt trời), vẫn giữ nguyên Lễ Hiện Linh.

2,3. Việc truyền bá Tin Mừng

Sau khi đa số dân thành phố đã theo đạo, các Giám mục mở rộng truyền giáo về nông thôn. Thời danh hơn cả là Giám mục Martino thành Tours, ngài cỡi lừa đi hết làng này qua làng khác, thay thế các đền thờ thần ngoại bằng nhà thờ. Có tài liệu nói ngài xây dựng đến 4.000 nhà thờ. Các xứ đạo thành hình, khá độc lập với Tòa Giám mục. Từ 313-400, số Tòa Giám mục Bắc Ý từ 6 lên 50 tòa, còn vùng Gallia từ 22 lên 70 tòa.

Bên ngoài đế quốc, nhiều Giáo Hội đi vào ổn định : Ba Tư với Công đồng Bagdad (năm 410), Armênie với thánh Mesrop (+441) cùng với Caucase với thánh nữ Nino. Riêng Giám mục Wulfila (+383) đưa dân Germans theo giáo lý của Ario.

2,4. Xã hội chuyển biến nhờ Tin Mừng

Từ năm 325, lịch Kitô giáo trở thành nhịp sống của xã hội dân chúng : nghỉ ngày Chúa nhật và dự các Đại lễ. Luật gia đình chịu ảnh hưởng của đạo : cấm ngoại tình với nữ tỳ, quyền ưng thuận trong hôn nhân, hạn chế việc ly dị. Chế độ nô lệ chưa bị đặt vấn đề nhưng được cải thiện : cấm chia rẽ gia đình của nô lệ, cấm đóng dấu trên mặt, việc rao phóng thích ở nhà thờ. Các tù nhân cũng được xử nhân đạo hơn : không bị chết đói, mỗi ngày được thấy mặt trời, các giáo sĩ được vào thăm, bãi bỏ tử hình thập giá...

Song song vào đó là việc từ thiện. Việc chia sẻ giúp đỡ này đã có truyền thống từ Tông đồ Công vụ. Các thánh Augustino, Hilario, Ambrosio từng bán chén lễ để chuộc nô lệ hay giúp người nghèo. Giám mục Basilio (+379) vùng Cêsarea đã nối kết khu nhà thờ với tu viện, nhà khách trọ và bệnh viện. Các đan sĩ thì rất tích cực với việc phục vụ khách hành hương, bệnh nhân và người nghèo. Giám mục Alexandria có một cơ sở với 500 y tá.

Dẫu sao việc Kitô hóa xã hội vẫn chỉ giới hạn, chưa loại bỏ được việc song đầu và các biện pháp độc tài, độc đoán. Công lý thường nhờ đến bạo lực. Giám mục Ambrosio đã phải cương quyết lăm để buộc hoàng đế Théodose, sau khi tàn sát 7.000 người ở Thessalonica, phải sám hối mới được vào thánh đường Milan dịp Noel năm 390.

III. ĐỜI TU THUỞ BAN ĐẦU

Ngay từ đầu các tín hữu thời sơ khai đã đề cao đời sống độc thân vì nước trời, theo gương và giáo huấn Đức Giêsu (Mt. 19,12) cũng như thánh Phaolô (I Cr 7,25t). Philip có bốn trinh nữ được ơn nói tiên tri (Cv 21,9). Thư Timôthêo thì nói đến nhóm quả phụ chuyên phục vụ cộng đoàn (5,9-10).

3,1. Các nhà khổ tu Ai Cập

Cuối thời bách hại, Giáo Hội tạm yên ổn. Một số tín hữu muốn phản ứng lại nếp sống đạo sa sút. Họ rời bỏ thế gian vào sa mạc để tìm kiếm sự hoàn thiện.

a/. Thánh Antôn (251-356), được coi là tổ phụ đời đan tu. Nghe tiếng Chúa (Lc 18,22), Antôn bán hết tài sản, đi tìm Chúa trong thanh vắng, đơn độc, hành xác và cầu nguyện. Chính trên hành trình tìm hoàn thiện cá nhân này, thánh nhân trở thành trung gian giữa Thiên Chúa và con người : ngoài hai lần trở về Alexandria nâng đỡ anh em trong cơn bách hại và làm chứng cho Chúa Giêsu ; thường xuyên ngài giúp các khách hành hương, nhất là những người xin ở lại làm môn đệ ngài. Số đồ đệ ấy có khi lên đến 5.000 người nhưng không cần lệ luật nào cả, vì Antôn là hiện thân của lệ luật. Sa mạc Thêbaida trở thành thiên đường thu hút nhiều tín hữu rời bỏ đô thị.

b/. Thánh Pacomia (+346) là vị sáng lập các đan viện sống cộng đoàn trong những khu tu trì có rào giậu. Một bề trên điều hành các đan sĩ lao động, học Kinh Thánh và đọc chung thần vụ. Thánh nhân lập được đến mười nhóm (từ 700 đến 1000 người) . Maria, em gái ngài cũng phỏng theo đó lập hai nữ đan viện.

c/. Thánh Basilio (+370) viết tu luật năm 350, nhằm điều chỉnh những thái quá, lệch lạc trong đời tu. Đan viện theo Ngài là một gia đình không đông quá, để bề trên có thể hướng dẫn từng người, không ai làm việc riêng lẻ. Lý tưởng của họ là cộng đoàn ở Giêrusalem. Hiện nay, có nhiều đan viện đông phương vẫn theo tu luật Basilio.

3.2. Các đan viện Tây phương

Sau quá trình tu luyện ở Tiểu Á, Thánh Hilario (+368) mở đan viện tại Trèves. Cuốn "Cuộc đời thánh Antôn", được thánh Athanasio biên soạn đã tạo nên phong trào đan tu ở Roma. Thánh nữ Marcella qui tụ nhiều chị em tận hiến dưới sự hướng dẫn của thánh Giêrominô.

Thánh Giêrônimô (+419) khi qua Palestine, lập các đan viện chuyên chú học hỏi Kinh Thánh. Thánh Augustinô (+430) áp dụng những nét chính của đời tu cho hàng giáo sĩ địa phận. Ngài nối kết đời linh mục với đan tu, chọn các đan sĩ làm giáo sĩ. Tu luật thánh Augustino là tổng hợp những lời khuyên tổng quát cho đời tu. Thế kỷ sau, ta thấy Cassiodorus đề ra dạng thức đan viện học viện (năm 540) với những thư viện vĩ đại, cổ võ các đan sĩ nghiên cứu và sao chép.

Tuy nhiên danh xưng vĩ đại nhất trong nếp sống đan viện là thánh Biển Đức (480-547). Chấn cảnh sa hoa của Roma anh vào rừng Subiacô. Dần dần lập được 12 cộng đoàn trước khi lập đan viện Casino (529) nơi ngài hoàn thành tu luật dòng mình. Các đan sĩ khấn vĩnh cư, hoán cải và vâng phục bề trên do mình bầu. Nếp sống được tổ chức quân bình giữa kinh nguyện, lao động, nghỉ ngơi và đọc sách (3 đến 4 giờ mỗi ngày). Mỗi đan viện là một đơn vị tự túc tiến dần đến phục vụ xã hội về nhiều mặt, từ kinh tế đến y tế, trường học và quán trọ.

Nhờ Đức Grêgorio cả (+604) dòng Biển Đức mở rộng khắp Âu châu, tham gia việc truyền giáo, lập các địa phận từ Anh, Đức, Hà Lan đến Đông Âu ... Thánh Columban (+615) gốc Ái Nhĩ Lan cũng góp phần lập nhiều đan viện ; nhiệt tình trong việc tông đồ và khẩn hoang.

3.3. Ảnh hưởng các đan sĩ

Hạt lúa các vị khổ tu đầu tiên gieo trong sa mạc, đã dần dần đem bông kết trái. Khởi từ ước muốn hoàn thiện, các vị rời trần gian, đã hợp thành những xã hội mới của Nước Trời. Trong đan viện, không còn giai cấp, mọi người là anh em con một cha. Để từ đó, các đan sĩ sống

liên đới với những người bản cùng nhất, đem lại giá trị cho lao động sáng tạo. Thái độ kính sợ được chuyển dần thành tình yêu xây dựng như một cách thể tôn thờ mới.

Ngay trong thăm sâu đời sống thăm lặng của các đan viện, Thiên Chúa thực hiện công trình của Ngài. Qua thực tế lịch sử, những con người tưởng như chối bỏ trần gian ấy đã hoàn thành một vai trò vĩ đại với thế giới : sứ vụ lưu truyền kiến thức nhân loại, việc góp phần hình thành những đô thị lớn của Âu châu và đã ảnh hưởng sâu đậm trên nhân sinh quan cũng như văn hóa của trời Âu suốt thời Trung Cổ và còn ảnh hưởng đến ngày nay.

TOÁT YẾU

1/. Tiến đến quốc giáo : Sau khi chiến thắng, Constantin ban hành chiếu chỉ Milan (313) về tự do tôn giáo. Nhưng hoàng đế yểm trợ cách riêng kitô giáo, dù cuối đời ông mới theo đạo. Các hoàng đế sau, trừ Juliano (+363) loại dần các tôn giáo khác cho đến năm 380, Théodose kêu gọi toàn dân liên kết với đức tin của Roma.

2/. Đời sống Giáo Hội : Bí tích cáo giải và rửa tội có khuynh hướng khắt khe hơn trước. Người tín hữu đào sâu Kinh Thánh, nhiệt tình với việc hành hương và các thánh tích. Phụng vụ trang trọng hơn và ổn định chu kỳ Lễ Phục Sinh cũng như Giáng Sinh. Nhiều vùng nông thôn đón nhận Tin Mừng phát sinh các giáo xứ. Trong bối cảnh bình an, các tín hữu ý thức trách nhiệm với tha nhân qua những công trình từ thiện, chống lại bạo lực và cải thiện xã hội : bệnh vực người yếu kém và thặng tiến phụ nữ.

3/. Dòng tu thuở ban đầu : Thánh Antôn (+356) được coi là tổ phụ đời đan tu, thu hút nhiều người rời đô thị vào sa mạc. Thánh Pacôme sáng lập lối cộng tu. Thánh Basilio viết thành tu luật. Tại Tây phương cuối thế kỷ IV mới có đời tu. Thánh Augustino nối kết đời tu linh mục với đan viện, lập một tu luật riêng. Thế nhưng, tổ phụ Biển Đức (+547) mới tạo thành nếp đan tu ổn định qua nhiều thế kỷ : đan sĩ khấn vĩnh cư, đan viện độc lập về kinh tế trở thành những trung tâm từ thiện, giáo dục lẫn kinh tế. Đó là vườn ươm giáo sĩ và là Dòng tu, gồm nhiều người, nhiều thế hệ, nối tiếp nhau hoàn thành những sự nghiệp lâu dài.

III/ Đế quốc RÔMA tòng giáo

"CHIẾU CHỈ MILAN" 313

THƯ GỬI THỐNG ĐỐC BITHYNIE

Ta, Constantinus Augustus, và Ta, Licinius Augustus đã họp với nhau cách tốt đẹp tại Milan để thảo luận đến mọi vấn đề liên quan đến an ninh và công ích, chúng tôi xét thấy rằng giữa nhiều quy định khác, trước hết phải cứu xét đến những quy định tự bản chất chúng có mục đích bảo đảm quyền lợi của đa số, quy định này bao gồm lòng tôn kính thần linh, nghĩa là cho phép mỗi Kitô hữu, cũng như mọi người, quyền tự do có thể theo tôn giáo mình lựa chọn, để thần linh trên trời khoan dung và phù hộ cho chính chúng tôi, cũng như mọi người sống dưới quyền của chúng tôi.

Vì thế chúng tôi tin rằng, với một ý định tốt lành và rất ngay thẳng, chúng tôi cần phải quyết định không từ chối quyền này với bất cứ ai, để họ có thể gia nhập tôn giáo của các Kitô hữu hay một tôn giáo nào mà người đó thấy hợp với mình hơn, ngõ hầu Đáng tối cao, Đáng chúng tôi cũng tôn sùng cách tự nhiên có thể tỏ lòng khoan dung và che chở chúng tôi trong mọi việc như thường lệ.

Vì vậy, xin ngài thống đốc hiểu rằng chúng tôi đã quyết định hủy bỏ hoàn toàn những hạn chế ghi trong các văn kiện được gửi tới quý tỉnh trước đây liên quan đến danh xưng Kitô hữu, bãi bỏ những quy định xa lạ và lỗi thời với lòng khoan dung của chúng tôi, và từ nay trở đi, cho phép tất cả những ai quyết định theo Kitô giáo, được hoàn toàn tự do thực hành đạo, không bị quấy rối cũng như bị làm khó dễ nữa (...)

(Lactante trích trong *De la mort des persécuteurs*, 48,
Bản dịch Sources Chrétiennes).

SINH HOẠT PHỤNG VỤ

PHÉP RỬA Ở THẾ KỶ II

Về phép rửa, hãy thực hiện như sau : Sau khi đã dạy những điều cần, hãy rửa tội nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, hãy rửa trong dòng nước chảy. Nếu không có, thì rửa trong thứ nước khác ; nếu không có nước lạnh thì dùng nước nóng. Nếu không có cả hai, thì hãy đổ nước trên đầu ba lần "nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần". Trước phép rửa, người ban và người chịu phép rửa hãy ăn chay cùng với tất cả những người khác nếu có thể ; tối thiểu, hãy buộc người lãnh nhận phép rửa ăn chay một hai ngày trước.

DIDACHÈ, VII - JC. Để đọc LSGH I, p.54

PHÉP RỬA Ở THẾ KỶ III

Vào lúc gà gáy, trước tiên làm phép nước (...) các ứng viên cởi bỏ y phục, và người ta làm phép rửa, bắt đầu từ trẻ em. Ai có thể nói được thì tự nói. Ai không nói được thì cha mẹ hay người nhà nói thay. Tiếp đến rửa tội đàn ông và sau cùng là phụ nữ. Họ xõa tóc và tháo bỏ nữ trang vàng bạc đang mang. Đừng ai mang vật gì khác ngoài bản thân mình khi xuống nước.

Vào lúc đã định cử hành phép rửa, đức giám mục tạ ơn trên dầu để trong mình, đó là dầu tạ ơn. Ngài trừ tà một bình dầu khác gọi là dầu trừ tà. Một phó tế mang bình dầu trừ tà đặt bên trái vị linh mục và một phó tế khác mang một bình dầu tạ ơn đặt bên phải ngài.

... Khi thụ nhân đã xuống nước, người rửa đặt tay và hỏi : Con có tin Thiên Chúa là Cha toàn năng không ?", thụ nhân đáp : "Tôi tin". Người làm phép rửa đặt tay trên đầu thụ nhân và chìm xuống nước lần thứ nhất ...

Hippolyte de Rome, *La Tradition Apostolique*
JC. Để đọc LSGH I, p.55

CONSTANTIN VỚI GIÁO HỘI

THƯ GỬI GIÁM MỤC CARTHAGO

Trẫm cho rằng, tất cả các tỉnh ở Châu Phi cần giúp đỡ những người đã được Giáo Hội thánh thiện chỉ định và được luật pháp công nhận, nên trẫm đã gửi thư cho Ursus đặc trách về tài vụ tài Phi Châu, lấy trong kho 3.000 đồng vàng để trao cho đức cha.

Vì trẫm cũng biết rằng, có những kẻ tư tưởng không vững muốn lôi kéo dân chúng xa rời Hội thánh để theo giáo lý sai lầm, nên xin báo cho đức cha biết, trẫm đã ra lệnh cho Anulius và Patricius, để họ quan tâm đúng mức về mọi vấn đề, nhất là trong chuyện này, không được

sao lãng. Nếu đức cha thấy kẻ nào ngoan cố trong sự điên rồ, đừng ngại gọi nội vụ đến hai quan tòa nói trên. (Eusebio, LSGH X, 6)

THƯ GỬI ANULIUS

Tất cả các giáo sĩ thuộc phạm vi tỉnh của khanh, đang thi hành chức vụ trong giáo phận của giám mục Cecilianus, trẫm muốn họ được chuẩn miễn dứt khoát và hoàn toàn, những trách nhiệm công cộng, để họ đừng vì lầm lạc mà sao lãng việc phụng sự Chúa. Trẫm không muốn họ bị quấy rầy khi tuân thủ theo luật lệ riêng của họ. Nếu họ hết lòng phụng thờ Chúa, họ đã làm lợi rất nhiều cho việc chung.

(Eusebio, LSGH X, 7)

TỰ DO TÔN GIÁO ĐẾN QUỐC GIÁO

JC. Đề đọc LSGH I, p79

Luật của Hoàng Đế Constantin năm 319

"Ta cấm những thầy bói ruột súc vật và những ai có thói quen làm việc ấy không được vào nhà riêng hay bước qua ngưỡng cửa nhà người khác, dù với lý do tình bạn. Kẻ nào vi phạm luật này, sẽ bị xử phạt. Nhưng nếu ai cho rằng việc đó có ích lợi cho mình, thì hãy đến những bàn thờ hay đền thờ riêng mà làm việc đó ; Ta không ngăn làm giữa ban ngày những nghi lễ đã có từ lâu (Bộ luật Theodose IX,16,2)

Luật của Hoàng Đế Constance, năm 356

"Những kẻ có đủ bằng chứng là đã tham dự việc dâng cúng hay tôn thờ các ngẫu tượng sẽ bị tử hình ". (Bộ luật Theodose XVI, 10, 6)

Sắc chỉ Thessalonica, năm 380

Ta muốn rằng tất cả dân chúng sống dưới quyền cai trị nhân từ của ta, đều sống trong niềm tin do thánh tông đồ Phêrô đã truyền lại cho các tín hữu Roma và được giảng dạy cho đến nay, và kẻ vị ngài là đức giáo hoàng Damasô và giám mục Phêrô ở Alexandria, như mọi người biết, giống như chính thánh nhân đã giảng dạy (...).

Ta ra lệnh rằng : " Chỉ những ai giữ luật này, mới có quyền nói mình là người công giáo, còn tất cả những kẻ khác, là điên rồ, ngu ngốc, sẽ phải chuốc lấy sự hổ thẹn dành cho bọn lạc giáo. Chúng sẽ bị Chúa nghiêm trị trước, rồi sẽ bị ta trừng phạt sau, theo như quyết định mà Chúa đã soi sáng cho ta. (Bộ luật Theodose XVI, 1, 2)

Năm 392 :

Nếu ai dâng hương tôn kính các thần tượng do tay con người làm ra (...); ai kết triều thiên vải cho cây cối; ai dựng bàn thờ bằng đất (...) họ đã xúc phạm nặng nề và nghiêm trọng đến tôn giáo. Và vì xúc phạm đến đạo, kẻ đó sẽ bị tịch biên nhà ở hay tài sản, nơi y đã tỏ ra là nô lệ cho lòng mê tín ngoại đạo. (Bộ luật Theodose XVI, 12)

THÁNH AUGUSTINÔ - TỪ THUYẾT PHỤC ĐẾN VŨ LỰC

Thư số 23, năm 392 : Như vậy tôi làm cho thánh giả của tôi hiểu rằng, mục đích của tôi không phải là ép buộc ai chấp nhận một sự hiệp thông nào đó, nhưng là giúp những người tìm kiếm cách hòa bình, được hiểu biết chân lý. Vậy nếu chúng tôi ngưng dùng quân đội can thiệp, thì các ông cũng hãy thôi đừng để nông dân vũ trang gây khủng bố. Chúng ta hãy đi ngay vào việc, hãy hành động với lý trí và với sức mạnh của Thánh Kinh, chúng ta hãy xin, hãy tìm, hãy gõ trong hòa bình và trật tự, để chúng ta tìm thấy cửa mở cho ta.

Thư 93, năm 408 : Các người đừng nhìn vào chính sự cưỡng ép, nhưng xem điều cưỡng ép đó tốt hay xấu. Có những người không thể tự mình trở nên tốt, nhưng do nỗi sợ phải chịu điều mình không muốn, sẽ từ bỏ được tính ương ngạnh, đi đến chỗ nhận ra chân lý mà anh ta chưa biết. Sau đó, sự sợ hãi sẽ làm y vút bỏ điều sai trái anh ta từng bảo vệ để tìm kiếm và bảo vệ chân lý. Cuối cùng anh ta sẽ tự nguyện gắn bó với điều mà trước kia mình không muốn.

Thư 185, năm 417 : Có việc bách hại bất công của những kẻ ngoại đạo đối với Giáo hội Chúa Kitô; nhưng cũng có sự bách hại chính đáng, điều Giáo hội xử với những kẻ ngoại đạo.... Giáo hội cưỡng bách vì tình yêu, còn kẻ vô đạo bắt bớ do lòng độc ác.... Do quyền Thiên Chúa ban, nhờ các vị vua đạo đức và trung tín, nếu Giáo hội ép những kẻ ở ngoài đường vào lòng Giáo hội, kể cả những kẻ ly giáo và lạc giáo, thì mong họ đừng nghĩ đến việc bị ép buộc, mà hãy thấy nơi họ được đưa đến. Đó là yến tiệc của Chúa Kitô và sự hiệp nhất với nhiệm thể của Ngài

BÍ TÍCH THÁNH THỂ thế kỷ II

Vào ngày gọi là ngày mặt trời, tất cả mọi người từ thành thị đến thôn quê, tề tựu tại một nơi. Tùy thời gian cho phép, họ đọc sách do các tông đồ soạn và sách các tiên tri. Khi người đọc kết thúc, vị chủ sự ban huấn tư để khuyến cáo và khích lệ mọi người sống theo những giáo huấn tốt đẹp đó. Tiếp đến, chúng tôi cùng đứng lên cầu nguyện lớn tiếng. Rồi (...) khi cầu nguyện xong, người ta mang bánh, rượu và nước đến. Vị chủ sự dâng lên những lời cầu nguyện và tạ ơn hết sức có thể, và dân chúng đáp lại bằng lời tụng hô "AMEN". Sau đó, họ phân phát và chia sẻ cho mọi người Lương Thực đã được thánh hiến và nhờ các phó tế đem phần dành cho những người vắng mặt.

Những người dư dật và muốn tự nguyện dâng cúng, được tự do gửi tặng những gì họ muốn, chúng sẽ được trao cho vị chủ sự, ngài sẽ dùng chúng để giúp đỡ các trẻ mồ côi, người góa bụa, đau yếu, tù nhân, tiếp đón khách vắng lai... Chúng tôi họp nhau vào tất cả các ngày mặt trời, vì đó là ngày thứ nhất, ngày mà Thiên Chúa tạo dựng vũ trụ từ cõi u minh, và là ngày Đức Giê Su Kitô Đấng cứu độ chúng tôi đã sống lại từ trong cõi chết...

Chúng tôi gọi Lương Thực này là Thánh Thể, và những ai không tuyên xưng giáo lý chân thực, không chịu phép rửa tái sinh, không sống theo luật của Đức Kitô, thì không được thông phần của ăn đó. Vì chúng tôi không coi của ăn này là bánh rượu thông thường. Như Đức Kitô, Đấng cứu độ chúng tôi, đã lấy Mình Máu Ngài để cứu chuộc chúng tôi, thì cũng vậy, của ăn được Thánh hiến do lời cầu nguyện theo như lời Đức Kitô, chính là Mình Máu Ngài Lời Nhập Thể nuôi dưỡng chúng tôi ...

(Thư th. Justinô gửi hoàng đế Antoninô -Đề đọc LSGH I, p.56)

LÃNH BÍ TÍCH GIẢI TỘI MỘT LẦN

Hermas trình bày vấn đề qua cuộc đối thoại giữa ông với Thiên Thần, tức vị mục tử :

Hermas : Tôi nghe một vài vị tiến sĩ nói rằng : " Chẳng có phép tha tội nào khác ngoài phép tha tội được ban ngày chúng ta xuống nước rửa tội, ngày mà chúng ta nhận lãnh ơn tha thứ các tội đã phạm trước.

Mục tử : Anh đã nghe đúng, sự thực là thế. Người đã nhận lãnh ơn tha tội trong phép rửa không được phạm tội nữa, mà phải sống tinh tuyền (...) Nhưng Thiên Chúa, Đấng thấu suốt cõi lòng và biết trước mọi sự, đã thấy trước sự yếu hèn của con người và sự gian ác của ma quỷ (...) Do lòng từ bi lớn lao, Thiên Chúa xót thương tạo vật của Ngài và đã lập ra bí tích giải tội và ban cho tôi quyền tha tội. Vậy tôi xin tuyên bố cho anh biết : nếu sau cuộc xá tội cách trọng thể đó, ai đó bị ma quỷ cám dỗ và sa ngã, anh ta có thể được tha tội một lần nữa. Nhưng nếu anh ta lại phạm tội rồi ăn năn thì phép giải tội chẳng ích gì cho anh ta nữa ...

Hermas, Sách "Mục Tử" 31,1-6 - Để đọc LSGH I, p.59

THỬ THÁCH DÀNH CHO HỒI NHÂN

Lần tha tội thứ hai và duy nhất này, càng phải hạn chế trao ban thì lại càng phải đòi hỏi một thử thách nặng nề chừng đó. Không chỉ là hành vi nội tâm mà còn phải được diễn tả bằng hành động. Hành động này (...) là lời thú nhận qua đó, chúng ta xưng thú tội mình với Chúa (...) Đó là kỷ luật dành cho các tội nhân, đòi anh ta phải phủ phục và tự hạ và chỉ định cho anh ta một lối sống đem lại cho anh ơn tha thứ. Về cơm ăn áo mặc, kỷ luật này đòi tội nhân ngủ trên bao bì và tro bụi, anh ta hãy mặc áo quần rách rưới và màu tối, hãy đau đớn trong lòng, hãy tu sửa tội lỗi quá khứ bằng những khổ chế nghiêm ngặt (...)

Hồi nhân thường thêm vào lời cầu nguyện bằng ăn chay hãm mình, bằng than van khóc lóc, kêu cầu lên Chúa đêm ngày, phủ phục dưới chân các linh mục, quỳ gối trước các tội tớ Chúa, để xin anh em mình góp sức khẩn cầu.

(Tertullien, traité de la pénitence)

CÁC THỪA TÁC VIÊN LƯU ĐỘNG

Các tông đồ, tiên tri và tiến sĩ đề cập đến trong đoạn này phải hiểu theo nghĩa của 1Cl 12,28t. Đoạn văn này có thể rất gần thời các tông đồ.

" Đối với những gì liên quan đến tông đồ và các tiên tri hãy hành động theo luật của Tin Mừng như sau : khi một tông đồ đến nhà, hãy đón tiếp ngài như đón tiếp Chúa. Nhưng vị đó sẽ chỉ ở lại một ngày, hay khi cần, chỉ ngày thứ hai. Nếu ở đến ba ngày, đó là tiên tri giả. Vị tông đồ ra đi sẽ không nhận gì cả, ngoại trừ lương thực đủ dùng để kiếm được chỗ trú chân. Nếu lại đòi tiền, đó là tiên tri giả

Mọi tiên tri thật, muốn ở lại nhà anh em thì đáng ăn công (Mt 10,10). Cũng vậy, vị tiến sĩ thật cũng xứng đáng hưởng của nuôi thân như người thợ (...)

Vậy anh em hãy bầu lên những giám mục và phó tế xứng đáng phục vụ Chúa, những người vô vị lợi, trung thực và được thử luyện, vì chính các ngài sẽ thực thi tác vụ tiên tri và tiến sĩ cho anh em. Đừng khinh thị các ngài, vì cùng với các tiên tri và tiến sĩ, các ngài là người đáng được anh em kính trọng.

(Didaché XI, XIII, XV - Đề đọc LSGH I, p.63)

THÁNH ANTÔN - TỔ PHỤ CÁC ẮN SĨ

Thánh Antôn lui vào nơi cô tịch, sống ngày càng nhiệm ngặt hơn, ngài chịu đựng và chiến thắng cách anh hùng nhưng tấn công của ma quỷ...

Nhưng ma quỷ, kẻ thù của sự thiện và hay ganh ghét, không thể chịu nổi khi thấy một người trẻ tuổi sống tốt như thế... Trước hết nó cám dỗ ngài thôi sống hãm mình bằng cách gợi lại những kỷ niệm xưa về của cải, nỗi lo lắng về người em gái, những quan hệ gia đình, lòng yêu tiền bạc, lòng ham danh vọng, thú vui ăn uống và bao điều dễ chịu của cuộc sống, và cuối cùng nó gợi lên sự đấng cay của nhân đức với bao lao nhọc phải chịu (...)

Ban đêm quỷ hiện hình phụ nữ, bắt chước các điệu bộ để cám dỗ Antôn, nhưng Antôn, luôn mang Đức Kitô trong lòng, suy niệm về phẩm giá cao quý Chúa ban và sự thiêng liêng của linh hồn đã dập tắt lửa dục tình lừa đảo của quỷ ma(...) Đêm đến, quỷ làm ồn ào rung chuyển cả nơi Antôn ở. Vách nhà như vỡ ra, ma quỷ dưới hình thú dữ, rắn rết tràn vào ; khắp nơi đầy đầy bóng sư tử, gấu, beo, bò rừng, rắn rết, bò cạp, chó sói. Mỗi thú dữ một kiểu, đe dọa Antôn. Sư tử gầm lên như muốn tấn công ngài, bò rừng chùng như đưa sừng lao tới, rắn rết bò quanh nhưng không tới gần, chó sói lao đến nhưng bị giữ lại... tất cả gây ồn ào khủng khiếp và cảnh tượng thật dữ dằn (...)

Tinh thần trong sáng, ngài không bao giờ cau có vì phiền muộn, cũng chẳng lộ vẻ hoan lạc khi vui thú ; ngài không cười hay khóc, đám đông không làm ngài xao động, vạ kẻ cúi chào cũng chẳng khiến ngài quá mừng vui : ngài luôn bình lặng và tự chủ. Chúa đã dùng ngài chữa lành nhiều người đau bệnh trong thân xác và thanh luyện nhiều tâm hồn khỏi quỷ ma. Thánh Antôn được Chúa ban ơn biết an ủi người khổ sâu và hòa giải những xung đột. Ngài nói với họ đừng coi sự đời này trọng hơn Đức Kitô. Bằng cách khuyến khích nghĩ đến của cải mai sau, đến Tình yêu Thiên Chúa, đáng đã không dung tha chính Con mình, nhưng đã phó nộp Con vì chúng ta, ngài đã thuyết phục được nhiều kẻ sống tịnh liêu, và thế là các tu viện mọc lên trên các vùng đồi núi, và hoang mạc nay có đông đảo bóng dáng những nhà tu hành, những người đã từ bỏ mọi sự để ghi tên mình vào Thành thánh trên trời (...)

(JC. Đề đọc LSGH I, p 89)

LUẬT BIÊN ĐỨC - VỀ TU VIỆN TRƯỞNG

Viện phụ là kẻ xứng đáng cai quản đan viện, phải không ngừng nhớ đến danh xưng mình mang và qua hành động, phải thực thi danh hiệu ấy. Thật vậy, người ta coi ngài giữ vai trò của Chúa trong tu viện, nên ngài mang danh hiệu dành cho Chúa (Abbé do chữ Abba là Cha) như lời thánh Tông đồ : Anh em nhận lấy Thần Khí nghĩa tử, Đấng kêu lên "Lạy Cha" (...)

Mỗi khi đan viện có điều gì quan trọng phải quyết định, viện phụ sẽ mời tất cả cộng đoàn và chính ngài sẽ trình bày vấn đề. Sau khi đã thu thập ý kiến anh em, ngài tự mình quyết định và làm điều gì ngài xét là lợi nhất. Lý do khiến chúng ta phải tham khảo ý kiến của anh em, chính là vì Thiên Chúa thường mạc khải những điều kỳ diệu nhất cho những kẻ bé mọn nhất (...)

IV/ Việc hình thành kinh Tin Kính: Bốn công đồng chung đầu tiên

VIỆC HÌNH THÀNH KINH TIN KÍNH : BỐN CÔNG ĐỒNG CHUNG ĐẦU TIÊN

Các Kitô hữu tiên khởi không quan tâm đến triết lý, thần học. Họ làm chứng về Đức Kitô, Đấng gọi Thiên Chúa duy nhất của Kinh Thánh là Cha và đã phái Thánh Linh đến với họ. Họ rửa tội nhân danh Cha và Con và Thánh Thần (Mt 28,19). Thế nhưng phải nói thế nào cho thế giới chung quanh hiểu niềm tin đó ? Tại sao Thiên Chúa duy nhất vừa là Cha là Con, là Thánh Thần ? Tại sao một nhân vật chào đời, sống rồi chết, lại là Chúa, vì Chúa thì bất biến ?

Kinh Tin Kính các tín hữu nay vẫn đọc ngày Chúa nhật, là kết quả của bốn công đồng chung các Giám mục, là những vị hữu trách trong Giáo Hội. Bản kinh đã được hình thành khá vất vả, với nhiều tranh chấp lẫn bạo lực, nhiều xung đột cá nhân, văn hóa, khu vực, tù đày, gây gổ, đổ máu, sự can thiệp của chính quyền và quân đội ... Đó là hậu trường của việc hình thành Kinh Tin Kính.

I. ĐỨC GIÊSU, THÁNH LINH LÀ THIÊN CHÚA ?

1,1. Cuộc khủng hoảng Ario

Từ thế kỷ thứ II, để bảo vệ niềm tin độc thần của Thánh Kinh, nhiều người tìm nhưng cách giải thích khác nhau về niềm tin Ba Ngôi trong công thức rửa tội. "Ảo thân thuyết" nói Đức Giêsu có thân xác giả, "Nghĩa tử thuyết" nói Ngài là người thường được Chúa nhận là Con. Kẻ thì bảo Cha ở trong Con và đồng thụ nạn, kẻ lại nói Con thấp hơn và lệ thuộc vào Cha. Họ thường dựa vào Ga 14,28 : "Cha Tôi cao trọng hơn Tôi" để quả quyết như vậy.

Sau biến cố 313, các cuộc tranh luận không dừng ở địa phương nữa nhưng lan nhanh khắp đế quốc. Nổi bật là lối giải thích của Linh mục Ario. Ario phụ trách giáo xứ Baucalis thuộc giáo phận Alexandria, vốn đạo đức và tài năng, được nhiều người mến chuộng. Ông muốn bảo vệ Thiên Chúa duy nhất, chỉ mình Ngài không có khởi sự. Vì thế ông nói Chúa Con có khởi sự được tạo dựng, không đồng bản tính với Cha; Ngôi Lời bất toàn, đòi thay và chỉ được gọi là Chúa ...

Alexandro, Giám mục Alexandria không chấp nhận điều đó. Chúa Con, Lời Thiên Chúa phải hiện hữu từ vĩnh cửu như Cha. Vì nếu Ngài không phải là "Thiên Chúa làm người" thì con người không thể được Thiên Chúa hóa và không được cứu độ. Năm 318, Ario và một số thân hữu bị vạ tuyệt thông. Nhưng ông không bỏ cuộc, ông thuyết phục nhiều bạn học cũ trong đó có Giám mục Eusebio. Cuộc tranh luận giữa hai phe bùng nổ từ trong rạp hát ra đến chợ búa, công trường. Ario còn viết một số tác phẩm và ca về dân gian bênh vực cho ý tưởng của mình.

Hoàng đế Constantin, sau khi thống nhất đế quốc, đã tìm cách văn hồi trật tự. Ông nghĩ đây là cuộc tranh luận về từ ngữ như triết học nên ra lệnh cho đôi bên phải giải hòa. Đến khi thất bại, hoàng đế nghe Giám mục Osio cố vấn, viết thư mời tất cả các Giám mục về dự công đồng. Ông tin rằng sự hiệp nhất của Giáo Hội ảnh hưởng lớn đến sự hiệp nhất của đế quốc.

1,2. Công đồng Nicêa (325)

Có đến 318 nghị phụ từ khắp nơi đổ về (300 Giám mục Đông phương, 2 linh mục Roma). Mới hôm nào còn trốn chui trốn nhủi, nay các nhà anh hùng bờ ngõ đoàn tụ trong lâu đài lộng lẫy. Cuộc tranh luận kéo dài một tháng trong ôn hòa. Nhóm Ario bị kết án. Giám mục Osio đưa ra bản Kinh Tin Kính trong đó khẳng định Chúa Con đồng bản tính (Homoousios) với Chúa Cha, xác định Cha và Con bằng nhau hoàn toàn. Ario và 2 giám mục theo ông bị đày qua Ba Tư. Ba giám mục khác không đồng ý nhưng ký nhận, về sau rút lại, bị phát lưu qua Gallia.

Ngoài ra công đồng cũng chính đôn một số kỷ luật Giáo Hội : ngày lễ Phục Sinh vào chúa nhật, hạn chế việc giáo sĩ sống với phụ nữ. (Công đồng Elvira năm 300 ra luật độc thân giáo sĩ cho Tây Ban Nha). Đức cha Paphnuce tuy độc thân, đã đề nghị đừng áp đặt luật đó cho mọi giáo sĩ. Về thứ tự các Giáo đoàn lớn ta thấy : Roma, Alexandria, Antiokia, Giêrusalem.

1,3. Nửa thế kỷ xáo trộn

Thỏa hiệp trong công đồng Nicêa chẳng bao lâu bị đặt lại vấn đề. Nhiều người không đồng ý chữ Homoousios vì không có trong Kinh Thánh. Họ cảnh giác sợ rơi vào lạc giáo không phân biệt Cha với Con. Đa số các vùng Đông phương theo họ, trừ thánh Athanasio, Giám mục Alexandria (+373). Giáo hội bên Tây vẫn trung thành với Nicêa ... Đề xoa dịu quần chúng, Hoàng đế phát lưu Athanasio, mở công đồng Tyro (335), ân xá cho Ario và đón ông về cách trọng thể (năm sau ông qua đời).

Thời hoàng đế Constans, việc chia rẽ càng gia tăng. Tại Công đồng Sardica (343), Đông phương đòi kết án Athanasio. Từ năm 351, hoàng đế Constantius theo hẳn Ario. Phía Latinh bị lưu đày : đức Liberio, thánh Hilario, giám mục Osio thành Cordoba ... Đức Liberio bị áp lực, đã kết án những ai dùng từ homoousios để truyền bá thuyết Sabellius (Hình thái Thuyết : một Chúa với ba hình thức). năm 359, hoàng đế thành công khi đưa ra công thức homoios : "Chúa Giêsu giống Chúa Cha theo như Kinh Thánh dạy". Thánh Giêrônimô tỏ ra đau đớn kêu lên : "Cả thiên hạ bờ ngõ, khi thấy mình thuộc về Ario". Riêng Antiokia bị chia thành năm nhóm với những Giám mục cho mỗi nhóm.

1,4. Công Đồng Constantinopoli (381)

Cùng trong hướng suy nghĩ của Ario, khoảng năm 360, Macêdonius, giáo chủ Constantinopoli chối Thánh Linh không phải là Thiên Chúa. Một vấn nạn thần học mới được đặt ra. Thánh Basilio và Grêgoriô Naziano đã tìm thấy một cách trình bày mới, bằng cách phân biệt bản tính (Ousia) và ngôi vị (Personna). Một Chúa, một bản tính, ba ngôi vị. Lối trình bày mới vừa diễn tả được việc đồng bản tính vừa thoát khỏi "Hình Thái Thuyết" của Sabellius.

Hoàng đế Théodose, người tuyên bố Kitô giáo là quốc giáo, đã quyết định chấm dứt các tranh luận. Năm 381, hoàng đế triệu tập Công đồng Constantinopoli với 181 giám mục Đông phương, nhưng 36 vị theo Macêdonius bỏ về. Công đồng lấy lại Kinh Tin Kính Nicêa và thêm lời tuyên tín về Thánh Thần "Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần là Thiên Chúa và là Đấng ban sự sống, Người bởi Chúa Cha mà ra, Người cùng được phụng thờ và tôn kính với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con"...

Về Đức Chúa Con, công đồng thêm : "Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần, Người đã nhập thể trong lòng Trinh Nữ Maria và đã làm người...". Các giám mục Pháp và Bắc Ý cũng họp nhau tại Aquilée trút phế các giám mục theo Ario. Phe Ario biến dần, chỉ còn sót lại nơi dân German do giám mục Wulfila phổ biến.

II. ĐỨC GIÊSU NHẬP THỂ THẾ NÀO ?

2,1. Tranh luận về Kitô học

Sau khi xác tín về Chúa Ba Ngôi, các tranh luận xoay quanh mẫu nhiệm Nhập Thể, việc kết hiệp giữa thiên tính Ngôi Lời và con người Đức Giêsu. Ngôi Lời vĩnh cửu còn Đức Giêsu được sinh ra, chịu chết. Ta có thể nói Thiên Chúa sinh ra, chịu nạn chịu chết không ?

Appolinarius, giám mục Laodicea (+390), bạn của thánh Athanasio tìm cách giải quyết. Theo triết học thời đó, Đức Giêsu như mọi người gồm xác và hồn. Nơi Ngài linh hồn được Ngôi Lời đảm nhiệm. Đức Giêsu không thể phạm tội. Nhưng ngay sau đó, nhiều người có cảm tưởng Appolinarius phủ nhận việc cứu chuộc. Họ nói : chỉ những gì của con người được Đức Kitô đảm nhiệm mới được cứu độ.

Thời đó có hai khuynh hướng thần học :

Tại Alexandria : người ta khởi từ Ngôi Lời, nhấn mạnh sự duy nhất nơi Đức Kitô. Đức Kitô là Ngôi Lời mang xác phàm, đó là điều kiện để con người được thần hóa (lược đồ Ngôi Lời - Xác).

Tại Antiokia : người ta nhấn mạnh về hai phương diện nơi Đức Kitô, khởi từ hai bản tính để đi đến thống nhất. Họ cố bảo vệ trọn vẹn nhân tính Đức Giêsu (lược đồ Ngôi Lời - Người).

Hai quan điểm trên đưa đến cuộc tranh luận gay gắt giữa hai đối thủ tương xứng là thánh Cyrillo d'Alexandria và Nestoriô ở Constantinopoli. Vị Giám mục ở đế đô, vốn nguyên quán Antiokia, là nhà hùng biện đầy nhiệt huyết. Khoảng năm 424 ông cấm các tín hữu khẩn cầu Đức Maria như Théotokos, nghĩa là Mẹ Thiên Chúa. Theo ông, Kinh Thánh không có hạn từ này và Đức Maria chỉ là Mẹ của nhân vật Giêsu. Và như thế, Đức Giêsu chỉ được phúc mặc lấy Thiên Tính, thân thể ngài là đền thờ của Ngôi Lời (2 ngôi vị).

Ngược lại, thánh Cyrillo muốn bảo vệ sự duy nhất nơi Đức Kitô và lòng tin chung của tín hữu. Ngài bênh vực Đức Kitô gần như chỉ có một bản tính và liên lạc với đức Celestinô I kết án Nestorio. Ngài yêu cầu Nestorio ký vào bản văn xác định nơi Đức Giêsu, Ngôi Lời và Con người kết hợp thành một. Nestorio liền nhờ bạn hữu ở Antiokia là các giám mục Gioan và Theodoret tố cáo Cyrillo theo Appolinarius. Thấy tình hình xáo trộn, hoàng đế Théodose II liền triệu tập Công đồng Ephesô, yêu cầu các tỉnh đều cử đại biểu. Thánh Augustino cũng được mời, nhưng qua đời trước khi đến công đồng.

2,2. Công đồng Ephesô (431)

Các sử gia đương thời cho ta thấy nhiều xung đột trong diễn biến công đồng. Thánh Cyrillo được Roma ủy quyền chủ tọa, đã đưa theo 50 Giám mục vùng Ai Cập, rồi cùng với 110 vị ở Palestina và Tiểu Á, đã quyết định khai mạc công đồng khi các giám mục vùng Antiokia và Syria chưa kịp đến, mặc cho đại diện cho hoàng đế và 60 Giám mục yêu cầu hoãn cuộc họp.

Chỉ trong một ngày, Công đồng truất chức Nestorio vắng mặt, cùng 12 mệnh đề bị kết án. Dân chúng biểu lộ niềm hân hoan và chúc mừng Công đồng bằng cuộc rước đuốc vĩ đại đêm 22.6. Với giới bình dân, Đức Kitô đã thắng lạc giáo và tín điều Mẹ Thiên Chúa được xác định.

Các nghị phụ thuộc phe Nestorio đến trễ phản đối bản văn của thánh Cyrillo, họ kết án Cyrillo và nhóm của ngài. Người ta không rõ ai trong các Giám mục không bị kết án nữa. Viên đại diện hoàng đế liền ra lệnh bắt cả hai vị, Thánh Cyrillo trốn kịp, được dân Alexandria tiếp đón trọng thể. Còn Nestorio bị lưu đày và qua đời tại Lybia.

Nội dung tín lý của công đồng Ephêsô không nhiều, và chỉ có một văn kiện kết án Nestorio. Các vị Giám mục Tiểu Á không chấp nhận lối trình bày của Cyrillo, các ngài cho rằng nhiều từ ngữ chưa chính. Công đồng Ephêsô chỉ xác định lại thể giá công đồng Nicea, bên vực Đức Kitô duy nhất. Không còn ai tranh cãi về "Mẹ Thiên Chúa". Khoảng 20 tháng trôi qua (năm 433) nhờ Giám mục Gioan Antiokia, một công thức mới đã được thỏa thuận "Có sự hợp nhất của hai bản tính (...) và vì sự hợp nhất này, chúng tôi tuyên xưng Đức Nữ Trinh là Mẹ Thiên Chúa". Công thức này được Thánh Cyrillo chấp nhận và đức Sixto II châu phê.

2.3. Công đồng Calcedonia (451)

Thế nhưng thỏa hiệp 433 không làm vừa lòng những thành phần cực đoan của cả hai phía. Theodoret miền Syria luôn bảo vệ hai bản tính của Đức Kitô, không nói gì đến việc "kết hợp mà không lẫn lộn". Viện phụ Eutykes (+454) ở Constantinople, cho rằng nơi Đức Kitô, Thiên Tính bao trùm nhân tính đến độ chỉ còn thiên tính (Monophysis). Giám mục đề đô là thánh Flavianô liền tổ chức một công đồng kết án Eutykes. Vị này cầu cứu Tòa Thánh và Dioscorus là Giám mục Alexandria.

a/. Mê cướp Epheso (449) : Hoàng đế Theodose II bạn của Eutykes mời tất cả những Giám mục ủng hộ vị này về dự hội nghị Epheso. Đức Leo I có cử ba đại biểu và gửi thư tỏ lập trường, nhưng vị Giám mục chủ tọa là Dioscorus, bạn Eutykes, không cho đọc lá thư đó. Nhóm Eutykes chỉ phải ký nhận Kinh Tin Kính Nicea. Ngược lại, Giám mục nào nói Đức Kitô hai bản tính thì đều bị truất chức. Quân lính triều đình được mời đến để "đánh chết những kẻ phân biệt hai bản tính". Thánh Flavianô bị đánh trọng thương rồi chết. Giám mục Theodoret báo tin cho Roma và Đức Leo liền phi bác "mê cướp Epheso". Thế nhưng học thuyết Eutykes được công khai tuyên truyền cho đến hoàng đế qua đời.

b/. Công đồng Calcedonia (451): Tân hoàng đế Marcianus (450-457) đứng về phía Roma. Hoàng đế yêu cầu Giáo hoàng đến chủ tọa công đồng. Nhưng Đức Lêo I không thể đi được vì Hung Nô đã xâm lăng đất Ý. Ngài cử sứ giả đến chủ tọa công đồng Calcedonia. Giám mục Dioscorus cũng đến và đề nghị kết án đức Lêo, ngược lại, ông bị tố cáo về tội lộng hành, bị cách chức và lưu đày. Thánh Flavianô được phục hồi.

Về Giáo lý, Kinh Tin Kính Nicea-Constantinopoli và thơ đức Lêo được đem ra đọc. Ngay đó các nghị phụ đã đồng thanh tung hô : "Đây là đức tin các Giáo phụ, đức tin các Tông đồ. Tất cả chúng tôi đều tin như vậy... Phêrô đã nói qua miệng Lêo". Sau khi áp dụng kỷ luật cho những người tham gia vào mê cướp Ephêsô, Công đồng đưa ra một công thức Đức Tin dựa vào hai bản văn trên : "Đức Kitô, chúng tôi nhìn nhận có hai bản tính không lẫn lộn, biến đổi, phân chia hay lìa nhau. Sự khác biệt giữa hai bản tính không bị mất vì kết hiệp, trái lại các đặc tính của mỗi bản tính vẫn nguyên vẹn trong một ngôi vị duy nhất".

Từ nay nền tảng Kitô học đã rõ rệt. Đức Kitô một ngôi vị và hai bản tính.

III. LIÊN HỆ GIỮA CÁC GIÁO HỘI

Công đồng Nicea khoản số 4, xác định sự liên đới giữa các giám mục trong từng vùng, được qui tụ và phân phối do một giám mục thuộc thành phố lớn. Đó là tiền thân của chức Thượng phụ Giáo chủ sau này. Khi đặt một Tân giám mục : phải được giấy đồng ý của các Giám mục trong vùng; được vị Thượng Phụ châu phê và được ba Giám mục tấn phong. Công đồng Nicea chỉ nói đến bốn tòa Giám mục lớn là Roma, Alexandria, Antiokia và Giêrusalem.

Khoản 3 của Công đồng Constantinopoli xác định khác hơn : "Giám mục Constantinopoli có quyền ưu vượt liền sau Roma, vì thành phố này là Roma mới". Từ nay Giáo hội để đô đứng thứ hai trong "ngũ đầu chế" của Giáo hội thời đó, như một số người thường nói.

Ưu thế Giáo hội Roma, thủ đô đế quốc, nơi thánh Phêrô tử đạo là điều rõ rệt. Một đảng giám mục Roma can thiệp vào sinh hoạt các Giáo hội địa phương, và đảng khác các Giáo hội Đông phương vẫn nài đến Roma khi có những khó khăn về tín lý. Thế nhưng, nếu tại Calcêdonia các Nghị phụ đã coi đức Lêo là hiện thân của Phêrô, thì cả đến thời đức Grêgorio, Đức Thánh Cha vẫn là một Giám mục giữa các giám mục. Theo lối nói thời nay, ngài cùng với "tập đoàn" Giám mục cai quản Hội Thánh.

TOÁT YẾU

Kinh Tin Kính là công thức tuyên xưng ngắn gọn của các tín hữu Kitô. Niềm tin của họ đặt nền trên mạc khải trong Thánh Kinh, thế nhưng cần phải hiểu mạc khải đó ra sao ? Kinh Tin Kính là kết quả của bốn công đồng chung Nicea, Constantinopoli, Epheso, và Calcêdonia.

Hai Công đồng đầu tiên diễn đạt niềm tin Một Chúa - Ba Ngôi : Công đồng Nicea (325) trả lời cho Ario chối Đức Giêsu không phải là Thiên Chúa ; Công đồng Constantinopoli (381) giải đáp cho Macedonius không tin Thánh Thần là Thiên Chúa.

Hai Công đồng kế tiếp xoáy mạnh vào mâu nhiệm Chúa Kitô nhập thể : khởi từ việc Nestorio không nhận Đức Maria là Mẹ Thiên Chúa, Công đồng Epheso (431) xác quyết Ngài chỉ có một Ngôi vị và tin điều Mẹ Thiên Chúa. Sau đó Eutykes nói Đức Giêsu chỉ có một bản tính, Công đồng Calcedonia (451) xác định việc Ngôi Hiệp cả thiên tính lẫn nhân tính nơi Ngài.

Trong tinh thần Vatican II về đại kết, chúng ta cần cảm thông với sự chân thành của những anh em "lạc giáo". Thường vì quá bên vực một khía cạnh của chân lý, các vị để sót mất khía cạnh khác.

IV/ Việc hình thành kinh Tin Kính: Bốn công đồng chung đầu tiên

BÀI ĐỌC THÊM

KINH TIN KÍNH CÁC TÔNG ĐỒ

Bản kinh chúng ta đọc hiện nay thường được coi là bản kinh của thánh Giám mục Césaire, Pháp, thế kỷ VI. So với bản gốc của Kinh Tin Kính các tông đồ, nhưng chữ màu xanh lá đã được thêm sau này.

"Tôi tin kính Đức Chúa Trời là Cha phép tắc vô cùng dựng nên trời đất / Tôi tin kính ĐCGS là Con Một Đức Chúa Cha cùng là Chúa chúng tôi / Bởi phép ĐCTT mà Người xuống thai, sinh bởi bà Maria đồng trinh / chịu nạn thời quan Phongxiô Philatô, chịu đóng đinh trên cây Thánh giá, chết và táng xác / Xuống ngục tổ tông, ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại / lên trời, ngự bên hữu Đức Chúa Cha phép tắc vô cùng / Ngày sau bởi trời lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết. / Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần. / Tôi tin có Hội Thánh hằng có ở khắp thế này, các thánh thông công, / Tôi tin phép tha tội / Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại / Tôi tin hằng sống vậy. Amen

(D. Rops; L'Eglise des Apôtres et des Martyrs, p 246-247).

DANH SÁCH 21 CÔNG ĐỒNG CHUNG

Nicêa (325), Constantinopoli (381), Ephêso (431), Calcedonia (451), Constantinopoli II (553), Constantino-poli III (680), Nicea II (787), Constantinopoli IV(869), Laterano I (1123), Laterano II (1139), Laterano III (1179), Laterano IV (1215), Lyon I (1245), Lyon II (1274), Vienne (1311-12), Constancia (1414-18), Florencia (1439), Laterano V (1512-17), Tridentino (1545-63), Vatican I (1869-70), Vatican II (1962-65).

Ni, Co, Ê, Ca / Co, Co, Ni, Co / La, La, La, La
Ly, Ly, Vi, Co / Flo, La, Tri, Va, Va ...

HOÀNG ĐẾ CONSTANTIN GỬI ARIÔ VÀ GM ALEXANDRIA

Nhằm duy trì an ninh địa phương, hoàng đế khuyên các phe tranh luận hãy làm hòa. Ông cho rằng đây chỉ là cuộc cãi cọ về từ ngữ. Do thất bại, ông sẽ triệu tập công đồng Nicea

... Chúng có thể giúp luyện trí óc, nhưng chúng phải được đóng khung trong nội bộ chúng ta, chứ không được nhẹ dạ tuyên truyền trong những buổi họp công khai, hoặc đại dốt nói cho quần chúng. Thực ra mấy kẻ hiểu được một vấn đề khó khăn đến thế, và ai có thể giải thích thỏa đáng ?

Các ông đâu có gì khác nhau về các giới luật, cũng đâu thêm thắt tín điều nào mới liên quan đến việc tôn thờ Thiên Chúa. Cả hai đều cùng một tâm tư nên dễ dàng hòa hợp với nhau. Thế mà các ông cứ ngoan cố cãi vã về những chuyện không đâu, lại còn lợi dụng uy tín trong dân để kéo họ vào cuộc tranh cãi. Thật không phải lẽ và bất xứng.

Các triết gia cùng đi tìm chân lý vẫn có thể không đồng ý với nhau về nhiều điểm. Tuy nhiên, những khác biệt này không làm họ mất sự hiệp nhất để cùng tìm kiếm. Các ông là những thừa tác viên của Thiên Chúa, lẽ ra các ông phải hiệp nhất trong lời tuyên xưng cùng một tôn giáo mới phải... Hãy giữ sao giữa các ông có sự chân thành và thân hữu, có chân lý của đức tin, có việc tuân thủ luật Chúa. Hãy cậy dựa vào đức bác ái và đưa dân chúng trở lại hiệp nhất với nhau.

(Eusebio, Cuộc đời Constantin, II,69 - JC. Đề đọc LSGH I, p.66)

NICÊA : CÔNG ĐỒNG CHUNG ĐẦU TIÊN

Các thừa tác viên ưu tú của thiên chúa đã qui tụ lại từ tất cả các Giáo Hội trong toàn cõi Châu Âu, Libye, Tiểu Á. Một ngôi nhà cầu nguyện duy nhất, như được nói rộng bởi quyền năng Thiên Chúa, đã tập hợp được một số người Syrie, Cilicie, Phenicie, Ả rập, Palestine và có cả những người Ai cập, Thébaide, Libye, Mésopotamie. Giám mục Ba tư cũng có mặt tại đại hội. Scythie cũng có giám mục của mình; Pont, Galatie, Pamphylie, Cappadoce, Tiểu Á, Phrygie cũng đã gửi các đại biểu, Những người Thrace và Macédomie, Acheén và Epirote, và giữa những vị này có những vị từ xa tới; Cũng từ Tây Ban Nha, một vị giám mục danh tiếng nhất (Osius) đến dự với những vị khác; giám mục của đế đô (Roma) không dự được vì già yếu nhưng ngài cử các linh mục đại diện...

Các giám mục tiến vào trong đại sảnh và ngồi ghé theo thứ bậc của mình... Ngay khi nghe báo hiệu Hoàng đế đến, tất cả các giám mục đứng dậy, và đúng lúc đó, nhà vua tiến vào giữa những bậc vị vọng. Ông xuất hiện như thiên thần của Chúa. Ông làm cho mọi người chóa mắt bởi long bào đỏ rực, bởi vàng ngọc trang sức chói ngời.

(Cuối công đồng) Lễ kỷ niệm 20 năm trị vì của Hoàng đế được cử hành trong mọi tỉnh thành, với những lễ hội tung bừng trọng thể. Hoàng đế mời các thừa tác viên của Chúa dự tiệc. Tất cả các giám mục đều tham dự. Không lời lẽ nào diễn tả nỗi biến cố này. Tại tiền sảnh của cung điện, đội vệ binh và quân lính được bố trí đứng chung quanh, với gươm trần trên tay. Không chút sợ hãi, những người của Chúa đi qua giữa quân lính tiến vào cung điện. Một số vị ngồi chung bàn với Hoàng đế. Những vị khác tùy nghi an vị trên những giường được xếp vòng tròn. Họ có cảm tưởng như được nếm trước hương vị Vương quốc Chúa Kitô, và những gì xảy ra có vẻ là mơ hơn thực. Sau bữa tiệc huy hoàng đó, Hoàng đế một lần nữa chứng tỏ sự hào phóng của mình bằng việc ban thưởng cho mỗi người hiện diện tùy theo công trạng và phẩm tước của người đó.

(Eusèbe, Cuộc đời Constantin III, 15, 16 - JC ĐỂ ĐỌC LSGH I, p.97)

GIÁM MỤC PAPHNUCE TẠI CÔNG ĐỒNG NICEA VỚI VIỆC ĐỌC THÂN GIÁO SĨ

Socrate (380-440), luật gia ở Constantinople. Trong tác phẩm "Lịch sử Giáo hội", đã tiếp nối sử gia Eusèbe thuật lại các biến cố tôn giáo từ năm 305-439. Vì ông sao chép tài liệu đúng từng chữ, nên đây là nguồn thông tin vô giá.

"Paphnuce là giám mục của một thành phố vùng Thebaida - thượng. Ngài có lòng đạo đức trời vượt, làm nhiều phép lạ. Trong thời bắt đạo, ngài bị móc mắt một mắt. Hoàng đế đặc biệt tôn kính ngài, thường mời vị giám mục và cung điện và hôn lên con mắt đã mất ... Khi các linh mục thỏa thuận định ra luật mới buộc các Giám mục, linh mục và phó tế sống cách ly người vợ mà họ đã kết hôn khi còn là giáo dân.

Khi được xin ý kiến, Paphnuce đứng lên giữa các Giám mục, yêu cầu không nên đặt một gánh nặng đến thế lên vai các giáo sĩ, linh mục, vì hôn nhân đáng quý trọng và việc chẵn gối không có gì xấu ; luật quá khắt khe có thể làm hại đến Giáo hội, không phải ai cũng có khả năng tiết dục hoàn hảo và còn những người vợ của họ sẽ không giữ được đức khiết tịnh. Đức khiết tịnh ở đây hiểu là việc chẵn gối hợp pháp. Dĩ nhiên, những ai đã nhập hàng Giáo sĩ thì không được kết hôn nữa đúng như truyền thống cổ kính của Giáo hội, nhưng không nên buộc những kẻ đã kết hôn khi còn là giáo dân phải bỏ vợ.

Paphnuce bệnh vực ý kiến này mặc dầu không những ngài chưa bao giờ lấy vợ, mà ngài cũng không hề biết đến phụ nữ, ngài được giáo dục từ nhỏ trong tu viện và sáng chói về nhân đức khiết tịnh. Tất cả các Giám mục đồng ý với ngài, không bàn thêm nữa, để cho những Giáo sĩ đã lập gia đình tự mình quyết định.

(Socrate, Lịch sử Giáo hội I,11)

CÔNG ĐỒNG CONSTANTINOPE (381)

Trong những danh xưng dành cho Thiên Chúa, có danh xưng nào không phù hợp với Chúa Thánh Thần?... Đó là khi chúng ta dùng tất cả những từ ngữ về TC để giảng dạy, khi ta còn thêm một tên gọi khác để kêu cầu ngài là Đấng Bầu Chữa đệ nhị, (Paraclet, Ga 14,16) như thể là Thiên Chúa đệ nhị, đang khi họ biết rằng xúc phạm đến Chúa Thánh Thần là tội duy nhất không được tha ; khi biết hình phạt nặng nề mà Anania và Saphira phải chịu vì lừa dối Thánh Thần tức là lừa dối Thiên Chúa chứ không phải lừa dối loài người (Cv 5) ;

Như vậy bạn nghĩ chúng ta công bố Thần tính của Chúa Thánh Thần hay công bố điều gì khác ? Nếu bạn nghi ngờ chân lý này và nếu người ta còn phải dạy bạn điều đó nữa thì trí óc bạn hẳn là quá mê muội và bạn đã xa với Thánh Thần đến như thế nào !

THẦN HỌC NGOÀI ĐƯỜNG

Những vấn đề trên được bàn đến khắp nơi trong thành phố: từ đường mòn, ngã tư đến công trường, đại lộ. Nơi những người bán quần áo, kẻ đổi tiền, người bán tạp hóa. Nếu bạn hỏi một anh đổi tiền y sẽ trả lời bạn bằng một tiểu luận về "được sinh ra và không được sinh ra". Nếu bạn hỏi giá cả bánh mì, anh bán bánh mì sẽ trả lời: "Chúa Cha lớn hơn Chúa Con, Chúa Con phải dưới quyền Chúa Cha". Nếu bạn hỏi nhà tắm đã sẵn nước chưa, anh quản lý sẽ tuyên bố Chúa Con được dựng nên từ hư vô . Tôi không biết gọi thứ bệnh này bằng từ ngữ gì, cuồng nhiệt hay điên loạn (...)

(Gregorio Nyssen : "Về Thần Tính Chúa Con và Chúa Thánh Thần")

GIÁM MỤC TRANH LUẬN

Gregorio de Naziano, Giám mục Constantinople cố gắng làm cho các Giám mục nhất trí về những điểm đang tranh cãi, nhưng vô hiệu.

"Các Giám mục huyền thuyên ríu rít như đàn sáo họp bầy. Như tiếng ồn ào của trẻ con, âm thanh của một xưởng thợ mới mở, như cơn gió lốc, và như cơn bão táp thật sự. Các vị tranh cãi nhau vô trật tự, và như bầy ong vò vẽ, các ông chầm chích thẳng vào mặt nhau, ngay cùng một lúc. Các vị cao niên đáng kính , thay vì kiềm chế bớt các vị trẻ , lại theo đuôi hòa vào . "

(Gregorio de Naziano, Poème sur sa vie, V.1680)

CÔNG ĐỒNG EPHÊSÔ THEO SỬ GIA ĐƯƠNG THỜI

Hoàng đế lập tức ban chỉ dụ triệu tập công đồng tại Ephêsô. Ngay sau khi lễ phục sinh, Nestorio đã đến với đông đảo dân chúng, tại đây ông gặp gỡ nhiều giám mục khác. Cyrillo, giám mục Alexandria thì chậm hơn, khoảng lễ Hiện xuống mới đến. Juvénal, giám mục

Giêrusalem đến sau lễ Hiện xuống năm ngày. vì giám mục Antiokia là Gioan cố tình trì hoãn chuyến đi nên các giám mục khác bắt đầu xô xao bàn tán.

Mở đầu cuộc tranh luận, Cyrillo hùng hổ tấn công với lời lẽ mạnh mẽ để làm rối trí người mà ngài không ưa là Nestorio. Trong khi đa số các giám mục tuyên xưng Đức Kitô là Thiên Chúa, thì Nestorio lại nói với Cyrillo: "Tôi không thể gọi con người đã từng là đứa trẻ hai ba tháng là Thiên Chúa, vì vậy tôi vô tội về máu của ngài, từ nay tôi không họp chung với ngài nữa".

Từ đó, Nestorio họp riêng với các giám mục theo khuynh hướng của ông. Các giám mục còn tiếp tục họp công đồng với Cyrillo đòi Nestorio phải ra tòa xét xử. Nestorio trì hoãn không đến, cho tới khi giám mục Gioan d'Antiokia đến dự công đồng. Cyrillo và các vị khác cứu xét các bài giảng có liên quan đến vấn đề này của Nestorio, các vị phán quyết là chúng có nội dung nghịch đạo và chống báng Chúa Kitô, họ liền cất chức ông. Các giám mục phe Nestorio liền họp riêng và kết án Cyrillo và giám mục Êpheso là Memmon. Gioan thành Antiokia đến sau đó, trách cứ Cyrillo đã gây nên xáo trộn vì hấp tấp, Gm Gioan tuyên bố cất chức Cyrillo. Vị này họp với Gm Juvénal trả đũa bằng việc cất chức Gioan.

Khi Nestorio thấy cuộc tranh luận đi quá xa đến chỗ ly giáo, ông tỏ ra hối tiếc về chuyện đã xảy ra và nói : "Muôn gọi đức Maria là Mẹ Thiên Chúa thì gọi, miễn là đừng cãi nhau nữa". Nhưng dù Nestorio đã đổi quan điểm, không ai đón nhận ông trở lại, ông bị đày đi Oasis, hiện vẫn sống ở đó...

(Socrate, LSGH, VII,34 - JC Đề đọc LSGH I, p.102

ĐỊNH TÍN CỦA CĐ. CHALCÊDONIA (415)

Nhờ ơn Chúa, bản tuyên tín (Credo) Nicea - Constantinopoli thực là sáng suốt và bổ ích, đủ để giúp hiểu biết trọn vẹn và củng cố đức tin chân thật... Nhưng vì có những kẻ ra tay phá hoại việc giảng dạy chân lý, do những sai lạc đặc biệt về tín lý, họ đã đưa ra những lý thuyết vô ích ; Có những kẻ dám giải thích sai lạc mầu nhiệm Nhập thể của Chúa chúng ta, khi họ từ chối tước hiệu Théotokos (Mẹ Thiên Chúa) được dành cho Đức Nữ Trinh ; kẻ khác đưa tới sự "lẫn lộn, pha trộn", khi điên khùng nghĩ rằng xác phàm và thần tính chỉ còn là một bản tính duy nhất và quan niệm một cách quái gở rằng vì có sự pha trộn, bản tính thần linh của Chúa Con duy nhất có thể đau khổ.

Vì những sự ấy đang âm mưu chống lại chân lý, Đại Công Đồng chung hôm nay họp tại đây, dạy lại giáo thuyết vững chắc đã được giảng dạy từ thuở ban đầu, trước hết quyết định rằng đức tin của 318 nghị phụ (công đồng Nicea) phải được tôn trọng cách hoàn toàn nguyên vẹn. Công đồng cũng xác nhận giáo huấn được ban hành sau đó về bản chất của Chúa Thánh Thần do 150 nghị phụ họp tại Đê Đô (Constantinopoli năm 381) để đối phó với phái chống Thánh Thần: Các ngài cho mọi người biết là các ngài không thêm gì vào giáo huấn của các vị tiền nhiệm như thể giáo huấn trước đây còn thiếu sót, nhưng các ngài diễn tả minh nhiên suy nghĩ của các ngài về Chúa Thánh Thần dựa vào chứng từ của Kinh thánh, để chống lại những kẻ phủ nhận Thánh Thần là Thiên Chúa...

Nói theo các Thánh phụ, tất cả chúng tôi đồng thanh dạy chỉ có một và cùng một Chúa Con, Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta, chính Ngài toàn hảo trong thần tính và cũng chính Ngài toàn hảo trong nhân tính, cũng chính Ngài là Thiên Chúa thật và là người thật, gồm một linh hồn có lý trí và một thân xác, đồng bản tính với Chúa Cha theo thần tính, đồng bản tính với chúng

ta theo nhân tính, giống chúng ta mọi đàng ngoại trừ tội lỗi, sinh ra bởi Chúa Cha từ trước muôn đời xét về thần tính, nhưng vào những ngày sau hết, "vì chúng ta và để cứu rỗi chúng ta, đã sinh bởi Đức Maria Trinh Nữ Mẹ Thiên Chúa (Theotokos) xét về nhân tính, chỉ một và cùng một Đức Kitô, là Chúa Con, là Chúa, là Con duy nhất mà chúng tôi nhìn nhận nơi Ngài có hai bản tính, không lẫn lộn, không thay đổi, không chia cắt, không phân ly; Sự khác biệt của hai bản tính hoàn toàn không bị tiêu tan bởi sự phối hợp, nhưng ngược lại các thuộc tính của mỗi bản tính vẫn được nguyên vẹn và gặp gỡ nhau trong một ngôi vị (hypostase) duy nhất (...)

(P.Th Calelot Lịch sử các Công Đồng chung)

TỔ CHỨC CỦA GIÁO HỘI

THEO NICÊA năm 325

4. Giám mục được đặt lên do tất cả các giám mục trong tỉnh. Trong trường hợp cấp bách hoặc vì đường xá xa xôi, thì ít ra cũng phải có ba giám mục hiện diện và cử hành nghi lễ đặt tay, với giấy ủy quyền của những vị vắng mặt. Tại mỗi tỉnh, tổng giám mục sẽ phê chuẩn việc tấn phong đó.

6. Chờ gì tập quán cổ truyền đang áp dụng tại Ai cập, Libie và Pentapole được duy trì, nghĩa là giám mục Alexandria giữ quyền tài phán trên tất cả các tỉnh này, vị giám mục Roma cũng có quyền như thế. Giáo hội Antiokia và các giáo hội của những tỉnh khác cũng giữ những quyền đã có trước đây.

15. Vì có nhiều bất ổn và chia rẽ, tốt nhất là bãi bỏ tập quán trái luật ở một vài vùng, nghĩa là cấm các giám mục, linh mục và phó tế chuyển đổi từ thành phố này sang thành phố khác. Ai đi theo lầm lạc cũ, chống lại luật này thì việc chuyển đổi của họ vô hiệu, và buộc kẻ đó phải trở về giáo hội cũ, nơi đương sự đã được phong chức để phục vụ.

THEO CONSTANTINOPOLI năm 381

2. Các giám mục "khu vực" không can thiệp vào những giáo hội không thuộc quyền mình, cũng không được gây bất ổn cho giáo hội đó, nhưng cứ theo luật, giám mục Alexandria chỉ điều hành công việc ở Aicập, các giám mục Đông phương thì chỉ điều hành công việc ở Đông phương ; vẫn giữ những đặc quyền dành cho giáo hội Antiokia theo các điều khoản của công đồng Nicea ; các giám mục ở Tiểu Á chỉ điều hành công việc ở Pont, các vị ở Thrace thì lo việc của Thrace ...

3. Giám mục Constantinople có quyền danh dự kế sau giám mục Roma, vì thành phố này là Roma mới.

KHOẢN 28 CALCÊDONIA năm 451

Theo toàn thể các sắc lệnh của các Thánh phụ, công nhận khoản luật của 150 giám mục (của CD.Constantinopoli) vừa được đọc, chúng tôi quyết định và biểu quyết giống như thế về các đặc ân dành cho Giáo hội rất thánh ở Constantinople là Roma mới. Các nghị phụ quả đã chấp nhận cho Roma cũ những đặc quyền của nó, bởi vì đó là đế đô.

Nay cũng vì lý do đó, 150 giám mục rất đáng kính đã chấp nhận những đặc quyền tương đương cho Tòa rất thánh của tân đế đô, xét một cách hợp lý rằng : thành phố này có sự hiện của hoàng đế, của thượng viện, và thừa hưởng cùng những đặc quyền như cố đô Roma; Do đó, thành phố này đóng vai trò quan trọng trong các việc của Giáo hội, chỉ sau Roma ... (JC. Đề đọc LSGH I, p.107)

V/ Truyền thống Giáo Hội các Giáo Phụ TRUYỀN THỐNG GIÁO HỘI CÁC GIÁO PHỤ

Ngoài Thánh Kinh, mọi sinh hoạt Giáo hội từ tổ chức, giáo lý đến phụng vụ thường qui chiếu vào nguồn thứ hai là Thánh Truyền. Muốn đi vào Truyền Thống ấy, Giáo hội nghiên cứu về các Giáo phụ là những bậc "sư phụ" của Giáo hội, đã sống gần với nguồn các tông đồ hơn. Vì thế, ta chỉ gọi là Giáo Phụ những vị :

* Kỳ cựu : bên Tây trước thánh Bêđa đáng kính (+735)
bên Đông trước thánh Gioan Damascêno (+749)

* Có đời sống thánh thiện

* Có học thuyết chính thống : hiệp thông với Giáo hội

* Và được Giáo hội xác định, có thể chỉ là gián tiếp qua việc trích dẫn bản văn.

Nghiên cứu tài liệu các Giáo phụ, chúng ta sống lại những cảm nghiệm niềm tin Giáo hội thuở ban đầu ; tìm về một nguồn chung với anh em Chính Thống và Tin Lành. Tuy nhiên, không phải mỗi câu mỗi chữ đều có cùng giá trị, ta phải đọc chúng trong toàn bộ Kho Tàng văn học các Giáo phụ.

Theo bối cảnh lịch sử chung, các Giáo phụ thường được nghiên cứu theo ba giai đoạn : thời Tiên Khởi, thời Hoàng Kim và thời tông Kết.

I. GIÁO PHỤ THỜI TIÊN KHỞI (trước 313)

Gồm các Tông phụ, các nhà hộ giáo và các nhà minh giáo

1,1. Các Tông Phụ

Là các môn sinh trực tiếp của các Tông đồ. Trừ các thư của thánh Ignatio, các tác phẩm thời Tông phụ đơn sơ giản dị nhưng lại có giá trị lớn lao về lịch sử niềm tin thời sơ khai. Giáo hội xác nhận 5 vị Tông phụ và 5 văn phẩm Tông phụ:

a/. Các tác phẩm gồm có :

* Kinh Tin Kính các Tông đồ

* Giáo lý các Tông đồ (+100 ?) : sách Didaches

* Ngụy thư Barnabê (+130 ?) viết cho tân tông Do Thái còn nô lệ luật Maisen

* Thư II Clémentê (+140 ?)

* Odes Salomon : những lời thi nguyện thế kỷ II.

b/. Các Tông Phụ gồm :

Giáo hoàng Clémentê (+101) trong thư gửi Corintô, xác định vai trò hàng giáo phẩm ; thánh Ignatio Antiokia (+110) qua bảy lá thư đề cao đức tin, đức ái và đời sống đạo đức ; hai môn đệ thánh Gioan là thánh Polycarpo (+156) viết thư cho cộng đoàn Philiphê, và giám mục Papias có 5 cuốn giải thích Lời Chúa. Riêng ông Hermas(+155) là một tín hữu ở Roma, nổi tiếng với cuốn "Mục Tử". Ông dùng nhiều thị kiến để kêu gọi những người sợ hãi chối đạo, hãy trở về với Mục tử nhân hậu.

1,2. Các nhà hộ giáo thế kỷ II

(lý do và nội dung hộ giáo xin coi chương II, I tr.17)

Nói chung các tác phẩm và thư từ hộ giáo nhằm giải thích cho những người cố ý hay vô tình hiểu lầm về đạo. Trong thế kỷ II có 12 nhà hộ giáo, nhưng 6 vị chỉ còn lưu lại một số câu được người khác trích dẫn :

- Quadratus : thư gửi Hoàng đế Hadriano (117-138)
- Ariston : sách gửi người Do Thái (năm 140)
- Aristides (140) : thư gửi hoàng đế Antonius Pius
- Miltiade (160-193) ba bài gửi dân Do Thái, dân Hy Lạp và gửi Chính quyền.
- Hai Giám mục Appolinarius và Mêliton gửi hoàng đế Marcus Aurelius

Người ta có thể tìm đọc thư gửi Diognète ; bộ ba cuốn của giám mục Thêophilo Antiokia ; sách gửi hoàng đế Marcus Aurelius của Athénagor, hoặc cuốn Octavius của luật sư Minucius Felix thuật lại cuộc đối thoại với một nhân vật ủng hộ việc thờ các thần.

Ngoài ra còn có Tatianô với giọng văn quá khích phê phán các thần và lương dân, vị này về sau theo phái tuyệt dục. Nhưng khuôn mặt tiêu biểu nhất là Thánh Justinô tử đạo (100-167) nhân vật tiên phong dùng triết Hy Lạp để viết Thần học, chứng minh Kitô giáo hoàn chỉnh các triết thuyết nhờ vào Mạc Khải. Mười tác phẩm của ngài nay chỉ còn ba : một gửi các hoàng đế, một gửi thương viện và cuốn "Đối thoại với Tryphon" nhắm đến người Do Thái.

Nét đặc biệt trong danh mục các nhà hộ giáo : đa số các vị là tân tông, trí thức và giáo dân. Các vị dùng văn chương Hy Lạp, từ ngữ của lương dân và nhắm đến giới trí thức đương thời. Trừ Tatianô, các vị dùng lối văn đối thoại cởi mở, chân thành. Thánh Justino từng xin hoàng đế thị thực cho tác phẩm của mình.

1,3. Các nhà minh giáo

Thuật ngữ các nhà Minh Giáo dùng để chỉ những Giáo phụ phê phán các lạc thuyết, làm sáng tỏ niềm tin của Giáo hội.

Cuối thế kỷ II nổi bật ba vị :

Hegésippe sau nhiều chuyến hành hương, đã viết cuốn "Kỷ niệm" cho ta thấy giáo lý Giáo hội thống nhất tại nhiều nơi ; thánh Irenê (+203) với hai cuốn "Chống lạc giáo" và "Lời giảng Tông Truyền", đề ra tín qui của thần học dựa vào Thánh Kinh và Thánh Truyền, ngài viết giáo lý cho giới bình dân có hệ thống ; thánh Hippolyto (+235) từng mạo nhận là giáo hoàng, nhưng sau hòa giải với đức Callixto trên đường tử đạo.

Đầu thế kỷ III, văn học Giáo hội có hai trường phái :

a/. Trường Alexandria :

Do ảnh hưởng văn hóa Hy Lạp, các Giáo phụ thường dùng Hy ngữ, sử dụng các triết thuyết, lưu ý từ ngữ để viết thần học. Nếu Pathène là người mở trường năm 180, thì thánh Clémentê (+215) là người gây nên phong trào thần học, và Origène (+254) làm cho nó hoàn chỉnh. Sử gia Eusebio nói ngài viết 2000 tác phẩm gồm chú giải, thần học, tu đức đến bài giảng.

b/. Phái Carthago :

Tuy không ở một trường nhưng chung một khuynh hướng sử dụng La ngữ, lưu ý đến sống đạo và sống mẫu nhiệm hơn là lý luận.

Luật sư Tertuliano (+240) với lối văn kiệt xuất đã viết 5 cuốn "hộ giáo" chỉ trích châm biếm các hoàng đế đã bách hại cách bất công, 8 cuốn minh giáo, 18 cuốn về luân lý và bí tích. Từ 203, ông theo phái nghiêm ngặt của Montanus (cấm tái giá, không tha kẻ bội giáo, ngoại tình).

Thánh Cyprianô (+258) tuy chỉ có 13 tác phẩm nhưng lại có tầm ảnh hưởng lớn vì ngài điều hành các Giáo hội Phi-Châu. Ngài nói "Ai không có Giáo hội là Mẹ, không thể có Thiên Chúa là Cha".

c/. Các Giáo Phụ khác (Tk. III)

Ở Roma có ông Lactantius (+325) giáo sư của thái tử Crispus. Vùng Tiểu Á có thánh Grêgorio Thaumaturgo (+270) và thánh Mêthodo tử đạo (+311). Ở Palestine có sử gia Julio Africanus (+245) tác giả bộ "Biên Niên Ký", và thánh Pamphilo (+308), mở trường Thánh Kinh ở Cesarea. Cuối thế kỷ III, học viện Antiokia trở nên nổi tiếng với linh mục Luciano tử đạo (+312) giáo sư của Ario mà ta đã biết.

II. CÁC GIÁO PHỤ THỜI HOÀNG KIM (313-461)

Trong hai thế kỷ IV và V, văn học và thần học Giáo hội tiến đến trưởng thành. Đó là kết quả khá tự nhiên của ba thế kỷ tìm kiếm. Nay nhờ đế quốc thống nhất, việc trao đổi thần học được công khai và bối cảnh cụ thể của bốn công đồng chung, đã thúc đẩy các Giáo phụ xác định những danh từ thần học và khai triển nội dung giáo lý hoàn hảo hơn. Thường Giáo hội quen chia các Giáo phụ theo khu vực : Đông (Hy Lạp) và Tây (La Tinh).

2.1. Các Giáo phụ Hy Lạp

a/ Thánh Athanasio (295-373) : Tại công đồng Nicea, tuy mới là Phó tế, ngài đã là đối thủ của Ario. Suốt 45 năm làm Giám mục Alexandria, ngài không hề lui bước trong việc bênh vực thần tính Đức Giêsu. Trước trở ngại, ngài bình thản nói : "Chỉ là cơn mây chóng tan", và nêu lên nguyên tắc "Tôn giáo do thuyết phục chứ không thể cưỡng bách".

Năm lần bị trục xuất, có lần ngài bị đưa tới Trèves và Roma, ngài đã giúp các giám mục Âu Châu hiểu thêm về tầm mức những cuộc tranh luận và vẫn tiếp tục liên lạc thư từ sách vở với địa phận. Ngài không dùng giọng văn thông thái nhưng khai triển đề tài cách bình dân để ai ai cũng hiểu được về mầu nhiệm Ba Ngôi. Ngài nhấn mạnh "Thiên Chúa làm người để con người trở nên giống Chúa". Với ngài, việc "Đức Giêsu là Chúa" không chỉ như lời tuyên xưng, mà chính là sức mạnh thần hóa con người.

b/ Ba Giáo phụ Cappadocia, Tiểu Á

Thánh Basilio (330-379) xuất thân từ gia đình trí thức, học rộng và có kinh nghiệm đan tu trước khi trở thành Giám mục Cêsarea quê hương của mình. Ba mối bận tâm lớn của Ngài là : truyền bá niềm tin chính thống và đời sống phụng vụ bằng lối lẽ đơn sơ thực tế, tổ chức sinh hoạt xã hội trong địa phận (thuần phong mỹ tục, kinh tế, bệnh viện, trường học, sở canh nông) và đặt nền cho đời tu đan viện qua tu luật mang tên của Ngài.

Thánh Grêgorio Naziano (330-390) : Mẹ ngài là thánh nữ Nonna qua kinh nguyện và nước mắt đã cải hóa chồng theo đạo, sau ông thành Giám mục. Thời thanh niên, ngài là bạn học của Basilio. Ngài nhận chức Giám mục Sarima, rồi làm giám mục Constantinople. Nhưng ngài từ chức để tránh đụng độ, sống ẩn dật, viết đến 245 bài giảng, 45 tiểu phẩm thần học và nhiều áng thơ hay. Đặc biệt ngài ghi chú các trích dẫn Kinh Thánh.

Thánh Grêgorio Nysseno (+394) em trai thánh Basilio, ngài cùng đi tu với anh tại Iris, nổi tiếng về việc áp dụng triết lý vào thần học. Minh chứng đức tin và lý trí hỗ trợ nhau chứ không xung khắc. Ngài ưa định nghĩa lý luận xếp loại minh bạch. Ngài có vị trí quan trọng trong công đồng Constantinopoli.

Do tình huynh đệ ba vị này được xếp thành một nhóm, được so sánh như đôi tay chỉ huy, môi miệng diễn thuyết và bộ óc triết gia. Các ngài để lại mẫu gương sáng ngời về tình bạn hợp tác phục vụ Giáo hội theo khả năng thiên phú, thu thập kiến thức trong tĩnh mịch và cùng nhau giải đáp vấn đề thời đại.

c/ Thánh Gioan Kim Khẩu (344-407)

Sinh ra ở Antiokia, Gioan lớn lên trong tình thương bà mẹ Anthusa đạo đức. Anh học hùng biện rồi vào học viện, sau đó vào sa mạc nghiên cứu Thánh Kinh 6 năm. Vì lý do sức khỏe, Gioan về quê hương và được chọn làm linh mục. Với tài giảng thuyết hùng danh, ngài được gọi là "miệng vàng" và được hoàng đế mời về làm giám mục Constantinople năm 397.

Trước thói truy lạc của giáo sĩ và dân đô thị, Gioan thẳng thắn kêu gọi cải chứ không thỏa hiệp. Ngài mạnh dạn cảnh cáo cả hoàng hậu Eudoxia lẫn Giám mục Théophilo, kẻ ủng hộ bà. Năm 403, ngài bị kết án lưu đày nhưng dân chúng áp lực giữ lại. Năm 407 bị kết án lần nữa, ngài qua đời trên đường đến Pont, Tiểu Á. Nhà giảng thuyết đại tài Gioan thường giảng Kinh Thánh hơn là chủ đề, luôn có ý mới, cách nhìn mới, nhiều hình ảnh so sánh, văn

bình dị với những chỉ dẫn thực hành cụ thể, cuộc đời nghiêm ngặt càng làm cho bài giảng thêm tính thuyết phục và đi sâu vào lòng thánh giả.

d/ Một số vị nổi tiếng khác : như Giám mục Cesarea Eusebio (+338) nổi tiếng với Bộ Lịch sử Giáo hội 10 cuốn, thánh Ephrem Phó tế (+373) ở Edessa nổi tiếng về thơ ca nên được gọi là cây đàn Thánh Linh. Thánh Epiphân (+402), hai thánh Cyrillo Giêrusalem (+386), Cyrillo Alexandria (+444) và ông Didymo mù (+398).

2.2. Các Giáo phụ La Tinh

a/ Thánh Ambrosio (333-397) :

Nguyên là tổng trấn Milan, giám mục Ambrosio giữ chức cố vấn triều đình, có ảnh hưởng rất lớn trên quyết định quốc giáo của hoàng đế Théodose. Ngài từng bán toàn bộ gia sản để giúp người nghèo, lời ngài giảng có sức hoán cải các tội nhân, trong đó có thánh Augustino. Ngài còn chấn hưng phụng vụ sau mang danh của ngài : phụng vụ Ambrosio. Văn của ngài êm xuôi dễ hiểu cả khi chú giải lẫn khi bàn về tín lý.

b/ Thánh Giêronimo (347-420)

Tuy nóng nảy nhiều tham vọng, sau khi Giêronimo hoán cải và rửa tội, ngài chìm sâu vào đời tu khắc khổ tại sa mạc rồi đến Antiokia học Kinh Thánh. Đức Damaso gọi về Roma làm thư ký và dịch Kinh Thánh. Khi Giáo hoàng qua đời, ngài đến sống ở một hang tại Bêlem, chay tịnh và dịch thuật. Ngài là mẫu người nghiên cứu uyên thâm, bác học và kiên nhẫn.

Sự nghiệp đề đời của Giêronimo là bản dịch Kinh Thánh Vulgata, kết quả của 22 năm làm việc từ 383-405, hiện còn dùng trong phụng vụ. Ngài chuyên ngữ bản Hy Lạp qua La Tinh nhằm cho giới bình dân.

c/ Thánh Augustino (354-430)

Đây là vị Giáo phụ ảnh hưởng sâu xa đến toàn bộ tư duy thần học Tây phương. Nhờ nước mắt thân mẫu là bà Monica, Augustino từ bỏ phái Manikê và quá khứ tội lỗi. Ngài về quê hương phân phát gia tài rồi đi ẩn tu, sau làm Giám mục Hippone, Bắc Phi. Ngài lập đan viện tại Tòa Giám mục, bút chiến và đối thoại với các lạc thuyết. Ngài được mệnh danh tiến sĩ tình yêu, vì đó là nội dung ngài trình bày cách xuất sắc. Thánh Augustino nêu lên nguyên tắc thần học "Hiểu để tin và tin để hiểu". Ngài viết khoảng 1030 sách và 220 lá thư, trong đó nổi bật là ba cuốn :

- Về Chúa Ba Ngôi

- Tự thuật : Lời tuyên xưng niềm tin vào Thiên Chúa yêu thương tác động nơi tâm hồn thánh nhân.

- Thành Đô Thiên Chúa : Thần học sống động trong Lịch sử nhân loại. Trước nguy hiểm man dân, ngài khẳng định Roma không phải là Nước Thiên Chúa. Ngài so sánh hai thành đô của kẻ dữ và người lành.

d/ Thánh Lêo, Giáo Hoàng (395-461)

Ngoài công trình phi bác các lạc thuyết, Thánh Leo Cả còn lưu danh qua việc ngăn cản Attila (452) và người Vandal (455) không tàn phá Roma. Tại công đồng Calcêdonia các Nghị phụ đọc bản Kinh Tin Kính do ngài viết trong 40 ngày ăn chay cầu nguyện, đã xác nhận "Thánh

Pherô đã nói qua Leo". Với 96 bài giảng, 143 lá thư ngài để lại, chứng tỏ ngài am hiểu các vấn đề đương thời, phân tích rõ rệt các tranh luận tín lý và luôn nỗ lực hướng dẫn đời sống đạo của tín hữu.

e/ Các vị nổi tiếng khác

Thánh Hilario (+368) Giám mục Poitiers ; sử gia Rufino (+410) tác giả bộ Lịch sử Đồi Ân Tu ; thi sĩ Prudentius (+405) và thánh Cassiano (+440) tác giả cuốn "Qui chế đời tu" và "Các cuộc đàm thoại trong sa mạc".

III. GIÁO PHỤ THỜI TỔNG KẾT

Hạ bán thế kỷ V, văn chương Kitô giáo bước sang thời kỳ suy yếu. Lý do vì bối cảnh ly loạn do Man Dân xâm lăng và sự sa sút văn hóa chung của xã hội, nhưng sâu xa hơn, có lẽ vì hào quang của các tiền bối. Các giáo phụ thời này thiên về sao chép và tổng kết.

3,1. Tại Đông phương

Có một số vị nổi tiếng như Dionisio già (+500) tại Syria ; Gioan Climaco (+649) đan viện phụ và thánh Gioan Damasceno (+754) người hùng bênh vực việc tôn kính ảnh tượng.

3,2. Tại Tây phương

a/ Thánh Gregorio Giáo Hoàng (540-604)

Sinh trưởng trong một gia đình quý phái, Grêgorio học thành luật sư. Nhưng năm 575, ngài bán hết gia tài và thiết lập bảy đan viện. Sau ngài làm Giám mục Syracuse, khâm sứ Constantinopoli rồi lên ngôi Giáo Hoàng. Trong 14 năm cai trị Giáo hội, ngài nâng cao uy tín Tòa Thánh Pherô, bảo vệ kỷ luật, thành công trong việc truyền bá Tin Mừng cho Dân Lombard (Ý), Visigoth (Tây Ban Nha) và Anh quốc, Ngài bênh vực quyền lợi cho các nô lệ và người Do Thái cải đạo. Lễ nghi và bình ca Gregorio đã trở thành bất hủ. Ngài còn để lại 848 thư, một số sách chú giải và mục vụ với lối văn bình dị, hay đối câu đối chữ. (Lưu ý : Xét về thời gian, đức Grêgoriô thuộc giai đoạn ba, nhưng được xếp vào "tứ trụ" GH Tây phương do ảnh hưởng lớn lao của ngài.)

b/ Các vị khác

Về Kinh Thánh có thánh Fulgentio (+533)

Về Sử có thánh Grêgorio thành Tours (+594)

Về Triết học có Boecius (+525).

Thánh Cassiodorus (+570) cố võ việc học và sao chép các thủ bản tại đan viện. Năm 535, đan sĩ Dionisio đã sửa lại công lịch, lấy Lễ Giáng Sinh làm mốc, dựa theo Luca (3,1-23). Chúa Giêsu chịu phép rửa vào năm 15 đời Tiberio và khi đó ngài khoảng 30 tuổi, ông nói Chúa Giáng Sinh năm (769 + 15-30 =) 754 tính từ ngày thành lập Roma. Nhưng ông tính sai 5 năm vì Tiberio lên ngôi năm 765 và Hêrôđê chết năm 750.

Ngoài ra còn có thánh Isidoro Sevilla (+636) biên soạn Bộ Bách Khoa, thu tóm các kiến thức từ thế kỷ I ; và thánh Bêđa Đấng Kính (+735) nổi tiếng với bộ Sử Giáo hội Anh.

TOÁT YẾU

Giáo phụ là các văn nhân Kitô giáo kỳ cựu, có đời sống thánh thiện, học thuyết chính thống và được Giáo hội xác định, thường chia làm ba thời kỳ :

1. Thời tiên khởi gồm :

Các Tông Phụ, môn đệ trực tiếp các Tông đồ

Các nhà Hộ Giáo : giải đáp các dư luận sai về đạo.

Các nhà Minh Giáo : giải đáp các lạc thuyết.

2. Thời Hoàng Kim nổi bật tám đại tiên sĩ :

Bên Đông : thánh Athanasio (+373), Basilio (+379), Gregorio Naziano (+390), Gioan Kim Khẩu (+407).

Bên Tây : thánh Ambrosio (+397), Giêronimo (+420), Augustino (+430), và Grêgorio Cả (+604)

3. Thời tổng Kết :

Bên Tây trước thánh Bêđa đấng kính. Bên Đông trước thánh Gioan Damasceno.

Cần phân biệt Giáo phụ với Thánh Tiên Sĩ. Giáo hội tôn phong tiên sĩ các vị có học thuyết đặc biệt ảnh hưởng đến nhiều người khác, không nhất thiết ở thời các Giáo Phụ. Hiện có 33 tiên sĩ Giáo hội, trong đó có ba thánh nữ Catarina Siena, Têrêsa Avila và Têrêsa Hải Đồng Giêsu.

V/ Truyền thống Giáo Hội các Giáo Phụ

DANH SÁCH 33 TIÊN SĨ GIÁO HỘI (theo A. B, C)

Albertô, Anphongsô, Ambrôsiô, Anselmô, Antôn Padoua, Athanasio, Augustino, Basilio, Bêđa, Bênadô, Bonaventura, Catarina Siena, Cyrillo Giêrusalem, Cyrillo Alexandria, Êphrem, Giêronimo, Gioan Damasceno, Gioan Kim Khẩu, Gioan Thánh Giá, Grêgorio, Grêgorio Naziano, Hilario, Isidôro Sevilla, Laurenso Brindisi, Lêo cả, Phanxicô Salêsiô, Phêro Canisius, Phêro Chrysologo, Phêro Damiano, Roberto, Têrêsa Avila, Têrêsa Hải Đồng và Tôma Aquinô.

BA CẤP BẬC THỪA TÁC VỤ

"Hãy nghe theo các vị Giám sự (Episcopes : giám mục = l'évêque) như Chúa Kitô nghe cha ngài, và nghe hàng niên trưởng (le collège des presbytres) như nghe các tông đồ; về phần các phó tế, hãy kính trọng họ như luật Chúa. Về những gì liên quan đến Giáo hội thì đừng ai làm

gì ở ngoài giám mục của mình. Bí tích Thánh thể chỉ được coi là hợp pháp khi cử hành dưới quyền chủ sự của Giám mục hay do người mà ngài đã ủy quyền.

Ở đâu có Giám mục ở đó có cộng đoàn, cũng như ở đâu có Chúa Kitô ở đó có Giáo hội công giáo. Nếu giám mục không đồng ý thì không được làm phép rửa cũng không được tổ chức bữa ăn huynh đệ (là bữa ăn tương trợ và thân hữu với ý nghĩa tôn giáo, nhưng khác với Tiệc Thánh thể), nhưng tất cả những gì ngài ưng thuận thì đẹp lòng Chúa". (Ignatio Antiokia, thư gửi Smyrna, VIII)

Mọi người hãy kính trọng các phó tế như Chúa Giêsu Kitô, cũng như kính trọng Giám mục là hình ảnh Chúa Cha; Hãy kính trọng các linh mục như những đại diện Chúa và như tập thể các tông đồ. Không có các ngài thì không thể nói đến Giáo hội". (Ignatio Antiokia, thư gửi người Trallien)

TÂM TƯ MỘT NGƯỜI TRÍ THỨC

Bằng một ngôn từ giàu chất thơ và dễ hiểu đối với các tín hữu, tác giả tấm bia mộ này tuyên xưng niềm tin vào Chúa Giêsu, vào Giáo hội và Bí tích Thánh thể. Ông làm chứng cho tính công giáo của hội thánh.

"Tôi tên là Abercius. Tôi là môn đệ của một mục tử thánh thiện, ngài dẫn đoàn chiên lên núi và xuống đồng bằng, ngài là người nhìn xa trông rộng. Chính ngài đã dạy tôi những sách đáng tin. Ngài đã gửi tôi đến Rôma chiêm ngưỡng vương quyền uy nghi và nhìn ngắm nữ hoàng trong y phục vàng. Ở đó tôi thấy một dân được ghi dấu sáng ngời. Tôi cũng thấy cánh đồng Syrie và mọi thành phố, thấy Nisible ở bên kia bờ Euphrate. Khắp nơi tôi đều gặp các Kitô hữu.

Ở nơi nào đức tin cũng hướng đạo cho tôi. Đi khắp nơi đức tin cho tôi của ăn là con cá lớn và tinh tuyền do trinh nữ thánh thiện đánh bắt. Bà không ngừng phân phát cá cho bạn hữu ăn. Bà có thứ rượu tuyệt hảo Bà cho để dùng với Bánh. Tôi, Anbercius, tôi cho viết những điều này vào tuổi 72. Người anh em xin cầu cho Abercius.

(Bản bia mộ của Abercius, GM Hierapolis ở Phrygie cuối thế kỷ thứ II, trích JC. Đề đọc LSGH I, 66

THÁNH KINH LUÔN CÓ NGHĨA THIÊNG LIÊNG

Những bức tường thành Giêricô sụp đổ khi tiếng kèn vang lên. Giêricô là khuôn mặt của thế hệ này, và chúng ta thấy sức mạnh và thành trì của nó đã sụp đổ do tiếng kèn của các tư tế. Sức mạnh và thành trì đó chính là việc tôn thờ ngẫu tượng. Chúa chúng ta, Đức Giêsu Kitô, mà Giôsuê là hình bóng báo trước việc xuất hiện, đã sai các tông đồ ngài, trang bị bằng Phúc Âm giống như các tư tế mang kèn (...) và giờ đây, việc tôn thờ ngẫu tượng, các triết thuyết đã sụp đổ tan tành.

Origène, Bài giảng về Giôsuê - JC. Đề đọc LSGH I, 72

NGƯỜI SAMARITANÔ TỐT LÀNH (bài giảng của Oigênê)

"Một người từ Samari xuống Giêricô". Nơi người này, ta nhận ra Adam, con người trong thân phận đích thực của mình, đã sa ngã do tội bất tuân ; "Giêrusalem" là thiên đàng, là

Giêrusalem thiên quốc và Giêricô là thế giới này. "Quân cướp" tượng trưng những sức mạnh thù địch, ma quỷ hay các tiến sĩ giả hiệu đến trước Đức Kitô. Các "Vết thương" là sự bất tuân và tội lỗi. Việc "cướp mất áo quần" tượng trưng việc đánh mất tính bất hoại và bất tử cũng như mọi nhân đức. "Người bị bỏ rơi nửa sống nửa chết" tượng trưng tình trạng hiện tại của bản tính chúng ta đã trở nên "nửa sống nửa chết" ; " Tư tế " là lề luật. Thầy Lê Vi là các ngôn sứ ; Người "Samaritanô" là Đức Kitô, Đấng đã mặc lấy xác phàm trong lòng Đức Maria ; "Lung lừa là thân thể Đức Kitô. "Rượu" là lời giáo huấn của Ngài. "Dầu" là lời nói tốt đẹp đối với mọi người, là lòng nhân từ thương xót; "quán trọ" là Giáo hội ; "Chủ quán" là các Tông đồ và những người kế vị, tức là các giám mục, các tiến sĩ Giáo hội ... "Người samaritanô trở lại" là cuộc tái lâm của Đức Kitô.

(Origène, Bài giảng về Phúc Âm Luca - JC. Đề đọc LSGH I, 72)

TRUYỀN THÔNG CÁC TÔNG ĐỒ

Truyền thông các tông đồ là điều hiển nhiên trong toàn thế giới và tất cả những ai muốn nhận biết chân lý đều có thể gặp trong từng Giáo hội. Chúng tôi có thể kể tên các vị Giám mục đã được các tông đồ thiết lập trong Giáo hội và những đấng kế vị các ngài cho đến chúng ta... Các Tông đồ muốn rằng những người các Ngài chọn kế vị và trao sứ mạng giảng huấn phải tuyệt đối hoàn hảo và vô phương trách cứ (...).

Nhưng nếu trong một tác phẩm thế này, mà kể ra tất cả những vị giám mục nối ngôi tại tất cả các Giáo hội thì quá dài dòng, nên chúng tôi chỉ kể ra danh sách của một Giáo hội lớn nhất, cổ kính nhất, và mọi người đều biết, Giáo hội do hai thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô đã thiết lập và xây dựng ở Roma, nhằm chứng minh rằng truyền thống Giáo hội Roma nhận từ các tông đồ và đức tin mà Giáo hội này rao giảng cho mọi người, đã được truyền đến chúng ta qua sự kế tục của các Giám mục, chúng tôi phản đối những kẻ, bằng bất cứ cách nào, hoặc vì tự cao, vì hư danh, vì lầm lạc về giáo lý mà tạo ra những bè phái bất hợp pháp. Vì nguồn gốc cao cả của Giáo hội Roma, mà toàn thể Giáo hội, tức là tất cả các tín hữu, phải đồng tâm nhất trí với Giáo hội đó. Vì lợi ích của tín hữu khắp nơi, mà truyền thống các tông đồ đã luôn luôn được bảo tồn trọn vẹn nơi Giáo hội này.

(Iréne, chống lạc giáo III, 3,1-2 - JC. Đề đọc LSGH I,t.69)

THÁNH ATHANASIO

"Thiên Chúa làm người để ta trở nên giống Chúa". Ai nói về nhân tính Ngôi Lời cũng biết về Thiên tính Ngài (...) Nói về nước mắt Thiên Chúa khóc, hãy nhớ ngài biểu lộ thiên tính qua việc phục sinh Lagiarô. Đấng từng đói khát, cũng từng biểu lộ quyền năng qua việc nuôi sống 5000 người với năm chiếc bánh. Đấng thi hài an nghỉ trong mộ, đã sống lại với tư cách Thiên Chúa (...) Ngôi Lời đã làm người để chúng ta trở thành Thiên Chúa (...) Qua thân xác hữu hình, Ngài cho biết khái niệm về Chúa Cha vô hình. Chấp nhận những đốn hèn của con người, Ngài cho ta thông phần vào cuộc sống bất tử. (JC. Đề đọc LSGH I, 114)

THÁNH BASILIO

Bài giảng kỳ hạn hán và nạn đói

Đói là nỗi bất hạnh nhất của con người và chết đói là cái chết đau khổ nhất (...). Đói là khổ hình chậm chạp, là nỗi đau kéo dài, là sự ác vừa ẩn vừa hiện, cái chết như sắp tới mà chưa tới (...). Thân xác tím ngắt xanh xao liên kết với bệnh tật... Cặp mắt yếu ớt thất thần thu lại giữa

trông như hạt đậu trong vỏ sò. Bụng trống rỗng không chút lương thực, ruột thì quặn lại chỉ còn da bọc xương.

Kẻ vô tình trước một thân thể như vậy đáng trách thể nào ? Nơi hấn có đầy tàn ác chăng ? Phải chăng, đáng liệt hấn vào những kẻ phi nhân như cầm thú, đáng coi hấn như kẻ phạm trọng tội hoặc một tên sát nhân ? Phải, kẻ có thể cứu trợ khỏi điều xấu này mà hà tiện không chia sẻ, đáng bị kết án như tội giết người (...)

Bạn nghèo ư ? Một người khác nghèo hơn bạn, bạn có lương thực 10 ngày ư ? Kẻ khác chỉ còn một. Hỏi người tốt và quảng đại hãy chia sẻ những gì mà mình còn lại để hòa đồng với kẻ bần cùng. Đừng ngần ngại cho phần ít ỏi bạn có, đừng coi lợi ích riêng tư lớn hơn hiểm họa chung. Dù lương thực bạn chỉ còn một ổ bánh mà có người ăn xin trước cửa hãy lấy ổ bánh ra khỏi rương, giơ tay lên trời mà đọc những lời lẽ quảng đại này : "Lạy Chúa, Ngài thấy đây là miếng bánh cuối của con trong lúc nguy kịch, nhưng con thấy trước mắt mệnh lệnh Ngài truyền, con xin chia phần nhỏ bé của con cho người anh em đang đói. Cả Ngài nữa, xin ban cho tôi tớ Ngài đang gặp nguy hiểm. Con biết lòng Ngài nhân từ, con tin thác vào quyền năng Ngài. Xin đừng trì hoãn tình thương và nếu đẹp lòng Ngài, xin rộng ban muôn vàn ơn huệ "

Nếu bạn nói và hành động như thế, miếng bánh bạn cho người nghèo sẽ là hạt mầm của mùa gặt, nó đem lại hoa quả sung túc và đặt cọc cho lương thực bạn. Hãy là sứ giả của lòng thương xót. (JC. Đề đọc LSGH I. p 15).

GREGORIO NYSSENO

Hình ảnh Chúa Trời nơi con người.

Vẽ đẹp thần linh không phải là vẽ hào nhoáng bên ngoài của khuôn mặt hay diện mạo, mà hệ tại hạnh phúc khôn tả của cuộc sống hoàn thiện. Cũng như trong các màu sắc người họa sĩ dùng để trình bày trên bản vẽ một nhân vật, ông sắp xếp màu theo vật tự nhiên để bức chân dung có vẻ đẹp của vật mẫu. Hãy tưởng tượng như thế về Đấng tác tạo nên chúng ta. Màu sắc xứng hợp với vẻ đẹp Thần linh là các nhân đức mà Ngài phú bẩm cho hình ảnh Ngài để biểu lộ qua chúng ta những quyền năng của Ngài. Ở đây việc hòa hợp màu sắc không liên quan gì đến màu đỏ, màu trắng hay hỗn hợp màu, đến màu đen vẽ mắt và lông mày (...) thay vào đó là sự thanh sạch, sự tự do siêu nhiên, đến hạnh phúc, đến việc xa rời sự ác và tất cả những gì làm ta giống với thiên tính...

Thiên Chúa là tình yêu và là nguồn tình yêu. Đáng là mẫu cho bản tính chúng ta sẽ đặt nơi chúng ta đặt tính này vì chính Ngài đã phán : "Nơi điều này mọi người biết các con là môn đệ Thầy, là các con hãy yêu thương nhau ". Vậy nếu thiếu tình yêu, toàn bộ các nét hình ảnh trong chúng ta đều bị bóp méo biến dạng.

(Việc sáng tạo con người; chương V - JC. Đề đọc LSGH I p 16)

THÁNH GIOAN KIM KHẦU

Kitô hữu phải lưu tâm đến ơn cứu độ anh em mình

Đức Kitô không cho Thánh Phaolô thoát những nguy hiểm. Ngài muốn trí tuệ con người được xử dụng tới đa. Ngài muốn dạy chúng ta rằng các tông đồ cũng là người như ta và ân sủng không thay ta làm tất cả, kéo người ta xem các tông đồ như các mẫu gỗ. Chính nhờ đó, hoạt động của các ngài mới càng sinh động. Đến lượt chúng ta hãy làm như thế để phục vụ

ơn cứu độ anh em mình. Sẵn sàng chịu đau khổ vì ơn cứu độ anh em, việc đó không kém giá trị việc tử đạo. Không có gì làm đẹp lòng Thiên Chúa hơn.

Không gì lạnh lẽo bằng một tính hữu không lo cứu người khác. Bạn đừng lấy cố nghèo, bà góa với hai đồng xu sẽ khóa mồm bạn lại. Thánh Phêrô đã nói : vàng bạc tôi không có, còn thánh Phaolô thì nghèo đến nỗi thường xuyên đói và thiếu lương thực. Bạn có thể nại đến lý lịch tâm thường, các tông đồ là những người vô danh sinh bởi cha mẹ vô danh.

Cũng đừng than mình kém văn hóa, các tông đồ ngay cả đọc cũng không biết. Bạn là nô lệ hay người sống ngoài pháp luật vẫn luôn có thể làm theo khả năng. Đó là trường hợp Ônêsimo (...) Và bạn thấy đó, thánh Phaolô đã gọi anh vào vinh dự nào, Ngài nói "Đề anh ta tham gia vào hàng ngũ của tôi ". Bạn đừng lấy cố bệnh. Timôtê thường xuyên bệnh. Hãy nghe thánh Phaolô : "Anh nhớ dùng chút rượu để giảm cơn đau bao tử đi ".

Mỗi người đều có thể hữu ích cho tha nhân, nếu người đó muốn làm tốt cho những kẻ thuộc về mình (...). Ai chỉ lo lợi riêng tư là kẻ vô ích. Ngay cả các thiếu nữ trinh bạch, đẹp đẽ đạo đức mà không hữu ích cho ai, thì vì chính điều đó họ bị thiêu đốt. Cũng thế, với những kẻ không cho Đức Kitô ăn. Nên nhớ Người sẽ không khiển trách họ về hạnh kiểm, tội lỗi hay lời báng bổ; mà chỉ vì không ích lợi gì cho ai. Như kẻ đã chôn nén của bạc mình, đời sống y không có gì khiển trách, nhưng y không làm ích gì cho ai khác.

(Bài giảng XX sách Công Vụ tông đồ - JC. Đề đọc LSGH I, 115)

THÁNH AMBROSIO

Những lời khuyên về cầu nguyện

Giờ đây hãy nghe xem chúng ta phải chứng minh thế nào ... thánh Tông đồ nói : Tôi muốn những người nam cầu nguyện mọi nơi, giờ đôi bàn tay trong sạch không giận giữ không cãi cọ. Và Chúa lại phán trong Tin Mừng : "Khi cầu nguyện con hãy vào phòng mình đóng cửa lại rồi cầu nguyện với Cha của con". Bạn có thấy gì mâu thuẫn không ? Thánh Tông đồ nói cầu nguyện mọi nơi, còn Chúa nói cầu nguyện trong phòng. Nhưng chẳng có gì mâu thuẫn cả ... Bạn có thể cầu nguyện mọi nơi mà luôn luôn ở trong phòng, cái phòng mà ở đâu bạn cũng có. Dù bạn sống giữa lương dân hay giữa người Do thái, ở đâu cũng có căn phòng kín đáo, căn phòng đó chính là tâm hồn bạn. Dù bạn giữa quần chúng, bạn vẫn có trong nội tâm một căn phòng cửa khép và kín đáo.

Khi cầu nguyện bạn vào phòng mình, quả là hợp lý khi nói vào phòng, hãy vào để đừng cầu nguyện như những người Do Thái bị Chúa trách : " Dân này thờ ta bằng môi miệng, còn lòng chúng xa ta". Chớ gì lời nguyện bạn không phải như thế. Hãy chú ý vào lời nguyện, hãy đi sâu vào tâm hồn mình.

Khi cầu nguyện bạn đừng la lớn, đừng phô trương cho đám đông. Hãy cầu nguyện kín nhiệm trong lòng. Tin chắc rằng Đấng thấy tất cả và nghe tất cả, sẽ nghe lời bạn trong nơi bí mật. Hãy cầu nguyện Cha bạn trong nơi bí ẩn, vì Đấng thấy hết mọi điều bí ẩn sẽ nghe lời bạn ...

Vì lý do nào phải cầu nguyện trong nơi bí mật hơn là đọc lớn tiếng ? Cứ nhìn quanh ta. Nếu bạn xin một người thính tai, bạn nghĩ mình phải la lên hay chỉ năn nỉ nhẹ nhàng vừa giọng ? Nếu bạn gặp người điếc, bạn mới phải cất cao tiếng để họ nghe chứ ? Vì thế, ai la lên là đã tin rằng Thiên Chúa chỉ có thể nghe nếu hấn la lớn tiếng và khi khẩn nài, họ đã hạ giá quyền

năng Chúa. Trái lại, ai cầu nguyện trong tinh lặng, đã tỏ niềm tin mình rằng : Thiên Chúa thấu suốt tận đáy lòng, Ngài nghe lời bạn cầu nguyện trước khi bạn thốt ra khỏi miệng.

(Các bí tích, VI, 11-16, JC. Đề đọc LSGH I. p 117)

THÁNH GIÊRONIMO

Lời khuyên về việc dạy một bé gái

Thánh Giêrônimô gửi thư cho một bà bạn về việc giáo dục cháu gái của bà. Hai bà cháu cùng tên là Paula

Khi chọn danh từ để tập cho bé đặt câu, thì đừng bạ chữ nào dạy chữ ấy mà phải chọn cách ý thức với dụng ý nối kết chúng với nhau. Chẳng hạn như tên của các ngôn sứ, các tông đồ : cho học tên tổ phụ bắt đầu từ Adam, theo trình tự như trong phúc âm Matthêu và Luca, để bé vừa học chữ vừa được chuẩn bị cho tương lai..

Nên trao phó việc giáo dục cho một trinh nữ nhiều kinh nghiệm, mẫu mực về đức tin và về ngôn hạnh, cô sẽ dạy dỗ bằng gương sống của mình, tập cho bé thức dậy ban đêm để cầu nguyện và đọc thánh vịnh, hát thánh thi vào lúc tinh sương, với giờ kinh thứ ba, thứ sáu, thứ chín, và cuối cùng thấp lên ngọn đèn nhỏ dâng hiến vào chiều hôm.

Thay cho vàng bạc, lụa là, hãy dạy bé yêu mến Sách thánh. Bé mê Sách thánh, không phải vì bìa da Babylone hoặc bìa mạ vàng, nhưng vì sự rõ ràng chuẩn xác và đầy ý nghĩa của bản văn. Trước hết bé nên học thánh vịnh. Nhờ thánh vịnh bé sẽ tránh khỏi các bài hát đời; và sách châm ngôn sẽ dạy bé cách sống. Với sách giảng viên, bé sẽ học khinh chê sự vật trần thế. Qua sách Gióp bé ham mê, gắn bó với tấm gương can đảm và kiên nhẫn.

Tiếp theo, hãy bé bước vào sách Tin Mừng, mà từ nay bé không bao giờ được rời tay; rồi với thành tâm thiện chí bé giải khát nơi sách Tông đồ công vụ và các thánh thư. Khi kho lẫm tâm hồn bé đã chứa chan của cải châu báu đó rồi, hãy giúp bé lãnh hội các sách tiên tri và bộ bảy sách đầu của Kinh thánh, rồi đến sách Các Vua, sách Sử Ký, Edras và Esther. Cuối cùng, không còn gì nguy hiểm nữa, bé có thể học hỏi Diễm Tình Ca. Nếu bắt đầu học mà dùng sách này, tâm hồn bé có nguy cơ thương tổn, vì chưa có thể hiểu được rằng đây là bài ca hôn lễ thiêng liêng, được che dấu dưới ngôn ngữ phạm tục. Bé cũng cần đề dặt với các sách ngụ thư. Nơi các sách này phải khôn ngoan lắm mới đãi được vàng trong vũng bùn.

(JC. Đề đọc LSGH I, p 118)

VỀ NGUỒN CÁC GIÁO PHỤ

Khi nghiên cứu về công đồng Vaticanô II, chúng ta thấy cách về nguồn các giáo phụ của Giáo hội hiện nay :

1/ Trừ hiến chế về Giáo hội và Mạc khải, nơi các bản văn giáo phụ được trích dẫn phong phú, còn các văn bản khác của Vaticanô II rất ít trích và hầu như không trích dẫn trong hiến chế mục vụ.

2/ Thế nhưng các văn bản ấy được soạn theo "cách trình bày" của các giáo phụ, nhấn mạnh về lịch sử cứu độ và thái độ cởi mở trước những giá trị trần thế.

3/ Nói khác đi, về nguồn giáo phụ, Vaticanô II không lặp lại lời của các Ngài cho bằng noi gương các Ngài, sống như các Ngài trong hội nghị, trong việc soạn văn bản và dự phóng hoạt động.

Phân tách thái độ các giám mục tại công đồng ít ra chúng ta rút ra được 5 bài học sau :

- Đức Kitô nguồn mọi mạc khải
- Yêu mến Đức Kitô qua Kinh Thánh
- Vai trò phụng vụ
- Canh tân sức mạnh của Thần Khí
- Mầu nhiệm Giáo hội hoàn cầu

1. Đức Kitô, nguồn mọi mạc khải

Trong hiến chế mạc khải, công đồng khẳng định Thánh Kinh, Thánh Truyền là hai nguồn mạc khải phân biệt chứ không tách biệt, cả hai đều phát xuất từ nguồn mạch duy nhất, có thể nói là nên một vì khởi từ một nguồn chung là con người Đức Giêsu "trung gian và là sự sung mãn của toàn bộ mạc khải" (Số 2). Trước đây khi đối đầu với Tin Lành, có lúc Giáo hội quá nhấn mạnh truyền thống đến như ngang hàng với Kinh Thánh, rồi vô tình phân ly hai nguồn mạch và chỉ lưu tâm đến việc sử dụng Thánh kinh và Truyền thống, quên mất sự tuôn trào của nguồn mạch chung là Đức Kitô.

II. Các giáo phụ với Kinh Thánh

Công đồng học theo gương các giáo phụ đã coi Kinh Thánh là khởi điểm, là trung tâm và là kết luận của mọi suy tư. Các giáo phụ là các nhà chú giải Thánh kinh không biết mệt, ngay trong các bài minh giáo và hộ giáo, Thánh Kinh vẫn là tiêu chuẩn tối hậu. [size] Vaticano II đặt lại vị trí đúng mức của Thánh Kinh

1/ Tổ chức suy tôn Lời Chúa :

Đức Phaolô VI rước Kinh Thánh trên trán, cổ vũ suy tôn Lời Chúa.

2/ Nhấn mạnh công thức của thánh Giêrônimô

'Ignoratio Sripturarum, ignoratio Christi ' .

3/ Kinh Thánh là linh hồn của thần học, của giáo lý và của phụng vụ.

4/ Những trích dẫn Kinh thánh dồi dào trong các văn kiện

Thực ra, cho đến thế kỷ XIII trong Giáo hội, thời của các tiến sĩ kinh viện lớn như Anbêto, Tôma, Bônaventura, Kinh Thánh vốn là nguồn mọi suy tư thần học, kể cả khi các nhà thần học khảo cứu triết học của Aristote ...

III/ Phụng Vụ : Trung tâm mọi hoạt động và giáo huấn

Các giáo phụ luôn hăng hái phục vụ bàn tiệc Lời Chúa và Thánh Thể. Di sản các bài giảng giáo phụ đã lấy chất liệu từ chu kỳ phụng vụ và nhằm đưa Kitô hữu vào đời sống Bí tích. Vaticanô II đã đặt lại tầm quan trọng của phụng vụ, địa phương hóa phụng vụ để mọi người đều có thể tham gia cách tích cực, phân phối các bài đọc Kinh Thánh đầy đủ theo chu kỳ hai và ba năm, cổ vũ việc giảng và giải thích trong các thánh lễ, cũng như việc giúp giáo hữu sống chu trình phụng vụ và Bí Tích.

IV/ Mầu nhiệm Giáo hội Công giáo

Nếu xưa kia các giáo phụ ở nhiều miền khác nhau đã liên đới trách nhiệm cách chặt chẽ, Th. Ignatio gửi thư cho bảy giáo đoàn, Thánh Augustino là trung tâm miền Phi châu... Các vị ý thức trách nhiệm với việc chung của Giáo hội xảy ra tại các địa phận khác (đặc biệt khi có lạc giáo, và tham dự các công đồng) ...

Thì nay, các giám mục không chỉ họp để đồng trách nhiệm trong các "công đồng chung", mà còn đề xướng tổ chức hội đồng giám mục quốc gia để giải quyết các việc trong nước, hội nghị giám mục từng châu lục địa và cứ ba năm lại có thượng hội đồng giám mục thế giới ... Biểu hiện tính liên đới phổ quát hơn.

V/ Canh tân, cập nhật hóa, vai trò Thánh Thần

Vaticano II được tiến hành với bầu khí tin tưởng vào Chúa Thánh Thần. Đức Gioan XIII đã mở cửa sổ cho luồng gió mới ulla vào. Văn bản của Vaticano II rất ít mệnh lệnh, không hề có vạ tuyệt thông, luôn mở ngõ cho thế giới, mở ngõ để đo lường thành quả ...

Có người coi công đồng như một thi hứng, một đà tiến, một luồng gió. Dĩ nhiên thi hứng vẫn phải diễn đạt qua thơ, đà tiến phải xác định một hướng và gió cần có cột buồm, nhưng văn bản của Vaticano II là hiện thân của tinh thần đối thoại, chấp nhận thay đổi thường xuyên để cập nhật hóa.

Ở đây, một lần nữa ta thấy bài học của các giáo phụ. Các vị xưa đã lưu tâm đến thời đại của mình. Giải quyết những khó khăn đang xảy ra và không sao lãng giá trị của lao động, tổ chức trần thế. Sống đức tin, các vị đã đóng trọn vai trò với giai đoạn lịch sử của mình, để tạo nên giáo hội Trung cổ. Đến khi người ta chỉ lo sưu tầm những ý kiến của những bậc tiền bối thì đó là thời suy vi của thế kỷ VII và VIII rồi.

II/ Giáo Hội thời trung cổ sáu thế kỷ Âu Châu Ki-Tô Hoá

Phần II: GIÁO HỘI THỜI TRUNG CỔ SÁU THẾ KỶ ÂU CHÂU KI-TÔ HÓA

(Thế kỷ VI - XI)

I. GIÁO HỘI THỜI ROMA BỊ XÂM CHIẾM

1,1. Những ông chủ mới của đế quốc

Đầu thế kỷ V, nhiều nhóm dân German vượt sông Danube và Rhin tiến vào đế quốc. Năm 410, Alaric (Visigoth) chiếm được thủ đô Roma, rồi đưa dân đến định cư ở miền nam nước Pháp và Tây Ban Nha. Nhóm Vandale thì chiếm Bắc Phi. Năm 430, thánh Augustino qua đời tại Hippone đã bị chiếm đóng. Carthago thất thủ năm 439. Sau đó, đến lượt đạo quân Hung nô của Attila viễn chinh sang Tây phương. Năm 452 Roma thoát được tai nạn Hung nô nhờ tài ngoại giao của Đức Leo Cả, nhưng chỉ ba năm sau thì bị người Vandale của Generic từ Bắc Phi lên tàn phá.

Cuối cùng, năm 476, một thủ lĩnh Man Dân là Odoacre truất phế hoàng đế Romulus Augustus. Thế giới Roma Kitô giáo chấm dứt. Đế quốc phần Đông phương vẫn tồn tại, trong khi Tây phương bị chia năm xẻ bảy thành những vương quốc Man Dân.

1,2. Thực chất việc xâm lăng

Thực ra các nhóm Man Dân không có những đội quân tinh nhuệ. Trong nhiều thế kỷ trước họ đã tạm chiếm một số khu vực vùng biên giới để ổn định đời sống cho gia đình. Họ tiến công vì thú mao hiểm, vì tham lam sự giàu có của đế quốc, vì ước mơ nếp sống văn minh, cộng với lợi thế thực tế, trước đây họ đã hiện diện đông đảo trong quân đội Roma, đã từng được chính các hoàng đế sử dụng để lật đổ lẫn nhau.

Thế nhưng sâu xa hơn, họ chiến thắng vì sự suy yếu của Roma. Giám mục Eucher thành Lyon nói về Roma "ôn dịch, đói kém, hoang tàn và sợ hãi". Thời Roma hùng mạnh với những pháo đài kiên cố, binh sĩ kỷ luật và tài ngoại giao khéo léo đã qua rồi. Năm 395, hoàng đế Théodose chia đôi đế quốc cho hai con trai là Honorio 11 tuổi phía Tây, và Arcadius 18 tuổi phía Đông. Nội các của hai tiểu vương chia rẽ ghen ghét lẫn nhau. Các viên chức thì thiếu khả năng lại tham nhũng. Người thu thuế đông hơn người nộp thuế.

Sử gia Orosius viết : "Dân Roma nhiều người thà sống với dân Man di hơn là chịu sự cao thuế nặng". Salvianus viết mạnh hơn : "Dân nghèo đầy thất vọng, họ mong chờ kẻ thù đến họ xin Thiên Chúa sai Man Dân đến với họ".

1.3. Tìm một định hướng lịch sử

Trước biến cố Roma sụp đổ, các giám mục có những phản ứng khác nhau. Mới đầu nhiều vị như thánh Giêronimo than tiếc, trách móc trước cái chết của Kinh Thành muôn thuở. Dần dần các vị củng cố lại niềm tin cho các tín hữu.

Có vị giải thích biến cố như hình phạt của Chúa : "Tội và nét xấu của chúng ta là sức mạnh của Man Dân". Giám mục Orens nói : "Kể lể làm chi đám ma của một thế giới đã sụp đổ theo định luật bình thường của những gì phải chết". Có vị lạc quan hơn như tác giả cuốn "Lời kêu gọi muôn dân", khi nhận định : "loạn ly làm gia tăng người xin rửa tội, làm tín hữu nguội lạnh thành sốt sắng. Các tù nhân Kitô hữu đã thuyết phục kẻ chiến thắng theo Phúc âm, cho man dân hướng nền Giáo dục Kitô. Bởi vì không có gì ngăn cản được hiệu quả của ân sủng".

Các nhà thần học thì khẳng định lịch sử luôn thuộc quyền của Thiên Chúa, Thánh Augustino qua cuốn "Thành đô Thiên Chúa" mở ra cho mọi người một viễn tượng mới về Nước Thiên Chúa gồm những người đã tái sinh trong Đức Kitô. Nước đó vượt qua ranh giới của đế quốc và dành cho mọi sắc dân. Đức Kitô muốn xã hội mới được tổ chức hoàn toàn dựa vào Tin Mừng. Các vua phải phục vụ công ích và công lý, phải tạo điều kiện cho nhân dân sống theo mục đích siêu nhiên của ơn cứu độ. Thành đô Thiên Chúa sẽ thay thế Đế quốc.

Khi Man Dân xâm chiếm, các giám mục được mệnh danh là những nhà bảo vệ đô thị. Thánh Germano cản Alano không phá hoại mạn Tây Gallia. Thánh Leo bảo vệ Roma khỏi nạn Attila; các giám mục Exuper, Lupo, Aignan tổ chức phòng thủ cho Toulouse, Troyes và Orléans. Nhưng khi Man Dân đã đến, các ngài bênh vực quyền lợi người dân, giúp hồi hương và chuộc lại các tù binh. Thánh Augustino khuyên các giáo sĩ ở lại với tín hữu. Các giám mục Phi-châu sẵn sàng đàm phán với các lãnh tụ Vandale. Đức Gregorio nối kết tình hữu nghị với dân Lombard. Tại Gallia, dân Roma và Bourgonde sống thông cảm thành thực là nhờ giám mục Avis ; tại Ý sự hòa hợp giữa dân và nhóm Goth cũng nhờ công của thánh Epiphani.

II. TỪNG KHÓI DÂN ĐÓN NHẬN TIN MỪNG

"Nhu ông làm tổ thế nào, các giám mục đã làm nên những quốc gia Âu Châu như vậy". Đó là cách mục sư Luther diễn tả đặc tính của sáu thế kỷ Âu Châu Kitô hóa, Giáo hội đã chinh phục từng miền, từng khu vực.

Giai đoạn đầu : Thường nhờ uy tín các giám mục, nhờ trung gian các nữ hoàng, đôi khi nhờ phép lạ khiến một vị vua đón nhận Tin Mừng, kéo theo cả khối dân xin rửa tội.

Giai đoạn sau : nhờ các đan sĩ truyền giáo hăng say, kiên nhẫn cảm hóa nhân tâm bằng tài thuyết phục, bằng mẫu gương đời sống thánh thiện, bằng tài tổ chức và nhất là qua sinh hoạt đan viện nâng cao đời sống vật chất cũng như văn hóa quần chúng. Dần dần hầu hết các chủng tộc Âu-Châu đón nhận Giáo lý Phúc Âm.

2.1. Khối German theo đạo

Dân Gallia : Vua Clovis, nhờ cầu nguyện với Chúa của nữ hoàng Clotilda, đã thắng quân Alaman, nên Vua quyết định theo đạo. Noel 498, Vua và 3.000 tùy tùng xin rửa tội khai mở một thời kỳ mới trong lịch sử. Hoàng đế, được coi như Constantin thứ hai, đã hỗ trợ Giáo hội Pháp phát triển nhanh chóng. Các cơ sở, thánh đường, trường học, bệnh viện mọc lên khắp nơi. Luân lý Kitô giáo do các Hội nghị Giám mục miền phổ biến, được Đức Vua phê chuẩn, có hiệu lực như đạo luật quốc gia.

Thế kỷ sau, các nhóm Ario Visigoth : dân Bourgond, Suève lần lượt gia nhập Giáo hội. Dưới sự hướng dẫn của thánh Leandro, các Bộ Luật Tây Ban Nha ở Toledo dựa theo các qui luật của Phúc Âm. Giáo hội Tây Ban Nha nhờ đó phát triển vững chắc, đủ sức đương đầu với các thế lực Hồi Giáo sau này (711-1492).

Tại Ý, dân Lombard chiếm Roma năm 568 và xin theo đạo đầu thế kỷ sau. Nhưng vì những bất đồng về chính trị, họ xâm chiếm lãnh địa của giáo hoàng. Vua Pháp Pépin đem quân giải cứu, sau đó tặng Giáo hoàng lãnh địa Pherô, Ravenna và năm tỉnh khác. Đó là nguồn gốc Nước Tòa Thánh (756-1870), một thế lực và cũng là nỗi khổ lâu dài của Giáo hội.

Với nước Anh, Đức Grêgorio đã đào tạo một số nô lệ Anglo để phái về quê giảng đạo, nhưng thất bại. Sau ngài cử thánh Augustino viện phụ (+605) cùng 40 đan sĩ đi truyền giáo. Ngài đưa ra các chỉ thị khôn ngoan về thích nghi : "Đừng phá các chùa chiền, chỉ cần dời những tượng thần, rảy nước thánh hóa, xây bàn thờ và đặt xương thánh lên trên. Với các đền thờ kiên cố, chỉ cần chuyển việc thờ thần qua việc phụng tự Thiên Chúa... Người dân sẽ dễ dàng tụ tập tại những nơi cha ông họ thường lui tới". Chỉ trong vài chục năm (597-680) bảy nước thuộc Anh đã tòng giáo.

Ái Nhĩ Lan, đảo các thánh, ghi đậm dấu chân thánh Patricio (+461) kiên nhẫn thuyết phục các tù trưởng, thầy pháp và các thi sĩ. Thánh Columban (+615) hoàn tất việc truyền giáo tại đây, lập nhiều đan viện, cung cấp nhiều vị thừa sai cho Châu Âu lục địa, để cùng với các đan sĩ Anglo hoạt động tại Ý, Hà Lan, Đan Mạch, Na Uy...

Riêng Đức quốc, luôn ghi nhớ công ơn thánh Bonifacio (+755). Nhờ tài tổ chức thánh nhân đã biến những đồng lầy thành làng mạc trù phú, chọn vị trí đặt Tòa giám mục và Đan viện. Chẳng bao lâu các vùng đó trở thành những đô thị lớn và quan trọng.

Dần dần ở Tây Âu, văn hóa Kitô giáo ngoài yếu tố Hy Lạp, thu nhận thêm các đặc tính German. Số giáo xứ miền quê gia tăng nhanh chóng ảnh hưởng đến niềm tin "bình dân" của tín hữu : các lễ cầu mùa, khăn cầu phép lạ, thờ kính các thánh...

2.2. Khởi Slaves theo đạo

Ngay khi khởi Slaves vừa định cư ở Đông Âu (T.kỷ VIII) cả hai phía Hy Lạp - La tinh đều chung sức đem Tin Mừng đến cho các dân tộc này. Các thừa sai Đức từ Bavière đến truyền giáo ở Bohême và Moravie. Trong khi đó, giáo chủ Constantinople, theo yêu cầu của một ông hoàng xứ Moravie, đã gửi đi hai anh em quê thành Thessalonica biết rành tiếng Slaves là Methodo và Cyrillo (863).

Đến nơi hai vị này sáng lập mẫu tự Slave theo Hy ngữ, dịch Kinh Thánh và Phụng vụ ra ngôn ngữ địa phương. Các giám mục Bavière phản đối vì cho rằng phụng vụ chỉ được phép cử hành bằng ba ngôn ngữ ghi trên đầu Thánh Giá là Do thái, Hi Lạp và La tinh (Ga 19,20). Hai anh em liền về Roma và được đức Gioan VIII cho phép. Theo ngài thì "chớ gì Lời Kinh Thánh được hoàn tất, chớ gì mọi ngôn ngữ đều chúc tụng Thiên Chúa". Thánh Cyrillo qua đời tại Roma. Thánh Methodo được đặt làm tổng giám mục Moravie. Sau khi ngài qua đời, các giám mục German xúi giục đức Stephano V kết án phụng vụ Slave (năm 885).

Tại Bungari, vua Boris theo đạo năm 864, nhưng có khuynh hướng Giáo hội độc lập. Năm 866 đức Nicolas I cử hai giám mục Formosus và Paulus, đặt tòa ở Bungari. Năm 870, Vua lại xin Byzantin đặt nhiều giám mục Hy Lạp. Sau 885, Vua tiếp nhận các môn đệ thánh Methodo tị nạn và phổ biến phụng vụ tiếng Slave. Thái tử Vladimir dự định đưa dân trở lại thần giáo, vua liền truất quyền và truyền ngôi cho con thứ. Sau cùng vua Simeon hoàn tất việc lập tòa giáo chủ tại Achrida năm 918.

Tại Ba Lan, khi tướng Mieszko (960-992) xin rửa tội theo vợ là Dombrowska năm 966, cả nước cùng theo đạo. Kế vị ông, Boleslas I đã xin lập tòa giám mục năm 1000. Nhưng sau đó, ở Ba Lan có phong trào trở lại thần giáo cho đến khi Vua Casimir I tổ chức Giáo hội ổn định năm 1040.

Hungari theo đạo muộn hơn (năm 1001), nhưng phát triển nhanh và vững chắc nhờ vua thánh Stêphano. Nhà vua và con trai Emeric, sau được đức Gregorio VII suy tôn hiển thánh.

Riêng tại nước Nga Kiev, nữ Công Tước Helena Olga đã được rửa tội tại Constantinople năm 957. Bà không ngừng cầu xin cho dân Nga được ân thánh cảm hóa. Năm 988, cháu nội của bà là Vladimir đã hô hào toàn dân xuống sông Dniepr để tiếp nhận lễ rửa tội. Vua Vladimir tự chọn theo giáo chủ Byzantin vì ưa thích phụng vụ Constantinople hơn, và vì muốn học theo văn minh của khu vực này, đang khi tình hình chung của Tây Âu bị xuống dốc.

III. GIÁO HỘI THỜI CAROLO

3.1. Hoàng đế Charlemagne

Sau khi Charles Martel đẩy lùi quân Ả-Rập ở Poitiers năm 732 và Avignon năm 737, ông bắt đầu triều đại Carolingien (751-987) thay thế triều đại Mérovingien. Con trai ông là Pépin Le Bref được đức Stêphano II xức dầu năm 754 tại nhà thờ Saint Denis, sẽ đem quân cứu Roma

khỏi quân Lombard và tặng cho ngài Nước Tòa Thánh. Giáo hoàng trở thành vua dưới sự bảo trợ của Vua Pháp.

Hoàng đế Charlemagne (768-814) hoàn tất tham vọng của tổ tiên là tái lập đế quốc Tây phương. Hoàng đế đuổi người Ả-Rập khỏi vùng Bắc Tây Ban Nha, cưỡng bách dân Saxe theo đạo (785). Đức Leo III, sau khi nhờ Charlemagne minh oan đã gởi Hoàng đế chìa khóa Đền thờ Pherô và hiệu kỳ Roma.

Năm 800, ngài đặt vương miện vàng cho Hoàng đế trước mộ thánh Phêrô, đưa ông lên đỉnh cao danh vọng. Biến cố đánh dấu việc Roma thoát ly khỏi ảnh hưởng chính trị của Byzantin. Tòa Thánh bắt tay với nhà Carolo. Một xã hội mới bắt đầu với hai thủ lĩnh là Giáo hoàng và Hoàng đế, cùng đại diện Thiên Chúa để phục vụ con người.

3.2. Tổ chức, sinh hoạt Giáo hội

Charlemagne đồng hóa tôn giáo với chính trị. Ông coi truyền giáo là mở rộng biên cương và bành vực đạo là bảo vệ xã tắc. Dân phải trung thành với Hoàng đế lẫn Giáo Hoàng. Vua chọn các giám mục và đan viện trưởng như các viên chức cao cấp của triều đình. Giáo hội chỉ giữ hai đặc quyền : đặt vương miện cho hoàng đế, quyền đề cử và truyền chức. Dân chúng tại Saxe bị cưỡng bách giữ đạo, dù rằng họ sẽ bỏ đạo, khi triều đình không còn mạnh như trước.

Điều tích cực nhất của Charlemagne là đẩy mạnh phong trào văn hóa. Ông mở hàn lâm viện ở Aix la Chapelle mà đa số thành viên là các đan sĩ. Các vị này là cố vấn Hoàng đế, đã ảnh hưởng không nhỏ đến luật lệ trong nước. Thế nhưng Thánh Benedicto d'Anian phải cố gắng lắm để lấy lại được truyền thống bầu đan viện trưởng. Ngoài ra Charlemagne còn buộc dùng La ngữ trong các trường. Giáo hội ủng hộ ông và đi tiên phong trong việc giáo dục, tổ chức đào sâu hơn về Kinh Thánh, Giáo Phụ và Phụng Vụ. Thần học nhờ đó tái xuất hiện.

Phụng vụ Giáo hội có một số thay đổi : thống nhất cử hành bằng La ngữ dù dân không mấy người hiểu. Họ tham dự như dự những cuộc lễ bí mật, long trọng và thiêng thánh. Các nghi thức chữ đỏ đều thành luật như việc dùng bánh không men, linh mục dâng lễ quay lên (hướng Đông). Việc xưng tội riêng được các đan sĩ Ái Nhĩ Lan phổ biến.

Ngoài lợi tức ruộng đất, Giáo hội còn có ngân khoản thuế thập phân (1/10 lợi tức) thường được chia ba : cha sở một, giáo xứ một, còn lại để giúp người nghèo. Giáo hội, nhất là các đan viện, đảm nhiệm nhiều cơ sở cứu tế xã hội và bảo đảm công ăn việc làm cho nhân dân trong vùng.

Tuy nhiên, càng liên kết với nhà Carolo, hai Giáo hội Đông - Tây càng xa nhau hơn, vì phía Constantinople chỉ coi Charlemagne là kẻ tiếm quyền

TOÁT YẾU

1. Đầu thế kỷ V đế quốc Tây Roma bị xâm chiếm bởi các sắc dân phía Bắc (German : Franc, Anglo-Saxon, Suève, Lombard...) và phía Đông (Hung Nô). Thế kỷ VIII, các sắc dân Slave (Russo, Tiệp, Bungar...) ổn định tại Đông Âu. Năm 476, Odoacre truất phế hoàng đế Romalus. Đế quốc Đông phương vẫn tồn tại đến thế kỷ XV.

Trong hoàn cảnh đó, các Giám mục có vai trò rất quan trọng để định hướng cho lịch sử. Từ những nhà bảo vệ đô thị, các vị ổn định nhân tâm, bênh vực người khốn khổ hoặc trung gian hòa giải với những ông chủ mới.

2. Từng khối dân đón nhận Tin Mừng.

Giáo hội đã cảm hóa từng dân tộc : giai đoạn đầu nhờ uy tín các Giám mục, nhờ trung gian các nữ hoàng hoặc do phép lạ khiến nhà vua đón nhận Tin Mừng kéo theo cả khối dân theo đạo; giai đoạn sau nhờ các đan sĩ nhiệt tình, cảm hóa nhân tâm bằng tài thuyết giảng, bằng gương sáng và nhất là qua tổ chức đan viện nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của họ.

3. Giáo hội thời Carolo

Năm 800, Charlemagne được xức dầu phong hoàng đế mở đầu một giai đoạn mới. Từ nay Giáo hội Tây Âu có hai thủ lĩnh là Giáo Hoàng và Hoàng đế. Hoàng đế xen vào nội bộ, chức sắc Giáo hội, ngược lại Giáo hội có hoàn cảnh đóng góp đặc biệt trong mọi tổ chức văn hóa lẫn kinh tế. Latinh trở thành ngôn ngữ chính thức.

23-05-2009 09:18 AM

#12

nmt

Ban Quản Trị

Cấp bậc: Huynh Trưởng

Tham gia ngày:

08/04/2009

Giới tính:

Nam

Đến từ:

Nhà ba má :)

Bài gửi:

843

Thích:

767

Có 228 bài viết được thích 843 lần

Bối cảnh phát sinh Chính Thống Giáo

BỐI CẢNH PHÁT SINH CHÍNH THỐNG GIÁO

(Thế kỷ IX - XI)

I. GIÁO HỘI THỜI PHONG KIẾN TÂY ÂU

1.1. Sự tan rã của đế quốc Carolo

Qua hòa ước Verdun năm 843, đế quốc Charlemagne bị chia ba cho ba người con trai của vua Louis Mộ Đạo. Phần của vua Charles le Chauve sau là nước Pháp, phần của Louis sau là nước Đức, còn vùng Lotharingie của Lothaire trải dài từ Bắc xuống Nam Ý. Chế độ chư hầu được thay bằng chế độ phong kiến cát cứ. Nhà vua không có thực quyền trên đất các lãnh chúa khác. Mỗi ông hoàng làm chủ một khu vực với toàn quyền xây dựng, tổ chức quân đội, để tự bảo vệ đất của mình và bành trướng ảnh hưởng khi có thể.

Đã thế, Tây Âu còn gặp những cuộc xâm lăng mới. Phía Bắc, dân Normand tràn xuống. Phía Đông, dân Magyar và Hungare lần chiếm đến tận Bourgogne và lập ra nước Hungari (906). Mạn nam nhóm Sarrasins (Hồi Giáo) làm chủ tỉnh hình bờ biển Italia và tỉnh Provence gần một thế kỷ (888-975), từng bắt cóc đan viện phụ Maieul dòng Cluny để làm con tin.

Đức Gioan VIII (872-882) nỗ lực củng cố vương quyền cho vua Pháp (875) nhưng Charles le Chauve chỉ làm hoàng đế được hai năm, còn Charles le Gros thì bắt lực trước các cuộc xâm lăng. Từ nay, ngôi Giáo hoàng bị giới quý tộc Roma chi phối cho đến khi thành lập đế quốc La-Đức năm 962.

1.2. Sự lộng hành của quý tộc Roma

Cuối thế kỷ IX, ngôi Giáo hoàng bị ông hoàng xứ Spoleta quấy nhiễu. Vì đức Formoso (+896) trao vương miện cho Arnulf người Đức thay vì Lambert người Spoleta, ông vu cáo ngài lên ngôi bất hợp pháp. Đức Stephano VI bị ép lập tòa xử. Nạn nhân bị đào mộ, đưa ra tòa xử, bị tuyên án truất chức và thả xác trôi sông. Chưa đầy hai năm (896-898) Giáo hội có đến sáu giáo hoàng. Về sau đức Formoso được đức Gioan IX (898-900) phục hồi lại danh dự.

Đầu thế kỷ X, giáo triều bị chi phối bởi hai mẹ con bà Theodora và Marozia, là vợ và con gái Theophilaco, người nắm toàn quyền hành chính lẫn quân sự ở Roma từ năm 900-915, Marozia tư tình và có con với Sergio III (+911). Chính bà đã cho thủ tiêu Gioan X (914-928) vì ngài chống bà, rồi đưa lên ngôi hai giáo hoàng ngắn hạn. Năm 931, bà cho con ngoại hôn với Sergio lên ngôi giáo hoàng là Gioan XI. Chồng bà, Albêric (+932) cũng là quan toàn quyền. Khi bà tái hôn lần thứ ba, con trai bà là Albêric II nổi dậy, bắt giam mẹ và Gioan XI vào ngục tối. (Một vài sử gia đặt ra chuyện nữ Giáo hoàng Gioanna vào thời kỳ này, nhưng không có bằng chứng đầy đủ).

Albêric II (+955) đưa lên ngôi giáo hoàng năm vị. Ông có công cộng tác với đức Lêo VII và thánh Odon để mở mang dòng Cluny. Nhưng cuối cùng ông cho con trai là Octavian mới 18 tuổi lên chức vị giáo hoàng, lấy hiệu Gioan XII (955-964). Toàn thể Roma chán nản về đời tư của vị giáo hoàng bất xứng này. Dầu sao, đức Gioan XII cũng chấm dứt được giai đoạn "70 năm với 20 giáo hoàng" qua biến cố thành lập đế quốc La Đức.

1.3. Thánh đế quốc La Đức (962-1806)

Đế quốc La Đức khởi đầu bằng nghi thức phong vương cho Otton I (936-973). Tương tự thời Carolo, hoàng đế sẽ được Giáo hoàng đặt vương miện và được mọi người tuyên thệ trung thành. Việc bầu giáo hoàng phải được hoàng đế chấp thuận. Hoàng đế cũng nhận giải quyết những tranh chấp trong nội bộ Giáo hội. Tuy nhiên, đế quốc La Đức không có quyền hành tập trung như thời Charlemagne. Các vùng Anh, Pháp, Tây Ban Nha vẫn đứng ngoài đế quốc.

Từ 962-1056, đế quốc La-Đức được cai trị bởi những hoàng đế rất "đạo đức". Các ông quan niệm hoàng đế và giáo hoàng phải chung lo hạnh phúc của người dân đời này lẫn đời sau. Dưới thời đức Sylvestrê II (999-1003), hoàng đế Otton III đã thiết lập một đế chế liên hiệp các dân tộc độc lập tự ý thống nhất dưới quyền giáo chủ Roma. Nước Hungari của vua Stêphano và Ba Lan của vua Boleslas vui vẻ sát nhập mà không bị lệ thuộc thế lực nào.

Trong bối cảnh được nâng đỡ đó, Giáo hội Đức bước vào thời hoàng kim với nhiều đại thánh đường, các dòng tu phát triển, đức tin lan rộng đến Ba Lan, Bohemia cũng như ở nhiều nước Bắc Âu như Na Uy, Thụy Điển ... Thế nhưng giới quý tộc Ý vẫn còn chi phối ngôi giáo hoàng. Sau năm 962, dòng họ Theophilaco cũng có ba giáo hoàng (Benedicto VIII, Gioan XIX và Benedicto IX), ba giáo hoàng khác bị dân Ý ám sát là Benedicto VI, Gioan XIV và Damaso II. Mãi đến năm 1059, đức Nicolas II, theo đường hướng các vị tiền nhiệm, dành lại quyền bầu giáo hoàng cho Hồng y đoàn, sẽ là khúc ngoặt mới trong lịch sử Giáo hội.

1.4. Giáo hội thời phong kiến

Do tác động của xã hội, tổ chức của Giáo hội cũng pha màu phong kiến : mỗi chức vụ thường kèm theo đất đai, bổng lộc, tước lãnh chúa (lớn hoặc nhỏ), quyền tài phán trong vùng và quyền lập quân đội. Vì thế, chức vụ Giáo hội trở thành món mồi hấp dẫn và việc tuyển chọn giáo sĩ phát sinh nhiều lạm dụng. Vì thường giám mục không có con thừa kế, nên khi ngài qua đời là có chuyện lộn xộn, tranh dành. Ông hoàng chịu trách nhiệm chọn giám mục mới ít khi dựa theo những tiêu chuẩn thuần túy tôn giáo.

Hậu quả của cơ chế trên thật tai hại. Có ông hoàng chỉ muốn có một giám mục là hiệp sĩ tài ba, có ông dành ghế giám mục cho con cháu thân thích, hoặc tệ hơn nữa, dành cho ai trả nhiều tiền hơn. Tội "mại thánh" gia tăng (Tội Simonie, Cv 8,20), kéo theo tình trạng phóng đảng ngay trong hàng giáo sĩ... Các giáo hoàng giữa thế kỷ XI sẽ phải dùng nhiều biện pháp để thoát ra khỏi tình trạng bi đát này.

Dầu sao Ánh Sáng của Phúc Âm vẫn không chịu để bị che khuất trong bất cứ hoàn cảnh nào. Nhiều viên chức Giáo hội đứng ra hòa giải các ông hoàng. Các ngài nhắc nhở giới quý tộc sống công bằng bác ái (thường được vâng lời, ít là theo nguyên tắc), bênh vực phụ nữ (chống ly dị, chống ngoại tình và quyền ưng thuận trong hôn nhân), cấm cho vay nặng lãi. Nếu Giáo hội do bối cảnh lịch sử, chấp nhận ba hạng người trong xã hội để "cầu nguyện, cày grom và lao động", thì giới cùng đinh trong xã hội là các nông nô vẫn có quyền sở hữu và có gia đình riêng.

Đặc biệt để giảm bớt bạo lực của các vương hầu, Giáo hội đã có nhiều sáng kiến hòa bình qua việc kêu gọi :

- * Hòa bình Thiên Chúa: tha cho kẻ đầu hàng, yếu thế, hạn chế việc đánh lén.
- * Ngày hưu chiến (từ 1017) : cấm chiến tranh một số ngày trong tuần và trong các đại lễ.
- * Tinh thần hiệp sĩ : bằng các nghi thức tôn giáo để thánh hiến, người hiệp sĩ tuyên thệ trừ gian, diệt bạo, bênh vực kẻ cô thế cô thân ...

II. TỪ KHÁC BIỆT ĐẾN CHÍNH THỐNG GIÁO

Việc xuất hiện Chính Thống Giáo năm 1054, bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân xa và gần. Ngoài những dị biệt về tín-lý còn có vấn đề văn hóa, quyền hành lẫn với chính trị.

2.1. Những nguyên nhân làm xa nhau

Hố ngăn cách giữa hai Giáo hội Đông-Tây không ngừng được đào thêm từ biến cố Roma sụp đổ năm 476, việc sử dụng hai ngôn ngữ khác biệt (Hy Lạp - La Tinh) và việc thiếu giao lưu văn hóa khiến hai bên càng ngày càng khó hiểu nhau hơn.

a. Nhìn từ phía Đông phương :

Giáo hội Hy Lạp gắn bó hơn với Constantinople, thủ đô còn lại của đế quốc Roma. Họ không thích Roma can thiệp vào nội bộ. Họ coi dân Tây Phương là man di, vô đạo, thô kệch. Họ phản đối việc các giáo hoàng ủng hộ đế quốc Carolo và La Đức. Đông Phương duy trì phụng vụ của Giáo hội thuở xưa, phản đối những kỷ luật mới do Roma lập ra như việc dùng La ngữ, luật giáo sĩ phải cạo râu ... Giáo hoàng dưới mắt Đông Phương chỉ có ưu thế danh dự. Mỗi địa phương phải có quyền độc lập của mình. Thời phong kiến, họ càng coi thường Giáo hoàng, văn hóa và Hoàng đế Tây Phương hơn nữa.

b. Nhìn từ phía Tây phương :

Các giáo hoàng ngày càng được đề cao theo vai trò kế vị thánh Phêrô. Không thể chấp nhận các hoàng đế Đông phương, dù cho thiện ý, áp đặt giáo lý và kỷ luật cho Giáo hội. Tây phương qua đó nói Giáo hội Đông phương bị tục hóa theo tà đạo. Họ coi phía Hy Lạp đã mất gốc, yếu đuối lại hay "chè sợi tóc làm tu" tranh luận từ ngữ thần học. Việc thống nhất phụng vụ trong nghi lễ và ngôn ngữ là sự thống nhất của Giáo hội đã bị Đông phương coi thường, phản đối, gây chia rẽ.

2.2. Nhiều xung đột giai đoạn

Tất cả những lý do trên quyện lẫn vào nhau trong nhiều xung đột giai đoạn. Chúng ta chỉ lướt qua những biến cố chính :

a. Công đồng Constantinopoli II (553) :

Hoàng đế Juliano áp lực công đồng kết án BA ĐOẠN của ba thần học ở Công đồng Calcêdonia (Theodorus, Theodoret, Ibas) là theo lạc giáo Nestorio. Đức Vigilio bị ép buộc châu phê bản án, nhưng ngài vẫn cương quyết phạt vạ những ai chống công đồng Calcêdonia.

b. Công đồng Constantinopoli III (681) :

Công đồng lên án thuyết Đức Kitô "một ý chí, một hành động" của Sergius, giáo chủ Constantinople, chấm dứt 60 năm tranh luận. Thế nhưng, hoàng đế Constans II, trước đã kết án lưu đày chung thân đức Martinô I (+655) nay trong công đồng, lại gán cho đức Honorio I tội đồng lõa với Sergius.

c. Việc phá ảnh tượng (726-843)

Hoàng đế Lêo III, trước thái độ thờ kính ảnh tượng thái quá của dân chúng, ông cho hủy bức ảnh Đức Kitô trên cửa hoàng cung và cho lệnh hủy tất cả ảnh tượng. Thay vì kiên nhẫn giáo dục, ông rơi vào cực đoan khác là cấm đoán. Cũng có thể ông chịu ảnh hưởng Hội Giáo cấm thờ tượng ảnh, hoặc muốn giảm bớt ảnh hưởng của các đan sĩ, những người bênh vực ảnh tượng.

Việc phá ảnh tượng tàn bạo nhất dưới thời hoàng đế Constantin V (741-775). Nhiều đan sĩ đã chịu bách hại và tra tấn. Năm 787, nữ hoàng Irene triệu tập Công đồng Nicêa II : chính thức cho phép tôn kính ảnh tượng. Thế nhưng cuộc bách hại tuy kém ác liệt hơn đã tái diễn từ

năm 813 cho đến hội nghị Giám mục Constantinople năm 843 mới chấm dứt hẳn. Roma bắt tay với nhà Carolo trong giai đoạn này.

d. Giáo chủ Photius và vấn đề Bungari

Được hoàng đế Michael III đặt làm giáo chủ Constantinople, thay thế giáo chủ Ignatio vẫn đang sống, Photius (858-891) bị đức Nicolas I phủ nhận. Ông liền họp các giám mục để năm 865 đòi cách chức Giáo hoàng, tuyên bố Giáo hội độc lập, bác bỏ nhiều tập tục Tây phương như vấn đề giữ chay, việc dâng lễ với bánh không men, luật độc thân giáo sĩ, việc thêm Filioque vào Kinh Tin Kính (Chúa Thánh Thần bởi Chúa Cha và Chúa Con mà ra). Đến khi hoàng đế Basilio I lên ngôi, Đức Hadriano II triệu tập công đồng Constantinople IV. Theo lời xin của vua Boris, công đồng đặt Giáo hội Bungari trực thuộc Giáo chủ đế đô.

Ngoài ra Chính Thống còn khác Giáo hội Roma nhiều điểm như : Dâng lễ bằng tiếng địa phương ; Giữ Alleluia trong mùa chay, linh mục ban thêm sức cho trẻ em ngay khi rửa tội, giữ chay phải kiêng trứng và bơ, cấm ăn huyết thú vật, giáo sĩ để râu, cấm biểu tượng Chúa Kitô hình con chiên, và tin bánh trở nên Mình Chúa qua lời cầu xin Chúa Thánh Thần.

Sau khi Giáo chủ Ignatio qua đời, Photius được chính thức kế vị, được đức Gioan VIII nhìn nhận với điều kiện trả Bungari về quyền Roma. Phía Hy Lạp họp công đồng thứ tám của Chính Thống cũng gọi Constantinopoli IV (879-880), quyết định bỏ chữ Filioque trong kinh Tin Kính. Năm 886, hoàng đế mới là Leo VI hạ bệ và quản chế Photius trong một đan viện rồi đưa hoàng thân Stêphanô 16 tuổi lên làm giáo chủ. Vị này chính thức thiết lập tòa giáo chủ Bungari năm 918. Hơn một thế kỷ sau, Photius được di hài cốt cách trọng thể về đế đô, được đề cao như người bảo vệ quyền giáo chủ Hy Lạp và được kính như một vị thánh.

2,3. Cuộc đổ vỡ năm 1054

Giáo chủ Michael Cerularius nhận chức (1043-58), không báo cho Roma như thông lệ, lại còn mở chiến dịch đả kích các nghi lễ và kỷ luật Tây phương nữa. Thế nhưng vì hoàng đế Constantinus IX và đức Lêo IX đang cùng nỗ lực hòa giải hai phe Đông-Tây trước kẻ thù chung là Normand, nên Cerularius phải viết thư giao hảo với Roma. Mọi người đều thấy nhu cầu thống nhất về tôn giáo, tiếc rằng hai nhân vật đứng ra hòa giải không phải là mẫu người cần thiết.

Hồng y Humbertô dẫn đầu phái đoàn của Roma đến Constantinople vào tháng 3-1054 và ở lại bốn tháng để tranh cãi, sửa bảo và phê bình. Ngày 16-7-1054 tại thánh đường Sophia hồng y đặt lên bàn thờ bản vạ tuyệt thông M. Cerularius, rồi phủ bụi chân ra đi ngay hôm sau. Bản vạ của Humberto chứng tỏ sự thiếu hiểu biết của tác giả. Nhiều điều kết án không có nền tảng, gán cho đối phương đủ thứ tội như mại thánh, Nicolaism, Manikeism ... Tác giả không hiểu nổi "Maranatha" là Lạy Chúa xin hãy đến, ông xử dụng như lời chúc dữ (Có lẽ Humberto căn cứ theo ICr. 16,22 : "nếu ai không yêu mến Chúa, kẻ ấy bị nguyên rủa, Maranatha"). Hơn nữa hồng y Humberto không có thực quyền đại diện vì đức Lêo IX đã băng hà ngày 19-4.

M. Cerularius liền chộp lấy thời cơ. Dân chúng Byzantin sẵn sàng bênh vực giáo chủ mình. Bản sao tờ vạ tuyệt thông được đem đốt (cắt lại bản chính). Ngày 24-7, Cerularius và 12 giám mục Đông phương họp công đồng kết án Giáo hội Roma, tuyên bố Giáo hội Chính Thống là Giáo hội qui tụ quanh hoàng đế và Giáo chủ Constantinople. Thế nhưng, năm 1058, hoàng đế

Isaac e ngại uy thế của Giáo chủ đã ra lệnh bắt giam và kết án lưu đày. Ngài qua đời trước khi bản án thi hành.

2,4. Những nỗ lực hòa giải

Không ai ngờ, 1054 trở thành thời điểm phân chia dứt khoát Đông-Tây. Các cuộc Bình Thánh Giá sẽ mở rộng thêm hố sâu chia rẽ. Những công đồng Lyon II (1274) và Florencia (1438) chỉ là những thỏa ước nặng về chính trị, thiếu bền vững, và vì thiếu chuẩn bị dư luận nên bị các tín hữu đông phương tẩy chay. Việc Hồi quân chiếm Constantinople năm 1453 lại càng tô đậm nét ranh giới phân rẽ hơn nữa.

Thế nhưng, giáo huấn Tin Mừng không cho phép để tình trạng xa nhau mãi như vậy. Nhiều nỗ lực mới của cả hai phía nhắm đến việc đại kết. Bản tuyên bố chung của đức Phaolô VI và giáo chủ Athenagoras sát ngày bế mạc công đồng Vatican II (7-12-1965), tỏ ra tiếc về biến cố 1054 và những thái quá trong dĩ vãng, đã khai mở một giai đoạn mới trên con đường đại kết này.

TOÁT YẾU

1. Giáo hội thời phong kiến Tây Âu :

Sau hòa ước Verdun 843, đế quốc Carolo bị chia ba rồi tan rã do các cuộc xâm lăng mới. Thời phong kiến cát cứ bắt đầu. Từ đó, ngôi giáo hoàng bị chi phối bởi giới quý tộc Roma : họ ủng hộ vị này, kết án và lật đổ vị khác. Từ 896-965 có đến 20 vị giáo hoàng.

Năm 962, Gioan XII phong vương cho Otton I, khởi sự đế quốc La Đức. Hoàng đế La Đức ủng hộ Giáo hội nhưng cũng hay xen vào nội bộ Giáo hội, cho đến năm 1059 đức Nicolas II mới dành lại được quyền bầu Giáo hoàng cho hồng y đoàn.

Trong bối cảnh phong kiến đó, nhiều chức vụ Giáo hội bị tranh giành, mua bán và bị lệ thuộc vào các ông hoàng. Tuy nhiên Giáo hội vẫn góp phần không nhỏ trong việc Phúc Âm hóa môi trường, đặc biệt qua luật Hòa Bình Thiên Chúa, việc kêu gọi hưu chiến và cổ võ tinh thần hiệp sĩ, phục vụ công lý của Chúa, trừ gian diệt bạo.

2. Từ khác biệt đến Chính Thống Giáo

Ngoài dị biệt về ngôn ngữ Hy-La, hai Giáo hội Đông-Tây còn chịu nhiều tác động khác như :

- * Xung đột giữa Byzantin với hoàng đế Carolo và La-Đức
- * Khuynh hướng độc lập hay thống nhất về nghi thức
- * Sự sa sút văn hóa Tây Âu thế kỷ IX - X
- * Sự can thiệp của thế quyền vào ngôi Giáo Hoàng
- * Quan niệm khác nhau về quyền Giáo hoàng.

Những khác biệt ấy đã làm nảy sinh nhiều xung đột giữa Đông và Tây : qua việc kết án Ba Đuôn (553), những tranh luận về thuyết Đức Kitô một ý chí (681), việc phá tượng ảnh kéo dài hơn một thế kỷ, việc đặt Giáo chủ Photius và quyền độc lập hai bên của Giáo hội Hungari.

Cuối cùng năm 1054, đúng lúc hai bên muốn hòa giải, thái độ của hồng y Humberto và giáo chủ Cerularius đã dẫn đến ly giáo dứt khoát. Đến năm 1965, Đức Phaolô VI và giáo chủ Athenagoras đã hủy bỏ hết các vạ tuyệt thông trước đây. Cảnh cửa đại kết hiện đang mở rộng.

23-05-2009 09:19 AM

#13

nmt

Ban Quản Trị

Cấp bậc: Huynh Trưởng

Tham gia ngày:

08/04/2009

Giới tính:

Nam

Đến từ:

Nhà ba má :)

Bài gửi:

843

Thích:

767

Có 228 bài viết được thích 843 lần

Bối cảnh phát sinh Chính Thống Giáo

BÀI ĐỌC THÊM

CHƯ HẦU VÀ PHONG KIẾN

* Chế độ chư hầu : Vị chủ tướng, sau khi chiến thắng, thường chia đất cho các tướng lĩnh của mình. Những vị này hoàn toàn chỉ là chư hầu : Cuộc cải cách Bénéficialum của Charlemagne xác định họ không có quyền trao đất cho con cái mình, họ phải tuyên thệ trung thành, hứa dục các hội nghị khi được triệu tập và đóng góp quân lính khi được yêu cầu.

* Chế độ phong kiến : Các chức vị được phân ra nhiều cấp như công, hầu, bá, tử, nam. Một hiệp sĩ chẳng hạn, khi tuyên thệ trung thành với một bá tước, anh chỉ vâng lời ông ta, không cần để ý đến ai khác dù là người có chức vị cao hơn.

Một người có lãnh thổ riêng, quen được gọi là lãnh chúa. Ông có toàn quyền về kinh tế, chính trị, tôn giáo, là chủ cả ao hồ, núi rừng. Ông có quyền đánh thuế chợ, thuế đánh cá, thuế chăn nuôi... Khi chết ông có quyền chia đất thừa kế cho con cháu

HỒNG Y ĐOÀN THỂ KỈ X

Thực chất hồng y đoàn thế kỷ X chỉ là hàng giáo sĩ Roma khoảng 40 vị : 7 hồng y giám mục, 7 hồng y phó tế, còn lại là các hồng y linh mục. Ngày 13.4.1059 thời đức Nicolas II, các vị xác định văn bản sau:

"Chúng tôi quyết định, khi giáo hoàng qua đời, các hồng y lo tìm người kế vị rồi mới thông báo cho mọi người (và hoàng đế) biết. Sẽ chọn người ở Roma, nếu không ai có khả năng mới chọn người ở vùng khác"

BA GIAI CẤP XÃ HỘI PHONG KIẾN

Xã hội tín hữu chỉ có một hạng người, nhưng trong quốc gia thì có đến ba. Vì trong luật khác, luật của con người, được phân chia thêm hai hạng người khác nữa : quý tộc và nông nô không cùng chung một quy chế. Hai nhân vật đứng trên hết : đó là vua và hoàng đế; nhờ sự cai quản của các vị mà quốc gia được bảo đảm bền vững. Có những người khác có địa vị đặc biệt, đến nỗi họ không bị bất cứ quyền lực nào chi phối, miễn là họ tránh các tội phạm. Đó là các chiến sĩ, những người bảo vệ Giáo hội; họ là những người bảo vệ dân, cả lớn lẫn nhỏ, tất cả, đồng thời bảo vệ an toàn bản thân.

Giai cấp khác nữa là hạng nông nô : những kẻ khốn khổ này chỉ có những gì do công sức lao động đem lại. Ai có thể dùng bảng cộng mà đếm nỗi bao lo toan của họ, bao chặng đường dài, bao công việc vất vả ? Tiền bạc, quần áo, thức ăn, đều do nung nô cung cấp cho mọi người ; không một người tự do nào có thể sống nếu không có hạng nông nô.

Nhà Chúa, mọi người đều tin là chỉ có một, nhưng được chia làm ba : người này cầu nguyện, kẻ khác chiến đấu, kẻ khác nữa lao động. Ba thành phần cùng sống chung này không thể tách rời nhau được ; công việc của thành phần này là điều kiện để hai thành phần còn lại hoạt động; mỗi thành phần theo lượt mình có nhiệm vụ nâng đỡ toàn thể. Như thế cộng thành ba thành phần này không thể thiếu một ; chính nhờ đó luật pháp được tôn trọng và thế giới an hưởng thái bình".

(Adalbéron, Poème au Roi, l'An Mille, p224 - JC. Đề đọc LSGH I tr. 136)

CHUYỆN GIÁM MỤC Ở MANS THẾ KỈ X

Lãnh Chúa Mainard giám mục (951-971) thuộc hàng quý tộc, anh em với tử tước thành Mans. Sống giữa đời ông có nhiều con trai và con gái. Không ai coi ông là giáo sĩ mà chỉ là một giáo dân thường. Thế nhưng, vì thành phố đã lâu thiếu giám mục và vì nhiều người muốn bỏ tiền ra mua chức vị, nên vị tử tước liền chọn điều yếu đuối để quật ngã kẻ mạnh, chọn Mainard làm giám mục, dù biết rõ ông mù chữ và dốt nát, để hợp như lời kinh thánh : què mùa mà khiêm tốn giá trị hơn hiểu biết mà kiêu ngạo. Với sự đồng ý của nhà vua và hàng giáo sĩ Ông được chọn làm giám mục vì sự khiêm tốn và đơn sơ

Sau khi giám mục Mainard qua đời, ông Sifroi, kẻ có đời tư đáng trách về mọi mặt đã chiếm tòa giám mục. Ông làm tiêu tan những gì vị tiền nhiệm đã xây dựng. Mà thực ra, ông đã phá giáo phận từ trước khi thụ phong. Ông tặng cho bá tước Foulques thành Anjou một phần đất của giáo phận, để nhờ vị này can thiệp với vua Pháp cho ông làm giám mục !

Đến sau, khi nhận thức những lỗi lầm của mình, ông tỏ ra khóc than về tội mình. Nhưng than ôi ! Ông lại phạm tội nặng hơn nữa khi quan hệ với một phụ nữ ... Bà cho ông một cậu con trai tên là Aubri, khi cậu đã trưởng thành, ông trao cho cậu toàn bộ tài sản của địa phận.

(Xc Latouche, Le film de l'histoire médiévale. JC, Đề đọc LSGH I,p.135)

ĐÓNG GÓP CỦA GIÁO HỘI THỜI PHONG KIẾN

1/ Chính sách hòa bình : Với đề nghị của nhiều giám mục, các lãnh chúa nhiều nơi chấp nhận quyền nhận hay không nhận lời thách đấu của các thành phố hoặc hiệp sĩ; cấm đánh lén và phải báo trước để đối phương chuẩn bị.

2/ Ngày hưu chiến : Đức Gioan XV là người đầu tiên đưara sáng kiến về ngày hưu chiến trong cuộc chiến giữa vua Anh và ông hoàng Normandie. Tuy khi đó thất bại, nhưng ngài đã mở ra một truyền thống mới

- Công đồng Elné 1017 buộc ngưng chiến từ 9 giờ sáng thứ bảy đến 1 giờ sáng thứ hai để mừng Chúa sống lại

- Công đồng Nice 1041 : buộc ngưng chiến từ chiều thứ tư đến rạng sáng thứ hai.

- Công đồng Narbonne kêu gọi ngưng chiến thêm mùa vọng, mùa chay, các tuần bát nhật và các đại lễ kính Chúa hoặc Đức Mẹ.

Tuy luật hưu chiến thường bị vi phạm, nhưng cũng góp phần ảnh hưởng không nhỏ giúp người chiến sĩ nhận thấy sự phi lý của chiến tranh.

3/ Phong trào hiệp sĩ : Từ thế kỷ XI, các hiệp sĩ đều được hướng dẫn sử dụng năng lực của mình để cứu nhân độ thế. Để gia nhập hàng ngũ hiệp sĩ, các chàng trai thường phải qua nhiều cuộc thử nghiệm năng lực và đức tính . Rồi sau một đêm canh thức cầu nguyện, anh sẽ có một nghi thức long trọng thánh hiến, được trao kiếm và áo giáp. Anh sẽ tuyên thệ bênh vực những người cô thế cô thân, cô nhi quả phụ, tuyên thệ góp phần trừ gian diệt bạo. Tinh thần hiệp sĩ tạo nên một lớp người "quân tử - võ sĩ đạo" tại thế giới Âu Châu.

ĐÀN SĨ NICÉTAS PHÊ BÌNH PHÍA LATINH

Những ai ăn bánh không men là vẫn sống dưới bóng luật cũ, là ăn tiệc Do thái chứ không phải dùng lương thực thiêng thánh của Đức Kitô (...). Làm sao các bạn hiệp thông với đức Kitô, Đấng hằng sống khi ăn bánh không men của Cựu ước, chứ không phải là men mới của Tân ước (..) Ai dám dạy người ta cắt đứt hôn nhân của linh mục (...).

Vậy thưa các bạn, các bạn hãy phân xét kỹ lưỡng vấn đề, xem chúng có theo nguồn mạch Do thái không ? Tôi muốn nói đến các cơn dịch cần loại bỏ là : ăn bánh không men, giữ chay thứ bảy và buộc linh mục độc thân.

(JC. Đề đọc LSGH I, p.138)

BẢN KẾT ÁN CHÍNH THỐNG

Do Hồng y Humbertô soạn năm 1054

... Còn về Michael, kẻ tiếm quyền giáo chủ và những kẻ thông đồng với cơn điên rồ của y, quả là đầu mối gieo rắc mỗi ngày các thứ lạc thuyết tại Constantinople. Như kẻ mại thánh, họ buôn bán ơn Chúa... Như nhóm Nicolaisme, họ cho các thừa tác viên bàn thánh cưới vợ... Như nhóm chống lại Thánh Linh, họ chối Thánh Linh nhiệm xuất bởi Chúa Con. Như bè Manikê, họ tuyên bố bánh có men mới có sinh khí ... Hơn nữa họ cho linh mục để tóc để râu, từ chối hiệp thông với thói quen tại Roma cạo râu và hót tóc.

Vì thế, không thể chịu nổi những sỉ nhục vô lý đối với đệ nhất tông tòa ... chúng tôi ký bản vạ tuyệt thông cho Michael và đồng đảng. Vạ do thánh giáo hoàng tuyên bố chống lại họ, nếu họ không hối cải, rằng : Michael, kẻ chiếm nhậm chức vị giáo chủ...và những ai theo y trong các tội kể trên đều bị vạ tuyệt thông, maranatha (?) với bọn mại thánh. Amen. Amen. Amen.

(JC,Đề đọc LSGH I,p139. - Theo Jugie, Le chisme Byzantin)

TUYÊN NGÔN CHUNG Đ.PHAOLÔ VI VÀ Đ.ATHENAGORAS

07.12.1965

"Giữa những trở ngại cho việc phát triển tình liên đới huynh đệ, lòng tín nhiệm và quý mến giữa Công giáo và Chính thống, có bóng dáng những kỉ niệm buồn, những quyết định và văn bản năm 1054, các bản vạ tuyệt thông.

Đức giáo chủ Phaolô VI và giáo chủ Athenagoras trong hội nghị đã cùng nói lên ước muốn được nhau cùng phục vụ công lý và hợp nhất đức ái các tín hữu của mình, đã nhắc lại lời của Chúa : "Khi con đến bàn thờ dâng lễ vật ..." (Mt 5,23t), hai vị cùng tuyên bố như sau :

a. Hối tiếc về những lời xúc phạm, những lời trách cứ thiếu nền tảng và những hành vi đáng lên án của cả hai phía, trong và sau những biến cố đáng buồn đó.

b. Hối tiếc và xin xóa đi trong ký ức những bản vạ tuyệt thông lẫn nhau. Nó vốn đang là trở ngại chính cho việc xích lại gần nhau trong đức ái, chớ gì chúng được quên đi.

c. Hối tiếc về những điều đáng buồn trước đó và những biến cố sau này, chịu tác động bởi nhiều nguyên cớ, nhất là vì thiếu hiểu biết và coi thường lẫn nhau đã đưa đến việc cắt đứt mối hiệp thông của Giáo hội."

Qua việc công khai tha thứ cho nhau, đức Phaolô VI, thượng phụ Athenagoras và hội nghị đều ý thức rằng chưa đủ để chấm dứt những dị biệt xưa và mới đây. Nhưng dưới tác động của Thánh Linh, những dị biệt ấy phải được vượt qua, nhờ sự thanh luyện tâm hồn; nhờ ý thức những sai lầm lịch sử và nhờ ước vọng được hiểu biết và diễn tả chính xác hơn niềm tin các tông đồ."

(JC,Đề đọc LSGH I,p.140)

THỜI ĐIỂM 1054

Thời điểm 1054 là dấu nổi đặc biệt giữa hai giai đoạn Trung cổ. Phía đông phương, triều đại huy hoàng của các vua Macêdoan vừa sụp đổ, đồng thời Chính thống giáo được dứt khoát thành lập. Ngược lại bên tây phương, sau sáu thế kỷ mò mẫm, một giai đoạn mới của văn minh tây âu được hình thành.

1054 : chấm dứt thời cảm hóa man dân, các chủng tộc xa lạ như Goth, German, Vandal ... trở thành anh em, hầu hết các nước Âu châu đã được Kitô hóa.

1054 : Thời đại phong kiến hỗn độn đang chuyển dần sang hệ thống tập trung quyền hành vào một số vị vua Anh, Pháp, Đức, TBNha...

1054 : Các chủng tộc định cư bắt đầu bước vào thời xây dựng, chấm dứt thời đại đen tối, khởi sự thời hoàng kim mà Justiano và Charlemagne đã từng mơ ước nhưng thất bại.

1054 : Cũng là chuyển đoạn trong lòng Giáo hội, các giáo hoàng thoát ly quyền bảo hộ của các hoàng đế, công cuộc đổi mới các dòng tu và giáo sĩ đưa đến việc cải tổ toàn diện.

1054 : Công cuộc truyền giảng Tin Mừng của Giáo hội sinh hoa kết trái, tạo ra nền văn minh Kitô giáo cho xã hội mới là Nước Kitô.

Sáu thế kỷ đã trôi qua, công trình của Giáo hội là kết quả của sự kiên nhẫn lâu dài

Trong bão tố xâm lăng vẫn không thất vọng, tin tưởng vào sức mạnh của tin mừng, yêu thương những anh em đồng hộ và thu phục họ cho Đức Kitô.

Cách âm thầm nhưng kiến hiệu, Giáo hội đã rửa tội cho từng khu vực, nhân bản hóa các tục lệ phong kiến, tạo thế quân bình giữa các thế lực, cổ võ nền luân lý lành mạnh của Phúc âm và duy trì các kho tàng văn hóa cổ thời.

Cộng tác với thế quyền, tuy cũng có một số điều đáng tiếc, Giáo hội phục vụ hạnh phúc của con người.

Và như vậy, suốt sáu thế kỷ, cả những lúc bi thảm nhất, khi bị giới quý tộc Lamã chi phối, Giáo hội vẫn không hề thất vọng, biết vận dụng mọi cơ may nhân loại trên một mục đích duy nhất là "Nguyện Nước Cha trị đến".

Dù man dân xâm lấn, dù nhiều đứa con của ánh sáng đôi khi đồng lõa với bóng tối, dù có những đại diện tối cao của Giáo hội không đáp ứng nổi những đòi hỏi của thời đại, thì hạt cải nước trời vẫn lớn lên cho muông chim đến ăn náu. Sự phát triển của Giáo hội không chỉ dựa trên những tiêu chuẩn phạm nhân mà dựa vào những tiêu chuẩn của đức tin và đức cậy.

Sáu thế kỷ nhìn lại, Giáo hội không phát triển do chính sách khôn khéo của những con người mà do chính Thiên Chúa nâng đỡ . Tuy không thiếu những nhân vật tài ba, nhưng sức mạnh của Giáo hội vốn ở những vị thánh như Antôn, các giáo phụ, Biển đức, Bonifacio... những con người nhận Đức Kitô là đường là sự thật và là sự sống làm thủ lãnh, và đã quảng đại dấn thân không mệt mỏi để giúp tha nhân nhận ra điều ấy.

nmt

Ban Quản Trị

Cấp bậc: Huynh Trưởng

Tham gia ngày:

08/04/2009

Giới tính:

Nam

Đến từ:

Nhà ba má :)

Bài gửi:

843

Thích:

767

Có 228 bài viết được thích 843 lần

Những nền tảng Nước Ki-Tô

NHỮNG NỀN TẢNG NƯỚC KITÔ

(Thế kỷ XI - XIII)

Hạn từ NƯỚC KITÔ (Chrétienté) nói lên cách thức tương quan giữa Giáo hội và Xã hội Tây Âu Trung Cổ.

Đức Gioan VIII là người đầu tiên dùng từ "Chrétienté" vào năm 880, kêu gọi các tín hữu liên kết lại khi Giáo chủ Constantinople là Photius tự nhận có quyền hơn Roma. Đức Grêgorio VII đưa ra định nghĩa : "Nơi nào có tín hữu, có Thánh Giá, nơi đó thuộc về Nước Kitô". Đức Alexandro III kêu gọi "tất cả các dân tộc Kitô hãy hòa hợp vì ích chung". Còn đức Innocente III nhắm đến một cộng đồng các quốc gia Kitô trên hoàn vũ, sống theo luật Tin Mừng tuân theo một quyền bính tối cao, đại diện Đức Kitô nơi trần gian là Đức Giáo Hoàng.

Các dân tộc Kitô có cảm tưởng được liên kết thành một khối, một vương quốc được hình thành. Mỗi công dân đều có nghĩa vụ trong việc xây dựng phát triển và bảo vệ quê hương đó. Toàn thể Tây Âu nên như một đại gia đình con cùng Cha trên trời. Mỗi người phải góp phần trong Thành Đô Thiên Chúa mà Thánh Augustinô đã giới thiệu.

Hai nét nổi bật trong thời Nước Kitô là ảnh hưởng sâu đậm của các đan viện và tầm quan trọng ngày càng gia tăng của quyền Giáo Hoàng. Sau nhiều xung đột với Hoàng đế La-Đức, Giáo hội và đế quốc liên kết nên một như xác với hồn. Nhiều người so sánh Giáo hội sau tuổi thiếu nhi mơ mộng, nay bước vào tuổi thanh niên phong phú đầy sáng tạo. Chúng ta hôm nay thừa kế Giáo hội giai đoạn này một di sản không lờ về Giáo lý, cách sống đạo cũng như nghệ thuật.

Tuy nhiên đây vẫn chỉ là một giai đoạn lịch sử của Giáo hội lữ hành. Không nên lý tưởng hóa quá độ. Như chúng ta sẽ thấy, không phải lúc nào các tín hữu Trung Cổ cũng sống và cư xử theo Tin Mừng.

I. VIỆC KHẲNG ĐỊNH QUYỀN GIÁO HOÀNG

Trong bối cảnh xã hội phong kiến, Giáo hội chịu ảnh hưởng nhiều tệ nạn, đặc biệt là việc mại thánh và tính sa hoa hưởng thụ. Nhưng khởi từ cuối thế kỷ X, nhiều công đồng miền như Ravenna (967), Roma (981), Pavia (1002) đã lớn tiếng kêu gọi việc cải cách, thanh luyện hàng giáo sĩ và đòi buộc lập khỏi thế quyền. Giữa thế kỷ XI, nhân lúc đế quốc La-Đức suy yếu, các vị mục tử tối cao đã dần dần dành lại thế chủ động trong việc bầu giáo hoàng, tuyển lựa hàng giáo sĩ và phổ biến việc cải tổ trong toàn Giáo hội.

Đức Lêo IX được Henri III và nghị hội Worms đặt lên ngôi giáo hoàng, ngài đến Roma như đi hành hương và yêu cầu các giáo sĩ Roma bầu cử lại (1045-54). Đức Stêphanô IX (1057-58) đắc cử không thông qua hoàng đế. Năm 1059, đức Nicolas II đưa việc bầu cử thành quy luật dành riêng cho hồng y đoàn.

Nhưng đức Gregorio VII (1073-85) mới thực sự là nhân vật tiêu biểu của việc cải cách. Ngài khởi đầu bằng việc canh tân hàng giáo sĩ. Ngài họp công đồng Roma năm 1074 chống việc mại thánh và xác định luật độc thân giáo sĩ. Các linh mục hay viện phụ mua chức hoặc thông dâm đều bị treo chén, nếu họ không tuân hành, ngài dùng vạ tuyệt thông. Ngài phái đi nhiều đặc sứ để thi hành quyết định này.

1.1. Cấm nhậm chức do thế quyền

Thấy việc cải tổ chậm chạp, năm 1075 đức Gregorio VII tuyên bố bãi bỏ việc các ông hoàng trao nhẫn gậy, cấm các giám mục nhậm chức do các vua và cấm truyền chức cho những kẻ đó. Thực ra ngài không phân biệt chức thánh và bổng lộc. Đối với ngài bổng lộc chẳng có nghĩa gì hết, điều ngài muốn là hàng giám mục độc lập với thế quyền. Ngài muốn đổi tận gốc tình trạng quá phổ thông trong thời đó. Vài tuần sau, ngài công bố bản *DICTATUS PAPAE* gồm 27 khoản biện minh cho việc trên, khẳng định quyền tối cao của giáo hoàng trong toàn Giáo hội. Các đặc sứ được quyền miễn trừ đã tích cực ra vạ cho nhiều người.

1.2. Tiến đến độc lập của Giáo quyền

Tại Đức, năm vị cố vấn của Henri IV bị vạ tuyệt thông một tổng giám mục, 12 giám mục bị cách chức. Hoàng đế liền họp công đồng Worms và Palencia để truất phế đức Gregorio VII. Đáp lại giáo hoàng ký bản án như sau :

"Lạy Tông đồ trưởng Phêrô... vì danh dự Giáo hội cần được bảo vệ, do uy quyền của Ngài, tôi cấm Henri IV...từ nay không được cai trị đế quốc Đức Ý, tôi tuyên bố tháo lờn thề trung thành cho mọi thần dân của y, cấm mọi người không được coi ông ta là vua...".

Bị các lãnh Chúa tẩy chay, Henri IV phải nhẫn nhục giữa đêm đông giá rét đến xin giáo hoàng giải vạ tại Canossa (1077). Nhưng năm 1080, ông vận động các giám mục Đức Ý bầu giáo hoàng giả Clêmente III, vây hãm thành Roma suốt ba năm rồi chiếm đóng. Đức Gregorio VII phải ẩn nấu trong đồn Thiên Thần rồi lưu lạc và qua đời tại Salerno năm 1085.

Mãi đến năm 1122, triều đức Calixtô II (1119-24) qua Thỏa ước Worms cuộc tranh chấp mới chấm dứt. Theo gợi ý của giám mục Yves de Chartres, Thỏa ước phân biệt quyền của hai phía. Nhẫn gậy biểu tượng chức thánh sẽ do giáo quyền, còn quyền hành thế tục do hoàng đế trao tượng trưng bằng phủ việt. Về khía cạnh sau Giám mục phải tuân phục hoàng đế. Công

đồng chung Laterano I (1123) chấp thuận nội dung Thỏa ước Worms và tuyên bố hôn nhân của giáo sĩ bất thành (invalide).

1,3. Quyền Giáo Hoàng gia tăng

Từ nay Giáo hoàng trở thành tôn sư trong khắp Nước Kitô. Chỉ mình Ngài có quyền triệu tập và châu phê công đồng chung (Laterano I, II và III các năm 1123, 1139, 1179). Thư từ của các Ngài đề cập đến tất cả mọi vấn đề, được sưu tập thành bộ những sắc lệnh có giá trị dường như Sách Thánh vậy. Đó là gốc tích bộ Giáo luật Gratiano (Lm OSB 1142), và Luật Grêgorio IX (do Lm Raymundo OP 1234, quen gọi là Corpus Juris Canonici).

Giáo luật được áp dụng từng chi tiết trong việc quản trị Giáo hội Roma. Các Giáo Hoàng ngày càng can thiệp vào mọi chuyện trong xã hội, đến độ có lần thánh Bernard than phiền với đức Eugenio III rằng : "Mỗi ngày cung điện Giáo Hoàng lại vang lên những luật theo Justiniano chứ không phải Luật của Chúa"

Công đồng Laterano III, 1179 quyết định để đắc cử Giáo Hoàng phải có hơn 2/3 số phiếu các Hồng y

1,4. Thân quyền chính trị

Hoàng đế Frederic Barberusa (1152-90), được các nhà luật Roma ủng hộ, bênh vực ba giáo hoàng già (Victor IV, Pascal III, Calixto III, vị phong thánh cho Charlemagne), chống lại giáo hoàng Alexandro III. Ông bị vạ tuyệt thông, phải lưu vong qua đất Pháp và trở lại xin phục quyền của Giáo Hoàng tại Venise năm 1177 (đúng 100 năm sau vụ Canossa). Quyền Giáo Hoàng lên đến đỉnh cao và thời đức Innôcente III (1198-1216) khi Giáo Hoàng trở thành trọng tài của các quốc gia.

Đức Innôcente III lên ngôi khi mới 38 tuổi đã tỏ ra một nghị lực không hề mỏi mệt. Tại Đức, Ngài đưa Otton IV lên ngôi (1198-1212) rồi giúp Frederic II kế vị ; tại Anh, Ngài kết bản án "Đại Ước Pháp" 1215. Các quốc gia như Ba-Lan, Nam Tư, Tiệp, Hung, Bồ Đào Nha, và sau này Anh quốc, Tây Ban Nha cũng tự đặt dưới quyền bảo trợ của Tòa Thánh. Dần dần Ngài nêu lên thứ thân quyền chính trị trong Nước Kitô : về lãnh vực siêu nhiên, toàn thể Giáo hội phải vâng phục Giáo Hoàng. Còn trong lãnh vực trần thế, giáo hoàng có thể nhân danh quyền thiêng liêng, can thiệp vào nội bộ các quốc gia để ngăn cản tội ác (ratione peccati), và mưu cầu ơn cứu rỗi cho các tín hữu.

Tuy có những lạm quyền về chính trị, Đức Innocente III, vốn được coi là nhà cải cách trong nội bộ Giáo hội : cổ động việc học hành và giảng thuyết, ra nhiều sắc dụ chống mại thánh và tội phóng túng, nghiên cứu và nhắc nhở từng địa phận, hỗ trợ các Dòng tu, đặc biệt là Xitô và các dòng hành khất.

Công đồng Laterano IV (1215) qui tụ đến 1200 Nghị phụ gồm Giám mục, đan viện phụ, đặc sứ tham dự, đã tổng kết và đề ra những chỉ thị cụ thể trong việc cải tổ này.

Frederic II (1212-50) muốn trở lại giấc mơ thống trị theo kiểu Charlemagne của Frederic I. Năm 1241, ông phục kích bắt cóc các Nghị phụ đến Roma dự Công đồng. Đức Innocente IV (1243-54) với sự hỗ trợ của Vua thánh Luy IX mở công đồng chung Lyon I xử án và truất phế ông. Vì cả đế quốc La-Đức đứng lên chống lại, Frederic II thua trận, nên buồn bã ngã

bệnh chết. Thần quyền chính trị một lần nữa được củng cố. Tuy nhiên quyền Giáo Hoàng cũng giảm bớt dần như quyền Hoàng đế vào cuối thế kỷ XIII.

1,5. Cuối thời thần quyền chính trị

Chỉ trong 40 năm (1254-94) Giáo hội có đến 13 giáo hoàng. Vì tranh chấp trong Hồng y đoàn, có giáo hoàng chỉ cai trị sáu ngày, có vị năm tuần, có khi ngôi giáo hoàng trống 17 tháng. Thế mà dường như chỉ có đức Grêgorio X còn được hậu thế nhắc đến nhiều qua việc triệu tập công đồng Lyon II (1274) nối lại liên lạc với Giáo hội Đông phương được 7-8 năm.

Song song với sự sụp đổ của Frederic II, Giáo hội hướng về đất Pháp của Vua Thánh Louis IX (1226-70) cho đến khi Philip le Bel lên ngôi (1285-1314), kẻ sẽ chấm dứt thời thần quyền chính trị với Đức Bônifacio VIII tại lâu đài Anagni (1303).

II. THỜI GIÁO HỘI ĐƠN VIỆN

Các đan sĩ đã đóng một vai trò có tính quyết định trong việc cải tổ cũng như trong mọi sinh hoạt Giáo hội Trung Cổ. Mỗi đan sĩ được coi là một Kitô hữu gương mẫu.

2,1. Dòng Cluny

Đan viện Cluny xây dựng năm 910, phục hồi những qui tắc chính trong luật Biển Đức như việc bầu viện phụ, tổ chức độc lập với giám mục và các ông hoàng, việc trực thuộc Đức Thánh Cha. Dần dần dòng Cluny có mặt khắp Âu Châu. Điểm mới của Dòng so với Biển Đức là tất cả các Đan viện đều trực thuộc nhà mẹ ở Cluny. Tu sĩ về nhà mẹ tuyên khấn, Bề Trên Cả đi kinh lý và đặt các bề trên đan viện.

Cluny đề cao Phụng Vụ và việc cầu nguyện liên tục (luật thỉnh lặng) nhưng có thể châm chước khi nhu cầu mùa màng đòi hỏi. Tài năng và tuổi thọ của những vị thánh bề trên tiên khởi càng giúp dòng phát triển nhanh hơn. Cluny góp phần rất lớn vào việc canh tân các đan viện khác, ủng hộ quyền Giáo hoàng, cung cấp nhân sự cho hàng Giáo phẩm. Cluny đã quảng đại trong việc bác ái với người nghèo và khách vắng lai.

Ngoài ra Cluny còn góp phần phổ biến kiến trúc Roman, với những giáo đường lớn nhất Châu Âu, qui tụ thành nhiều làng mạc và thị trấn. Song song với Cluny, nhiều đan viện Biển Đức cải tổ cũng có ảnh hưởng lớn lao tại nhiều vùng như Chaix Dieu ở Auvergne, Saint Victor ở Marseille. Thánh Romualdo lập một nhánh Biển Đức mới là Camaldoli ở Toscane cũng mở rộng khắp Bắc Ý và Đức.

2,2. Những ẩn sĩ

Cuối thế kỷ XI, phong trào ẩn sĩ bỗng phát triển mạnh mẽ. Quyết chí sống nghèo và hãm mình, các ẩn sĩ nam nữ tìm đến những chỗ thanh vắng khắc nghiệt như : rừng, hang, hốc, đảo... để chay kiêng và đền tội. Thế nhưng vì uy tín đời sống, dân chúng tuôn đến nghe các vị giảng thuyết.

Nếu thánh Phêrô Damiano (+1072) nổi tiếng nhất thì hoạt động của Robert d'Abrissel (+1116) có hiệu quả rõ rệt nhất, tụ tập đến 3000 ẩn sĩ nam nữ tại Fontevrault (1096). Ngoài ra

thời Trung Cổ còn có dạng "ăn cư" khá kỳ lạ : căn hộ nhỏ bé của cư sĩ được xây sát vào hông nhà thờ, chỉ trở ra một cửa sổ nhỏ đủ để tham dự phụng vụ và nhận lương thực tiếp tế.

2,3. Chartreuse

Xây dựng Chartreuse năm 1084, thánh Bruno nối kết đời ẩn sĩ với nếp sống cộng tu. Dòng chuyên việc chiêm niệm, phụng vụ chung nhưng cũng đề cao việc tiếp xúc đơn sơ với Thiên Chúa.

2,4. Các Kinh sĩ triều

Gồm các linh mục triều sống chung. Các Kinh sĩ đoàn dựa vào tu luật thánh Augustinô, sống khắc khổ như các đan sĩ nhưng vẫn làm sứ vụ. Nổi tiếng nhất là đan viện Prémontrés (1126).

2,5. Xi-tô

Xuất phát từ đan viện Cluny, Robert de Molesmes và 20 anh em thiện chí tách ra lập tu viện ở thung lũng Citeaux năm 1098. Ngài chủ trương trở lại luật Biển Đức nguyên thủy : sống nghèo từ trang phục đến lương thực và nhà ở, đơn giản trong phụng vụ và sống riêng biệt trong rừng vắng. Các đan sĩ trở thành những nhà khẩn hoang vĩ đại. Khác với Cluny, nhà mẹ không có quyền trên mọi đan viện, mà chỉ điều hành cộng hội hàng năm các Bề Trên.

2,6. Clairveaux với thánh Benadô (1090-1153)

Với đan viện Clairveaux (1115) thánh Benadô đã phát triển Dòng Xitô lên vượt mức. Một mình ngài lập 70 tu viện (khi thánh Bernard mất, Xitô có 350 tu viện, 160 thuộc Clairveaux). Cuối thế kỷ XIII, Dòng Xitô có 700 tu viện. Nhưng vai trò ngài vượt xa các đan viện. Giữa thế kỷ XII, thánh Benadô là nhân vật số một của Giáo hội. Thường xuyên sống ngoài đan viện, ngài can thiệp vào nhiều mặt sinh hoạt Giáo hội : cải tổ hàng giáo sĩ, canh tân dòng Cluny, kêu gọi các giám mục sống nghèo và quan tâm đến người bần khổ. Nhờ ngài Giáo hội thoát một cuộc ly giáo và đề ra chương trình sống cho một đan sĩ Clairveaux trên ngài giáo hoàng là đức Eugenio III (1145-53).

Thánh Benadô nỗ lực Kitô hóa xã hội phong kiến, ngài lên án thói xa hoa của giới cầm quyền và rao giảng sự thánh thiện của hôn nhân. Năm 1146 ngài đứng lên cổ võ cuộc thánh chiến thứ hai tại Vezelay và Spira.

Tuy nhiên vì ảnh hưởng tinh thần hiệp sĩ phong kiến và đan viện, thánh nhân không theo kịp bước tiến hóa của thời đại. Ngài coi những yêu sách của thị dân với các lãnh chúa và Giám mục như xúc phạm đến trật tự xã hội truyền thống. Hơn nữa nếu ngài bênh vực đức tin chống các lạc thuyết, thì việc kết án Abelard (1140) là dấu ngài thiếu cởi mở với tiến bộ của thần học.

Dẫu sao, thánh Benadô quả là bậc thầy về đời sống thiêng liêng. Khởi từ việc chiêm niệm Kinh Thánh, từ khổ hạnh bản thân ngài nhấn mạnh đến sự kết hợp với Thiên Chúa và thực hành Đức Ái. Ngài vạch ra hành trình trở về với Chúa khởi bằng việc biết mình đến hiểu biết Thiên Chúa. Những bài ngài giảng về Diễm Tình Ca là bằng chứng hùng hồn nhất về thành quả tinh thần của ngài.

TOÁT YẾU

Hạn từ Nước Kitô nói lên tương quan giữa Giáo hội và Xã hội Trung Cổ. Các dân tộc Âu Châu liên đới thành một khối nhờ đức tin Kitô giáo, dưới sự hướng dẫn của vị đại diện Thiên Chúa là các Giáo hoàng. Nước Kitô dựa trên hai nền tảng chính :

1. Quyền Giáo hoàng :

Sau khi đức Nicolas II lấy lại quyền bầu cử Giáo hoàng năm 1059, đức Gregorio VII thực hiện cuộc cải cách trong toàn Giáo hội. Năm 1074 ngài phạt vạ các Giáo sĩ mại thánh hoặc bê bối. Năm sau ngài cấm giáo sĩ nhậm chức do thế quyền và ra bản Dictatus Papae - khẳng định quyền tối cao của Giáo hoàng. Vua Henri IV chống lại, đặt giáo hoàng giả, nên bị vạ tuyệt thông, phải đến xin ngài tha tội lâu đài Canossa (1077) dù sau đó đem quân trừng phạt ngài.

Đầu sao từ nay, Giáo hoàng trở thành tôn sư khắp Nước Kitô, các sắc lệnh được gom thành giáo luật. Và quyền Giáo hoàng lên đến đỉnh cao thời Đức Innocente III khi vị Giáo hoàng trực tiếp hướng dẫn các vị vua đến xin nhận quyền bảo trợ. Hoàng đế Frederic I và II tìm cách chống lại quyền Giáo hoàng đều thất bại. Đang khi đó các ngài hướng về Vua thánh Louis đất Pháp, cho đến ngày Philip le Bel lên ngôi, kẻ sẽ chấm dứt quyền chính trị với Đức Bônifacio VIII tại lâu đài Anagni (1303).

2. Tinh thần đan viện :

Các đan sĩ có vai trò tích cực trong việc cải tổ, nhưng vô tình, tuy do thiện chí, đưa tinh thần đan viện vào xã hội. Đan sĩ là kiểu mẫu của Kitô hữu.

Song song với đan viện Biển Đức cải tổ là các đan viện Cluny, thành lập 910 với tổ chức tập quyền về nhà mẹ ở Cluny.

Cuối thế kỷ XI, phong trào ẩn sĩ cũng phát triển mạnh, đặc biệt là Fontevrault có đến 3000 ẩn sĩ. Và dạng ẩn cư trong các lô cột ngay giữa thành phố chỉ để một cửa sổ nhỏ. Dòng Chartreuse do thánh Bruno lập (1084) chuyên về chiêm niệm và sách vở. Tại các Tòa Giám mục có những Kinh sĩ đoàn, tụ tập các linh mục triều sống như đan sĩ và đi làm mục vụ. Dòng Xitô là ngành cải tổ tách từ Cluny (1098) mà nhà mẹ chỉ điều hành công hội hằng năm các bề trên. Dòng phát triển mãnh liệt nhờ đan viện Clairveaux của thánh Benadô.

23-05-2009 09:21 AM

#15

nmt

Ban Quản Trị

Cấp bậc: Huynh Trưởng

Tham gia ngày:

08/04/2009

Giới tính:

Nam

Đến từ:

Nhà ba má :)

Bài gửi:

843

Thích:

767

Có 228 bài viết được thích 843 lần

Những nền tảng Nước Ki-Tô

BÀI ĐỌC THÊM

GIÁO HOÀNG GREGORIO VII

Quyết định của công đồng Roma 1075

Giáo sĩ mại thánh, mua bán chức thánh hay lên hàng giáo sĩ bằng tiền bạc, từ nay không được thi hành bất cứ chức vụ gì trong hội thánh. Kẻ nào mua nhà thờ bằng tiền sẽ bị mất nhà thờ đó, vì không được mua bán nhà thờ. Kẻ nào phạm tội thông dâm, có tình nhân... Từ nay cấm không cho cử hành thánh lễ hay phục vụ bàn thờ dù là chức nhỏ.

Chúng tôi quyết định rằng : dân chúng không được tham dự phụng tự của những kẻ khinh thường luật của chúng tôi - cũng là luật của các giáo phụ - để những kẻ không thể sửa đổi do tình thương Chúa, sẽ khiêm tốn hơn nhờ dư luận quần chúng.
(Fliche và Martin, LSGH II, p 134-135)

Dictatus papae, Giáo hoàng đã nói

Trong số 27 mệnh đề của Dictatus Papae, ta trích một số câu

2. Giáo chủ Roma thực sự là giáo chủ toàn cầu

3. Minh ngài có quyền truất chức các giám mục

9. Ngài là người mọi ông hoàng phải hôn chân.

12. Ngài có quyền cách chức các hoàng đế.

16. Không có công đồng chung nếu không phải do được chính ngài triệu tập.

18. Không ai có quyền thay đổi điều ngài phán quyết.

27. Giáo hoàng có quyền tháo lời thề trung thành cho thần dân với những ông hoàng bất xứng.

ĐÁNH GIÁ BIẾN CỐ CANOSSA

Cuộc tranh tụng giữa Grêgôriô VII và Henri IV có một ý nghĩa sâu xa, nó đánh dấu một bước ngoặt của thời đại.

Đó là cuộc chiến bảo vệ luật độc thân linh mục, và bài trừ tệ nạn mại thánh, (chấm dứt cuộc tranh luận về việc trao nhẫn gậy : Investiture), bảo vệ sự tự do bên trong của lương tâm Kitô giáo chống lại bạo lực và đam mê.

Đức Grêgoriô là một nhà ngoại giao tầm thường, vì đã muốn điều bất khả và phải kết thúc cuộc đời trên đường lưu lạc. Thế nên khi nêu lên những xác định về quyền bính giáo hoàng, thực ra ngài chỉ phản ánh tâm thức Kitô giáo thời bấy giờ về quyền tối thượng, dù chưa được định tín. Việc Henri IV đến xin giải vạ tại lâu đài Canossa đã xác định ai là chủ nhân của thế giới trong đó đa số là Kitô hữu. Cuộc tranh luận cũng làm sáng hơn khả năng hiệp nhất trong giáo hội, khi giáo hội tại Đức phải chọn lựa giữa giáo hội quốc gia và thế giới Kitô giáo mang tính toàn cầu.

Nếu sau này có lúc ý tưởng cao cả về ngôi giáo hoàng bị sút giảm đưa đến những thái quá lạm dụng cho danh vọng cá nhân, thì điều đó không hề có nơi đức Grêgoriô VII. Đức Phaolô I năm 1605, khi đặt ngài lên bàn thờ, đã khẳng định điều đó. Và sau ngài gần 500 năm, giáo hội mới có một vị giáo hoàng được suy tôn hiền thánh, đức Pio V.

(Viết theo J. LORTZ, L'histoire de L'Eglise,
- Ed.Payots, Paris 1955, tr. 130-134)

TÂM TRẠNG ĐỨC INNOCENTÊ III

Giáo hội đã giao cho tôi một gia sản quý hơn mọi gia sản. Vì việc có đầy đủ quyền thiêng liêng sẽ mang đến vô vàn sở hữu trần gian. Bởi vì các tông đồ chỉ được gọi là chia sẻ quyền bính, chỉ riêng Phêrô có đầy đủ quyền bính. Tôi đã được người trao mũ linh mục và vương miện trong vương quốc. Người đặt tôi làm đại diện với phẩm phục ghi rõ "vua các vua, chúa các chúa, linh mục đời đời theo phẩm hàm Melchisedech..."

Như mặt trăng nhận ánh sáng từ mặt trời, quyền lực của vị vua, cả vinh dự và phẩm chức, cũng từ quyền lực của các giáo hoàng như vậy. Chúng tôi đã nhận quyền lực từ Chúa Cha đầy thương xót, chúng tôi cũng phải dùng quyền ấy để ủng hộ những ai biết dùng chúng với lòng xót thương.

(Trích M.Pacaut, La Theocratie p.225 - JC,Đề đọc LSGH I,p.144)

DÒNG CLUNY

Trung tâm chính của cuộc canh tân tinh thần thế kỷ X là Dòng Cluny tại Bourgogne, thành lập năm 910 và trực thuộc Giáo Hoàng. Chính tại đây, lý tưởng tu trì đã bừng tỉnh và làm phát sinh một giai đoạn mới : tại đây các đan sĩ trung thực sống theo tu luật thánh Biển Đức xưa kia, bởi vì hiện nay đã khá đổi thay. Chương trình được thực hiện bởi những viện phụ vĩ đại sống khá thọ và là những vị có đời sống thánh thiện :

Thánh Bernon (910-925) ;

Thánh Odon (+948) ;

Thánh Odilon (+994) ;

Thánh Hugues (+1049) ;

và cha Phêrô đáng kính (+1156).

Giương sống đạo chân thật, lòng hy sinh anh hùng và việc nghiêm chỉnh trung thành với ơn gọi dâng hiến được lan rộng, trước tiên vào các cộng đoàn Biển Đức ; rồi đến những đan viện mới lập. Chẳng bao lâu, tinh thần này chuyển từ Pháp qua Ý, đến Roma. Một trăm năm sau, Cluny đã có 1450 đan viện với 10.000 đan sĩ, tất cả đều quan hệ thường xuyên với Cluny và tuân theo sự quản trị của trung ương. Như thế cuộc cải tổ đời tu đã kéo theo cuộc cải tổ về tổ chức tu trì .

Cuộc cải cách của Cluny còn khởi sự cho cuộc cải tổ hàng giáo sĩ, ảnh hưởng đến các hoàng đế như Otton III, Henri II và Henri III. Giáo hoàng Lêo IX, khi là giám mục ở Toul, đã thường xuyên liên hệ với Cluny, và trên đường đi lãnh nhận chức vụ tối cao trong giáo hội, đã ghé vào Cluny để đem theo đan sĩ Hindebrand làm cố vấn, sẽ là đức Grêgoriô VII sau này. Dòng Cluny đã có phần rất lớn trong chuyên đoạn bước sang thiên niên kỷ thứ hai, cách đặc biệt qua giáo hoàng Grêgoriô VII bất khuất này. Và cùng với ngài đã biến Tây Âu trở thành thế giới Kitô Giáo thực sự (Nước Kitô) .

DÒNG CHARTREUSE - 1084

Thánh Bruno rời thành Reims, từ bỏ thế gian tránh mọi quan hệ với người thân để đến miền đất Grenoble. Tại đây ngài chọn cư ngụ trên đỉnh núi hiểm trở khúc khuỷu, chỉ có một lối lên vừa khó khăn vừa hoang tàn. Phía dưới là một thung lũng theo đường cắt thẳng từ trên xuống. Đó là nơi ngài biên soạn lề luật và các môn sinh ngài hiện vẫn đang cư ngụ.

Mỗi vị có một phòng riêng quanh tu viện. Họ ăn ngủ và làm việc ở đó. Cứ chủ nhật họ lãnh ở quản lý lương thực gồm bánh và rau rồi tự nấu luộc chúng ở phòng mình. Nước uống là nước suối cũng chuyển đến từng phòng... Hầu như họ không nói gì bao giờ, vì khi cần họ ra dấu hiệu với nhau bằng tay.

Tuy có bề trên điều khiển, nhưng giám mục Grenoble mới là viện phụ và là người cung cấp lương thực. Nếu họ tự nguyện sống nghèo hoàn toàn thì ngược lại họ tích trữ nhiều sách trong thư viện... Đất của họ ít được gieo trồng vì họ đổi ngũ cốc cần thiết bằng lông cừu mà họ nuôi vô số.

(Guibert de Nogent (1053-1124 - JC,Đề đọc LSGH,I,p.149)

XITÔ, ĐAN VIỆN MỚI

Viện phụ Aubri (vị thứ hai) và các bạn không quên lời hứa, nhất định áp dụng tại đây tu luật thánh Biển Đức, loại bỏ những gì trái với tu luật như áo bông, áo lót, mũ choàng, nệm giường, thực phẩm béo và tất cả những gì không phù hợp...

Vì đọc tu luật thánh Biển Đức, họ thấy vị tôn sư không sở hữu nhà thờ, đền thờ, không quà tặng, mộ phần, không lãnh thuế thập phân, không lò bánh, cối xay, không làng mạc, nông nô và ngoài cô em gái, không có phụ nữ nào vào đan viện, cũng không cho ai chôn trong đó, họ liền từ bỏ tất cả những điều này...

Khinh chê sự giàu có trần gian, những người lính mới của Đức Kitô, nghèo như Đức Kitô nghèo, khởi sự làm sao để chỉ vừa đủ sống và phục vụ khách dù giàu hay nghèo mà tu luật buộc họ tiếp đón như chính Đức Kitô...

(Bản luật Xitô n.1118, theo J.Comby, Sđd, I, tr.150)

NHẬN ĐỊNH VỀ THÉOCRATIE

Trong lịch sử, không có vị Giáo hoàng nào hành xử thần quyền như một bạo chúa. Các vị xen vào nội bộ quốc gia, kết án Hoàng đế vì các ông vốn là tín hữu và phạm lầm lỗi gì đó. Bản vạ tuyệt thông thường có yếu tố khoan hồng. Nghĩa là nếu nhà vua hối cải sẽ được phục hồi quyền bính. Ngoài ra, các vị vẫn tôn trọng "triều đại" hiểu theo nghĩa ủng hộ người có quyền kế vị đích thực.

Pha mình vào việc trần tục, các ngài dễ đi quá giới hạn của mình, đôi khi phạm sai lầm nữa, nhưng ta cần nhìn sự kiện tương đối trong bối cảnh Trung Cổ, thái độ các ngài được sự hưởng ứng của quần chúng, bảo vệ công bằng xã hội, duy trì sự đoàn kết của Nước Kitô. Théocrate thất bại có lẽ vì không đúng đường lối của Đức Kitô, Đấng đã phán : "Nước tôi không thuộc về thế gian này".

23-05-2009 09:22 AM

#16

nmt

Ban Quản Trị

Cấp bậc: Huynh Trưởng

Tham gia ngày:

08/04/2009

Giới tính:

Nam

Đến từ:

Nhà ba má :)

Bài gửi:

843

Thích:

767

Có 228 bài viết được thích 843 lần

Áo vọng quyền lực

ÁO VỌNG QUYỀN LỰC

(Thế kỷ XI - XIV)

Đúng lúc Giáo hội Âu Châu trở thành sức nối kết các quốc gia, thái độ của người Hồi Giáo-Thổ Nhĩ Kỳ đã thúc đẩy Giáo hội dùng đến sức mạnh. Một vài thắng lợi nhỏ đã khiến một số giới chức trong Giáo hội sinh ra ảo tưởng về quyền lực. Họ nghĩ đó là con đường ngắn nhất để phát triển Giáo hội hoặc để giáo dục con cái mình. Người ta quên rằng Nước Đức Kitô

không thuộc trần gian, quên rằng trong Nước đó người làm đầu phải hầu thiên hạ (Mt 20, 25 tt), và quên rằng Đức Kitô đã chiến thắng bằng con đường Khổ Giá.

Thất bại của binh thánh giá và tòa tra là bài học lớn của lịch sử giúp ta tránh những ảo vọng tương tự.

I. CÁC CUỘC THÁNH CHIẾN

1,1. Nguyên nhân

Với các kitô hữu, Thánh Địa là mảnh đất thiêng liêng. Nếu mới đầu các tín hữu Do thái về Đền Thánh theo luật Mai-sen, thì từ khi thánh nữ Helena tìm ra Thánh Giá, việc hành hương biến thành phong trào. Đức Gregorio Cả xây nhiều lữ quán để đón tiếp họ. Các tín hữu về Giêrusalem để đền tội hoặc để cảm nghiệm sâu sắc hơn cuộc sống và cái chết của Đức Kitô.

Người Hồi giáo Ả Rập đã chiếm Thánh Địa từ thế kỷ VII. Nhưng khi đó, những ông chủ này trưng đất để tính với tín hữu địa phương và khách hành hương, miễn là họ nộp thuế. Hoàng đế Charlemagne còn cho xây đan viện tại vườn Cây Dầu. Thế nhưng năm 1070, Hồi quân Thổ Nhĩ Kỳ của Seljoukide chiếm đóng vùng Tiểu Á thì khác. Năm 1071 họ chiếm đóng Giêrusalem, cản trở sinh hoạt tôn giáo và trở thành mối lo cho đế quốc Byzantin. Hoàng đế Michael VII cầu cứu Tây phương. Đức Gregorio VII liền hô hào đi cứu Mộ Thánh. Nhưng vì ngài bận rộn với Henri IV, nên đức Urbano II mới là người khởi sự Binh Thánh Giá vào năm 1095 tại công đồng Clermont.

"Thế là người giàu kẻ nghèo, cả phụ nữ, đan sĩ lẫn giáo sĩ, thị dân và nông dân đều khát mong đi Giêrusalem hoặc hộ trợ cho những người lên đường"(Oderic Vital, Hist. Ecclesiastique 1135, Xc J.Comby Sdd I, P.162.). Niềm tin của họ khá đơn sơ ; Nogent đã kể : "Có kẻ không biết cầm vũ khí nhưng lại mong tử đạo. Họ nói với các chiến sĩ : các anh khỏe mạnh và can đảm nên ra trận, còn chúng tôi, chúng tôi chịu đau khổ với Chúa Kitô để đoạt được Nước Trời" (Bùi Đức Sinh, LSGH I tr.318).

1,2. Tám cuộc Thánh Chiến

Ngoài những cuộc vận động lẻ tẻ như của đan sĩ Phêrô mà 9/10 đã chết dọc đường, lịch sử thường ghi nhận 8 cuộc thánh chiến

Năm :: Khởi xướng :: Đặc tính :: Kết quả

1. 1096-99 :: Đ. Urbano II :: 4 đạo quân quần chúng :: Vương quốc Giêrusalem, ba hầu quốc Edessa, Triapol
2. 1147-49 :: Th. Bênadô :: Pháp, Đức :: Thua vì ô hợp
3. 1189-92 :: Đ. Urbano III :: Pháp, Đức, Anh :: Thua vì ô hợp
4. 1198 -1204 :: Đ. Innocente III :: Bị thương gia Venise chỉ phối :: Chiếm Constantinople
5. 1217-21 :: Hung, Đức, Áo :: Đánh Ai Cập :: Rút vì lụt lội
6. 1228-29 :: H.đế Frederic II :: Đức :: Thỏa Ước Jaffa
7. 1248-54 :: Vua Louis IX :: Pháp :: Vua bị bắt : Chuộc
8. 1270 :: Vua Louis IX :: Pháp :: Vua bị bệnh dịch : Chết

Dù có Dòng Bệnh Viện (1099) và Dòng Đền Thờ (1119) năm 1146 Edessa bị tái chiếm khiến thánh Benadô phải nhọc công hô hào thánh chiến lần thứ II. Năm 1187, Hồi quân Ai Cập tái chiếm Giêrusalem, gây nên thánh chiến III. Áo vọng quyền lực bộc lộ rõ trong thánh chiến IV và V.

Cuộc chiến thứ VI kết thúc bằng Thỏa ước Jaffa, theo đó Hồi quân nhường lại Bêlem, Giêrusalem và Nagiarét, nhưng họ chỉ giữ Thỏa ước 10 năm. Hai cuộc viễn chinh cuối chỉ còn vua Louis IX với những nô lệ sau cùng. Sau đó, mọi lời hô hào Bình Thánh Giá gần như không được hưởng ứng. Năm 1342, vua nước Pháp Roland d'Anjou mua Thánh Mộ, đức Clêmente VI trao cho Dòng Phanxicô quản trị.

1.3. Nhận định

Tuy lấy tôn giáo làm lý do hô hào binh sĩ, nhưng ta có thể thấy nhiều yếu tố nhân loại nơi những người tham gia cuộc chiến, đó là : lãnh địa cho các ông hoàng, chiến phẩm cho binh sĩ, tước hiệp sĩ cho giới bình dân, sự kính nể của người ở nhà và ân xá cho các tội nhân.

Hơn nữa, chiến tranh bao giờ cũng mù quáng giết hại những người vô tội. Chiến tranh phải có kẻ chiến thắng người thua, có mối hận thù về người thân bị giết và làm cho người Kitô hữu với người Hồi giáo ngày càng xa nhau hơn.

Nếu không kể một số phát triển về vấn đề văn hóa và kinh tế (giao lưu ba nền văn hóa Latinh - Hy Lạp - Islam ; việc buôn bán trực tiếp với Đông phương ; học hỏi cải tiến kỹ thuật), Bình Thánh Giá hầu như hoàn toàn thất bại. Có lẽ đó là ý Chúa, vì Thiên Chúa không cần đến bạo lực của nhân loại mà chỉ muốn xây dựng tình thương. Người ta đã quên mất tổ tiên mình (German) đã được Tin Mừng cảm hóa trong trường hợp nào.

II. VIỆC TRÁN ÁP CÁC LẠC GIÁO

Ngay trong thời điểm thành công nhất của thần quyền chính trị, Giáo hội vẫn chịu sự phân rẽ ngay trong nội bộ. Người ta quen gọi là những nhóm lạc giáo. Có nhóm không công nhận giáo lý Giáo hội, có nhóm nhân danh Tin Mừng để đả phá các giáo sĩ giàu có và phong kiến. Rồi từ những dị biệt nhỏ, họ xa dân Giáo lý chính thống và phê phán cơ chế Giáo hội. Càng ngày họ càng ít được dung thứ.

2.1. Phong trào Vaudois

Dù hồ sơ Tòa Tra không nói tốt cho họ, ta vẫn thấy nhóm Vaudois nằm trong phong trào trở về nguồn Tin Mừng của thế kỷ XII. Đó là kết quả cuộc cải cách của Đức Gregorio VII. Tiếc rằng hành trình về nguồn của nhóm không được thuận lợi như hai Dòng tu lớn Phanxicô và Đa Minh (xin coi chương X).

Khoảng năm 1170, Valdo phát động phong trào "người nghèo Lyon". Ông vốn là một thương gia giàu có, bối rối về lợi tức, đã đem bán toàn bộ tài sản Rồi đi rao giảng về sự nghèo khó của Tin Mừng. Ông qui tụ nhiều nhóm nam nữ. Họ cùng nhau đọc Kinh Thánh theo tiếng Pháp, học thuộc lòng nhiều đoạn văn các Giáo Phụ. Họ đến các quảng trường hô to lên : "Không thể làm tôi hai chủ, Thiên Chúa lẫn tiền tài".

Hàng giáo sĩ Pháp bấy giờ không đủ khả năng đáp ứng nhu cầu tâm linh và trí thức của giới thị dân. Các vị chỉ thấy mình bị phê phán, nên tỏ ra e ngại các nhà giảng thuyết không chức thánh này. Giáo hoàng Roma lại trao quyền thẩm định cho Giáo hội địa phương. Và tổng giám mục Lyon là Gioan cầm nhóm Vaudois đi giảng, liệt họ vào danh sách các lạc giáo. Thế là họ phân tán đi Languedoc, Dauphine, Provence và Bắc Ý.

Nếu trước, nhóm Vaudois là lời phản kháng có tính Tin Mừng, thì từ nay, họ liên kết với các nhóm khác chống đối hàng giáo phẩm. Họ đề cao chức tư tế cộng đoàn và chống lại mọi công việc có tính làm giàu. Họ nói chỉ có họ mới thi hành sứ vụ đích thực. Điều đáng tiếc của nhóm Vaudois là không tin vào sức mạnh của Lời Chúa, thiếu kiên nhẫn và chọn cách ứng xử thiếu tính Tin Mừng bác ái yêu thương.

2.2. Chờ đợi thế giới tốt hơn

Cũng trong hướng về nguồn Tin Mừng và Giáo hội sơ khai xuất hiện nhiều trào lưu tiên đoán về tương lai nhân loại dựa vào sách Khải Huyền và các sách Tiên tri. Phong trào "Ngàn Năm" dựa vào Khải Huyền 20, 4-5. Sống trong một xã hội khổ cực và tràn đầy bất công, một số người mong đợi Nước Trời chưa đến, nơi tình thế hiện tại sẽ bị đảo lộn. Đó là khởi điểm phát sinh các cuộc cách mạng tâm linh do những nhân vật tự nhận mình được Thánh Thần linh ứng.

Nổi tiếng trong trào lưu này là Joachim de Flore (1130-1202), ông nói đến lịch sử có ba thời kỳ : sau thời Chúa Cha Cựu Ước, thời Chúa Con Tân Ước, nay đến thời Thánh Linh kéo dài vô tận. Mỗi vị thiên thần thổi loa trong Khải Huyền, ông gán cho một hạng người nào đó sẽ xuất hiện.

2.3. Nhóm Cathares

Học thuyết của nhóm Cathares khác hẳn với Giáo lý Giáo Hội, được phổ biến nhiều tại Languedoc và Bắc Ý. Người ta coi họ là theo phái Manikê xưa, vì họ chủ trương Nhị nguyên.

Để trả lời câu hỏi muôn thuở của con người về nguồn gốc sự ác, thì nhị nguyên có vẻ có lý hơn nhất nguyên. Cathares "những người tinh tuyền" tự nhận mình là kitô hữu tốt (bon chrétien) và lấy lại nhiều nghi lễ của Giáo hội Thượng Cổ. Những ai lãnh nhận nghi thức đặt tay (Consolamentum) đều được phái đi giảng. Thế nhưng vì coi thân thể là vật chất xấu xa, họ chối việc Đức Kitô nhập thể và lên án hôn nhân. Đối với tín hữu thường, họ đòi hỏi ít hơn : cho phép lập gia đình và kêu gọi góp tiền giúp những người "hoàn hảo".

2.4. Trấn áp lạc giáo.

Nói chung suốt 11 thế kỷ đầu không có bản án tử hình nào cho người lạc giáo, cùng lắm là án tù hoặc lưu đày. Thánh Gioan Kim Khẩu từng nói : "Giết một người lạc đạo là làm nảy sinh trong thế gian một tội ác không thể nào đền bù được".

Thế kỷ XI, đức tin trở thành nền tảng của xã hội Âu Châu. Do sức ép của dân chúng, một vài vị Vua muốn tiêu diệt những ai bất đồng chính kiến, thì Giáo hội vẫn phản đối án xử tử. Giám mục Wason thành Liège viết năm 1045 : "Những người hôm nay là đối thủ, biết đâu nhờ ơn Chúa, lại sẽ ở cao hơn ta trong thiên đường... Chúng ta được gọi là Giám mục, chúng ta được Chúa xúc dầu để đem lại sự sống chứ đâu phải giết chết".

Giữa thế kỷ XII, thánh Benadô khi giải quyết lạc giáo ở Cologne còn nói : "Đức tin là kết quả của thuyết phục chứ không thể áp đặt được". Thế nhưng vì lạc giáo vẫn tiếp tục gia tăng, các thứ vạ tuyệt thông dường như cũng bất lực, các biện pháp khác được đem ra áp dụng. Bộ luật Gratiano (1142) vẫn nhấn mạnh việc thuyết phục, trường hợp đặc biệt mới xử án Rôi trao cho cánh tay trần thể thi hành. Công đồng Laterano III (1179) phân biệt : với lạc giáo ít người chỉ dùng hình phạt tinh thần, còn nếu họp thành băng nhóm đông người thì cần dùng đến sức mạnh. Vua Aragon (1197) và Đức Innocente III (1199) thêm cho kẻ cố chấp tội "khi quân". Bản án tử hình vẫn chưa xuất hiện.

Năm 1208, sau khi đặc sứ Castelnau bị ám sát tại Pháp, binh thánh giá chống Aligeois bùng nổ. Thực chất đây là cuộc tranh chấp giữa các ông hoàng hai phía Bắc Nam, nhưng hàng ngàn người Cathares đã bị giết. Tại Béziers, nhiều người bị thảm sát ngay trong thánh đường. Ở Minerva, hàng trăm anh em Cathares nói : "Chúng tôi đã thề bỏ Giáo hội Roma. Dù sống dù chết cũng không thể làm chúng tôi bỏ đức tin của mình được". Rôi tất cả hăng hái nhảy vào đồng lửa.

2.5. Pháp đình tôn giáo

Tòa Tra hiểu theo nghĩa truy lùng và trừng phạt xuất hiện năm 1184 do Thỏa ước giữa đức Lucio III và hoàng đế Frederic II. Còn Tòa Tra được phép kết án tử hình được khai sinh trong khoảng 1224-1233. Khô hình lợi ích được dùng như thuốc đắng để trị bệnh. Tòa tra trần thể do Frederic II (1224), Tòa tra của Giám mục Toulouse (1229), tiến đến Tòa tra Giáo hoàng do đức Gregorio IX (1233) đặt dưới quyền điều khiển của giáo triều.

Để tránh kết án sai lầm, mỗi chánh án thường có một "Cố vấn" giám sát và can gián. Khi kết án tử hình hoặc tù chung thân phải được vị giám mục sở tại đồng ý. Nhiều chánh án lạm quyền đã bị đức giáo hoàng khiển trách hoặc truất chức. Thế nhưng càng về sau, yếu tố nhân phạm càng chi phối các Tòa tra : Dòng Đền Thờ ở Pháp bị tiêu diệt vì tài sản, và chân phước Jeanne d'Arc bị giáo sĩ Anh thiêu sống vì lý do chính trị ...

Qua diễn biến xử án, rõ rệt các chánh án phải chịu trách nhiệm về bản án, vì cánh tay trần thể chỉ lãnh phần thực hiện thôi. Nếu trước khi châm lửa, tất cả cùng tuyên xưng đức tin (auto da fer) thì thực tế ít ai dám chắc bản án không do những động lực khác. Mà dù lương tâm các chánh án có trong sáng mấy đi nữa, không thể nào chấp nhận nổi những giáo sĩ rao giảng Tin Mừng yêu thương, lại có thể can đảm thiêu sống những kẻ không chấp nhận giáo huấn của mình. Và dù cho công luận đại chúng thời đó cho rằng "làm biến chất đức tin, tức là sự sống của con người, còn nghiêm trọng hơn làm bạc giá nhiều" (Suma II, II, q 11, a 3), thì mọi biện pháp trấn áp chẳng thể nào đem lại đức tin thực sự được. Bạo lực chẳng bao giờ thắng được tinh thần.

Đọc lại những trang sử nổi cộm thường bị đem ra châm biếm nhất của Giáo hội Trung Cổ, chúng ta cần giữ được tâm trạng bình thản. Từ thân phận bị đàn áp thuở ban đầu chuyển sang vị thế có uy quyền, quyền bính trong Giáo hội đã gặp những cạm bẫy như bất cứ tổ chức nào sau chiến thắng thường gặp. Sống giữa thế giới, con người trong Giáo hội khó có thể thoát khỏi những ảnh hưởng của xã hội và những yếu tố nhân phạm. Nên cần phải đánh giá sự kiện theo tư duy của người đương thời. Nhưng cũng cần đọc lại hiến chế Giáo hội của Vatican II : "Tuy cần đến những phương tiện nhân loại để chu toàn sứ vụ mình, Giáo hội được thiết lập không phải để tìm kiếm vinh quang trần thế, nhưng để truyền bá khiêm nhường và từ bỏ, bằng gương lành của chính mình" (Lumen Gentium số 8c).

TOÁT YẾU

1/. Binh Thánh Giá :

Trước thái độ của Hồi quân Thổ Nhĩ Kỳ thế kỷ XI, các giới chức Giáo hội đã tổ chức tám cuộc binh thánh giá, từ 1096 đến 1254. Giáo hội lập một số tiểu quốc tại vùng Đông phương và đã phải khá vất vả để gìn giữ nó. Kết cuộc Mồ Thánh vẫn không được giải thoát. Giới có lợi duy nhất là các thương nhân thành thị, yếu tố quan trọng làm sụp đổ chế độ phong kiến sau này.

2/. Trấn áp lạc giáo :

Ảnh hưởng cuộc cải cách đức Gregorio VII, nhiều nhóm trở về nguồn Tin Mừng xuất hiện, phản kháng lại sự giàu có xa hoa của hàng giáo sĩ bấy giờ. Thế nhưng vì thiếu khả năng thần học, thiếu tế nhị, họ bị đẩy ra bên lề Giáo hội để tiến dần đến lạc giáo. Nổi tiếng nhất có phong trào Vaudois (từ 1170) và Nhóm Nhị nguyên Cathares. Sau một số xô xát, các lạc giáo bị trấn áp bằng vũ lực và các Tòa Tra (1184 đến 1233).

23-05-2009 05:52 PM

#17

nmt

Ban Quản Trị

Cấp bậc: Huynh Trưởng

Tham gia ngày:

08/04/2009

Giới tính:

Nam

Đến từ:

Nhà ba má :)

Bài gửi:

843

Thích:

767

Có 228 bài viết được thích 843 lần

Hoa trái của lòng tin

HOA TRÁI CỦA LÒNG TIN

(Thế kỷ XI - XIV)

Hãy đổ rượu mới vào bầu da mới (x. Lc 5, 38). Trong bối cảnh lịch sử thời Trung Cổ, niềm tin các tín hữu không chỉ chịu tác động từ bên ngoài. Tin Mừng vẫn không ngừng thúc bách những con người thời đại, khởi từ những cảm hứng của Tin Mừng, góp phần xây dựng tòa nhà văn minh Trung Cổ đặc biệt về văn hóa nghệ thuật.

I. MẠCH NGẦM NIỀM TIN

Quả là thiếu sót nếu nghiên cứu niềm tin thời Trung Cổ, lại chỉ dựa vào những tổng luận đặc sắc của các nhà thần học. Các nhóm lạc giáo chứng tỏ đức tin Trung Cổ không thống nhất toàn vẹn. Đại chúng miền nông thôn thất học và các phong trào thị dân đã ảnh hưởng không ít đến cách diễn đạt niềm tin.

1.1. Ba đặc tính niềm tin Trung Cổ

a. Thiên Chúa toàn năng bị nhân hóa

Ảnh hưởng xã hội phong kiến và nông dân, Thiên Chúa dần dần được quan niệm như vị vua tối cao, mọi lãnh chúa trần gian chỉ là chư hầu của ngài. Lòng yêu mến Chúa ngày càng nhường chỗ cho sự kính sợ. Ngài kiểm soát, ngài ban phát niềm vui nỗi buồn, sự sống và sự chết. Thành công thất bại, đói kém hay dịch tễ đều gán cho Ngài. Tích cực hơn, nhân tính Đức Kitô được quan tâm đặc biệt. Ngài là mẫu gương, là thủ lãnh, là hôn phu và là bằng hữu. Phong trào hành hương Thánh Địa và suy niệm cuộc khổ nạn ngày càng gia tăng.

b. Kitô hữu lý tưởng là đan sĩ

Vì tầm ảnh hưởng quá lớn và đời sống gương mẫu, các đan sĩ trở thành mẫu lý tưởng cho người tín hữu, Thánh Bênêđô so sánh đời như biển rộng, ai vượt được biển mới được cứu. Theo ngài, các đan sĩ đi trên cầu khô ráo, hàng giáo sĩ dùng thuyền, còn những người có đôi bạn thì bơi tay, nên đa số chết đuối dọc đường. Danh mục các thánh thời này toàn các đan sĩ, giám mục và vài bà quý tộc góa đã kết thúc đời mình như một đan sĩ, kẻ không đi tu thì cố phỏng theo nếp sống nhà tu. (Vua Louis IX đọc kinh giữa đêm và đánh tội phạt xác). Đến lúc lia trần, nhiều tín hữu mơ ước được mang áo dòng và được chôn trong đan viện.

c. Niềm tin trong đời sống

Nếu trước đây Kitô giáo đã thừa hưởng các sinh hoạt tôn giáo cũ gắn liền với thiên nhiên, thì nay năm phụng vụ vừa làm sống lại các mẫu nhiệm cứu độ vừa liên kết với mùa màng tự nhiên. Nhịp sống của người dân gắn liền với mùa phụng vụ và các địa chỉ tôn giáo. Có nơi cộng 52 Chúa nhật với các lễ trọng là 107 ngày nghỉ (Oxford 1222). Các ngày lễ bị dân gian hóa: Buche Noel, Ông già Noel, việc nói dối lễ anh hài, lễ hội điên ... Nhà thờ là trung tâm mỗi làng, là nơi trú ẩn lúc chiến tranh hoặc thiên tai. Các tín hữu tích cực với vị chủ chăn để đào hào đắp lũy, xây chợ búa và các đan viện.

Niềm tin đại chúng còn bộc lộ trong việc tôn kính thánh tích đến mức thái quá, kính riêng các thánh bốn mạng mùa màng, súc vật. Mỗi nghề nghiệp lại có bốn mạng với nhà thờ riêng.

Dựa vào các bản di chúc ta thấy các tín hữu mong lễ an táng long trọng và xin được nhiều lễ Misa. Họ yêu cầu bố thí cho người nghèo như cho Đức Kitô, mà họ coi là cách thánh hóa, lập công. Họ dành tiền xây bệnh viện và các trại cùi. Thực ra thời đó bệnh viện chỉ độ chục giường cho cả người nghèo và khách lỡ đường trọ.

1.2. Sinh hoạt tôn giáo

Vào thế kỷ XII, Giáo hội xác định dần về Bảy bí tích phân biệt với các phụ tích (nước phép, bỏ tro...) và cố đưa thành luật thống nhất trong khắp Giáo hội.

a/. Bảy Bí Tích :

Hầu như khắp nơi trẻ em được rửa tội trong vòng vài ngày bằng cách đổ nước (thay vì dim) và bỏ dần việc cho trẻ rước lễ, việc rước lễ dưới hình rượu mật dần trong Thánh Lễ. Bí tích Thêm Sức dành riêng cho giám mục và chờ đến tuổi lớn.

Năm 1215, Công đồng Laterano IV đưa ra luật xưng tội rước lễ mỗi năm một lần mùa Phục Sinh tại giáo xứ mình. Bí tích hòa giải tiến đến hình thức hiện nay và quen gọi là xưng tội, với việc đền tội ấn định theo tội. Người sót sáng cũng chỉ rước lễ đôi ba lần mỗi năm, vì lòng tôn kính cũng như hiểu biết giới hạn về Thánh Thể (Vua thánh Louis : 6 lần/năm). Vì ít hiểu Thánh Lễ bằng tiếng Latinh, tín hữu đi "xem lễ", việc nâng cao Thánh Thể, đặt Minh Thánh châu kính xuất hiện ...

Hôn nhân trước đây không phân biệt nghi lễ đời và đạo, thì từ nay thẩm quyền Giáo hội xác định các ngăn trở và điều kiện "thành sự và hợp pháp" (valide et licite). Yếu tố chính của hôn nhân là sự ưng thuận. Nghi lễ cưới long trọng tùy địa phương. Các cô dâu chú rể, chẳng hiểu bao nhiêu các câu Latinh, nhưng phải đến nhà thờ rồi mới tiệc tùng linh đình.

b/. Việc huấn giáo

Thời này chưa có giáo lý viên đúng nghĩa. Các cộng đoàn có trách nhiệm truyền bá đức tin bằng miệng. Thường cha mẹ, người đỡ đầu dạy cho trẻ các kinh và các giới răn. Con số 7 được dùng làm khung dạy giáo lý, soạn thành các kinh, đọc vắn như thơ : 7 tội đầu, 7 nhân đức, 7 ơn Thánh Thần, 7 Bí tích, Thương xác 7 mối ...

Các bài giảng ngày chúa nhật và đại lễ góp phần huấn luyện người già lẫn trẻ. Việc giảng thuyết bằng ngôn ngữ bình dân có bước tiến dài trong thế kỷ XIII. Các đan sĩ và các Dòng Hành Khất cạnh tranh với các lạc giáo. Nhờ Dòng Đa Minh, việc giảng xưa dành riêng cho các giám mục, nay mở rộng cho tất cả các linh mục, tòa giảng được đưa xuống giữa nhà thờ, có nơi đặt giữa sân khi đông người. Thánh Đa Minh giảng cả nơi cối xay. Giảng viên dùng nhiều chuyện và thí dụ trong cuộc sống. Giáo hữu có thể nêu ý kiến, vỗ tay, phản đối hay tranh luận, còn giảng viên có thể đánh thức thánh giá đang ngủ gật.

II. ĐÁP ỨNG NHU CẦU THỜI ĐẠI

Phong trào về nguồn Tin Mừng không nhất thiết đưa đến lạc giáo mà có thể gợi lên dạng tu trì mới : các dòng hành khất. Các dòng tu này nhạy bén với sự phát triển của lạc giáo, với phong trào thị dân và trí tuệ, đáp ứng nhu cầu loan báo Tin Mừng cho người thời đại.

2,1. Các Dòng Hành Khất

Không kể các cộng đoàn nhỏ, công đồng Lyon II (1274), xác định bốn Dòng Hành Khất chính là Phanxicô (1209), Đa Minh (1216), Carmelô (1228) và ẩn sĩ Augustino (1256). Hai dòng tu sau dần dần cũng theo cơ chế tổ chức của Dòng Đa Minh.

a/. Thánh Đa Minh (1170-1221) là linh mục Kinh sĩ đoàn Osma. Tại Languedoc, ngài chứng kiến sự thất bại của các đan sĩ uy nghi lộng lẫy trước nhóm lạc giáo Cathares sống khổ hạnh. Ngài liền cổ võ nếp sống nghèo và du thuyết. Dòng Thuyết Giáo tổ chức theo dân chủ bầu phiếu, các cộng đoàn linh mục sống tại thành phố, chuyên nghiên cứu, giảng thuyết phục vụ các nghiệp đoàn và dạy tại đại học. Các nữ đan sĩ Đa Minh được lập từ 1206.

b/. Thánh Phanxicô (1181-1226) là một tín hữu, năm 24 tuổi, đã từ bỏ giấc mơ hiệp sĩ và thương gia để tận hiến cho bà chúa nghèo. Anh đi sửa các nhà thờ, trả cho thân phụ đến mảnh áo cuối cùng rồi 12 bạn hữu đi giảng từ năm 1208. Thanh thoát, thơ mộng, chỉ sống theo luật Tin Mừng, nhưng ngài cũng chiêu anh em để soạn tu luật 1221 và 1223 với tu viện và học viện gần giống với Dòng Đaminh. Các nữ đan sĩ Clara được lập từ 1212.

Ngay trong thế kỷ XIII các dòng Hành Khất đã đóng vai trò then chốt trong toàn Giáo hội. Số tu sĩ gia tăng nhanh (Phanxicô và Augustin lên 30.000, Đaminh 12.000) với nếp sống nghèo khó và chuyên chăm thần học, đã góp phần nâng cao hàng giáo sĩ về trí thức lẫn luân lý. Cũng trong một thế kỷ, dòng Hèn Mọn có 56 Giám mục, dòng Thuyết Giáo có 450. Ngoài ra, các Dòng hành khất còn là lực lượng quan trọng xây dựng Giáo hội thống nhất với các hoạt động tuyên úy, đại sứ và cố vấn cho các vị vua. Các tu sĩ hành khất đã tích cực ra đi truyền giáo và qua các đại học, đào tạo một lớp tín hữu mới có khả năng. Chúng ta cũng không thể quên đến lớp men Tin Mừng mới cho xã hội là các anh chị em dòng Ba Carmelo, Phanxicô và Đaminh được.

2,2. Con đường sứ vụ rộng mở

Bên cạnh những đạo binh Thánh Giá có nhiều vấn đề Giáo hội đã hoàn tất việc Phúc âm hóa các miền Âu-Châu . Esthonia có tòa Giám mục năm 1201 tại Riga. Nước Phổ có tòa Giám

mục 1215 nhờ công cha dòng Xitô Christian Oliva. Vùng Litwania năm 1386 ông hoàng Jagelion đã rửa tội để cưới Nữ hoàng Ba Lan Hedwidgia.

Với anh em Hôi Giáo :

Thánh Phanxicô đã đến gặp Giáo chủ Ai Cập năm 1218, ngay giữa cuộc thánh chiến V. Raymond Lulle (Ofm, TBN +1315) chủ trương cảm hóa bằng tình yêu và sự hiểu biết. Thánh Raymondo (OP, +1275) đồng sáng lập Dòng "Đức Mẹ Chuộc Kê Làm Tội", khuyến khích mở trường cho các thừa sai học tiếng Ả Rập và sách Kinh Coran, để có thể đối thoại với người Hôi Giáo.

Tại Trung Hoa :

Năm 1248 và 1253, đức Innocente IV và vua Louis gửi hai phái đoàn do các Cha Plancarpin và Rubrouk dòng Phanxicô dẫn đầu đến gặp vua Mông Cổ, nhưng không thành công. Sau đó nhiều nhóm du thuyết Đaminh, Phanxicô kéo nhau đi giảng đạo tại Ba Tư, Ấn Độ và Trung Hoa.

Năm 1261 Vua Hốt Tất Liệt, qua trung gian cha và chú của Marco Polo, xin giáo triều gửi các thừa sai đến. Hai linh mục Đa Minh đã đi nhưng lâm bệnh phải trở về. Năm 1288, đức Nicolas IV cử cha Montecorvino (Ofm) đến Bắc Kinh. Ngài xây Thánh đường và rửa tội cả vạn người. Năm 1307 ngài được phong làm Tổng Giám mục Bắc Kinh. Năm 1333 số tín hữu đã lên đến cả 100.000. Thế nhưng khi nhà Minh (thay thế nhà Nguyên) ra lệnh cấm đạo từ năm 1368, thì Giáo hội Trung Hoa dần dần biến mất, phải chờ đến thế kỷ XVI.

2,3. Văn hóa đặt nền trên đức tin

a/. Nhu cầu văn hóa mới

Trong thời Man Dân việc học gần như chỉ phục vụ nhu cầu tôn giáo. Các xứ đạo dạy giáo lý, dạy đọc, viết, đếm và văn phạm ; các đan viện dạy Kinh Thánh, Giáo phụ và các bản chú giải ; các trường nhà thờ chính tòa thì đào tạo giáo sĩ triều.

Nhưng từ cuối thế kỷ XI, do nhu cầu thị dân, số người tìm học ngày càng tăng, nhiều giáo sư như Abélard đứng ra mở trường riêng. Các giáo sư và sinh viên liên kết với nhau tìm cách thoát khỏi vòng kiểm soát của hàng Giám mục. Họ đấu tranh để được dạy triết lý, Y khoa, Luật khoa, và đề ra những qui chế tự trị. Abélard (+1142) đề nghị phương pháp thần học dựa vào lý luận, phân tích những lý lẽ bênh và chống, làm nhiều người phải bối rối.

Thế là lần lượt các đại học ra đời : Paris (1200) Bolonia, Oxford, Toulouse, Napoli, Salamanca ... Tính đến 1400 đã có 40 học viện hầu hết do sắc lệnh Tòa Thánh thiết lập dưới quyền tối cao của các Giáo hoàng. Tốt nghiệp các trường này, sinh viên được giảng dạy ở khắp nơi.

b/. Phái Kinh Viện Trung Cổ

Đặc trưng của phái Kinh Viện là lý trí và mạc khải đi đôi với nhau. Thế giá, đức tin và lý luận là ba yếu tố khám phá chân lý. Mọi vấn đề được tranh luận có biện chứng rồi tổng hợp thành hệ thống. Anselmo (+1109), Abélard (+1142), Lombardo (+1160) là những người khai phá tiền đến thời hoàng kim của các tiến sĩ Alexandro Hales (+1245), Bonaventura (+1274), Alberto (+1280) và nhất là Thomas Aquino (÷1274). Hơn bao giờ hết Giáo hội đảm nhận văn hóa thời đại.

Triết học Aristote được phổ biến rộng rãi thời này bị hàng giáo phẩm nghi ngờ, vì nhấn mạnh thế giới tự nhiên do quan sát thí nghiệm. Nó dường như phản lại thần học của thánh Augustino nhấn mạnh đến ân sủng và việc điều lãnh của Thiên Chúa. Thánh Alberto và Thomas được nhiều người coi là đã rửa tội cho triết học Aristote khi giải thích : Thiên Chúa sáng tạo nhưng Ngài để vạn vật tự biến chuyển theo bản tính. Siêu nhiên không phá đổ tự nhiên. Vinh dự của con người là vinh quang cho Tạo Hóa... Trong bộ "Tổng Luận Thần Học" thánh Thomas đưa ra một tổng hợp hòa điệu giữa kiến thức và Mạc khải. Mọi khám phá tìm tòi đều nhằm đến hạnh phúc tối hậu của con người. Triết lý bao gồm mọi khoa học đều phục vụ cho thần học.

Về sau nhiều đại học trở thành chuyên khoa. Môn Luật tại Bolonia, Y khoa ở Salerno, Văn chương ở Chartres, còn Triết và Thần Học ở Paris ... Để giúp sinh viên, các đại học tặng học bổng, mở lưu xá, thư viện và quán ăn. Lưu xá nổi tiếng nhất do vị tuyên úy vua Louis là Sorbon thành lập năm 1257.

2.4. Nghệ thuật Trung Cổ

a/. Sân khấu tôn giáo

Niềm tin các tín hữu Trung Cổ còn được diễn tả qua nghệ thuật sân khấu. Nhiều xen trong Kinh Thánh được kịch hóa : chia vai, hóa trang và diễn cách sột sỏ trong nhà thờ, ngoài thăm cỏ hoặc ngay giữa phố xá như Giáng Sinh, Ba Vua, Phục Sinh, Emmaus ... Ngoài ra còn có nhiều vở kịch ghi lại phép lạ, sự can thiệp của các thánh. Kịch "Phép lạ Théophile" kể về một giáo sĩ ký hợp đồng với ma quỷ để được giàu có, sau xin Đức Maria cứu thoát khỏi nanh vuốt của chúng. Nhiều kịch bản dài, cầu kỳ và nhiều vai như kịch Thương Khó. Tiếc rằng hầu hết đã thất truyền.

b/. Kinh Thánh ghi trên đá

Kiến trúc Roman (X-XII) phát xuất từ các đan viện, với kỹ thuật đá vữa còn thô sơ. Cao từ 8-20m, ít cửa vì sợ sụp đổ, nên thường tối, thiếu ánh sáng. Nay bước qua thời thị dân, kiến trúc Gothic phản ánh sự phát triển của thủ công nghệ. Cao từ 38-42 mét, với cửa kính tròn và lớn, vòm mái có múi, nhiều cửa sổ và thanh thoát về không gian. Glaber một sử gia đương thời nói về việc xây nhà thờ nhiều đến độ "thế giới trút bỏ y phục cũ kỹ để mặc tấm áo trắng mới các nhà thờ" (Histoire III, 4).

Kỹ thuật vẽ kiếng màu, điêu khắc, đắp tượng cũng phát triển. Các hình chạm trổ, kiếng màu và tranh tượng được ví như người giáo lý viên trung thành nhắc nhở từng giai đoạn Thánh Kinh, các màu nhiệm đức tin, các nhân đức và nét xấu. Qua gạch đá, nghệ nhân nói lên những khát vọng và hy vọng của tín hữu đương thời : mong chờ Thiên Đàng và sợ Hỏa ngục với những quỷ thần và phù thủy. Qua các hình ảnh trang hoàng giáo đường này, ta có thể hiểu được những bận tâm của con người, biết đến y phục, nghề nghiệp và cả những giải trí của thời đại.

TOÁT YẾU

1/. Mạch ngầm niềm tin :

Thời Trung Cổ : niềm tin của đại chúng bao trùm tất cả mọi sinh hoạt trong đời sống. Thiên Chúa được tôn kính như Đấng Toàn Năng, các buổi lễ được dân gian hóa, người tín hữu càng giống các đan sĩ càng được coi là đạo đức.

Về sinh hoạt Giáo hội : Bảy Bí Tích được xác định, giáo lý được dạy truyền khẩu và được bổ sung bằng các bài giảng gần gũi với cuộc sống.

2/. Đáp ứng nhu cầu thời đại :

Trước phong trào thị dân và đại học thời Trung Cổ, xuất hiện các Dòng hành khất như Đa Minh, Phanxicô, Carmelo, Ân sĩ Augustin ... Những giảng viên di động, loan báo Tin Mừng bằng đời sống nghèo.

Những Dòng tu này là thành phần nòng cốt cho Giáo hội phổ quát : đảm nhận vai trò trí thức trong các đại học, đáp ứng nhu cầu triết học đương thời và tích cực ra đi đến những nơi xa xôi để truyền đạo. Những vùng còn lại của Âu Châu như Esthonia, Phổ, Lithuania đón nhận Tin Mừng; nhiều nỗ lực tiếp xúc với anh em Hồi Giáo và đường sứ vụ đã mở rộng đến tận đất Trung Hoa.

Về văn hóa, kinh viện học phái ra đời, nối kết hòa điệu kiến thức với mạc khải, nổi tiếng nhất là Thánh Bonaventura và Thánh Thomas. Về nghệ thuật Trung Cổ, tất cả đều được gọi hứng từ tôn giáo : từ kịch nghệ, thủ công nghiệp, tiến đến kiến trúc Gothic là nghệ thuật của các thành phố, làm nổi bật sự cân đối hài hòa trong thế kỷ XIII.

23-05-2009 05:55 PM
#18

nmt
Ban Quản Trị
Cấp bậc: Huynh Trương

Tham gia ngày:
08/04/2009
Giới tính:
Nam
Đến từ:
Nhà ba má :)
Bài gửi:
843
Thích:
767
Có 228 bài viết được thích 843 lần
Nước Kitô thời khủng hoảng
NƯỚC KITÔ THỜI KHỦNG HOẢNG
(1303 - 1453)

I. CHẤM DỨT THẦN QUYỀN CHÍNH TRỊ

1,1. Phong trào quốc gia tại Châu Âu

Ngôi hoàng đế La-Đức bị bỏ trống gần 20 năm (1254-73). Những vị hoàng đế sau đó do các ông hoàng bầu lên, nên không có thực quyền. Các vị vua Anh và Pháp dần dần củng cố ngai vàng riêng với tổ chức tập trung quyền hành về kinh tế lẫn tư pháp. Tây Ban Nha thì muộn hơn, chờ đến khi thắng Hồi Giáo tại trận Grenade năm 1492. Hậu quả của phong trào quốc gia này là những cuộc chiến tranh giữa các nước, tiêu biểu là chiến tranh "Trăm Năm" giữa Anh và Pháp (1337-1453). Để củng cố quyền bính, tranh chấp giữa các vua với giáo hoàng là điều chắc chắn xảy ra.

1,2. Anagni (1303)

Cuộc tranh chấp giữa vua Philippe le Bel nước Pháp, với đức Bonifacio VIII xảy đến hai lần, cả hai đều đụng độ mạnh. Vua nước Pháp được các luật gia cố vấn, xác định quyền của hoàng cung. Còn giáo hoàng cũng là một luật gia cứng rắn nhất định không nhân nhượng về quyền giáo hoàng.

Năm 1297, để ngăn cản chiến tranh, giáo hoàng cấm các giáo sĩ nộp thuế cho vua Anh, Pháp. Ngược lại vua Philippe cấm đưa tiền và vàng ra khỏi nước. Tình hình lắng dịu khi Roma phong thánh cho vua Louis IX. Lần thứ hai, khi vua Pháp đưa ra tòa kết án giám mục Pamiers Saisset, khâm sai Tòa thánh, vu cáo tội dấy loạn năm 1301. Đức Bonifacio VIII có lẽ còn nhớ đến 100.000 khách hành hương dịp "Năm Thánh" 1300, ban hành một Tông Chiếu triệu tập công đồng giải quyết chuyện nước Pháp. Vua Pháp liền họp Đại Hội Quốc Dân (10-4-1302) tại nhà thờ Đức Bà Paris và được cả ba giới giáo sĩ, quý tộc lẫn thứ dân Pháp hoan nghênh.

Đức Bonifacio VIII ban hành Thông Điệp Duy Nhất Thánh (Unam Sanctam 1302) khẳng định thần quyền tối thượng của chức vị giáo hoàng, mà các vua phải tuân phục. Đáp lại, nhà Vua tự khẳng định quyền tối cao trong vương quốc và tố cáo giáo hoàng lên chức bất hợp pháp, mại thánh và bội ước. Ngày 7-9-1303 Guillaume de Nogaret đem quân vây bắt Đức

Bonifacio VIII tại Anagni. Vị giáo hoàng 86 tuổi buồn sâu và từ trần ba tuần sau đó, dù dân địa phương nổi dậy bênh vực Ngài.

Lâu đài Anagni trở thành biểu tượng thay thế Canossa, xóa mờ những kỷ niệm Gregorio VII - Henry IV, Alexandro III - Frederic I, và Gregorio IX - Frederic II.

1.3. Đặt lại vấn đề thần quyền

Tại Đức, Vua Louis Bavière bị đức Gioan XXII ra vạ năm 1324. Ngài tuyên bố Frederic d'Autriche mới là vua. Linh mục Ockham ủng hộ vua Louis Bavière, khẳng định quyền của vua Đức trong lãnh vực trần thế, chủ trương quốc giáo tự trị.

Marsilius de Padua đi xa hơn, thượng tôn công đồng, phủ nhận giáo hoàng Gioan XXII. Ông cùng vua Louis nước Đức đặt giáo hoàng Nicolas V (Ofm 1328-30), có điều chẳng bao lâu vị này từ chức. Theo ông, giáo hoàng chỉ quyền triệu tập công đồng chứ không có quyền tài phán. Chủ thuyết độc tài hoàng đế bắt đầu manh nha từ đây.

II. KHỦNG HOẢNG NGÔI GIÁO HOÀNG

2.1. Giáo triều Avignon (1309-76)

Sau 11 ngày họp tuyển cử, hai nhóm hồng y (theo vua Philippe hoặc giáo hoàng Bonifacio) đã bầu giám mục Bordeaux lên chức giáo hoàng. Đức Clément V đặng quang tại Lyon năm 1305, ngài ở lại đất Pháp theo ý vua Philippe và vì Nước Tòa Thánh đang có nội chiến. Năm 1309, ngài lập tòa tại Avignon. Năm 1348, đức Clemente VI mua thành phố này với giá 80.000 phật lạng (năm 1791 cách mạng Pháp trứt hữu).

Nhiều người nói về Avignon như cuộc lưu đày Babylon. Nhưng thực tế thành phố này khá thuận lợi cho việc cai quản Giáo hội, vừa yên tĩnh vừa dễ dàng giao lưu với các vùng trong Nước Kitô. Có ba vấn đề đáng lưu tâm :

a/. Ảnh hưởng nước Pháp

Bảy vị Giáo hoàng Avignon, đều quốc tịch Pháp ; 113 trong số 134 hồng y thời Avignon là người Pháp. Hơn nữa do áp lực của vua Philippe Le Bel, đức Clemente V giải tán Dòng Đền Thờ tại công đồng Vienne (1311-12).

b/. Nỗ lực tập trung quyền hành

Các giáo hoàng, nhất là Gioan XXII, gia tăng số nhân viên giáo triều (có khi đến 4000) ; mũ giáo hoàng được đức Benedictô XII thêm tầng thứ ba. Từ nay việc bầu giám mục được thay thế dần bằng việc đặt giám mục "nhờ ân huệ Thiên Chúa và Tông Tòa".

c/. Lạm phát về chi tiêu

Vì số nhân viên đông và việc xây cất giáo triều Avignon Tòa Thánh cần rất nhiều tiền. Ngoài lợi tức của Nước Tòa Thánh, và quà cáp hằng năm của các vua, thánh đường, tu viện... ta thấy xuất hiện các loại thuế nhậm chức của Giám mục và viện phụ, thuế bó buộc cho các Giám mục đi "ad limina" (về Tòa Thánh trong hạn 5 năm). Dĩ nhiên chúng ta không quên những khoản chi phí chính đáng để cứu trợ con dịch đen, cứu tế xã hội, và việc thiết lập các Tòa Giám mục mới tại Á Châu.

Việc trở về Roma

Chân phước Urbano V (1362-70) quyết định đưa giáo triều về Roma và được đón tiếp long trọng ngày 16.10.1367. Thế nhưng khi ngài đặt tám hồng y mà chỉ có một vị người Ý (7 vị Pháp), dân Roma dự định nổi loạn. Đức Urbano V quay trở lại Avignon và băng hà.

Đức Gregorio XI lên kế vị (1370-78), được sự cổ vũ tích cực của thánh nữ Catharina Sienna, mới thực sự đưa giáo triều về giáo đô năm 1376. Từ nay các giáo hoàng ngụ tại điện Vatican thay vì ở Laterano.

2.2. Cuộc ly giáo Tây phương (1378-1417)

Tháng 4.1378, sau hai ngày bầu cử căng thẳng giữa tiếng la ó của dân chúng đòi có tân giáo hoàng người Roma hoặc người Ý, giám mục Bari là Bartolomeo Prignano đắc cử, lấy hiệu là

Urbano VI (1378-89). Vì tính ngàì cứng cỏi lại dự định đặt nhiều Hồng y người Ý, nên cuối cùng tháng 5, 13 Hồng y bỏ xuống Avignon tuyên bố cuộc bầu cử trước thiếu tự do và bầu Giáo Hoàng mới Clementê VII (1378-94) người Genève, lập giáo triều tại Avignon. Vua Pháp Charles V công nhận Clementê VII đưa đến cuộc ly giáo kéo dài 40 năm.

a/. Tình hình chia rẽ

Nước Kitô bị chia đôi theo địa dư : Phía Roma có Đức, Anh, Ái, Bỉ, Ý và Đông Âu ; Phía Avignon có Pháp, Savoie, Napoli, bán đảo Ibérique. Mỗi bên đều có các vị thánh ủng hộ. Kế vị Urbano VI là Bonifacio IX (1389-1404). Kế vị Clementê VII là Benedicto XIII (1394-1423). Các Giáo hoàng ra vạ tuyệt thông lẫn nhau.

Các nhà thần học Paris đề nghị ba giải pháp là thoái vị, hòa giải với trọng tài, hoặc công đồng. Thế nhưng cả hai giáo hoàng không chịu thoái vị. Phía Roma có hai giáo hoàng mới là Innocente VII (1405-06) và Gregorio XII (1406-17). Năm 1407, vua Pháp Charles VI tự nguyện mời hai bên hòa đàm nhưng không thỏa thuận được địa chỉ. Giải pháp hai cũng thất bại.

Các Hồng y của hai bên thấy vậy liền họp nhau tại Pisa (1409) kết án thủ lĩnh cả hai phe là bè phái, lạc đạo và bội ước, đồng thanh bầu Alexandro V (1409-10) rồi bầu Gioan XXIII (1410-19), trụ sở ở Bolonia, Đức. Thế là Giáo hội có cùng lúc ba giáo hoàng.

b/. Công đồng Constancia kết thúc phân ly

Theo yêu cầu của hoàng đế La-Đức Sigismund, giáo hoàng Gioan XXIII đứng ra triệu tập công đồng Constancia (1414-18). Ngay phiên họp đầu, công đồng yêu cầu ba giáo hoàng từ chức :

* Gioan XXIII bỏ trốn, bị bắt giam, cách chức, nhưng sau được tự do khi nhận quyền giáo hoàng mới.

* Gregorio XII tuyên bố thoái vị.

* Benedicto XIII dẫu đã 90 tuổi vẫn không từ chức nên bị công đồng truất phế. Sống cô đơn tại một đan viện ở Valencia, ngài vẫn nghĩ mình là giáo hoàng.

Năm 1415, công đồng Constancia xác định công đồng có quyền tối cao trong Giáo hội, kết án Jean Hus và bầu đức Martino V (1417-31). Ngài chủ tọa nốt công đồng, ra nhiều sắc lệnh cải tổ rồi mới về Roma đăng quang. Đại ly giáo chấm dứt, Công đồng chung được quyết định trong tương lai sẽ họp định kỳ.

2,3. Công đồng hiệp nhất Florencia (1439-43)

Theo quyết định của công đồng trước, đức Martino V triệu tập công đồng Pavia (1423) và Bâle (1431). Công đồng Bâle tuy ít Giám mục, nhưng lại có nhiều giáo sĩ, các bề trên dòng và đại học tham dự. Công đồng đề cao việc canh tân nhấn mạnh đến việc giảm thuế các loại. Đức Eugenio IV (1431-47) trong hướng đại kết, đã hội ý với hoàng đế Byzantin, quyết định dời công đồng Bâle về Ferrera (1438) rồi Florencia (1439-43).

Hồng y Aleman với 10 giám mục và 300 chuyên viên vẫn cố chấp họp lại Bâle. Họ truất phế đức Eugenio IV và đặt ông hoàng xứ Savoie lên ngôi là Felix V (1439-49). Khi vị này từ chức, họ đặt Giáo hoàng Nicolas V trùng danh hiệu với Đức Nicolas V (1447-55), nhưng ít người hưởng ứng.

Công đồng Florencia có những thành quả sáng chói ít là bên ngoài. Các ông hoàng phía Chính Thống đang cần viện binh để đối đầu với sức tiếp quân của Hồi Giáo Thổ Nhĩ Kỳ, phía Roma liền đặt điều kiện "hiệp nhất". Công đồng Florencia gồm 150 vị bên Tây và 700 Nghị Phụ Đông Phương, đã đi sâu vào những tranh luận thần học và kết thúc tốt đẹp với sắc lệnh hiệp nhất "Laetentur coeli" vì "bóng mây buồn thảm của thời gian dài chia cắt đã qua, ánh quang của sự hiệp nhất ước mơ bấy lâu đã chiếu sáng tất cả". Đông phương được dùng bánh có men trong Thánh Lễ. Nhiều Giáo hội trở về hiệp nhất Arménie (1439), Jacobit (1442), Syria (1444), Chaldea và Maronit (1445). Thế kỷ sau thêm Ucraina (1596), Rumani (1697)...

Thế nhưng việc hiệp nhất không được trọn vẹn. Các giáo chủ ủng hộ hiệp nhất như Isidoro thành Kiev, Josephus thành Constantinople bị các giáo sĩ và dân chúng phản đối. Còn các Giám mục phản đối bản văn như Marco thành Epheso thì được tung hô như người hùng bảo vệ Chính Thống Giáo. Tình hình thêm xấu khi Tây Phương thờ ơ trước vận mạng của Constantinople, bị rơi vào tay Thổ Nhĩ Kỳ năm 1453. Với thời gian việc đại kết vẫn có thể thành sự, nhưng trước mắt, quan hệ Đông Tây chấm dứt, các dị biệt ngày càng tăng.

Cuối cùng, uy tín giáo hoàng được củng cố. Đức Eugenio IV tuyên bố chỉ nhìn nhận những sắc lệnh Constancia không nghịch với quyền tối cao của giáo hoàng. Thế nhưng, nửa sau thế kỷ XV, vì lạc vào chính sách đề cao nước Ý và cơn hỏa mù thời phục hưng, các giáo hoàng chỉ bận tâm làm đẹp thành phố Roma, mang tiếng nhiều về tệ nạn xa hoa, háo danh, vụ lợi và thiên tư con cháu trong gia tộc.

III. CUỘC KHỦNG HOẢNG XÃ HỘI

3.1. Những bất hạnh của thời đại

a/. Chiến tranh, ôn dịch và chết chóc

Âu Châu thế kỷ XIV - XV còn chông chênh những tai ương, kinh hoàng nhất là "Con Dịch Đen" (1347-49) thảm sát 1/3 dân số. Rồi chiến tranh các vùng như Chiến Tranh "Trăm Năm". Nhưng nạn nhân các cuộc chiến còn ít hơn nạn nhân trong các cuộc cướp phá, thiêu hủy làng mạc đô thị. Nhiều thánh đường thiếu mái, nhiều giáo sĩ bị giết, nhiều nơi không tìm ra bánh rượu để dâng lễ.

Vì thế người ta luôn bị cái chết ám ảnh. Các tranh ảnh sách vở thuật lại những cái chết thê thảm. Các cuộc khiêu vũ quỷ thần (hóa trang thần chết và các bộ xương khô) nhấn mạnh con người bình đẳng trước thần chết. Người ta ít khóc người chết và chuẩn bị chết với các nghệ thuật chết. Ở Paris, nghĩa trang là nơi nhiều người tụ họp nô đùa giải trí nhất.

b/. Ma quỷ với con người

Trước cái chết mọi nơi, người ta tìm cách giải thích. Đúng là Thiên Chúa trừng phạt tội con người? Đó là nguồn gốc các "đoàn rước đánh tội" đến đổ máu giữa phố. Thế nhưng thảm họa vẫn chưa dứt, satan được gán cho mọi bất hạnh. Con sói ma quỷ kéo dài đến thế kỷ XVII, cụ thể qua các bà phù thủy. Nhiều người thích coi bói và liên lạc với ma quỷ dù hàng ngàn người phải lên đàn lửa. Một thần học sai lầm cộng với tâm lý bệnh hoạn là lời giải thích cho các biểu hiện ngoại nhiên về quỷ ma.

3.2. Cuộc khủng hoảng tri thức

Các xáo trộn trong Giáo hội, các tranh chấp giữa giáo hoàng - hoàng đế, việc có hai ba giáo hoàng giữa một xã hội mất ổn định, khiến người ta ngày càng bán tín bán nghi. Tương quan triết thần đã mất dần thế quân bình của thế kỷ XIII.

Phái Duy Danh của Ockham (+1350) đề cao vai trò dân chúng hơn ý kiến Giáo hội. Theo ông, người ta không thể dùng lý trí để biết Thiên Chúa, các ý niệm thần học chỉ là mớ danh từ. Vì thế ông cổ vũ đọc Thánh Kinh và hạnh các thánh. Thiên Chúa hoàn toàn tự do thưởng phạt ai tùy ngài muốn.

Wiclif (+1384) đề cao Thánh Kinh so với Truyền Thống và nhân danh triết học (Ockham) chối việc Minh Thánh biến đổi bản thể. Trong bối cảnh đại ly giáo, ông chối bỏ thần học truyền thống. Theo ông, không thể đồng hóa Giáo hội với các thủ lãnh công lại luật Chúa vì Giáo hội là toàn thể những người được tiền định, có Đức Kitô là thủ lãnh. Cuốn "Thánh Thể" bị Công đồng Lyon (1382) lên án, ông vâng lời xin hiệp thông với Giáo hội và qua đời cách thánh thiện.

Jean Hus (+1415) : trong bối cảnh ba giáo hoàng, Hus không coi Giáo hội cơ chế là Giáo hội thực. Bị Gioan XXIII kết án, nhưng ông vẫn được dân Tiệp Khắc ủng hộ. Jean Hus mạnh dạn đến công đồng Constancia, chứng minh ý kiến mình có căn bản Tin Mừng. Bị bắt giam, ông

viết thư tự nhận mình tử đạo cho chân lý. Cuộc hành trình Jean Hus gây ra nội chiến nhiều thập niên, vì ngay khi đó, 450 lãnh chúa viết thư bênh vực ông là người chính thống về giáo lý.

3,3. Những thay đổi trong đời sống đức tin

Trước ám ảnh cái chết, mỗi ưu tư ơn cứu độ và vì mất tín nhiệm nơi giáo quyền, đời sống Kitô hữu có nhiều biến chuyển. Nói chung họ dựa vào kinh nghiệm cá nhân hơn là uy tín phẩm trật. Như trường hợp Jeanne d'Arc (+1431), cô tin vào thị kiến hơn là Giám mục, đan sĩ và thần học gia Áng-lê. Tuy nhiên khuynh hướng kinh nghiệm cá nhân đã chuyển thành hai chiều trái ngược : hoặc trở thành mê tín, hoặc đào sâu đích thực đời sống nội tâm.

Nhiều người tự tìm ơn cứu rỗi bằng những phương thế trong tầm tay : gia tăng số kinh số lễ, tôn kính thánh tích. Có người, nhất là các ông hoàng, sau những thời kỳ buông thả, đã tìm cách đền bù bằng những khắc khổ ngẫu hứng bệnh hoạn.

Lòng đạo đức thời này cũng đi sâu hơn vào lòng yêu mến nhân tính Đức Kitô. Một tác giả nói thời này được ơn khóc lóc. Mỗi tín hữu tốt đều phải cảm thương cuộc khổ nạn Đức Kitô cùng đau khổ với Ngài.

Đầu thế kỷ XIV, nở rộ phong trào thần bí có nền tảng thần học.

Ba vị Dòng Đaminh là Eckhart (+1327), Gioan Tauler (+1361) và chân phước Henri Suso (+1366) cùng với linh mục Rysbroek Flamand dòng Augustin (+1381) tạo nên phong trào thần bí lưu vực sông Rhin nhấn mạnh sự "chiêm ngưỡng mến yêu và ước muốn kết hiệp với Thiên Chúa" vượt qua mọi ngôn từ.

Cuối thế kỷ XIV, ước vọng sống thiêng liêng lan tràn đến giáo dân nam nữ ngoài tu viện. Họ họp thành các nhóm thần bí bị nghi ngờ như nhóm Béguine, Béghard, hoặc gia nhập các dòng Ba Carmelo, Phanxicô, Đa Minh ... như thánh nữ Catharina Sienna (1347-80). Những thành phần này dựa vào cảm tính tôn giáo và các phương thế tiến đức. Linh đạo của họ như tác phẩm "Đối Thoại" của thánh Catharina thích hợp với đại chúng nên được phổ biến rộng rãi hơn.

Linh mục Gerson (+1429) chương án đại học Paris được coi như người khởi xướng trào lưu "sùng kính tân thời" (Dévotion moderne). Phong trào được kết tinh trong cuốn "Gương Phức" thường được gán cho Thomas Kempis (+1471) dòng Augustino. Nội dung coi thường thần học, khoa học, trí tuệ, nhấn mạnh việc bỏ ý riêng theo ý Chúa qua cầu nguyện, suy niệm và khấn nài lòng Chúa xót thương. Với những câu ngắn như châm ngôn, sách đánh động tâm hồn và gợi ý thực hành dễ dàng. Bầu khí sùng mộ "mô-đéc" này giúp ta hiểu về những nhân vật thời phục hưng như Erasme, Luther ...

IV. GIÁO HỘI BÊN ĐÔNG PHƯƠNG

4,1. Những tòa giáo chủ cho dân Slave

Do ảnh hưởng các thánh Cyrillo và Methodo, hai Giáo hội Bungari và Serbia gần gũi với Constantinople hơn là Roma. Tòa giáo chủ Bungarie đặt tại Tarnovo, còn Serbia tại Pec. Khi hai nước này bị Hồi quân xâm chiếm, hai Giáo hội này đi dần vào bóng tối.

Tại vùng đất Nga, Giáo hội Kiev có vị trí trung tâm được Constantinople yểm trợ tối đa trong ngành nghệ thuật tiêu biểu là việc xây dựng nhà thờ Sophia ở Kiev. Thế nhưng từ năm 1240, Kiev bị người Mông Cổ chiếm đóng. Các vùng Nga Bắc, đặc biệt là Matxcova phải hiệp lực giải phóng Kiev (nổi tiếng là trận Kourikovo 1380 do thánh Sergius cầm đầu). Quan hệ với phía Latinh ngày càng xấu đi, thánh Alexander Nevski và ông hoàng Novgorod đã phải vật vả đánh đuổi dòng Teutonic năm 1242. Năm 1325 tòa giáo chủ của dân Nga được chuyển về Matxcova. Năm 1448, sau khi phản đối sắc lệnh hiệp nhất của công đồng Florencia, một công đồng Nga tuyên bố Giáo hội tự trị, đặt thủ phủ tôn giáo tại Matxcova.

4.2. Byzantin sụp đổ

Sau cuộc binh thánh giá IV, đế quốc Byzantin tái thiết từ 1261, nhưng thực chất chỉ còn hai bán đảo Bosphore và Mistra. Năm 1453, thành phố bị quân Thổ Nhĩ Kỳ bao vây ... Ngày 28-5-1453, dân chúng còn rước kiệu và dâng lễ tại đền thờ Sophia. Hoàng đế Constantin Dragares XI lãnh bí tích cuối cùng và hôm sau bị giết trên tường thành. Ngày 30-5, Sultan Mahomet II cỡi ngựa bước vào đền thờ Sophia ngổn ngang xác người. Roma đệ nhị đến ngày tàn. Matxcova đứng ra đảm nhiệm vai trò bảo vệ Giáo hội Chính Thống và tự nhận là Roma đệ tam (1461).

4.3. Linh đạo Đông phương

Các Giáo hội Đông phương từ Bulgari, Serbia, Russe, Hy-lạp ... có nhiều điểm tương đồng : tinh thần đan viện và truyền thống nghệ thuật qua ảnh tượng. Núi thánh Athos tại Hy Lạp quy tụ nhiều đan viện của mọi quốc gia Chính Thống. Sau một thời gian, các đan sĩ về phục vụ tại quê nhà, khá nhiều vị được chọn làm Giám mục, đôi khi làm giáo chủ nữa.

Các vị thánh nổi danh như thánh Gregorio ở Sinai, thánh Théodose ở Tarnovo, thánh Saba ở Serbia, và thánh Sergius vị sáng lập đan viện Chúa Ba Ngôi Nga (+1392). Đặc biệt thánh Gregorio Palamas (+1359) đan sĩ Athos sau làm giám mục Thes-salonica, đã có công tổng hợp thần học Chính Thống "Hésychia", một dạng định tâm để chiêm niệm.

Nhiều nhà thờ đan viện còn lưu lại các tranh Mosaic, tranh vẽ và tượng của giai đoạn này. Tác phẩm Ba Ngôi Thánh của Andrei Roublev họa năm 1411 được cả thế giới biết tiếng.

TOÁT YẾU

Cuối thế kỷ XIII, Nước Kitô bước vào cuộc khủng hoảng toàn diện : từ quyền bính xã hội đến tri thức. Nền tảng Nước Kitô là quyền Giáo Hoàng bị đặt thành vấn đề. Các quốc gia Tây Âu dần dần dành lấy quyền độc lập.

Vua Pháp Philippe le Bel cho bắt giam tác giả thông điệp nêu cao thần quyền "Duy Nhất Thánh" (1302) tại Anagni năm 1303. Tiếp theo là bầy Giáo Hoàng lập giáo triều tại Avignon, Pháp gần 70 năm. Sau đó Giáo hội còn phải chịu 40 năm ly giáo Tây phương với hai giáo hoàng ở Roma và Avignon, giai đoạn cuối còn thêm vị thứ ba ở Bologne, Đức. Công đồng Constancia 1415 phải cương quyết chấm dứt nhiệm kỳ cả ba vị để bầu đức giáo hoàng Martino V.

Xã hội Âu Châu thì bị xáo trộn vì chiến tranh, tiêu biểu là chiến tranh "Trăm Năm" Anh-Pháp, và vì thiên tai như cơn "Dịch Đen", tàn sát đến 1/3 dân số. Nhiều tín hữu bị ám ảnh bởi thần chết và quỷ ma phát sinh nhiều dạng mê tín và khổ chế tập thể. Thần học thời này không giải đáp được những thắc mắc của phái Duy Danh (Ockham). Wiclif và Hus thì phê phán cơ chế giáo sĩ.

Nếp sống đạo của tín hữu giai đoạn này cũng có chiều thay đổi : nhiều người tự xoay sở các phương thế đạo đức, nhưng cũng có nhiều tâm hồn đi sâu hơn vào đời sống tâm linh. Phong trào thần bí sông Rhin đề cao sống kết hiệp với Chúa. Việc "sùng kính Tân Thời", ta còn thấy trong sách Gương Phúc, nhấn mạnh việc bỏ ý riêng để theo ý Chúa.

Việc hiệp nhất hai Giáo hội Đông-Tây được xác định tại công đồng Florencia (1439) do bối cảnh xâm lấn của Hồi quân. Nên khi Constantinople thất thủ năm 1453, tình trạng chia ly còn xấu hơn trước. Từ nay Matxcova đứng ra đảm nhận vai trò bảo vệ Chính Thống và tự nhận là Roma đệ tam (1461).

23-05-2009 05:56 PM

#19

nmt

Ban Quản Trị
Cấp bậc: Huynh Trường

Tham gia ngày:

08/04/2009

Giới tính:

Nam

Đến từ:

Nhà ba má :)

Bài gửi:

843

Thích:

767

Có 228 bài viết được thích 843 lần

Nước Kitô thời khủng hoảng

BÀI ĐỌC THÊM

BẦU GIÁO HOÀNG CUỐI THẾ KỶ XIII

Năm 1268, các hồng y họp suốt 17 tháng mà không ai đạt 2/3 số phiếu. Người ta phải giữ (nhốt) các hồng y không cho vị nào rời phòng họp, vua Louis IX thì gửi tối hậu thư thúc giục, còn dân chúng có khi rở mái lâu đài giữa mùa mưa gây áp lực, yêu cầu các ngài bầu cử cho nhanh hơn. May mắn thay giáo hoàng đắc cử là một vị thánh, đức Gregorio X (1271-76).

Năm 1292, cuộc họp bầu giáo hoàng cũng mất gần hai năm, mới đưa lên được một đan sĩ 80 tuổi là đức Celestino V. Có điều vị giáo chủ ẩn sĩ này, choáng váng trước những xung đột chính trị đã xin thoái vị để được về rừng sâu. Mười một ngày sau, đức Bonifacio VIII đắc cử, vị giáo hoàng của lâu đài Anagni.

CHIẾN TRANH TRĂM NĂM

Ba người con trai của Philippe le Bel là Louis X, Philippe V và Charles IV đều không có con nối dõi, ngại vàng được chuyển giao cho Philippe VI em họ của các cậu. Công chúa Isabelle em gái các cậu trước đã cưới hoàng tử Anh và sinh hạ Edouard III. Nhân vụ tranh chấp mua bán vải vóc tại Flandre, Edouard III tự xưng là vua nước Pháp và đem quân xâm lấn. Chiến tranh trăm năm có bốn giai đoạn :

- + 1340-64 : Anh chiếm khoảng 1/4 nước Pháp.
- + 1364-80 : Pháp tái chiếm gần hết.
- + 1380-1422 : Vì nội chiến Pháp mất 1/2 lãnh thổ.
- + 1422-52 : Nhờ thánh nữ Jeanne d'Arc Pháp ủng hộ, Charles VII đuổi Anh ra khỏi bờ cõi, chỉ trừ Pas-de-Calais.

Sau chiến tranh trăm năm, quân đội hai bên đều tiến bộ, giai cấp thị dân tiến lên ngang hàng với quý tộc và tăng lữ ; tinh thần quốc gia ngày càng được nâng cao.

TƯ LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN ANAGNI

* Philippe xác định quyền của mình (1297)

Sự điều hành các việc trần thế trong vương quốc chỉ thuộc duy đức vua chứ không thuộc ai khác. Vị này không nhận quyền từ ai cả, không phải vâng phục bất cứ ai trong tất cả mọi vấn đề trần thế thuộc nước mình.

* Bonifacio VIII trong nghị hội

Các vị tiền nhiệm của chúng ta đã truất phế ba hoàng đế Pháp, điều đó còn ghi rõ trong sử biên niên của Pháp và của ta. Vì vua Pháp hiện nay đã phạm những điều tổ tiên y đã phạm, nên nếu không hối cải, ta cũng phải đau buồn truất ngôi y như một đứa con xấu.

* Thông điệp Unam Sanctam

(...) Giáo hội thánh và duy nhất, chỉ có một thân thể, một đầu chứ không thể có hai đầu như quái vật, đầu đó là Đức Kitô và Phêrô, đại diện đức Kitô và các đấng kế vị Phêrô (...) Thế quyền phải vâng phục thần quyền (...). Nếu quyền trần gian sai lạc, quyền thiêng liêng sẽ thẩm xét, nếu quyền thiêng liêng cấp dưới sai lạc, sẽ có quyền cao hơn phán định. Nếu quyền tối cao sai lạc, chỉ có Thiên Chúa chứ không phải con người phán xét được (...). Quyền này tuy được con người thể hiện, nhưng là quyền do Chúa chứ không do con người (...) Vì thế, chúng tôi tuyên ngôn và công bố rằng : việc vâng phục giáo chủ Roma là tuyệt đối cần thiết cho ơn cứu độ của mỗi người.

* Bản cáo trạng đức Bonifacio VIII của Nogaret

Tôi khẳng định cá nhân bị cáo, biệt danh Bonifacio không phải là giáo hoàng. Y không qua cửa mà vào nên phải coi là tên trộm cắp. Tôi khẳng định y đã công khai lạc đạo, mạo thánh đáng kinh tởm như chưa từng có từ tạo thiên lập địa đến bây giờ. Cuối cùng tôi khẳng định kẻ gọi là Bonifacio đã phạm những tội ác to lớn, rõ rệt và bất khả chữa trị . Cần phải có một công đồng chung để phán xét và kết án y.

(JC Đê đọc LSGH I,p 179)

MARSILIUS DE PADUA (1275-1342)

Viện trưởng đại học Paris từ 1313

Con người liên kết với nhau để sống thỏa mãn, giúp nhau tìm kiếm và trao đổi các sản phẩm (...). Các ông hoàng hành động theo luật và quyền được ủy thác, chính là qui luật và thước đo của mọi hành vi dân sự.

(...) Giáo hội là toàn thể những người tin và kêu cầu Danh Đức Kitô... Các tác vụ, linh mục, giám mục, phó tế thôi chưa phải là Giáo Hội... Đức Kitô ấn định quyền kêu gọi, điều tra, thẩm định, giải quyết và kết án, là quyền thuộc về toàn thể tín hữu làm thành một cộng đoàn là công đồng chung.

(Defensor Pacis; theo Pacaut, trong Théocratie, p280-282)

PÉTRAQUE THỎA MẠ AVIGNON

Avignon, Babylon vô đạo, địa ngục của người sống, ổ tội lỗi nhơ nhớp, công rãnh của địa cầu. Tại đây người ta không thể thấy đức tin lẫn đức ái, không tôn giáo, không có lòng kính sợ Chúa lẫn liêm sỉ, không có gì ngay chính, không có gì thánh thiện, dù đó là trú sở của Giáo hoàng, với điện thờ và đôn lữ (...)

Các hồng y, thay vì là những tông đồ đi chân không, đã trở thành những kẻ sa hoa, cỡi ngựa phủ toàn vàng, hàm thiếc cũng vàng. Và nếu Chúa không cản tội sa hoa ấy, chẳng bao lâu giày họ cũng bằng vàng. Người ta thấy các ngài như những vị vua Ba tư hay xứ Parthes, mà họ phải tôn thờ và họ không dám đến gần với hai bàn tay trắng.

(JC Đê đọc LSGH I. 181)

HƯỚNG NHÌN ĐẠI KẾT

(Theo Roger Aubert, Introduction Générale trong bộ Nouvelle Histoire de l'Eglise, T.I)

Đừng quên rằng những Giáo hội tách rời Roma vẫn tiến triển. Đức Pio XI có nói : "Các mẫu tách khỏi đá có vàng, vẫn có vàng". Do đó Chính Thống, Tin Lành, Anh Giáo, tuy cách lia khỏi Una Sancta, vẫn mang theo mình gia sản chung là Thánh Kinh và phép rửa. Đôi khi họ cũng duy trì tất cả các bí tích cũng như hàng giám mục. Ở đó vẫn được nuôi dưỡng bằng những giá trị Kitô giáo tích cực. Hơn nữa, đôi khi có thể họ còn đánh giá chính xác hơn một

số nội dung, họ thấy là quan trọng cách đơn phương, nhưng qua thời gian được biện minh là tích cực.

Từ đó người ta sẽ thấy rằng, tuy Roma bảo toàn qua các thời đại điều chủ yếu của gia sản thánh được Đức Kitô ủy thác vẫn có thể được phong phú hơn nhờ tiếp xúc với những anh em ly giáo, chờ ngày hòa hợp, ngày người ta được thấy tất cả đều đoàn tụ trong một tổ ấm.

Trích :

THỜ CHUNG 1980 ĐẠI HỘI GIÁM MỤC VIỆT NAM

SỐ 7 : HỘI THÁNH VÌ LOÀI NGƯỜI

Bởi vậy, sứ mạng của Hội Thánh không những là đem Phúc âm và ân sủng của Chúa Kitô đến cho nhân loại, mà còn đem tinh thần Phúc âm thấm nhuần và hoàn thiện những thực tại trần thế (TĐGD.5). Không có sinh hoạt nào của con người lại xa lạ đối với sứ mạng của Hội Thánh, và ngược lại, không có sinh hoạt nào của Hội Thánh, không liên quan tới tất cả cuộc sống con người. Lời rao giảng Tin Mừng và các cử hành bí tích đem ân sủng của Thiên Chúa vào đời sống con người, còn sinh hoạt trần thế của tín hữu, đem thực tại của con người đến với Thiên Chúa. Do đó, đối với người tín hữu, xao lãng bổn phận trần thế tức là xao lãng bổn phận đối với tha nhân, và hơn nữa đối với chính Thiên Chúa, khiến phần rỗi đời đời của mình bị đe dọa" (MV 43).

Tóm lại, sứ mạng của Hội Thánh là tiếp nối sứ mạng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã đem đến không phải để được người ta hầu hạ, nhưng để phục vụ tất cả loài người. Đúng như Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã giải thích trong thông điệp "Đấng Cứu Chuộc con người" rằng: "Con người là con đường của Hội Thánh". Nghĩa là tất cả mọi con đường của Hội Thánh đều dẫn tới con người" (ĐCCCN.14). Đây cũng là điểm gặp gỡ giữa Hội Thánh và xã hội trần thế, vì dù "tin hay không tin, mọi người đều phải góp phần xây dựng thế giới cho hợp lý, vì họ cùng chung sống trong thế giới này" (MV 21,6).

SỐ 15 : QUÁ KHỨ HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI (. . .)

Nhìn về quá khứ, chúng tôi cảm mến sâu sắc bàn tay nhân lành của Thiên Chúa đã êm ái và mạnh mẽ hướng dẫn Hội Thánh Người trên đất nước Việt Nam chúng ta. Chúng tôi biết ơn công lao của vô vàn tín hữu đã làm sáng tỏ đức tin và lòng yêu nước của mình. Đừng nhìn về quá khứ với mặc cảm và phán đoán tiêu cực. Lịch sử luôn pha lẫn ánh sáng và bóng tối, cũng như đời sống của những người con Chúa vẫn có cả ân sủng và tội lỗi. Nhưng, dựa vào tình thương của Chúa Cha, dựa vào Lời ban sự sống của Đức Giêsu Kitô và sức mạnh của Thánh Thần, chúng ta hãy mạnh dạn nhìn vào hiện tại và tin tưởng ở tương lai.

Chúng ta có giáo lý của công đồng Vaticano II như luồng gió mát của Chúa Thánh Thần thổi trong Hội Thánh : Chúng ta tự hào là công dân của nước Việt Nam anh hùng, độc lập thống nhất ; và trong đà phát triển chung của cả nước, chúng ta được tình đồng bào thông cảm giúp đỡ trong khối đại đoàn kết dân tộc, nên chúng ta hãy hân hoan chu toàn sứ mạng vinh quang của mình (...).

BÀI ĐỌC THÊM

BẦU GIÁO HOÀNG CUỐI THẾ KỶ XIII

Năm 1268, các hồng y họp suốt 17 tháng mà không ai đạt 2/3 số phiếu. Người ta phải giữ (nhốt) các hồng y không cho vị nào rời phòng họp, vua Louis IX thì gửi tối hậu thư thúc giục, còn dân chúng có khi rờ mái lâu đài giữa mùa mưa gây áp lực, yêu cầu các ngài bầu cử cho nhanh hơn. May mắn thay giáo hoàng đắc cử là một vị thánh, đức Gregorio X (1271-76).

Năm 1292, cuộc họp bầu giáo hoàng cũng mất gần hai năm, mới đưa lên được một đan sĩ 80 tuổi là đức Celestino V. Có điều vị giáo chủ ần sĩ này, choáng váng trước những xung đột chính trị đã xin thoái vị để được về rừng sâu. Mười một ngày sau, đức Bonifacio VIII đắc cử, vị giáo hoàng của lâu đài Anagni.

CHIẾN TRANH TRĂM NĂM

Ba người con trai của Philippe le Bel là Louis X, Philippe V và Charles IV đều không có con nối dõi, ngại vàng được chuyển giao cho Philippe VI em họ của các cậu. Công chúa Isabelle em gái các cậu trước đã cưới hoàng tử Anh và sinh hạ Edouard III. Nhân vụ tranh chấp mua bán vải vóc tại Flandre, Edouard III tự xưng là vua nước Pháp và đem quân xâm lấn. Chiến tranh trăm năm có bốn giai đoạn :

- + 1340-64 : Anh chiếm khoảng 1/4 nước Pháp.
- + 1364-80 : Pháp tái chiếm gần hết.
- + 1380-1422 : Vì nội chiến Pháp mất 1/2 lãnh thổ.
- + 1422-52 : Nhờ thánh nữ Jeanne d'Arc Pháp ủng hộ, Charles VII đuổi Anh ra khỏi bờ cõi, chỉ trừ Pas-de-Calais.

Sau chiến tranh trăm năm, quân đội hai bên đều tiến bộ, giai cấp thị dân tiến lên ngang hàng với quý tộc và tăng lữ ; tinh thần quốc gia ngày càng được nâng cao.

TƯ LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN ANAGNI

* Philippe xác định quyền của mình (1297)

Sự điều hành các việc trần thế trong vương quốc chỉ thuộc duy đức vua chứ không thuộc ai khác. Vị này không nhận quyền từ ai cả, không phải vâng phục bất cứ ai trong tất cả mọi vấn đề trần thế thuộc nước mình.

* Bonifacio VIII trong nghị hội

Các vị tiền nhiệm của chúng ta đã truất phế ba hoàng đế Pháp, điều đó còn ghi rõ trong sử biên niên của Pháp và của ta. Vì vua Pháp hiện nay đã phạm những điều tổ tiên y đã phạm, nên nếu không hối cải, ta cũng phải đau buồn truất ngôi y như một đứa con xấu.

* Thông điệp Unam Sanctam

(...) Giáo hội thánh và duy nhất, chỉ có một thân thể, một đầu chứ không thể có hai đầu như quái vật, đầu đó là Đức Kitô và Phêrô, đại diện đức Kitô và các đấng kế vị Phêrô (...) Thế quyền phải vâng phục thần quyền (...). Nếu quyền trần gian sai lạc, quyền thiêng liêng sẽ thẩm xét, nếu quyền thiêng liêng cấp dưới sai lạc, sẽ có quyền cao hơn phán định. Nếu quyền tối cao sai lạc, chỉ có Thiên Chúa chứ không phải con người phán xét được (...). Quyền này tuy được con người thể hiện, nhưng là quyền do Chúa chứ không do con người (...) Vì thế, chúng tôi tuyên ngôn và công bố rằng : việc vâng phục giáo chủ Roma là tuyệt đối cần thiết cho ơn cứu độ của mỗi người.

* Bản cáo trạng đức Bonifacio VIII của Nogaret

Tôi khẳng định cá nhân bị cáo, biệt danh Bonifacio không phải là giáo hoàng. Y không qua cửa mà vào nên phải coi là tên trộm cắp. Tôi khẳng định y đã công khai lạc đạo, mại thánh đáng kinh tởm như chưa từng có từ tạo thiên lập địa đến bây giờ. Cuối cùng tôi khẳng định kẻ gọi là Bonifacio đã phạm những tội ác to lớn, rõ rệt và bất khả chữa trị . Cần phải có một công đồng chung để phán xét và kết án y.

(JC Để đọc LSGH I,p 179)

MARSILIUS DE PADUA (1275-1342)

Viện trưởng đại học Paris từ 1313

Con người liên kết với nhau để sống thỏa mãn, giúp nhau tìm kiếm và trao đổi các sản phẩm (...). Các ông hoàng hành động theo luật và quyền được ủy thác, chính là qui luật và thước đo của mọi hành vi dân sự.

(...) Giáo hội là toàn thể những người tin và kêu cầu Danh Đức Kitô... Các tác vụ, linh mục, giám mục, phó tế thôi chưa phải là Giáo Hội... Đức Kitô ấn định quyền kêu gọi, điều tra, thẩm định, giải quyết và kết án, là quyền thuộc về toàn thể tín hữu làm thành một cộng đoàn là công đồng chung.

(Defensor Pacis; theo Pacaut, trong Théocratie, p280-282)

PÉTRAQUE THỎA MẠ AVIGNON

Avignon, Babylon vô đạo, địa ngục của người sống, ồ tội lỗi như nhớp, công rãnh của địa cầu. Tại đây người ta không thể thấy đức tin lẫn đức ái, không tôn giáo, không có lòng kính sợ Chúa lẫn liêm sỉ, không có gì ngay chính, không có gì thánh thiện, dù đó là trú sở của Giáo hoàng, với điện thờ và đồn lũy (...)

Các hồng y, thay vì là những tông đồ đi chân không, đã trở thành những kẻ sa hoa, cỡi ngựa phủ toàn vàng, hàm thiếc cũng vàng. Và nếu Chúa không cản tội sa hoa ấy, chẳng bao lâu giày họ cũng bằng vàng. Người ta thấy các ngài như những vị vua Ba tư hay xứ Parthes, mà họ phải tôn thờ và họ không dám đến gần với hai bàn tay trắng.

(JC ĐỂ đọc LSGH I. 181)

HƯỚNG NHÌN ĐẠI KẾT

(Theo Roger Aubert, Introduction Générale trong bộ Nouvelle Histoire de l'Eglise, T.I)

Đừng quên rằng những Giáo hội tách rời Roma vẫn tiến triển. Đức Pio XI có nói : "Các mẫu tách khỏi đá có vàng, vẫn có vàng". Do đó Chính Thống, Tin Lành, Anh Giáo, tuy cách lìa khỏi Una Sancta, vẫn mang theo mình gia sản chung là Thánh Kinh và phép rửa. Đôi khi họ cũng duy trì tất cả các bí tích cũng như hàng giám mục. Ở đó vẫn được nuôi dưỡng bằng những giá trị Kitô giáo tích cực. Hơn nữa, đôi khi có thể họ còn đánh giá chính xác hơn một số nội dung, họ thấy là quan trọng cách đơn phương, nhưng qua thời gian được biện minh là tích cực.

Từ đó người ta sẽ thấy rằng, tuy Roma bảo toàn qua các thời đại điều chủ yếu của gia sản thánh được Đức Kitô ủy thác vẫn có thể được phong phú hơn nhờ tiếp xúc với những anh em ly giáo, chờ ngày hòa hợp, ngày người ta được thấy tất cả đều đoàn tụ trong một tổ ấm.

Trích :

THỜ CHUNG 1980 ĐẠI HỘI GIÁM MỤC VIỆT NAM

SỐ 7 : HỘI THÁNH VÌ LOÀI NGƯỜI

Bởi vậy, sứ mạng của Hội Thánh không những là đem Phúc âm và ân sủng của Chúa Kitô đến cho nhân loại, mà còn đem tinh thần Phúc âm thấm nhuần và hoàn thiện những thực tại trần thế (TĐGD.5). Không có sinh hoạt nào của con người lại xa lạ đối với sứ mạng của Hội Thánh, và ngược lại, không có sinh hoạt nào của Hội Thánh, không liên quan tới tất cả cuộc sống con người. Lời rao giảng Tin Mừng và các cử hành bí tích đem ân sủng của Thiên Chúa vào đời sống con người, còn sinh hoạt trần thế của tín hữu, đem thực tại của con người đến với Thiên Chúa. Do đó, đối với người tín hữu, xao lãng bổn phận trần thế tức là xao lãng bổn phận đối với tha nhân, và hơn nữa đối với chính Thiên Chúa, khiến phần rỗi đời đời của mình bị đe dọa" (MV 43).

Tóm lại, sứ mạng của Hội Thánh là tiếp nối sứ mạng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã đem đến không phải để được người ta hầu hạ, nhưng để phục vụ tất cả loài người. Đúng như Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã giải thích trong thông điệp "Đấng Cứu Chuộc con người" rằng: "Con người là con đường của Hội Thánh". Nghĩa là tất cả mọi con đường của Hội Thánh đều dẫn tới con người" (ĐCCCN.14). Đây cũng là điểm gặp gỡ giữa Hội Thánh và xã hội trần thế, vì dù "tin hay không tin, mọi người đều phải góp phần xây dựng thế giới cho hợp lý, vì họ cùng chung sống trong thế giới này" (MV 21,6).

SỐ 15 : QUÁ KHỨ HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI (. . .)

Nhìn về quá khứ, chúng tôi cảm mến sâu sắc bàn tay nhân lành của Thiên Chúa đã êm ái và mạnh mẽ hướng dẫn Hội Thánh Người trên đất nước Việt Nam chúng ta. Chúng tôi biết ơn công lao của vô vàn tín hữu đã làm sáng tỏ đức tin và lòng yêu nước của mình. Đừng nhìn về quá khứ với mặc cảm và phán đoán tiêu cực. Lịch sử luôn pha lẫn ánh sáng và bóng tối, cũng

như đời sống của những người con Chúa vẫn có cả ân sủng và tội lỗi. Nhưng, dựa vào tình thương của Chúa Cha, dựa vào Lời ban sự sống của Đức Giêsu Kitô và sức mạnh của Thánh Thần, chúng ta hãy mạnh dạn nhìn vào hiện tại và tin tưởng ở tương lai.

Chúng ta có giáo lý của công đồng Vaticano II như luồng gió mát của Chúa Thánh Thần thổi trong Hội Thánh : Chúng ta tự hào là công dân của nước Việt Nam anh hùng, độc lập thống nhất ; và trong đà phát triển chung của cả nước, chúng ta được tình đồng bào thông cảm giúp đỡ trong khối đại đoàn kết dân tộc, nên chúng ta hãy hân hoan chu toàn sứ mạng vinh quang của mình (...).

Phục hưng và cải cách

PHỤC HƯNG VÀ CẢI CÁCH (TIN LÀNH)

(Thế kỷ XV - XVI)

I. ÂU CHÂU THỜI PHỤC HƯNG

1.1. Cuộc khai sinh các nước tân tiến

Vào cuối thế kỷ XV, xuất hiện những quốc gia với ranh giới rõ rệt dưới quyền một vị vua thống lĩnh về kinh tế lẫn quân sự. Các quốc gia này muốn tách khỏi những quyền lực thời trung cổ, khỏi quyền giáo hoàng và đế quốc La-Đức :

- Anh và Pháp xác định ranh giới sau chiến tranh "Trăm năm" (1453). Vua Pháp Francois I được Đức Lêo X trao quyền chỉ định Giám mục và đan viện trưởng qua thỏa ước Bologne 1516. Anh hoàng Henri VIII (1509-47) cũng nắm giữ vai trò hàng đầu trong lãnh vực chính trị và tôn giáo Âu-châu.

- Nước Tây Ban Nha, được thống nhất qua cuộc hôn nhân giữa Isabella de Castilla và Fernando de Aragona năm 1469 và hoàn tất năm 1492, sau khi tái chiếm Grenada, vị trí cuối cùng của Hồi-giáo tại nước này. Để phục vụ lợi ích quốc gia, các "ông hoàng Công giáo" tổ chức lại Tòa tra (1478), nhằm truy nã gắt gao những người theo lạc giáo, hồi giáo hay Do thái giáo.

- Đế quốc La-Đức : từ năm 1438 chức hoàng đế Đức do bảy ông hoàng bầu lên, thuộc về nhà Habsbourg. Maximilian (1493-1519), qua hai cuộc hôn nhân chiếm thêm Bourgogne và Milan. Ông dùng hôn nhân của con và cháu để lấy Tây Ban Nha, Hung-ga-ri. Cháu ông là Carlos Quinto (1519-1556) được bầu lên làm hoàng đế, được thừa hưởng toàn bộ tài sản đó, kèm thêm các thuộc địa ở Tân thế giới, vì thế Carlos Quinto luôn mang trong mình giắc mọng bá chủ địa cầu.

Trong khi đó, quyền giáo hoàng đã bị giảm sút từ thời có cuộc đại ly giáo. Một số vị cuối thế kỷ XV lại gắn bó với các ông hoàng người Ý để phục vụ nước Ý nên đã trở thành đối thủ của Pháp và nhà Habsbourg. Có vị chỉ lo làm giàu cho gia đình và con cháu. Tệ hại nhất dưới thời Alexandro VI nhà Borgia (1492-1503), nhiều lễ lạc vui chơi được tổ chức ngay tại giáo triều. Vị giáo hoàng này lên ngôi nhờ tiền bạc và tự bôi nhọ tên tuổi vì hai người con là Cesarano và Lucrecia. Còn Đức Julio II (+1513) với mũ chiến và giáp sắt thì chỉ lo điều quân bảo vệ đất Tòa thánh.

Đóng góp đáng kể nhất của 10 vị giáo hoàng từ đức Nicolas V đến Lêo X (từ 1447 đến 1521) là vấn đề "văn hóa và nghệ thuật" thời phục hưng, các vị đứng ra bảo lãnh hoặc thuê

muốn nghệ nhân xây dựng, khắc vẽ, trang hoàng các ngôi Thánh đường, cung điện và lăng tẩm.

1.2. Đổi mới văn hóa nghệ thuật

Ông tổ thời phục hưng là thi sĩ Petrarca (+1374), nhà nhân bản Florence. Nhưng phong trào Phục Hưng nở rộ từ 1453, khi Constantinople thất thủ, nhiều nhà bác học Hy-lạp như Bessarion sang Tây phương tị nạn, mang theo nhiều thủ bản Hy ngữ. Người Tây phương có dịp khám phá lại nền văn minh Cổ Đại dưới mọi hình thức : văn chương, nghệ thuật và khoa học. Các học giả người Ý say mê nghiên cứu nền văn chương cổ cho tới lúc này vẫn đang "ngủ yên" trong các đan viện.

Việc chế tạo máy in của Gutenberg (1440) đã giúp cho nhiều tác phẩm trước dành riêng cho một số người nay được phổ biến rộng rãi. Nhiều tài liệu cổ được dịch từ nguyên bản : các triết gia cổ, các giáo phụ, Kinh thánh và sách đạo đức. Hầu hết các sách đầu tiên được in là sách tôn giáo. Khát vọng hiểu biết và hành động bùng lên trong mọi lãnh vực, biểu hiện qua kiến thức bách khoa của những nhà nhân bản và thành tích của những nhà chinh phục, thám hiểm.

a/. Nhân bản thuyết và đức tin Kitô giáo

Nói chung, văn học thời phục hưng mang ba đặc tính quốc gia, nhân bản và Kitô giáo. Mỗi quốc gia đều phát triển ngôn ngữ riêng và đề cao giá trị xã hội, quốc gia mình. Các nhà nhân bản suy tư tự do hơn về cuộc đời và con người. Dante qua "Thần khúc" đã cho nhiều "đáng bậc" xuống hỏa ngục. Rabelais cổ vũ lối giáo dục cá nhân tự do và tự lập.

Điều khắc hội họa có trung tâm mới tại Ý và có khuynh hướng tả chân, diễn tả đúng với thiên nhiên và cảm nghĩ của con người. Nổi bật có Michel Ange, Raphael, Leonardo Vinci và chân phước Fra Angelico ...

Điều đáng lưu ý là trừ vài người như Machiavelli (+1527), tác giả cuốn "Ông hoàng", còn thì đại đa số các nhà nhân bản vốn là kitô hữu, tìm cảm hứng sáng tác từ niềm tin và Kinh Thánh, ước ao góp phần cải thiện Giáo hội và xã hội. Thomas More (+1535) qua tác phẩm "Lý tưởng quốc" đã phê phán Giáo hội, nhưng ông giữ vững niềm tin để lãnh nhận ngành lá tử đạo.

b/. Đường hướng cải tổ của Erasme

Erasme (+1536) được người đương thời gọi là "ông hoàng các nhà nhân bản". Qua tác phẩm "Ca ngợi nàng điên" và "Đàm Thoại" ông đã phê phán xã hội về mọi mặt, đặc biệt về các giáo sĩ. Nhưng bận tâm chính của Erasme là "tái sinh con người bằng cách thanh luyện tôn giáo". Ông muốn cải tổ thần học bằng cách trở về nguồn. Ông cho xuất bản Tân Ước bằng Hy ngữ (1516) và nhiều tác phẩm Giáo phụ, để giải thích Kinh Thánh cho đúng. Theo ông, mục đích chính của thần học là khám phá Đức Kitô ; các tranh luận thần học vô ích nếu không hoán cải được ai ; phải giúp cho mọi người hiểu Tin Mừng bằng chính ngôn ngữ của họ ; phải trở về với tôn giáo nội tâm của "tình thân hữu đích thực và hoàn hảo".

Erasme cũng đề nghị chính sách cai trị đặt căn bản trên Tin Mừng. Các ông hoàng phải được huấn luyện theo chiều hướng đó. Erasme cũng mạnh dạn đấu tranh cho hòa bình, coi việc các tín hữu đánh nhau là gương mù. Nếu con người phát động chiến tranh, họ phải đình chiến và

liên kết với nhau dưới quyền một trọng tài. Tuy có ảnh hưởng rộng lớn, nhưng trong thực tế, đường hướng cải tổ của nhà nhân bản Hà-lan này đã không thành công.

1.3. Ước muốn cải tổ trong Giáo hội

Cách nhìn lạc quan của một số nhà nhân bản không che lấp được nỗi lo sợ sâu xa của con người cuối thế kỷ XV. Khắp nơi đều nói đến thị kiến, khai huyền, đến ngày tận thế. Tín hữu lo sợ mất linh hồn vì nghĩ Chúa toàn năng tiền định tùy tiện và sa tan luôn rình rập khắp mọi nơi. Thực vậy, đồng thời với phong trào phục hưng là cuộc hồi sinh của ma thuật và việc truy lùng các pháp sư.

a/. Giáo hội chậm đáp ứng

Để giải tỏa những lo âu trên, các tín hữu gia tăng đọc kinh kính đức Mẹ, hành hương và tôn sùng các thánh để tìm ân xá. Một số khác đào sâu đời sống tôn giáo qua việc đọc Kinh Thánh và sám hối. Nói chung họ ít tín nhiệm vào tổ chức Giáo hội. Nhiều linh mục không đạt tiêu chuẩn về cả tư cách lẫn kiến thức như tín hữu mong chờ. Nhiều linh mục quá lo đến bổng lộc, kiêm nhiệm những tòa ở xa nơi cư trú. Chẳng có hy vọng gì vị giáo hoàng chính đôn những lạm dụng này. Chính các ngài cũng thu tích tiền bạc để xây cất và chi phí. Các ngài chuẩn miễn cho giám mục sống xa địa phận, cho phép thu thuế và đôi khi dùng hình thức như buôn bán ân xá nữa.

b/. Những phê phán và đòi hỏi canh tân

Ngày nay, chúng ta phải ngạc nhiên về giọng điệu chua cay của Erasme trước những lạm dụng trong Giáo hội, cũng như lời kết án mạnh mẽ của Savonarola trong những năm 1494-1498. Tại Florencia, Savonarola tiến hành cải cách xã hội tại địa phương (giảm thuế, xóa nợ người nghèo...). Với giọng văn sấm sét, ông chỉ trích gắt gao những lạm dụng của đức Alexandro VI, loan báo án phạt Thiên Chúa, dù phải lên giàn lửa.

Nhiều người nghĩ đến biện pháp Công đồng. Năm 1512, đức Julio II khai mạc công đồng Lateranô V, lên án các lạm dụng trong Giáo hội và đề ra một dự án cải tổ, nhưng không kết quả. Công đồng bế mạc tháng 3-1517, thì ngày 31-10 năm đó, Luther niêm yết bản 95 đề tài chống ân xá tại nhà thờ Wittenberg.

II. NHỮNG NHÀ CẢI CÁCH

Đã từ lâu, tiếng "cải cách" (réforme) đồng nghĩa với đổ vỡ trong Giáo hội mà người ta phải tìm ra kẻ chịu trách nhiệm. Thường người ta cho rằng vì trong Giáo hội có quá nhiều lạm dụng, lại không có hy vọng thay đổi, nên một số người rời bỏ Giáo hội. Nhưng hiện nay, đa số đã nhận ra những nguyên nhân tâm linh sâu xa của cuộc cải cách. Vì, cải cách đã phát sinh từ lòng mộ đạo cuối thời trung cổ và từ nỗ lực say mê tìm kiếm Đức Kitô trong Tin Mừng.

Trước đây, quả là khó nhận định chính xác về các nhà cải cách, nhất là về Luther. Vì dưới cặp mắt anh em Tin Lành, thì Luther là "vị lương y nghiêm khắc", là "thiên sứ được Chúa soi dẫn để đánh đổ tên phản Ki-tô ở Roma". Còn với người Công giáo, đó chỉ là một nhân vật thô kệch, kiêu căng, khoác lác và đam mê, đã rời bỏ Giáo hội để thỏa mãn những bản năng của mình. Cái nhìn thống nhất chỉ mới có trong vài thập niên gần đây. Mọi người đều nhìn nhận

tiến trình đức tin của Luther. Ít người còn hồ nghi về những khuyết điểm và thiếu hiểu biết của Roma. Đồng thời anh em Tin Lành cũng thừa nhận những giới hạn của chính Luther.

2,1. Luther, vị tiên phong

Người ta vẫn coi ngày 31-10-1517 là ngày khai sinh phong trào cải cách. Nhưng biến cố hôm đó chỉ là kết thúc một giai đoạn đã khởi sự từ lâu. Luther, trong những bài viết vào cuối đời, đã kể lại hành trình đời mình giúp ta hiểu điều này.

Martin Luther, chào đời năm 1483 tại Eisleben, miền Saxe nước Đức, trong một gia đình thợ mỏ. Lớn lên trong nền giáo dục nghiêm khắc, cậu có ấn tượng mạnh về tôn giáo trừng phạt, luôn sợ chết và hỏa ngục. Năm 1505, sau khi thoát chết trong một cơn bão tố, cậu hứa và giữ lời, vào dòng Ẩn Sĩ Augustin ở Erfurt. Tại đây, người đan sĩ khổ hạnh Luther thụ phong Linh mục và được cử đi dạy Kinh Thánh tại đại học Wittenberg. Dù đã giữ kỷ luật khít khao, ông không thấy tâm hồn được bình an. Dục vọng, khuynh hướng tội lỗi vẫn còn đó. Theo thần học đương thời, Thiên Chúa làm gì tùy thích, cứu người này, phạt kẻ khác...Bỗng một hôm, Luther tìm ra giải đáp cho nỗi khắc khoải đó khi đọc thư Roma : "Con người được công chính hóa nhờ đức tin chứ không do việc làm của lề luật" (Rm 3,28). Nghĩa là, người ta được cứu không phải do những cố gắng của mình, nhưng chính Thiên Chúa cho họ nên công chính nhờ ân sủng Ngài. Con người vẫn là tội nhân, nhưng nếu tin, họ sẽ được Chúa cứu. Thế là Luther tìm thấy niềm vui và an bình.

a/. Vấn đề ân xá

Vấn đề ân xá đã cho Luther cơ hội công bố khám phá của ông. Bấy giờ nhiều tu sĩ đi khắp nước Đức rao giảng về ân xá. Có kẻ dám nói : "Một linh hồn được lên trời khi đồng tiền kêu vang dưới đáy hòm tiền". Áp lễ Các Thánh (31-10-1517) dân chúng nô nức đi viếng hải cốt để lãnh nhận ân xá. Luther tức giận niêm yết 95 luận đề về ân xá lên cửa nhà thờ Wittenberg. Đây là lời phản kháng đối với sự an toàn giả tạo do ân xá mang lại. Người tín hữu không thể mua bán ân sủng mà Chúa ban cách nhưng không. Luther tỏ ra ôn hòa khi nói đến quyền Giáo hoàng, ông không nghĩ là phải đoạn giao với Roma. Các luận đề của ông rất thành công ở Đức và khắp Âu Châu. Chính Erasme cũng cổ vũ nồng nhiệt.

b/. Dẫn đến đoạn giao

Luther bị tố cáo về tòa án Roma. Trong vòng ba năm các tu sĩ cùng dòng (Augustin) và các phái viên tòa thánh cố khuyên ông từ bỏ những xác quyết của mình. Nhưng cuộc tranh cãi đã thức tỉnh tinh thần quốc gia của người Đức. Luther trở thành người bênh vực của một dân tộc đã mệt mỏi vì chính sách thuế khóa của giáo triều Roma.

Trong ba bài viết dài về cải cách năm 1520, Luther xác định suy tư của ông : "kêu gọi quý tộc Đức", "cuộc lưu đày Babylon của Giáo hội" và "quyền tự do của kitô hữu". Ông cũng hô hào triệu tập công đồng chung, nhưng vẫn quả quyết công đồng có thể sai lầm. Lập trường của ông ngày càng cứng rắn. Nếu trước ông nói : " Chấp nhận hay không, tiếng nói của Đức Thánh Cha sẽ là tiếng Đức Kitô nói với con", thì sau ông nói: "Giờ đây tôi biết rõ, giáo hoàng chính là Quí Vương ra đời".

Tháng 6-1520, đức Lêo X qua tông chiếu "Exsurge", kết án 41 mệnh đề của Luther và cho ông hai tháng để tuân phục. Ngày 10-12, ông long trọng đốt bản tông chiếu. Tháng giêng năm sau ông bị vạ tuyệt thông. Tại hội nghị Worms, các ông hoàng nước Đức triệu tập ông về để

xét xử. Trước mặt hoàng đế Carlos Quinto, ông cương quyết giữ lập trường "vì lương tâm và theo Kinh Thánh". Ông bị án trục xuất, nhưng bạn hữu của ông tổ chức "bắt cóc" ông đưa đi trốn. Thời gian này ông dịch Tân Ước sang tiếng Đức (năm 1533 mới dịch xong Cựu Ước).

c/. Những xáo trộn tại Đức

Nước Đức chia thành hai phe, hoặc bên hoặc chống Luther. Nhưng phe bên Luther lại có những động lực khác nhau. Giới quý tộc thì muốn chiếm đất đai của Giáo hội. Nông dân nghèo thì nhân quyền bình đẳng của con người trước Thiên Chúa để nổi dậy chống lại các lãnh chúa ... Cuộc chiến tàn khốc bùng nổ năm 1524-1525. Điều Luther lo ngại là đám dân này dám xác nhận mình hành động theo lời Chúa như : "phải lật đổ những kẻ quyền thế xuống khỏi bệ cao"... Không thể trấn áp phe nông dân, Luther quay sang kêu gọi các lãnh chúa trấn áp cuộc nổi dậy. Thomas Muntzer (1490-1525) bên vực nông dân, phê phán mạnh mẽ nhà cải cách, Muntzer bị bắt và bị chém đầu.

Cũng trong giai đoạn này, Luther đoạn giao với Erasme, là người không chấp nhận quan niệm bi quan của Luther về con người tự do. Luther bỏ áo dòng và kết hôn với Catharina Bora, một nữ tu hồi tục : "Để chọc giận ma quỷ...và tất cả những kẻ khá điên nghiêm cấm giáo sĩ kết hôn".

d/. Giáo lý và Giáo hội Luther

Mới đầu Luther không có ý lập Giáo hội mới. Ông nghĩ nếu Giáo hội trở về với Tin Mừng sẽ tự đổi mới. Nhưng những xáo trộn vì nhiều cách giải thích Lời Chúa quá khác biệt đã đưa ông đến chỗ xác định giáo thuyết và đề ra một tổ chức tối thiểu. Năm 1529, ông xuất bản hai cuốn giáo lý "Lớn" và "Nhỏ" (cho mục sư và tín hữu) và gặt hái nhiều thành công.

Đối với Luther, mọi sự đều khởi từ kinh nghiệm nền tảng của ông. Ý thức sâu xa mình là tội nhân, con người nhờ Kinh Thánh khám phá ra ơn cứu độ của mình do tự Thiên Chúa và bởi lòng tin mà thôi. Thiên Chúa làm tất cả. Con người không làm gì hết. Những việc tốt không làm cho con người nên tốt. Nhưng kẻ được Chúa công chính hóa thì làm việc tốt. Vì thế, Luther từ chối các truyền thống đi ngược lại vị trí tối thượng của Thánh Kinh và đức tin. Ông loại bỏ những gì con người dùng làm phương tiện để đáng nhận ơn cứu độ như : tôn kính các thánh, ăn xá, lời khấn Dòng, các bí tích không ghi rõ trong Kinh Tân Ước. Tất cả những gì không ghi rõ trong Thánh Kinh đều vô giá trị. Chỉ có chức Linh mục cộng đồng của tín hữu (không cần hàng giáo phẩm). Giáo hội, cộng đồng những người tin, là thực tại vô hình, không cần tài sản và tổ chức.

Trong thực hành, Luther giữ lại hai bí tích Rửa tội và Thánh Thể, đồng thời chấp nhận việc xưng tội với Chúa. Tiệc Thánh được cử hành bằng tiếng địa phương, nhưng không phải là tế lễ, dù ông tin Đức Kitô hiện diện thực sự. Ông đề cao việc hát cộng đồng và đề nghị tổ chức tối thiểu để công bố Lời Chúa và cử hành bí tích. Các ông hoàng nắm giữ quyền Chúa ban, sẽ chịu trách nhiệm về việc này. Như thế, Luther khi từ chối quyền giáo sĩ lại tăng cường quyền cho các ông hoàng. Các Giáo hội theo Luther trở thành Giáo hội quốc gia với tổ chức thay đổi tùy từng miền từng nước.

e/. Nở rộ các nhà cải cách khác

Ngoài đồ đệ của Luther như Melancton (+1560), thì đồng thời với Luther, rộ lên nhiều nhà cải cách khắp nước Đức và Thụy Sĩ. Đa số họ là linh mục và thường là tu sĩ. Nhưng nếu họ

đồng ý với Luther về đức tin và Kinh Thánh thì họ lại khác với ông khi nói về bí tích Thánh Thể. Cải cách ở Strasbourg có Bucer (+1551) tại Bâle có Oecolampade (+1531), còn ở Nurem-berg có Osiander (+1552). Trước khi từ trần năm 1546, Luther đã đoạn giao với nhiều người trong họ.

2.2. ZWINGLI (1484-1531) tại Thụy Sĩ

Zwingli vốn được coi là nhân vật thứ ba của cải cách sau Luther và Calvin. Ông là nhà nhân bản, đồ đệ của Erasme, cha sở họ Glaris, Thụy Sĩ. Cùng các tín hữu trong xứ, ông phục vụ giáo hoàng đi chiến đấu ở Ý. Về làm cha sở Zurich, ông đưa cả thành phố theo cải cách : tục hóa các tu viện, triệt hạ ảnh tượng, tổ chức phụng vụ bằng tiếng Đức. Ông ít quan tâm đến kinh nghiệm cá nhân như Luther, mà lại nhấn mạnh đến việc tổ chức Giáo hội và giải phóng dân tộc khỏi lệ thuộc ngoại bang. Ông không ngần ngại cưỡng ép kẻ chống đối. Phái Anabaptisme cấm rửa tội cho trẻ em, ông ném họ xuống sông.

Khác với Luther, Zwingli coi Thánh Thể chỉ có sự hiện diện biểu tượng hoặc là lời hứa thuần túy. Phép rửa tội tự nó không có hiệu lực mà chỉ là dấu được Chúa chọn. Nhiều khu vực Thụy Sĩ chống lại cuộc cải cách này đưa đến nội chiến. Zwingli theo đạo quân Zurich và chết trong khi chiến đấu. Nhiều giáo đoàn Thụy Sĩ theo ông, chỉ cử hành Tiệc Thánh mỗi năm 4 lần.

II/ Giáo Hội thời trung cổ sáu thế kỉ Âu Châu Ki-Tô Hoá

Phần II: GIÁO HỘI THỜI TRUNG CỔ SÁU THẾ KỶ ÂU CHÂU KI-TÔ HÓA (Thế kỷ VI - XI)

I. GIÁO HỘI THỜI ROMA BỊ XÂM CHIẾM

1,1. Những ông chủ mới của đế quốc

Đầu thế kỷ V, nhiều nhóm dân German vượt sông Danube và Rhin tiến vào đế quốc. Năm 410, Alaric (Visigoth) chiếm được thủ đô Roma, rồi đưa dân đến định cư ở miền nam nước Pháp và Tây Ban Nha. Nhóm Vandale thì chiếm Bắc Phi. Năm 430, thánh Augustino qua đời tại Hippone đã bị chiếm đóng. Carthago thất thủ năm 439. Sau đó, đến lượt đạo quân Hung nô của Attila viễn chinh sang Tây phương. Năm 452 Roma thoát được tai nạn Hung nô nhờ tài ngoại giao của Đức Leo Cả, nhưng chỉ ba năm sau thì bị người Vandale của Generic từ Bắc Phi lên tàn phá.

Cuối cùng, năm 476, một thủ lĩnh Man Dân là Odoacre truất phế hoàng đế Romulus Augustus. Thế giới Roma Kitô giáo chấm dứt. Đế quốc phần Đông phương vẫn tồn tại, trong khi Tây phương bị chia năm xẻ bảy thành những vương quốc Man Dân.

1,2. Thực chất việc xâm lăng

Thực ra các nhóm Man Dân không có những đội quân tinh nhuệ. Trong nhiều thế kỷ trước họ đã tạm chiếm một số khu vực vùng biên giới để ổn định đời sống cho gia đình. Họ tiến công vì thú mao hiểm, vì tham lam sự giàu có của đế quốc, vì ước mơ nếp sống văn minh, cộng với lợi thế thực tế, trước đây họ đã hiện diện đông đảo trong quân đội Roma, đã từng được chính các hoàng đế sử dụng để lật đổ lẫn nhau.

Thế nhưng sâu xa hơn, họ chiến thắng vì sự suy yếu của Roma. Giám mục Eucher thành Lyon nói về Roma "ôn dịch, đói kém, hoang tàn và sợ hãi". Thời Roma hùng mạnh với những pháo đài kiên cố, binh sĩ kỷ luật và tài ngoại giao khéo léo đã qua rồi. Năm 395, hoàng đế Théodose chia đôi đế quốc cho hai con trai là Honorio 11 tuổi phía Tây, và Arcadius 18 tuổi phía Đông. Nội các của hai tiểu vương chia rẽ ghen ghét lẫn nhau. Các viên chức thì thiếu khả năng lại tham nhũng. Người thu thuế đông hơn người nộp thuế.

Sử gia Orosius viết : "Dân Roma nhiều người thà sống với dân Man di hơn là chịu sưu cao thuế nặng". Salvianus viết mạnh hơn : "Dân nghèo đầy thất vọng, họ mong chờ kẻ thù đến họ xin Thiên Chúa sai Man Dân đến với họ".

1.3. Tìm một định hướng lịch sử

Trước biến cố Roma sụp đổ, các giám mục có những phản ứng khác nhau. Mới đầu nhiều vị như thánh Giêronimo than tiếc, trách móc trước cái chết của Kinh Thành muôn thuở. Dần dần các vị củng cố lại niềm tin cho các tín hữu.

Có vị giải thích biến cố như hình phạt của Chúa : "Tội và nét xấu của chúng ta là sức mạnh của Man Dân". Giám mục Orens nói : "Kể lể làm chi đám ma của một thế giới đã sụp đổ theo định luật bình thường của những gì phải chết". Có vị lạc quan hơn như tác giả cuốn "Lời kêu gọi muôn dân", khi nhận định : "loạn ly làm gia tăng người xin rửa tội, làm tín hữu nguội lạnh thành sốt sắng. Các tù nhân Kitô hữu đã thuyết phục kẻ chiến thắng theo Phúc âm, cho man dân hưởng nền Giáo dục Kitô. Bởi vì không có gì ngăn cản được hiệu quả của ân sủng".

Các nhà thần học thì khẳng định lịch sử luôn thuộc quyền của Thiên Chúa, Thánh Augustino qua cuốn "Thành đô Thiên Chúa" mở ra cho mọi người một viễn tượng mới về Nước Thiên Chúa gồm những người đã tái sinh trong Đức Kitô. Nước đó vượt qua ranh giới của đế quốc và dành cho mọi sắc dân. Đức Kitô muốn xã hội mới được tổ chức hoàn toàn dựa vào Tin Mừng. Các vua phải phục vụ công ích và công lý, phải tạo điều kiện cho nhân dân sống theo mục đích siêu nhiên của ơn cứu độ. Thành đô Thiên Chúa sẽ thay thế Đế quốc.

Khi Man Dân xâm chiếm, các giám mục được mệnh danh là những nhà bảo vệ đô thị. Thánh Germano cản Alano không phá hoại mạn Tây Gallia. Thánh Leo bảo vệ Roma khỏi nạn Attila; các giám mục Exuper, Lupo, Aignan tổ chức phòng thủ cho Toulouse, Troyes và Orléans. Nhưng khi Man Dân đã đến, các ngài bênh vực quyền lợi người dân, giúp hồi hương và chuộc lại các tù binh. Thánh Augustino khuyên các giáo sĩ ở lại với tín hữu. Các giám mục Phi-châu sẵn sàng đàm phán với các lãnh tụ Vandale. Đức Gregorio nối kết tình hữu nghị với dân Lombard. Tại Gallia, dân Roma và Bourgonde sống thông cảm thành thực là nhờ giám mục Avis ; tại Ý sự hòa hợp giữa dân và nhóm Goth cũng nhờ công của thánh Epiphan.

II. TỪNG KHỐI DÂN ĐÓN NHẬN TIN MỪNG

"Như ông làm tổ thế nào, các giám mục đã làm nên những quốc gia Âu Châu như vậy". Đó là cách mục sư Luther diễn tả đặc tính của sáu thế kỷ Âu Châu Kitô hóa, Giáo hội đã chinh phục từng miền, từng khu vực.

Giai đoạn đầu : Thường nhờ uy tín các giám mục, nhờ trung gian các nữ hoàng, đôi khi nhờ phép lạ khiến một vị vua đón nhận Tin Mừng, kéo theo cả khối dân xin rửa tội.

Giai đoạn sau : nhờ các đan sĩ truyền giáo hăng say, kiên nhẫn cảm hóa nhân tâm bằng tài thuyết phục, bằng mẫu gương đời sống thánh thiện, bằng tài tổ chức và nhất là qua sinh hoạt đan viện nâng cao đời sống vật chất cũng như văn hóa quần chúng. Dần dần hầu hết các chủng tộc Âu-Châu đón nhận Giáo lý Phúc Âm.

2.1. Khối German theo đạo

Dân Gallia : Vua Clovis, nhờ cầu nguyện với Chúa của nữ hoàng Clotilda, đã thắng quân Alaman, nên Vua quyết định theo đạo. Noel 498, Vua và 3.000 tùy tùng xin rửa tội khai mở một thời kỳ mới trong lịch sử. Hoàng đế, được coi như Constantin thứ hai, đã hỗ trợ Giáo hội Pháp phát triển nhanh chóng. Các cơ sở, thánh đường, trường học, bệnh viện mọc lên khắp nơi. Luân lý Kitô giáo do các Hội nghị Giám mục miền phổ biến, được Đức Vua phê chuẩn, có hiệu lực như đạo luật quốc gia.

Thế kỷ sau, các nhóm Ario Visigoth : dân Bourgond, Suève lần lượt gia nhập Giáo hội. Dưới sự hướng dẫn của thánh Leandro, các Bộ Luật Tây Ban Nha ở Toledo dựa theo các qui luật của Phúc Âm. Giáo hội Tây Ban Nha nhờ đó phát triển vững chắc, đủ sức đương đầu với các thế lực Hồi Giáo sau này (711-1492).

Tại Ý, dân Lombard chiếm Roma năm 568 và xin theo đạo đầu thế kỷ sau. Nhưng vì những bất đồng về chính trị, họ xâm chiếm lãnh địa của giáo hoàng. Vua Pháp Pépin đem quân giải cứu, sau đó tặng Giáo hoàng lãnh địa Pherô, Ravenna và năm tỉnh khác. Đó là nguồn gốc Nước Tòa Thánh (756-1870), một thế lực và cũng là nỗi khổ lâu dài của Giáo hội.

Với nước Anh, Đức Grêgorio đã đào tạo một số nô lệ Anglo để phái về quê giảng đạo, nhưng thất bại. Sau ngài cử thánh Augustino viện phụ (+605) cùng 40 đan sĩ đi truyền giáo. Ngài đưa ra các chỉ thị khôn ngoan về thích nghi : "Đừng phá các chùa chiền, chỉ cần dời những tượng thần, rảy nước thánh hóa, xây bàn thờ và đặt xương thánh lên trên. Với các đền thờ kiên cố, chỉ cần chuyển việc thờ thần qua việc phụng tự Thiên Chúa... Người dân sẽ dễ dàng tụ tập tại những nơi cha ông họ thường lui tới". Chỉ trong vài chục năm (597-680) bầy nước thuộc Anh đã tòng giáo.

Ái Nhĩ Lan, đảo các thánh, ghi đậm dấu chân thánh Patricio (+461) kiên nhẫn thuyết phục các tù trưởng, thầy pháp và các thi sĩ. Thánh Columban (+615) hoàn tất việc truyền giáo tại đây, lập nhiều đan viện, cung cấp nhiều vị thừa sai cho Châu Âu lục địa, để cùng với các đan sĩ Anglo hoạt động tại Ý, Hà Lan, Đan Mạch, Na Uy...

Riêng Đức quốc], luôn ghi nhớ công ơn thánh Bonifacio (+755). Nhờ tài tổ chức thánh nhân đã biến những đồng lầy thành làng mạc trù phú, chọn vị trí đặt Tòa giám mục và Đan viện. Chẳng bao lâu các vùng đó trở thành những đô thị lớn và quan trọng.

Dần dần ở Tây Âu, văn hóa Kitô giáo ngoài yếu tố Hy Lạp, thu nhận thêm các đặc tính German. Số giáo xứ miền quê gia tăng nhanh chóng ảnh hưởng đến niềm tin "binh dân" của tín hữu : các lễ cầu mùa, khăn cầu phép lạ, thờ kính các thánh...

2.2. Khối Slaves theo đạo

Ngay khi khối Slaves vừa định cư ở Đông Âu (T.kỷ VIII) cả hai phía Hy Lạp - La tinh đều chung sức đem Tin Mừng đến cho các dân tộc này. Các thừa sai Đức từ Bavière đến truyền giáo ở Bohême và Moravie. Trong khi đó, giáo chủ Constantinople, theo yêu cầu của một

ông hoàng xứ Moravie, đã gửi đi hai anh em quê thành Thessalonica biết rành tiếng Slaves là Methodo và Cyrillo (863).

Đến nơi hai vị này sáng lập mẫu tự Slave theo Hy ngữ, dịch Kinh Thánh và Phụng vụ ra ngôn ngữ địa phương. Các giám mục Bavière phản đối vì cho rằng phụng vụ chỉ được phép cử hành bằng ba ngôn ngữ ghi trên đầu Thánh Giá là Do thái, Hi Lạp và La tinh (Ga 19,20). Hai anh em liền về Roma và được đức Gioan VIII cho phép. Theo ngài thì "chớ gì Lời Kinh Thánh được hoàn tất, chớ gì mọi ngôn ngữ đều chúc tụng Thiên Chúa". Thánh Cyrillo qua đời tại Roma. Thánh Methodo được đặt làm tổng giám mục Moravie. Sau khi ngài qua đời, các giám mục German xúi giục đức Stephano V kết án phụng vụ Slave (năm 885).

Tại Bungari, vua Boris theo đạo năm 864, nhưng có khuynh hướng Giáo hội độc lập. Năm 866 đức Nicolas I cử hai giám mục Formosus và Paulus, đặt tòa ở Bungari. Năm 870, Vua lại xin Byzantin đặt nhiều giám mục Hy Lạp. Sau 885, Vua tiếp nhận các môn đệ thánh Methodo tị nạn và phổ biến phụng vụ tiếng Slave. Thái tử Vladimir dự định đưa dân trở lại thần giáo, vua liền truất quyền và truyền ngôi cho con thứ. Sau cùng vua Simeon hoàn tất việc lập tòa giáo chủ tại Achrida năm 918.

Tại Ba Lan, khi tướng Miezko (960-992) xin rửa tội theo vợ là Dombrowska năm 966, cả nước cùng theo đạo. Kế vị ông, Boleslas I đã xin lập tòa giám mục năm 1000. Nhưng sau đó, ở Ba Lan có phong trào trở lại thần giáo cho đến khi Vua Casimir I tổ chức Giáo hội ổn định năm 1040.

Hungari theo đạo muộn hơn (năm 1001), nhưng phát triển nhanh và vững chắc nhờ vua thánh Stêphano. Nhà vua và con trai Emeric, sau được đức Gregorio VII suy tôn hiển thánh.

Riêng tại nước Nga Kiev, nữ Công Tước Helena Olga đã được rửa tội tại Constantinople năm 957. Bà không ngừng cầu xin cho dân Nga được ân thánh cảm hóa. Năm 988, cháu nội của bà là Wladimir đã hô hào toàn dân xuống sông Dniepr để tiếp nhận lễ rửa tội. Vua Wladimir tự chọn theo giáo chủ Byzantin vì ưa thích phụng vụ Constantinople hơn, và vì muốn học theo văn minh của khu vực này, đang khi tình hình chung của Tây Âu bị xuống dốc.

III. GIÁO HỘI THỜI CAROLO

3.1. Hoàng đế Charlemagne

Sau khi Charles Martel đẩy lùi quân Á-Rập ở Poitiers năm 732 và Avignon năm 737, ông bắt đầu triều đại Carolingien (751-987) thay thế triều đại Mérovingien. Con trai ông là Pépin Le Bref được đức Stêphano II xức dầu năm 754 tại nhà thờ Saint Denis, sẽ đem quân cứu Roma khỏi quân Lombard và tặng cho ngài Nước Tòa Thánh. Giáo hoàng trở thành vua dưới sự bảo trợ của Vua Pháp.

Hoàng đế Charlemagne (768-814) hoàn tất tham vọng của tổ tiên là tái lập đế quốc Tây phương. Hoàng đế đuổi người Á-Rập khỏi vùng Bắc Tây Ban Nha, cưỡng bách dân Saxe theo đạo (785). Đức Leo III, sau khi nhờ Charlemagne minh oan đã gọi Hoàng đế chìa khóa Đền thờ Pherô và hiệu kỳ Roma.

Năm 800, ngài đặt vương miện vàng cho Hoàng đế trước mộ thánh Phêrô, đưa ông lên đỉnh cao danh vọng. Biến cố đánh dấu việc Roma thoát ly khỏi ảnh hưởng chính trị của Byzantin.

Tòa Thánh bắt tay với nhà Carolo. Một xã hội mới bắt đầu với hai thủ lĩnh là Giáo hoàng và Hoàng đế, cùng đại diện Thiên Chúa để phục vụ con người.

3.2. Tổ chức, sinh hoạt Giáo hội

Charlemagne đồng hóa tôn giáo với chính trị. Ông coi truyền giáo là mở rộng biên cương và bênh vực đạo là bảo vệ xã tắc. Dân phải trung thành với Hoàng đế lẫn Giáo Hoàng. Vua chọn các giám mục và đan viện trưởng như các viên chức cao cấp của triều đình. Giáo hội chỉ giữ hai đặc quyền : đặt vương miện cho hoàng đế, quyền đề cử và truyền chức. Dân chúng tại Saxe bị cưỡng bách giữ đạo, dù rằng họ sẽ bỏ đạo, khi triều đình không còn mạnh như trước.

Điều tích cực nhất của Charlemagne là đẩy mạnh phong trào văn hóa. Ông mở hàn lâm viện ở Aix la Chapelle mà đa số thành viên là các đan sĩ. Các vị này là cố vấn Hoàng đế, đã ảnh hưởng không nhỏ đến luật lệ trong nước. Thế nhưng Thánh Benedicto d'Anian phải cố gắng lắm để lấy lại được truyền thống bầu đan viện trưởng. Ngoài ra Charlemagne còn buộc dùng La ngữ trong các trường. Giáo hội ủng hộ ông và đi tiên phong trong việc giáo dục, tổ chức đào sâu hơn về Kinh Thánh, Giáo Phụ và Phụng Vụ. Thần học nhờ đó tái xuất hiện.

Phụng vụ Giáo hội có một số thay đổi : thống nhất cử hành bằng La ngữ dù dân không mấy người hiểu. Họ tham dự như dự những cuộc lễ bí mật, long trọng và thiêng thánh. Các nghi thức chữ đỏ đều thành luật như việc dùng bánh không men, linh mục dâng lễ quay lên (hướng Đông). Việc xưng tội riêng được các đan sĩ Ái Nhĩ Lan phổ biến.

Ngoài lợi tức ruộng đất, Giáo hội còn có ngân khoản thuế thập phân (1/10 lợi tức) thường được chia ba : cha sở một, giáo xứ một, còn lại để giúp người nghèo. Giáo hội, nhất là các đan viện, đảm nhiệm nhiều cơ sở cứu tế xã hội và bảo đảm công ăn việc làm cho nhân dân trong vùng.

Tuy nhiên, càng liên kết với nhà Carolo, hai Giáo hội Đông - Tây càng xa nhau hơn, vì phía Constantinople chỉ coi Charlemagne là kẻ tiếm quyền

TOÁT YẾU

1. Đầu thế kỷ V đế quốc Tây Roma bị xâm chiếm bởi các sắc dân phía Bắc (German : Franc, Anglo-Saxon, Suève, Lombard...) và phía Đông (Hung Nô). Thế kỷ VIII, các sắc dân Slave (Russo, Tiệp, Bungar...) ổn định tại Đông Âu. Năm 476, Odoacre truất phế hoàng đế Romulus. Đế quốc Đông phương vẫn tồn tại đến thế kỷ XV.

Trong hoàn cảnh đó, các Giám mục có vai trò rất quan trọng để định hướng cho lịch sử. Từ những nhà bảo vệ đô thị, các vị ổn định nhân tâm, bênh vực người khốn khổ hoặc trung gian hòa giải với những ông chủ mới.

2. Từng khối dân đón nhận Tin Mừng.

Giáo hội đã cảm hóa từng dân tộc : giai đoạn đầu nhờ uy tín các Giám mục, nhờ trung gian các nữ hoàng hoặc do phép lạ khiến nhà vua đón nhận Tin Mừng kéo theo cả khối dân theo đạo; giai đoạn sau nhờ các đan sĩ nhiệt tình, cảm hóa nhân tâm bằng tài thuyết giảng, bằng gương sáng và nhất là qua tổ chức đan viện nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của họ.

3. Giáo hội thời Carolo

Năm 800, Charlemagne được xưng đế phong hoàng đế mở đầu một giai đoạn mới. Từ nay Giáo hội Tây Âu có hai thủ lĩnh là Giáo Hoàng và Hoàng đế. Hoàng đế xen vào nội bộ, chức sắc Giáo hội, ngược lại Giáo hội có hoàn cảnh đóng góp đặc biệt trong mọi tổ chức văn hóa lẫn kinh tế. Latinh trở thành ngôn ngữ chính thức.

Bối cảnh phát sinh Chính Thống Giáo BỐI CẢNH PHÁT SINH CHÍNH THỐNG GIÁO (Thế kỷ IX - XI)

I. GIÁO HỘI THỜI PHONG KIẾN TÂY ÂU

1.1. Sự tan rã của đế quốc Carolo

Qua hòa ước Verdun năm 843, đế quốc Charlemagne bị chia ba cho ba người con trai của vua Louis Mộ Đạo. Phần của vua Charles le Chauve sau là nước Pháp, phần của Louis sau là nước Đức, còn vùng Lotharingie của Lothaire trải dài từ Bắc xuống Nam Ý. Chế độ chư hầu được thay bằng chế độ phong kiến cát cứ. Nhà vua không có thực quyền trên đất các lãnh chúa khác. Mỗi ông hoàng làm chủ một khu vực với toàn quyền xây dựng, tổ chức quân đội, để tự bảo vệ đất của mình và bành trướng ảnh hưởng khi có thể.

Đã thế, Tây Âu còn gặp những cuộc xâm lăng mới. Phía Bắc, dân Normand tràn xuống. Phía Đông, dân Magyar và Hungare lần chiếm đến tận Bourgogne và lập ra nước Hungari (906). Mạn nam nhóm Sarrasins (Hồi Giáo) làm chủ tỉnh hình bờ biển Italia và tỉnh Provence gần một thế kỷ (888-975), từng bắt cóc đan viện phụ Maieul dòng Cluny để làm con tin.

Đức Gioan VIII (872-882) nỗ lực củng cố vương quyền cho vua Pháp (875) nhưng Charles le Chauve chỉ làm hoàng đế được hai năm, còn Charles le Gros thì bắt lực trước các cuộc xâm lăng. Từ nay, ngôi Giáo hoàng bị giới quý tộc Roma chi phối cho đến khi thành lập đế quốc La-Đức năm 962.

1.2. Sự lộng hành của quý tộc Roma

Cuối thế kỷ IX, ngôi Giáo hoàng bị ông hoàng xứ Spoleta quấy nhiễu. Vì đức Formoso (+896) trao vương miện cho Arnulf người Đức thay vì Lambert người Spoleta, ông vu cáo ngài lên ngôi bất hợp pháp. Đức Stephano VI bị ép lập tòa xử. Nạn nhân bị đào mồ, đưa ra tòa xử, bị tuyên án truất chức và thả xác trôi sông. Chưa đầy hai năm (896-898) Giáo hội có đến sáu giáo hoàng. Về sau đức Formoso được đức Gioan IX (898-900) phục hồi lại danh dự.

Đầu thế kỷ X, giáo triều bị chi phối bởi hai mẹ con bà Theodora và Marozia, là vợ và con gái Theophilaco, người nắm toàn quyền hành chính lẫn quân sự ở Roma từ năm 900-915, Marozia tư tình và có con với Sergio III (+911). Chính bà đã cho thủ tiêu Gioan X (914-928) vì ngài chống bà, rồi đưa lên ngôi hai giáo hoàng ngắn hạn. Năm 931, bà cho con ngoại hôn với Sergio lên ngôi giáo hoàng là Gioan XI. Chồng bà, Albêric (+932) cũng là quan toàn quyền. Khi bà tái hôn lần thứ ba, con trai bà là Albêric II nổi dậy, bắt giam mẹ và Gioan XI vào ngục tối. (Một vài sử gia đặt ra chuyện nữ Giáo hoàng Gioanna vào thời kỳ này, nhưng không có bằng chứng đầy đủ).

Albêric II (+955) đưa lên ngôi giáo hoàng năm vị. Ông có công cộng tác với đức Lêo VII và thánh Odon để mở mang dòng Cluny. Nhưng cuối cùng ông cho con trai là Octavian mới 18

tuổi lên chức vị giáo hoàng, lấy hiệu Gioan XII (955-964). Toàn thể Roma chán nản về đòi hỏi của vị giáo hoàng bất xứng này. Dầu sao, đức Gioan XII cũng chấm dứt được giai đoạn "70 năm với 20 giáo hoàng" qua biến cố thành lập đế quốc La Đức.

1,3. Thánh đế quốc La Đức (962-1806)

Đế quốc La Đức khởi đầu bằng nghi thức phong vương cho Otton I (936-973). Tương tự thời Carolo, hoàng đế sẽ được Giáo hoàng đặt vương miện và được mọi người tuyên thệ trung thành. Việc bầu giáo hoàng phải được hoàng đế chấp thuận. Hoàng đế cũng nhận giải quyết những tranh chấp trong nội bộ Giáo hội. Tuy nhiên, đế quốc La Đức không có quyền hành tập trung như thời Charlemagne. Các vùng Anh, Pháp, Tây Ban Nha vẫn đứng ngoài đế quốc.

Từ 962-1056, đế quốc La-Đức được cai trị bởi những hoàng đế rất "đạo đức". Các ông quan niệm hoàng đế và giáo hoàng phải chung lo hạnh phúc của người dân đời này lẫn đời sau. Dưới thời đức Sylvestre II (999-1003), hoàng đế Otton III đã thiết lập một đế chế liên hiệp các dân tộc độc lập tự ý thống nhất dưới quyền giáo chủ Roma. Nước Hungari của vua Stêphano và Ba Lan của vua Boleslas vui vẻ sát nhập mà không bị lệ thuộc thế lực nào.

Trong bối cảnh được nâng đỡ đó, Giáo hội Đức bước vào thời hoàng kim với nhiều đại thánh đường, các dòng tu phát triển, đức tin lan rộng đến Ba Lan, Bohemia cũng như ở nhiều nước Bắc Âu như Na Uy, Thụy Điển ... Thế nhưng giới quý tộc Ý vẫn còn chi phối ngôi giáo hoàng. Sau năm 962, dòng họ Theophilaco cũng có ba giáo hoàng (Benedicto VIII, Gioan XIX và Benedicto IX), ba giáo hoàng khác bị dân Ý ám sát là Benedictô VI, Gioan XIV và Damaso II. Mãi đến năm 1059, đức Nicolas II, theo đường hướng các vị tiền nhiệm, dành lại quyền bầu giáo hoàng cho Hồng y đoàn, sẽ là khúc ngoặt mới trong lịch sử Giáo hội.

1,4. Giáo hội thời phong kiến

Do tác động của xã hội, tổ chức của Giáo hội cũng pha màu phong kiến : mỗi chức vụ thường kèm theo đất đai, bổng lộc, tước lãnh chúa (lớn hoặc nhỏ), quyền tài phán trong vùng và quyền lập quân đội. Vì thế, chức vụ Giáo hội trở thành món mồi hấp dẫn và việc tuyển chọn giáo sĩ phát sinh nhiều lạm dụng. Vì thường giám mục không có con thừa kế, nên khi ngài qua đời là có chuyện lộn xộn, tranh dành. Ông hoàng chịu trách nhiệm chọn giám mục mới ít khi dựa theo những tiêu chuẩn thuần túy tôn giáo.

Hậu quả của cơ chế trên thật tai hại. Có ông hoàng chỉ muốn có một giám mục là hiệp sĩ tài ba, có ông dành ghế giám mục cho con cháu thân thích, hoặc tệ hơn nữa, dành cho ai trả nhiều tiền hơn. Tội "mại thánh" gia tăng (Tội Simonie, Cv 8,20), kéo theo tình trạng phóng đảng ngay trong hàng giáo sĩ... Các giáo hoàng giữa thế kỷ XI sẽ phải dùng nhiều biện pháp để thoát ra khỏi tình trạng bi đát này.

Dầu sao Ánh Sáng của Phúc Âm vẫn không chịu để bị che khuất trong bất cứ hoàn cảnh nào. Nhiều viên chức Giáo hội đứng ra hòa giải các ông hoàng. Các ngài nhắc nhở giới quý tộc sống công bằng bác ái (thường được vâng lời, ít là theo nguyên tắc), bênh vực phụ nữ (chống ly dị, chống ngoại tình và quyền ưng thuận trong hôn nhân), cấm cho vay nặng lãi. Nếu Giáo hội do bối cảnh lịch sử, chấp nhận ba hạng người trong xã hội để "cầu nguyện, cầm gươm và lao động", thì giới cùng đinh trong xã hội là các nông nô vẫn có quyền sở hữu và có gia đình riêng.

Đặc biệt để giảm bớt bạo lực của các vương hầu, Giáo hội đã có nhiều sáng kiến hòa bình qua việc kêu gọi :

- * Hòa bình Thiên Chúa: tha cho kẻ đầu hàng, yếu thế, hạn chế việc đánh lén.
- * Ngày hưu chiến (từ 1017) : cấm chiến tranh một số ngày trong tuần và trong các đại lễ.
- * Tinh thần hiệp sĩ : bằng các nghi thức tôn giáo để thánh hiến, người hiệp sĩ tuyên thệ trừ gian, diệt bạo, bênh vực kẻ cô thế cô thân ...

II. TỪ KHÁC BIỆT ĐẾN CHÍNH THỐNG GIÁO

Việc xuất hiện Chính Thống Giáo năm 1054, bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân xa và gần. Ngoài những dị biệt về tín-lý còn có vấn đề văn hóa, quyền hành lẫn với chính trị.

2,1. Những nguyên nhân làm xa nhau

Hố ngăn cách giữa hai Giáo hội Đông-Tây không ngừng được đào thêm từ biển cổ Roma sụp đổ năm 476, việc sử dụng hai ngôn ngữ khác biệt (Hy Lạp - La Tinh) và việc thiếu giao lưu văn hóa khiến hai bên càng ngày càng khó hiểu nhau hơn.

a. Nhìn từ phía Đông phương :

Giáo hội Hy Lạp gắn bó hơn với Constantinople, thủ đô còn lại của đế quốc Roma. Họ không thích Roma can thiệp vào nội bộ. Họ coi dân Tây Phương là man di, vô đạo, thô kệch. Họ phản đối việc các giáo hoàng ủng hộ đế quốc Carolo và La Đức. Đông Phương duy trì phụng vụ của Giáo hội thuở xưa, phản đối những kỷ luật mới do Roma lập ra như việc dùng La ngữ, luật giáo sĩ phải cạo râu ... Giáo hoàng dưới mắt Đông Phương chỉ có ưu thế danh dự. Mỗi địa phương phải có quyền độc lập của mình. Thời phong kiến, họ càng coi thường Giáo hoàng, văn hóa và Hoàng đế Tây Phương hơn nữa.

b. Nhìn từ phía Tây phương :

Các giáo hoàng ngày càng được đề cao theo vai trò kế vị thánh Phêrô. Không thể chấp nhận các hoàng đế Đông phương, dù cho thiện ý, áp đặt giáo lý và kỷ luật cho Giáo hội. Tây phương qua đó nói Giáo hội Đông phương bị tục hóa theo tà đạo. Họ coi phía Hy Lạp đã mất gốc, yếu đuối lại hay "chè sợi tóc làm tu" tranh luận từ ngữ thần học. Việc thống nhất phụng vụ trong nghi lễ và ngôn ngữ là sự thống nhất của Giáo hội đã bị Đông phương coi thường, phản đối, gây chia rẽ.

2,2. Nhiều xung đột giai đoạn

Tất cả những lý do trên quyện lẫn vào nhau trong nhiều xung đột giai đoạn. Chúng ta chỉ lướt qua những biến cố chính :

a. Công đồng Constantinopoli II (553) :

Hoàng đế Juliano áp lực công đồng kết án BA ĐOẠN của ba thần học ở Công đồng Calcêdonia (Theodorus, Theodoret, Ibas) là theo lạc giáo Nestorio. Đức Vigilio bị ép buộc châu phê bản án, nhưng ngài vẫn cương quyết phạt vạ những ai chống công đồng Calcêdonia.

b. Công đồng Constantinopoli III (681) :

Công đồng lên án thuyết Đức Kitô "một ý chí, một hành động" của Sergius, giáo chủ Constantinople, chấm dứt 60 năm tranh luận. Thế nhưng, hoàng đế Constans II, trước đã kết án lưu đày chung thân đức Martinô I (+655) nay trong công đồng, lại gán cho đức Honorio I tội đồng lõa với Sergius.

c. Việc phá ảnh tượng (726-843)

Hoàng đế Lêo III, trước thái độ thờ kính ảnh tượng thái quá của dân chúng, ông cho hủy bức ảnh Đức Kitô trên cửa hoàng cung và cho lệnh hủy tất cả ảnh tượng. Thay vì kiên nhẫn giáo dục, ông rơi vào cực đoan khác là cấm đoán. Cũng có thể ông chịu ảnh hưởng Hội Giáo cấm thờ tượng ảnh, hoặc muốn giảm bớt ảnh hưởng của các đan sĩ, những người bênh vực ảnh tượng.

Việc phá ảnh tượng tàn bạo nhất dưới thời hoàng đế Constantin V (741-775). Nhiều đan sĩ đã chịu bách hại và tra tấn. Năm 787, nữ hoàng Irene triệu tập Công đồng Nicêa II : chính thức cho phép tôn kính ảnh tượng. Thế nhưng cuộc bách hại tuy kém ác liệt hơn đã tái diễn từ năm 813 cho đến hội nghị Giám mục Constantinople năm 843 mới chấm dứt hẳn. Roma bắt tay với nhà Carolo trong giai đoạn này.

d. Giáo chủ Photius và vấn đề Bungari

Được hoàng đế Michael III đặt làm giáo chủ Constantinople, thay thế giáo chủ Ignatio vẫn đang sống, Photius (858-891) bị đức Nicolas I phủ nhận. Ông liền họp các giám mục để đô năm 865 đòi cách chức Giáo hoàng, tuyên bố Giáo hội độc lập, bác bỏ nhiều tập tục Tây phương như vấn đề giữ chay, việc dâng lễ với bánh không men, luật độc thân giáo sĩ, việc thêm Filioque vào Kinh Tin Kính (Chúa Thánh Thần bởi Chúa Cha và Chúa Con mà ra). Đến khi hoàng đế Basilio I lên ngôi, Đức Hadriano II triệu tập công đồng Constantinople IV. Theo lời xin của vua Boris, công đồng đặt Giáo hội Bungari trực thuộc Giáo chủ đế đô.

Ngoài ra Chính Thống còn khác Giáo hội Roma nhiều điểm như : Dâng lễ bằng tiếng địa phương ; Giữ Alleluia trong mùa chay, linh mục ban thêm sức cho trẻ em ngay khi rửa tội, giữ chay phải kiêng trứng và bơ, cấm ăn huyết thú vật, giáo sĩ để râu, cấm biểu tượng Chúa Kitô hình con chiên, và tin bánh trở nên Mình Chúa qua lời cầu xin Chúa Thánh Thần.

Sau khi Giáo chủ Ignatio qua đời, Photius được chính thức kế vị, được đức Gioan VIII nhìn nhận với điều kiện trả Bungari về quyền Roma. Phái Hy Lạp họp công đồng thứ tám của Chính Thống cũng gọi Constantinopoli IV (879-880), quyết định bỏ chữ Filioque trong kinh Tin Kính. Năm 886, hoàng đế mới là Leo VI hạ bệ và quản chế Photius trong một đan viện rồi đưa hoàng thân Stêphanô 16 tuổi lên làm giáo chủ. Vị này chính thức thiết lập tòa giáo chủ Bungari năm 918. Hơn một thế kỷ sau, Photius được di hài cốt cách trọng thể về đế đô, được đề cao như người bảo vệ quyền giáo chủ Hy Lạp và được kính như một vị thánh.

2,3. Cuộc đổ vỡ năm 1054

Giáo chủ Michael Cerularius nhận chức (1043-58), không báo cho Roma như thông lệ, lại còn mở chiến dịch đả kích các nghi lễ và kỷ luật Tây phương nữa. Thế nhưng vì hoàng đế Constantinus IX và đức Lêo IX đang cùng nỗ lực hòa giải hai phe Đông-Tây trước kẻ thù chung là Normand, nên Cerularius phải viết thư giao hảo với Roma. Mọi người đều thấy nhu

cầu thống nhất về tôn giáo, tiếc rằng hai nhân vật đứng ra hòa giải không phải là mẫu người cần thiết.

Hồng y Humbertô dẫn đầu phái đoàn của Roma đến Constantinople vào tháng 3-1054 và ở lại bốn tháng để tranh cãi, sửa bảo và phê bình. Ngày 16-7-1054 tại thánh đường Sophia hồng y đặt lên bàn thờ bản vạ tuyệt thông M. Cerularius, rồi phủ bụi chân ra đi ngay hôm sau. Bản vạ của Humberto chứng tỏ sự thiếu hiểu biết của tác giả. Nhiều điều kết án không có nền tảng, gán cho đối phương đủ thứ tội như mại thánh, Nicolaism, Manikeism ... Tác giả không hiểu nổi "Maranatha" là Lạy Chúa xin hãy đến, ông xử dụng như lời chúc dữ (Có lẽ Humberto căn cứ theo ICr. 16,22 : "nếu ai không yêu mến Chúa, kẻ ấy bị nguyên rủa, Maranatha"). Hơn nữa hồng y Humberto không có thực quyền đại diện vì đức Lêo IX đã băng hà ngày 19-4.

M. Cerularius liền chộp lấy thời cơ. Dân chúng Byzantin sẵn sàng bênh vực giáo chủ mình. Bản sao tờ vạ tuyệt thông được đem đốt (cắt lại bản chính). Ngày 24-7, Cerularius và 12 giám mục Đông phương họp công đồng kết án Giáo hội Roma, tuyên bố Giáo hội Chính Thống là Giáo hội qui tụ quanh hoàng đế và Giáo chủ Constantinople. Thế nhưng, năm 1058, hoàng đế Isaac e ngại uy thế của Giáo chủ đã ra lệnh bắt giam và kết án lưu đày. Ngài qua đời trước khi bản án thi hành.

2.4. Những nỗ lực hòa giải

Không ai ngờ, 1054 trở thành thời điểm phân chia dứt khoát Đông-Tây. Các cuộc Binh Thánh Giá sẽ mở rộng thêm hố sâu chia rẽ. Những công đồng Lyon II (1274) và Florencia (1438) chỉ là những thỏa ước nặng về chính trị, thiếu bền vững, và vì thiếu chuẩn bị dư luận nên bị các tín hữu đông phương tẩy chay. Việc Hồi quân chiếm Constantinople năm 1453 lại càng tô đậm nét ranh giới phân rẽ hơn nữa.

Thế nhưng, giáo huấn Tin Mừng không cho phép để tình trạng xa nhau mãi như vậy. Nhiều nỗ lực mới của cả hai phía nhắm đến việc đại kết. Bản tuyên bố chung của đức Phaolô VI và giáo chủ Athenagoras sát ngày bế mạc công đồng Vatican II (7-12-1965), tỏ ra tiếc về biến cố 1054 và những thái quá trong dĩ vãng, đã khai mở một giai đoạn mới trên con đường đại kết này.

TOÁT YẾU

1. Giáo hội thời phong kiến Tây Âu :

Sau hòa ước Verdun 843, đế quốc Carolo bị chia ba rồi tan rã do các cuộc xâm lăng mới. Thời phong kiến cát cứ bắt đầu. Từ đó, ngôi giáo hoàng bị chi phối bởi giới quý tộc Roma : họ ủng hộ vị này, kết án và lật đổ vị khác. Từ 896-965 có đến 20 vị giáo hoàng.

Năm 962, Gioan XII phong vương cho Otton I, khởi sự đế quốc La Đức. Hoàng đế La Đức ủng hộ Giáo hội nhưng cũng hay xen vào nội bộ Giáo hội, cho đến năm 1059 đức Nicolas II mới dành lại được quyền bầu Giáo hoàng cho hồng y đoàn.

Trong bối cảnh phong kiến đó, nhiều chức vụ Giáo hội bị tranh giành, mua bán và bị lệ thuộc vào các ông hoàng. Tuy nhiên Giáo hội vẫn góp phần không nhỏ trong việc Phúc Âm hóa

môi trường, đặc biệt qua luật Hòa Bình Thiên Chúa, việc kêu gọi hưu chiến và cổ vũ tinh thần hiệp sĩ, phục vụ công lý của Chúa, trừ gian diệt bạo.

2. Từ khác biệt đến Chính Thống Giáo

Ngoài dị biệt về ngôn ngữ Hy-La, hai Giáo hội Đông-Tây còn chịu nhiều tác động khác như :

- * Xung đột giữa Byzantin với hoàng đế Carolo và La-Đức
- * Khuynh hướng độc lập hay thống nhất về nghi thức
- * Sự sa sút văn hóa Tây Âu thế kỷ IX - X
- * Sự can thiệp của thế quyền vào ngôi Giáo Hoàng
- * Quan niệm khác nhau về quyền Giáo hoàng.

Những khác biệt ấy đã làm nảy sinh nhiều xung đột giữa Đông và Tây : qua việc kết án Ba Đoạn (553), những tranh luận về thuyết Đức Kitô một ý chí (681), việc phá tượng ảnh kéo dài hơn một thế kỷ, việc đặt Giáo chủ Photius và quyền độc lập hai bên của Giáo hội Hungari.

Cuối cùng năm 1054, đúng lúc hai bên muốn hòa giải, thái độ của hồng y Humberto và giáo chủ Cerularius đã dẫn đến ly giáo dứt khoát. Đến năm 1965, Đức Phaolô VI và giáo chủ Athenagoras đã hủy bỏ hết các vạ tuyệt thông trước đây. Cánh cửa đại kết hiện đang mở rộng.

Bối cảnh phát sinh Chính Thống Giáo
BÀI ĐỌC THÊM

CHƯ HẦU VÀ PHONG KIẾN

* Chế độ chư hầu : Vị chủ tướng, sau khi chiến thắng, thường chia đất cho các tướng lĩnh của mình. Những vị này hoàn toàn chỉ là chư hầu : Cuộc cải cách Bénéficiam của Charlemagne xác định họ không có quyền trao đất cho con cái mình, họ phải tuyên thệ trung thành, hứa dưng các hội nghị khi được triệu tập và đóng góp quân lính khi được yêu cầu.

* Chế độ phong kiến : Các chức vị được phân ra nhiều cấp như công, hầu, bá, tử, nam. Một hiệp sĩ chẳng hạn, khi tuyên thệ trung thành với một bá tước, anh chỉ vâng lời ông ta, không cần để ý đến ai khác dù là người có chức vị cao hơn.

Một người có lãnh thổ riêng, quen được gọi là lãnh chúa. Ông có toàn quyền về kinh tế, chính trị, tôn giáo, là chủ cả ao hồ, núi rừng. Ông có quyền đánh thuế chợ, thuế đánh cá, thuế chăn nuôi... Khi chết ông có quyền chia đất thừa kế cho con cháu

HỒNG Y ĐOÀN THỂ KỶ X

Thực chất hồng y đoàn thể kỷ X chỉ là hàng giáo sĩ Roma khoảng 40 vị : 7 hồng y giám mục, 7 hồng y phó tế, còn lại là các hồng y linh mục. Ngày 13.4.1059 thời đức Nicolas II, các vị xác định văn bản sau:

"Chúng tôi quyết định, khi giáo hoàng qua đời, các hồng y lo tìm người kế vị rồi mới thông báo cho mọi người (và hoàng đế) biết. Sẽ chọn người ở Roma, nếu không ai có khả năng mới chọn người ở vùng khác"

BA GIAI CẤP XÃ HỘI PHONG KIẾN

Xã hội tín hữu chỉ có một hạng người, nhưng trong quốc gia thì có đến ba. Vì trong luật khác, luật của con người, được phân chia thêm hai hạng người khác nữa : quý tộc và nông nô không cùng chung một quy chế. Hai nhân vật đứng trên hết : đó là vua và hoàng đế; nhờ sự cai quản của các vị mà quốc gia được bảo đảm bền vững. Có những người khác có địa vị đặc biệt, đến nỗi họ không bị bất cứ quyền lực nào chi phối, miễn là họ tránh các tội phạm. Đó là các chiến sĩ, những người bảo vệ Giáo hội; họ là những người bảo vệ dân, cả lớn lẫn nhỏ, tất cả, đồng thời bảo vệ an toàn bản thân.

Giai cấp khác nữa là hạng nông nô : những kẻ khốn khổ này chỉ có những gì do công sức lao động đem lại. Ai có thể dùng báng cộng mà đếm nổi bao lo toan của họ, bao chặng đường dài, bao công việc vất vả ? Tiền bạc, quần áo, thức ăn, đều do nung nô cung cấp cho mọi người ; không một người tự do nào có thể sống nếu không có hạng nông nô.

Nhà Chúa, mọi người đều tin là chỉ có một, nhưng được chia làm ba : người này cầu nguyện, kẻ khác chiến đấu, kẻ khác nữa lao động. Ba thành phần cùng sống chung này không thể tách rời nhau được ; công việc của thành phần này là điều kiện để hai thành phần còn lại hoạt động; mỗi thành phần theo lượt mình có nhiệm vụ nâng đỡ toàn thể. Như thế cộng thành ba thành phần này không thể thiếu một ; chính nhờ đó luật pháp được tôn trọng và thế giới an hưởng thái bình".

(Adalbéron, Poème au Roi, l'An Mille, p224 - JC. Đề đọc LSGH I tr. 136)

CHUYỆN GIÁM MỤC Ở MANS THẾ KỶ X

Lãnh Chúa Mainard giám mục (951-971) thuộc hàng quý tộc, anh em với tử tước thành Mans. Sống giữa đời ông có nhiều con trai và con gái. Không ai coi ông là giáo sĩ mà chỉ là một giáo dân thường. Thế nhưng, vì thành phố đã lâu thiếu giám mục và vì nhiều người muốn bỏ tiền ra mua chức vị, nên vị tử tước liền chọn điều yếu đuối để quật ngã kẻ mạnh, chọn Mainard làm giám mục, dù biết rõ ông mù chữ và dốt nát, để hợp như lời kinh thánh : què mùa mà khiêm tốn giá trị hơn hiểu biết mà kiêu ngạo. Với sự đồng ý của nhà vua và hàng giáo sĩ Ông được chọn làm giám mục vì sự khiêm tốn và đơn sơ

Sau khi giám mục Mainard qua đời, ông Sifroi, kẻ có đời tư đáng trách về mọi mặt đã chiếm tòa giám mục. Ông làm tiêu tan những gì vị tiền nhiệm đã xây dựng. Mà thực ra, ông đã phá giáo phận từ trước khi thụ phong. Ông tặng cho bá tước Foulques thành Anjou một phần đất của giáo phận, để nhờ vị này can thiệp với vua Pháp cho ông làm giám mục !

Đến sau, khi nhận thức những lỗi lầm của mình, ông tỏ ra khóc than về tội mình. Nhưng than ôi ! Ông lại phạm tội nặng hơn nữa khi quan hệ với một phụ nữ ... Bà cho ông một cậu con trai tên là Aubri, khi cậu đã trưởng thành, ông trao cho cậu toàn bộ tài sản của địa phận.

(Xc Latouche, Le film de l'histoire médiévale. JC, Đề đọc LSGH I,p.135)

ĐÓNG GÓP CỦA GIÁO HỘI THỜI PHONG KIẾN

1/ Chính sách hòa bình : Với đề nghị của nhiều giám mục, các lãnh chúa nhiều nơi chấp nhận quyền nhận hay không nhận lời thách đấu của các thành phố hoặc hiệp sĩ; cấm đánh lén và phải báo trước để đối phương chuẩn bị.

2/ Ngày hưu chiến : Đức Gioan XV là người đầu tiên đưara sáng kiến về ngày hưu chiến trong cuộc chiến giữa vua Anh và ông hoàng Normandie. Tuy khi đó thất bại, nhưng ngài đã mở ra một truyền thống mới

- Công đồng Elné 1017 buộc ngưng chiến từ 9 giờ sáng thứ bảy đến 1 giờ sáng thứ hai để mừng Chúa sống lại

- Công đồng Nice 1041 : buộc ngưng chiến từ chiều thứ tư đến rạng sáng thứ hai.

- Công đồng Narbonne kêu gọi ngưng chiến thêm mùa vọng, mùa chay, các tuần bát nhật và các đại lễ kính Chúa hoặc Đức Mẹ.

Tuy luật hưu chiến thường bị vi phạm, nhưng cũng góp phần ảnh hưởng không nhỏ giúp người chiến sĩ nhận thấy sự phi lý của chiến tranh.

3/ Phong trào hiệp sĩ : Từ thế kỷ XI, các hiệp sĩ đều được hướng dẫn sử dụng năng lực của mình để cứu nhân độ thế. Để gia nhập hàng ngũ hiệp sĩ, các chàng trai thường phải qua nhiều cuộc thử nghiệm năng lực và đức tính . Rồi sau một đêm canh thức cầu nguyện, anh sẽ có một nghi thức long trọng thánh hiến, được trao kiếm và áo giáp. Anh sẽ tuyên thệ bênh vực những người cô thế cô thân, cô nhi quả phụ, tuyên thệ góp phần trừ gian diệt bạo. Tinh thần hiệp sĩ tạo nên một lớp người "quân tử - võ sĩ đạo" tại thế giới Âu Châu.

ĐÀN SĨ NICÉTAS PHÊ BÌNH PHÍA LATINH

Những ai ăn bánh không men là vẫn sống dưới bóng luật cũ, là ăn tiệc Do thái chứ không phải dùng lương thực thiêng thánh của Đức Kitô (...). Làm sao các bạn hiệp thông với đức Kitô, Đáng hằng sống khi ăn bánh không men của Cựu ước, chứ không phải là men mới của Tân ước (..) Ai dám dạy người ta cắt đứt hôn nhân của linh mục (...).

Vậy thưa các bạn, các bạn hãy phân xét kỹ lưỡng vấn đề, xem chúng có theo nguồn mạch Do thái không ? Tôi muốn nói đến các cơn dịch cần loại bỏ là : ăn bánh không men, giữ chay thứ bảy và buộc linh mục độc thân.

(JC. Đề đọc LSGH I, p.138)

BẢN KẾT ÁN CHÍNH THỐNG

Do Hồng y Humbertô soạn năm 1054

... Còn về Michael, kẻ tiếm quyền giáo chủ và những kẻ thông đồng với con điên rồ của y, quả là đầu mối gieo rắc mỗi ngày các thứ lạc thuyết tại Constantinople. Như kẻ mại thánh, họ buôn bán ơn Chúa... Như nhóm Nicolaisme, họ cho các thừa tác viên bàn thánh cưới vợ... Như nhóm chống lại Thánh Linh, họ chối Thánh Linh nhiệm xuất bởi Chúa Con. Như bè Manikê, họ tuyên bố bánh có men mới có sinh khí ... Hơn nữa họ cho linh mục để tóc để râu, từ chối hiệp thông với thói quen tại Roma cạo râu và hót tóc.

Vì thế, không thể chịu nổi những sỉ nhục vô lý đối với đệ nhất tông tòa ... chúng tôi ký bản vạ tuyệt thông cho Michael và đồng đảng. Vạ do thánh giáo hoàng tuyên bố chống lại họ, nếu họ không hối cải, rằng : Michael, kẻ chiếm nhậm chức vị giáo chủ...và những ai theo y trong các tội kẻ trên đều bị vạ tuyệt thông, maranatha (?) với bọn mại thánh. Amen. Amen. Amen.

(JC,Đề đọc LSGH I,p139. - Theo Jugie, Le chisme Byzantin)

TUYÊN NGÔN CHUNG Đ. PHAOLÔ VI VÀ Đ. ATHENAGORAS

07.12.1965

"Giữa những trở ngại cho việc phát triển tình liên đới huynh đệ, lòng tín nhiệm và quý mến giữa Công giáo và Chính thống, có bóng dáng những kỉ niệm buồn, những quyết định và văn bản năm 1054, các bản vạ tuyệt thông.

Đức giáo chủ Phaolô VI và giáo chủ Athenagoras trong hội nghị đã cùng nói lên ước muốn được nhau cùng phục vụ công lý và hợp nhất đức ái các tín hữu của mình, đã nhắc lại lời của Chúa : "Khi con đến bàn thờ dâng lễ vật ..." (Mt 5,23t), hai vị cùng tuyên bố như sau :

a. Hối tiếc về những lời xúc phạm, những lời trách cứ thiếu nền tảng và những hành vi đáng lên án của cả hai phía, trong và sau những biến cố đáng buồn đó.

b. Hối tiếc và xin xóa đi trong ký ức những bản vạ tuyệt thông lẫn nhau. Nó vốn đang là trở ngại chính cho việc xích lại gần nhau trong đức ái, chớ gì chúng được quên đi.

c. Hối tiếc về những điều đáng buồn trước đó và những biến cố sau này, chịu tác động bởi nhiều nguyên cớ, nhất là vì thiếu hiểu biết và coi thường lẫn nhau đã đưa đến việc cắt đứt mối hiệp thông của Giáo hội."

Qua việc công khai tha thứ cho nhau, đức Phaolô VI, thượng phụ Athenagoras và hội nghị đều ý thức rằng chưa đủ để chấm dứt những dị biệt xưa và mới đây. Nhưng dưới tác động của Thánh Linh, những dị biệt ấy phải được vượt qua, nhờ sự thanh luyện tâm hồn; nhờ ý thức những sai lầm lịch sử và nhờ ước vọng được hiểu biết và diễn tả chính xác hơn niềm tin các tông đồ."

(JC,Đề đọc LSGH I,p.140)

THỜI ĐIỂM 1054

Thời điểm 1054 là dấu nổi đặc biệt giữa hai giai đoạn Trung cổ. Phía đông phương, triều đại huy hoàng của các vua Macêdoan vừa sụp đổ, đồng thời Chính thống giáo được dứt khoát thành lập. Ngược lại bên tây phương, sau sáu thế kỷ mò mẫm, một giai đoạn mới của văn minh tây âu được hình thành.

1054 : chấm dứt thời cảm hóa man dân, các chủng tộc xa lạ như Goth, German, Vandal ... trở thành anh em, hầu hết các nước Âu châu đã được Kitô hóa.

1054 : Thời đại phong kiến hỗn độn đang chuyển dần sang hệ thống tập trung quyền hành vào một số vị vua Anh, Pháp, Đức, TBNha...

1054 : Các chủng tộc định cư bắt đầu bước vào thời xây dựng, chấm dứt thời đại đen tối, khởi sự thời hoàng kim mà Justiano và Charlemagne đã từng mơ ước nhưng thất bại.

1054 : Cũng là chuyển đoạn trong lòng Giáo hội, các giáo hoàng thoát ly quyền bảo hộ của các hoàng đế, công cuộc đổi mới các dòng tu và giáo sĩ đưa đến việc cải tổ toàn diện.

1054 : Công cuộc truyền giảng Tin Mừng của Giáo hội sinh hoa kết trái, tạo ra nền văn minh Kitô giáo cho xã hội mới là Nước Kitô.

Sáu thế kỷ đã trôi qua, công trình của Giáo hội là kết quả của sự kiên nhẫn lâu dài

Trong bão tố xâm lăng vẫn không thất vọng, tin tưởng vào sức mạnh của tin mừng, yêu thương những anh em đồ hộ và thu phục họ cho Đức Kitô.

Cách âm thầm nhưng kiến hiệu, Giáo hội đã rửa tội cho từng khu vực, nhân bản hóa các tục lệ phong kiến, tạo thế quân bình giữa các thế lực, cổ võ nền luân lý lành mạnh của Phúc âm và duy trì các kho tàng văn hóa cổ thời.

Cộng tác với thế quyền, tuy cũng có một số điều đáng tiếc, Giáo hội phục vụ hạnh phúc của con người.

Và như vậy, suốt sáu thế kỷ, cả những lúc bi thảm nhất, khi bị giới quý tộc Lamã chi phối, Giáo hội vẫn không hề thất vọng, biết vận dụng mọi cơ may nhân loại trên một mục đích duy nhất là "Nguyện Nước Cha trị đến".

Dù man dân xâm lấn, dù nhiều đứa con của ánh sáng đôi khi đồng lõa với bóng tối, dù có những đại diện tối cao của Giáo hội không đáp ứng nổi những đòi hỏi của thời đại, thì hạt cải nước trời vẫn lớn lên cho muông chim đến ăn náu. Sự phát triển của Giáo hội không chỉ dựa trên những tiêu chuẩn phàm nhân mà dựa vào những tiêu chuẩn của đức tin và đức cậy.

Sáu thế kỷ nhìn lại, Giáo hội không phát triển do chính sách khôn khéo của những con người mà do chính Thiên Chúa nâng đỡ . Tuy không thiếu những nhân vật tài ba, nhưng sức mạnh của Giáo hội vốn ở những vị thánh như Antôn, các giáo phụ, Biển đức, Bonifacio... những con người nhận Đức Kitô là đường là sự thật và là sự sống làm thủ lãnh, và đã quảng đại dấn thân không mệt mỏi để giúp tha nhân nhận ra điều ấy.

Những nền tảng Nước Ki-Tô
NHỮNG NỀN TẢNG NƯỚC KITÔ
(Thế kỷ XI - XIII)

Hạn từ NƯỚC KITÔ (Chrétienté) nói lên cách thức tương quan giữa Giáo hội và Xã hội Tây Âu Trung Cổ.

Đức Gioan VIII là người đầu tiên dùng từ "Chrétienté" vào năm 880, kêu gọi các tín hữu liên kết lại khi Giáo chủ Constantinople là Photius tự nhận có quyền hơn Roma. Đức Grêgorio VII đưa ra định nghĩa : "Nơi nào có tín hữu, có Thánh Giá, nơi đó thuộc về Nước Kitô". Đức Alexandro III kêu gọi "tất cả các dân tộc Kitô hãy hòa hợp vì ích chung". Còn đức Innocente III nhắm đến một cộng đồng các quốc gia Kitô trên hoàn vũ, sống theo luật Tin Mừng tuân theo một quyền bính tối cao, đại diện Đức Kitô nơi trần gian là Đức Giáo Hoàng.

Các dân tộc Kitô có cảm tưởng được liên kết thành một khối, một vương quốc được hình thành. Mỗi công dân đều có nghĩa vụ trong việc xây dựng phát triển và bảo vệ quê hương đó. Toàn thể Tây Âu nên như một đại gia đình con cùng Cha trên trời. Mỗi người phải góp phần trong Thành Đô Thiên Chúa mà Thánh Augustinô đã giới thiệu.

Hai nét nổi bật trong thời Nước Kitô là ảnh hưởng sâu đậm của các đan viện và tầm quan trọng ngày càng gia tăng của quyền Giáo Hoàng. Sau nhiều xung đột với Hoàng đế La-Đức, Giáo hội và đế quốc liên kết nên một như xác với hồn. Nhiều người so sánh Giáo hội sau tuổi thiếu nhi mơ mộng, nay bước vào tuổi thanh niên phong phú đầy sáng tạo. Chúng ta hôm nay thừa kế Giáo hội giai đoạn này một di sản không lồ về Giáo lý, cách sống đạo cũng như nghệ thuật.

Tuy nhiên đây vẫn chỉ là một giai đoạn lịch sử của Giáo hội lữ hành. Không nên lý tưởng hóa quá độ. Như chúng ta sẽ thấy, không phải lúc nào các tín hữu Trung Cổ cũng sống và cư xử theo Tin Mừng.

I. VIỆC KHẲNG ĐỊNH QUYỀN GIÁO HOÀNG

Trong bối cảnh xã hội phong kiến, Giáo hội chịu ảnh hưởng nhiều tệ nạn, đặc biệt là việc mại thánh và tính sa hoa hưởng thụ. Nhưng khởi từ cuối thế kỷ X, nhiều công đồng miền như Ravenna (967), Roma (981), Pavia (1002) đã lớn tiếng kêu gọi việc cải cách, thanh luyện hàng giáo sĩ và đòi buộc lập khỏi thế quyền. Giữa thế kỷ XI, nhân lúc đế quốc La-Đức suy yếu, các vị mục tử tối cao đã dần dần dành lại thế chủ động trong việc bầu giáo hoàng, tuyển lựa hàng giáo sĩ và phổ biến việc cải tổ trong toàn Giáo hội.

Đức Lêo IX được Henri III và nghị hội Worms đặt lên ngôi giáo hoàng, ngài đến Roma như đi hành hương và yêu cầu các giáo sĩ Roma bầu cử lại (1045-54). Đức Stêphanô IX (1057-58) đắc cử không thông qua hoàng đế. Năm 1059, đức Nicolas II đưa việc bầu cử thành quy luật dành riêng cho hồng y đoàn.

Nhưng đức Gregorio VII (1073-85) mới thực sự là nhân vật tiêu biểu của việc cải cách. Ngài khởi đầu bằng việc canh tân hàng giáo sĩ. Ngài họp công đồng Roma năm 1074 chống việc mại thánh và xác định luật độc thân giáo sĩ. Các linh mục hay viện phụ mua chức hoặc thông

dâm đều bị treo chén, nếu họ không tuân hành, ngài dùng vạ tuyệt thông. Ngài phái đi nhiều đặc sứ để thi hành quyết định này.

1,1. Cấm nhậm chức do thế quyền

Thấy việc cải tổ chậm chạp, năm 1075 đức Gregorio VII tuyên bố bãi bỏ việc các ông hoàng trao nhẫn gậy, cấm các giám mục nhậm chức do các vua và cấm truyền chức cho những kẻ đó. Thực ra ngài không phân biệt chức thánh và bổng lộc. Đối với ngài bổng lộc chẳng có nghĩa gì hết, điều ngài muốn là hàng giám mục độc lập với thế quyền. Ngài muốn đổi tận gốc tình trạng quá phổ thông trong thời đó. Vài tuần sau, ngài công bố bản DICTATUS PAPAE gồm 27 khoản biện minh cho việc trên, khẳng định quyền tối cao của giáo hoàng trong toàn Giáo hội. Các đặc sứ được quyền miễn trừ đã tích cực ra vạ cho nhiều người.

1,2. Tiến đến độc lập của Giáo quyền

Tại Đức, năm vị cố vấn của Henri IV bị vạ tuyệt thông một tông giám mục, 12 giám mục bị cách chức. Hoàng đế liền họp công đồng Worms và Palencia để truất phế đức Gregorio VII. Đáp lại giáo hoàng ký bản án như sau :

"Lạy Tông đồ trưởng Phêrô... vì danh dự Giáo hội cần được bảo vệ, do uy quyền của Ngài, tôi cấm Henri IV...từ nay không được cai trị đế quốc Đức Ý, tôi tuyên bố tháo lờn thế trung thành cho mọi thần dân của y, cấm mọi người không được coi ông ta là vua...".

Bị các lãnh Chúa tẩy chay, Henri IV phải nhẫn nhục giữa đêm đông giá rét đến xin giáo hoàng giải vạ tại Canossa (1077). Nhưng năm 1080, ông vận động các giám mục Đức Ý bầu giáo hoàng giả Clément III, vây hãm thành Roma suốt ba năm rồi chiếm đóng. Đức Gregorio VII phải ẩn náu trong đền Thiên Thần rồi lưu lạc và qua đời tại Salerno năm 1085.

Mãi đến năm 1122, triều đức Calixtô II (1119-24) qua Thỏa ước Worms cuộc tranh chấp mới chấm dứt. Theo gợi ý của giám mục Yves de Chartres, Thỏa ước phân biệt quyền của hai phía. Nhẫn gậy biểu tượng chức thánh sẽ do giáo quyền, còn quyền hành thế tục do hoàng đế trao tượng trưng bằng phủ việt. Về khía cạnh sau Giám mục phải tuân phục hoàng đế. Công đồng chung Laterano I (1123) chấp thuận nội dung Thỏa ước Worms và tuyên bố hôn nhân của giáo sĩ bất thành (invalide).

1,3. Quyền Giáo Hoàng gia tăng

Từ nay Giáo hoàng trở thành tôn sư trong khắp Nước Kitô. Chỉ mình Ngài có quyền triệu tập và châu phê công đồng chung (Laterano I, II và III các năm 1123, 1139, 1179). Thư từ của các Ngài đề cập đến tất cả mọi vấn đề, được sưu tập thành bộ những sắc lệnh có giá trị dường như Sách Thánh vậy. Đó là gốc tích bộ Giáo luật Gratiano (Lm OSB 1142), và Luật Grêgorio IX (do Lm Raymundo OP 1234, quen gọi là Corpus Juris Canonici).

Giáo luật được áp dụng từng chi tiết trong việc quản trị Giáo hội Roma. Các Giáo Hoàng ngày càng can thiệp vào mọi chuyện trong xã hội, đến độ có lần thánh Bernard than phiền với đức Eugenio III rằng : "Mỗi ngày cung điện Giáo Hoàng lại vang lên những luật theo Justiniano chứ không phải Luật của Chúa"

Công đồng Laterano III, 1179 quyết định để đắc cử Giáo Hoàng phải có hơn 2/3 số phiếu các Hồng y

1,4. Thần quyền chính trị

Hoàng đế Frederic Barberusa (1152-90), được các nhà luật Roma ủng hộ, bênh vực ba giáo hoàng giả (Victor IV, Pascal III, Calixto III, vị phong thánh cho Charlemagne), chống lại giáo hoàng Alexandro III. Ông bị vạ tuyệt thông, phải lưu vong qua đất Pháp và trở lại xin phục quyền của Giáo Hoàng tại Venise năm 1177 (đúng 100 năm sau vạ Canossa). Quyền Giáo Hoàng lên đến đỉnh cao và thời đức Innôcente III (1198-1216) khi Giáo Hoàng trở thành trọng tài của các quốc gia.

Đức Innôcente III lên ngôi khi mới 38 tuổi đã tỏ ra một nghị lực không hề mỏi mệt. Tại Đức, Ngài đưa Otton IV lên ngôi (1198-1212) rồi giúp Frederic II kế vị ; tại Anh, Ngài kết bản án "Đại Ước Pháp" 1215. Các quốc gia như Ba-Lan, Nam Tư, Tiệp, Hung, Bồ Đào Nha, và sau này Anh quốc, Tây Ban Nha cũng tự đặt dưới quyền bảo trợ của Tòa Thánh. Dần dần Ngài nêu lên thứ thần quyền chính trị trong Nước Kitô : về lãnh vực siêu nhiên, toàn thể Giáo hội phải vâng phục Giáo Hoàng. Còn trong lãnh vực trần thế, giáo hoàng có thể nhân danh quyền thiêng liêng, can thiệp vào nội bộ các quốc gia để ngăn cản tội ác (ratione peccati), và mưu cầu ơn cứu rỗi cho các tín hữu.

Tuy có những lạm quyền về chính trị, Đức Innocente III, vốn được coi là nhà cải cách trong nội bộ Giáo hội : cổ động việc học hành và giảng thuyết, ra nhiều sắc dụ chống mại thánh và tội phóng túng, nghiên cứu và nhắc nhở từng địa phận, hỗ trợ các Dòng tu, đặc biệt là Xitô và các dòng hành khất.

Công đồng Laterano IV (1215) qui tụ đến 1200 Nghị phụ gồm Giám mục, đan viện phụ, đặc sứ tham dự, đã tổng kết và đề ra những chỉ thị cụ thể trong việc cải tổ này.

Frederic II (1212-50) muốn trở lại giấc mơ thống trị theo kiểu Charlemagne của Frederic I. Năm 1241, ông phục kích bắt cóc các Nghị phụ đến Roma dự Công đồng. Đức Innocente IV (1243-54) với sự hỗ trợ của Vua thánh Luy IX mở công đồng chung Lyon I xử án và truất phế ông. Vì cả đế quốc La-Đức đứng lên chống lại, Frederic II thua trận, nên buồn bã ngã bệnh chết. Thần quyền chính trị một lần nữa được củng cố. Tuy nhiên quyền Giáo Hoàng cũng giảm bớt dần như quyền Hoàng đế vào cuối thế kỷ XIII.

1,5. Cuối thời thần quyền chính trị

Chỉ trong 40 năm (1254-94) Giáo hội có đến 13 giáo hoàng. Vì tranh chấp trong Hồng y đoàn, có giáo hoàng chỉ cai trị sáu ngày, có vị năm tuần, có khi ngôi giáo hoàng trống 17 tháng. Thế mà dường như chỉ có đức Grêgorio X còn được hậu thế nhắc đến nhiều qua việc triệu tập công đồng Lyon II (1274) nối lại liên lạc với Giáo hội Đông phương được 7-8 năm.

Song song với sự sụp đổ của Frederic II, Giáo hội hướng về đất Pháp của Vua Thánh Louis IX (1226-70) cho đến khi Philip le Bel lên ngôi (1285-1314), kẻ sẽ chấm dứt thời thần quyền chính trị với Đức Bônifacio VIII tại lâu đài Anagni (1303).

II. THỜI GIÁO HỘI ĐAN VIỆN

Các đan sĩ đã đóng một vai trò có tính quyết định trong việc cải tổ cũng như trong mọi sinh hoạt Giáo hội Trung Cổ. Mỗi đan sĩ được coi là một Kitô hữu gương mẫu.

2.1. Dòng Cluny

Đan viện Cluny xây dựng năm 910, phục hồi những qui tắc chính trong luật Biển Đức như việc bầu viện phụ, tổ chức độc lập với giám mục và các ông hoàng, việc trực thuộc Đức Thánh Cha. Dần dần dòng Cluny có mặt khắp Âu Châu. Điểm mới của Dòng so với Biển Đức là tất cả các Đan viện đều trực thuộc nhà mẹ ở Cluny. Tu sĩ về nhà mẹ tuyên khấn, Bề Trên Cả đi kinh lý và đặt các bề trên đan viện.

Cluny đề cao Phụng Vụ và việc cầu nguyện liên tục (luật thính lặng) nhưng có thể châm chước khi nhu cầu mùa màng đòi hỏi. Tài năng và tuổi thọ của những vị thánh bề trên tiên khởi càng giúp dòng phát triển nhanh hơn. Cluny góp phần rất lớn vào việc canh tân các đan viện khác, ủng hộ quyền Giáo hoàng, cung cấp nhân sự cho hàng Giáo phẩm. Cluny đã quảng đại trong việc bác ái với người nghèo và khách vắng lai.

Ngoài ra Cluny còn góp phần phổ biến kiến trúc Roman, với những giáo đường lớn nhất Châu Âu, qui tụ thành nhiều làng mạc và thị trấn. Song song với Cluny, nhiều đan viện Biển Đức cải tổ cũng có ảnh hưởng lớn lao tại nhiều vùng như Chaix Dieu ở Auvergne, Saint Victor ở Marseille. Thánh Romualdo lập một nhánh Biển Đức mới là Camaldoli ở Toscane cũng mở rộng khắp Bắc Ý và Đức.

2.2. Những ẩn sĩ

Cuối thế kỷ XI, phong trào ẩn sĩ bỗng phát triển mạnh mẽ. Quyết chí sống nghèo và hãm mình, các ẩn sĩ nam nữ tìm đến những chỗ thanh vắng khắc nghiệt như : rừng, hang, hốc, đảo... để chay kiêng và đền tội. Thế nhưng vì uy tín đời sống, dân chúng tuôn đến nghe các vị giảng thuyết.

Nếu thánh Phêrô Damiano (+1072) nổi tiếng nhất thì hoạt động của Robert d'Abrissel (+1116) có hiệu quả rõ rệt nhất, tụ tập đến 3000 ẩn sĩ nam nữ tại Fontevrault (1096). Ngoài ra thời Trung Cổ còn có dạng "ẩn cư" khá kỳ lạ : căn hộ nhỏ bé của cư sĩ được xây sát vào hông nhà thờ, chỉ trở ra một cửa sổ nhỏ đủ để tham dự phụng vụ và nhận lương thực tiếp tế.

2.3. Chartreuse

Xây dựng Chartreuse năm 1084, thánh Bruno nói kết đời ẩn sĩ với nếp sống cộng tu. Dòng chuyên việc chiêm niệm, phụng vụ chung nhưng cũng đề cao việc tiếp xúc đơn sơ với Thiên Chúa.

2.4. Các Kinh sĩ triều

Gồm các linh mục triều sống chung. Các Kinh sĩ đoàn dựa vào tu luật thánh Augustinô, sống khắc khổ như các đan sĩ nhưng vẫn làm sứ vụ. Nổi tiếng nhất là đan viện Prémontrés (1126).

2.5. Xi-tô

Xuất phát từ đan viện Cluny, Robert de Molesmes và 20 anh em thiện chí tách ra lập tu viện ở thung lũng Citeaux năm 1098. Ngài chủ trương trở lại luật Biển Đức nguyên thủy : sống nghèo từ trang phục đến lương thực và nhà ở, đơn giản trong phụng vụ và sống riêng biệt

trong rừng vắng. Các đan sĩ trở thành những nhà khấn hoang vĩ đại. Khác với Cluny, nhà mẹ không có quyền trên mọi đan viện, mà chỉ điều hành cộng hội hàng năm các Bề Trên.

2.6. Clairveaux với thánh Benadô (1090-1153)

Với đan viện Clairveaux (1115) thánh Benadô đã phát triển Dòng Xitô lên vượt mức. Một mình ngài lập 70 tu viện (khi thánh Bernard mất, Xitô có 350 tu viện, 160 thuộc Clairveaux). Cuối thế kỷ XIII, Dòng Xitô có 700 tu viện. Nhưng vai trò ngài vượt xa các đan viện. Giữa thế kỷ XII, thánh Benadô là nhân vật số một của Giáo hội. Thường xuyên sống ngoài đan viện, ngài can thiệp vào nhiều mặt sinh hoạt Giáo hội : cải tổ hàng giáo sĩ, canh tân dòng Cluny, kêu gọi các giám mục sống nghèo và quan tâm đến người bần khổ. Nhờ ngài Giáo hội thoát một cuộc ly giáo và đề ra chương trình sống cho một đan sĩ Clairveaux trên ngài giáo hoàng là đức Eugenio III (1145-53).

Thánh Benadô nỗ lực Kitô hóa xã hội phong kiến, ngài lên án thói xa hoa của giới cầm quyền và rao giảng sự thánh thiện của hôn nhân. Năm 1146 ngài đứng lên cổ võ cuộc thánh chiến thứ hai tại Vezelay và Spira.

Tuy nhiên vì ảnh hưởng tinh thần hiệp sĩ phong kiến và đan viện, thánh nhân không theo kịp bước tiến hóa của thời đại. Ngài coi những yêu sách của thị dân với các lãnh chúa và Giám mục như xúc phạm đến trật tự xã hội truyền thống. Hơn nữa nếu ngài bênh vực đức tin chống các lạc thuyết, thì việc kết án Abelard (1140) là dấu ngài thiếu cởi mở với tiến bộ của thần học.

Dấu sao, thánh Benadô quả là bậc thầy về đời sống thiêng liêng. Khởi từ việc chiêm niệm Kinh Thánh, từ khổ hạnh bản thân ngài nhấn mạnh đến sự kết hợp với Thiên Chúa và thực hành Đức Ái. Ngài vạch ra hành trình trở về với Chúa khởi bằng việc biết mình đến hiểu biết Thiên Chúa. Những bài ngài giảng về Diễm Tình Ca là bằng chứng hùng hồn nhất về thành quả tinh thần của ngài.

TOÁT YẾU

Hạn từ Nước Kitô nói lên tương quan giữa Giáo hội và Xã hội Trung Cổ. Các dân tộc Âu Châu liên đới thành một khối nhờ đức tin Kitô giáo, dưới sự hướng dẫn của vị đại diện Thiên Chúa là các Giáo hoàng. Nước Kitô dựa trên hai nền tảng chính :

1. Quyền Giáo hoàng :

Sau khi đức Nicolas II lấy lại quyền bầu cử Giáo hoàng năm 1059, đức Gregorio VII thực hiện cuộc cải cách trong toàn Giáo hội. Năm 1074 ngài phạt vạ các Giáo sĩ mại thánh hoặc bê bối. Năm sau ngài cấm giáo sĩ nhậm chức do thế quyền và ra bản Dictatus Papae - khẳng định quyền tối cao của Giáo hoàng. Vua Henri IV chống lại, đặt giáo hoàng già, nên bị vạ tuyệt thông, phải đến xin ngài tha tội lâu đài Canossa (1077) dù sau đó đem quân trừng phạt ngài.

Dấu sao từ nay, Giáo hoàng trở thành tôn sư khắp Nước Kitô, các sắc lệnh được gom thành giáo luật. Và quyền Giáo hoàng lên đến đỉnh cao thời Đức Innocente III khi vị Giáo hoàng trực tiếp hướng dẫn các vị vua đến xin nhận quyền bảo trợ. Hoàng đế Frederic I và II tìm cách chống lại quyền Giáo hoàng đều thất bại. Đang khi đó các ngài hướng về Vua thánh

Louis đất Pháp, cho đến ngày Philip le Bel lên ngôi, kẻ sẽ chấm dứt thần quyền chính trị với Đức Bônifacio VIII tại lâu đài Anagni (1303).

2. Tinh thần đan viện :

Các đan sĩ có vai trò tích cực trong việc cải tổ, nhưng vô tình, tuy do thiện chí, đưa tinh thần đan viện vào xã hội. Đan sĩ là kiểu mẫu của Kitô hữu.

Song song với đan viện Biển Đức cải tổ là các đan viện Cluny, thành lập 910 với tổ chức tập quyền về nhà mẹ ở Cluny.

Cuối thế kỷ XI, phong trào ẩn sĩ cũng phát triển mạnh, đặc biệt là Fontevrault có đến 3000 ẩn sĩ. Và dạng ẩn cư trong các lô cốt ngay giữa thành phố chỉ để một cửa sổ nhỏ. Dòng Chartreuse do thánh Bruno lập (1084) chuyên về chiêm niệm và sách vở. Tại các Tòa Giám mục có những Kinh sĩ đoàn, tụ tập các linh mục triều sống như đan sĩ và đi làm mục vụ. Dòng Xitô là ngành cải tổ tách từ Cluny (1098) mà nhà mẹ chỉ điều hành công hội hằng năm các bề trên. Dòng phát triển mãnh liệt nhờ đan viện Clairveaux của thánh Benadô.

Những nền tảng Nước Ki-Tô
BÀI ĐỌC THÊM

GIÁO HOÀNG GREGORIO VII Quyết định của công đồng Roma 1075

Giáo sĩ mại thánh, mua bán chức thánh hay lên hàng giáo sĩ bằng tiền bạc, từ nay không được thi hành bất cứ chức vụ gì trong hội thánh. Kẻ nào mua nhà thờ bằng tiền sẽ bị mất nhà thờ đó, vì không được mua bán nhà thờ. Kẻ nào phạm tội thông dâm, có tình nhân... Từ nay cấm không cho cử hành thánh lễ hay phục vụ bàn thờ dù là chức nhỏ.

Chúng tôi quyết định rằng : dân chúng không được tham dự phụng tự của những kẻ khinh thường luật của chúng tôi - cũng là luật của các giáo phụ - để những kẻ không thể sửa đổi do tình thương Chúa, sẽ khiêm tốn hơn nhờ dư luận quần chúng.
(Fliche và Martin, LSGH II, p 134-135)

Dictatus papae, Giáo hoàng đã nói

Trong số 27 mệnh đề của Dictatus Papae, ta trích một số câu

2. Giáo chủ Roma thực sự là giáo chủ toàn cầu
3. Mình ngài có quyền truất chức các giám mục
9. Ngài là người mọi ông hoàng phải hôn chân.
12. Ngài có quyền cách chức các hoàng đế.
16. Không có công đồng chung nếu không phải do được chính ngài triệu tập.
18. Không ai có quyền thay đổi điều ngài phán quyết.

27. Giáo hoàng có quyền tháo lời thề trung thành cho thần dân với những ông hoàng bất xứng.

ĐÁNH GIÁ BIẾN CỐ CANOSSA

Cuộc tranh tụng giữa Grêgôriô VII và Henri IV có một ý nghĩa sâu xa, nó đánh dấu một bước ngoặt của thời đại.

Đó là cuộc chiến bảo vệ luật độc thân linh mục, và bài trừ tệ nạn mại thánh, (chấm dứt cuộc tranh luận về việc trao nhẫn gậy : Investiture), bảo vệ sự tự do bên trong của lương tâm Kitô giáo chống lại bạo lực và đam mê.

Đức Grêgôriô là một nhà ngoại giao tầm thường, vì đã muốn điều bất khả và phải kết thúc cuộc đời trên đường lưu lạc. Thế nên khi nêu lên những xác định về quyền bính giáo hoàng, thực ra ngài chỉ phản ánh tâm thức Kitô giáo thời bấy giờ về quyền tối thượng, dù chưa được định tín. Việc Henri IV đến xin giải vạ tại lâu đài Canossa đã xác định ai là chủ nhân của thế giới trong đó đa số là Kitô hữu. Cuộc tranh luận cũng làm sáng hơn khả năng hiệp nhất trong giáo hội, khi giáo hội tại Đức phải chọn lựa giữa giáo hội quốc gia và thế giới Kitô giáo mang tính toàn cầu.

Nếu sau này có lúc ý tưởng cao cả về ngôi giáo hoàng bị sút giảm đưa đến những thái quá lạm dụng cho danh vọng cá nhân, thì điều đó không hề có nơi đức Grêgôriô VII. Đức Phaolô I năm 1605, khi đặt ngài lên bàn thờ, đã khẳng định điều đó. Và sau ngài gần 500 năm, giáo hội mới có một vị giáo hoàng được suy tôn hiển thánh, đức Pio V.

(Viết theo J. LORTZ, L'histoire de L'Eglise,
- Ed. Payots, Paris 1955, tr. 130-134)

TÂM TRẠNG ĐỨC INNOCENTÊ III

Giáo hội đã giao cho tôi một gia sản quý hơn mọi gia sản. Vì việc có đầy đủ quyền thiêng liêng sẽ mang đến vô vàn sở hữu trần gian. Bởi vì các tông đồ chỉ được gọi là chia sẻ quyền bính, chỉ riêng Phêrô có đầy đủ quyền bính. Tôi đã được người trao mũ linh mục và vương miện trong vương quốc. Người đặt tôi làm đại diện với phẩm phục ghi rõ "vua các vua, chúa các chúa, linh mục đời đời theo phẩm hàm Melchisedech..."

Như mặt trăng nhận ánh sáng từ mặt trời, quyền lực của vị vua, cả vinh dự và phẩm chức, cũng từ quyền lực của các giáo hoàng như vậy. Chúng tôi đã nhận quyền lực từ Chúa Cha đầy thương xót, chúng tôi cũng phải dùng quyền ấy để ủng hộ những ai biết dùng chúng với lòng xót thương.

(Trích M. Pacaut, La Theocratie p.225 - JC, Đề đọc LSGH I, p.144)

DÒNG CLUNY

Trung tâm chính của cuộc canh tân tinh thần thế kỷ X là Dòng Cluny tại Bourgogne, thành lập năm 910 và trực thuộc Giáo Hoàng. Chính tại đây, lý tưởng tu trì đã bừng tỉnh và làm phát sinh một giai đoạn mới : tại đây các đan sĩ trung thực sống theo tu luật thánh Biển Đức xưa kia, bởi vì hiện nay đã khá đổi thay. Chương trình được thực hiện bởi những viện phụ vĩ đại sống khá thọ và là những vị có đời sống thánh thiện :

Thánh Bernon (910-925) ;

Thánh Odon (+948) ;

Thánh Odilon (+994) ;

Thánh Hugues (+1049) ;

và cha Phêrô đáng kính (+1156).

Gương sống đạo chân thật, lòng hy sinh anh hùng và việc nghiêm chỉnh trung thành với ơn gọi dâng hiến được lan rộng, trước tiên vào các cộng đoàn Biển Đức ; rồi đến những đan viện mới lập. Chẳng bao lâu, tinh thần này chuyển từ Pháp qua Ý, đến Roma. Một trăm năm sau, Cluny đã có 1450 đan viện với 10.000 đan sĩ, tất cả đều quan hệ thường xuyên với Cluny và tuân theo sự quản trị của trung ương. Như thế cuộc cải tổ đời tu đã kéo theo cuộc cải tổ về tổ chức tu trì .

Cuộc cải cách của Cluny còn khởi sự cho cuộc cải tổ hàng giáo sĩ, ảnh hưởng đến các hoàng đế như Otton III, Henri II và Henri III. Giáo hoàng Lêo IX, khi là giám mục ở Toul, đã thường xuyên liên hệ với Cluny, và trên đường đi lãnh nhận chức vụ tối cao trong giáo hội, đã ghé vào Cluny để đem theo đan sĩ Hindebrand làm cố vấn, sẽ là đức Grêgoriô VII sau này. Dòng Cluny đã có phần rất lớn trong chuyển đoạn bước sang thiên niên kỷ thứ hai, cách đặc biệt qua giáo hoàng Grêgoriô VII bất khuất này. Và cùng với ngài đã biến Tây Âu trở thành thế giới Kitô Giáo thực sự (Nước Kitô) .

DÒNG CHARTREUSE - 1084

Thánh Bruno rời thành Reims, từ bỏ thế gian tránh mọi quan hệ với người thân để đến miền đất Grenoble. Tại đây ngài chọn cư ngụ trên đỉnh núi hiểm trở khúc khuỷu, chỉ có một lối lên vừa khó khăn vừa hoang tàn. Phía dưới là một thung lũng theo đường cắt thẳng từ trên xuống. Đó là nơi ngài biên soạn lề luật và các môn sinh ngài hiện vẫn đang cư ngụ.

Mỗi vị có một phòng riêng quanh tu viện. Họ ăn ngủ và làm việc ở đó. Cứ chủ nhật họ lãnh ở quản lý lương thực gồm bánh và rau rồi tự nấu luộc chúng ở phòng mình. Nước uống là nước suối cũng chuyển đến từng phòng... Hầu như họ không nói gì bao giờ, vì khi cần họ ra dấu hiệu với nhau bằng tay.

Tuy có bề trên điều khiển, nhưng giám mục Grenoble mới là viện phụ và là người cung cấp lương thực. Nếu họ tự nguyện sống nghèo hoàn toàn thì ngược lại họ tích trữ nhiều sách trong thư viện... Đất của họ ít được gieo trồng vì họ đổi ngũ cốc cần thiết bằng lông cừu mà họ nuôi vô số.

(Guibert de Nogent (1053-1124 - JC,Đề đọc LSGH,I,p.149)

XITÔ, ĐAN VIỆN MỚI

Viện phụ Aubri (vị thứ hai) và các bạn không quên lời hứa, nhất định áp dụng tại đây tu luật thánh Biển Đức, loại bỏ những gì trái với tu luật như áo bông, áo lót, mũ choàng, nệm giường, thực phẩm béo và tất cả những gì không phù hợp...

Vì đọc tu luật thánh Biển Đức, họ thấy vị tôn sư không sở hữu nhà thờ, đèn thờ, không qua tặng, mộ phần, không lãnh thuê thập phân, không lò bánh, cối xay, không làng mạc, nông nô và ngoài cô em gái, không có phụ nữ nào vào đan viện, cũng không cho ai chôn trong đó, họ liền từ bỏ tất cả những điều này...

Khinh chê sự giàu có trần gian, những người lính mới của Đức Kitô, nghèo như Đức Kitô nghèo, khởi sự làm sao để chỉ vừa đủ sống và phục vụ khách dù giàu hay nghèo mà tu luật buộc họ tiếp đón như chính Đức Kitô...

(Bản luật Xitô n.1118, theo J.Comby, Sđd, I, tr.150)

NHẬN ĐỊNH VỀ THÉOCRATIE

Trong lịch sử, không có vị Giáo hoàng nào hành xử thần quyền như một bạo chúa. Các vị xen vào nội bộ quốc gia, kết án Hoàng đế vì các ông vốn là tín hữu và phạm lầm lỗi gì đó. Bản vạ tuyệt thông thường có yếu tố khoan hồng. Nghĩa là nếu nhà vua hối cải sẽ được phục hồi quyền bính. Ngoài ra, các vị vẫn tôn trọng "triều đại" hiểu theo nghĩa ủng hộ người có quyền kế vị đích thực.

Pha mình vào việc trần tục, các ngài dễ đi quá giới hạn của mình, đôi khi phạm sai lầm nữa, nhưng ta cần nhìn sự kiện tương đối trong bối cảnh Trung Cổ, thái độ các ngài được sự hưởng ứng của quần chúng, bảo vệ công bằng xã hội, duy trì sự đoàn kết của Nước Kitô. Théocrate thất bại có lẽ vì không đúng đường lối của Đức Kitô, Đấng đã phán : "Nước tôi không thuộc về thế gian này".

Ảo vọng quyền lực

ẢO VỌNG QUYỀN LỰC

(Thế kỷ XI - XIV)

Đúng lúc Giáo hội Âu Châu trở thành sức nối kết các quốc gia, thái độ của người Hồi Giáo-Thổ Nhĩ Kỳ đã thúc đẩy Giáo hội dùng đến sức mạnh. Một vài thắng lợi nhỏ đã khiến một số giới chức trong Giáo hội sinh ra ảo tưởng về quyền lực. Họ nghĩ đó là con đường ngắn nhất để phát triển Giáo hội hoặc để giáo dục con cái mình. Người ta quên rằng Nước Đức Kitô không thuộc trần gian, quên rằng trong Nước đó người làm đầu phải hầu thiên hạ (Mt 20, 25 tt), và quên rằng Đức Kitô đã chiến thắng bằng con đường Khổ Giá.

Thất bại của binh thánh giá và tòa tra là bài học lớn của lịch sử giúp ta tránh những ảo vọng tương tự.

I. CÁC CUỘC THÁNH CHIẾN

1.1. Nguyên nhân

Với các kitô hữu, Thánh Địa là mảnh đất thiêng liêng. Nếu mới đầu các tín hữu Do thái về Đền Thánh theo luật Mai-sen, thì từ khi thánh nữ Helena tìm ra Thánh Giá, việc hành hương biến thành phong trào. Đức Gregorio Cả xây nhiều lữ quán để đón tiếp họ. Các tín hữu về Giêrusalem để đền tội hoặc để cảm nghiệm sâu sắc hơn cuộc sống và cái chết của Đức Kitô.

Người Hồi giáo Ả Rập đã chiếm Thánh Địa từ thế kỷ VII. Nhưng khi đó, những ông chủ này tương đối dễ tính với tín hữu địa phương và khách hành hương, miễn là họ nộp thuế. Hoàng đế Charlemagne còn cho xây đan viện tại vườn Cây Dầu. Thế nhưng năm 1070, Hồi quân Thổ Nhĩ Kỳ của Seljoukide chiếm đóng vùng Tiểu Á thì khác. Năm 1071 họ chiếm đóng Giêrusalem, cản trở sinh hoạt tôn giáo và trở thành mối lo cho đế quốc Byzantin. Hoàng đế Michael VII cầu cứu Tây phương. Đức Gregorio VII liền hô hào đi cứu Mộ Thánh. Nhưng vì ngài bận rộn với Henri IV, nên đức Urbano II mới là người khởi sự Binh Thánh Giá vào năm 1095 tại công đồng Clermont.

"Thế là người giàu kẻ nghèo, cả phụ nữ, đan sĩ lẫn giáo sĩ, thị dân và nông dân đều khát mong đi Giêrusalem hoặc hỗ trợ cho những người lên đường"(Oderic Vital, Hist. Ecclesiastique 1135, Xc J.Comby Sđd I, P.162.). Niềm tin của họ khá đơn sơ ; Nogent đã kể : "Có kẻ không biết cầm vũ khí nhưng lại mong tử đạo. Họ nói với các chiến sĩ : các anh khỏe mạnh và can đảm nên ra trận, còn chúng tôi, chúng tôi chịu đau khổ với Chúa Kitô để đoạt được Nước Trời" (Bùi Đức Sinh, LSGH I tr.318).

1.2. Tám cuộc Thánh Chiến

Ngoài những cuộc vận động lẻ tẻ như của đan sĩ Phêrô mà 9/10 đã chết dọc đường, lịch sử thường ghi nhận 8 cuộc thánh chiến

Năm :: Khởi xướng :: Đặc tính :: Kết quả

1. 1096-99 :: Đ. Urbano II :: 4 đạo quân quần chúng :: Vương quốc Giêrusalem, ba hầu quốc Edessa, Triapol
2. 1147-49 :: Th. Bênadô :: Pháp, Đức :: Thua vì ô hợp
3. 1189-92 :: Đ. Urbano III :: Pháp, Đức, Anh :: Thua vì ô hợp
4. 1198 -1204 :: Đ. Innocente III :: Bị thương gia Venise chi phối :: Chiếm Constantinople
5. 1217-21 :: Hung, Đức, Áo :: Đánh Ai Cập :: Rút vì lụt lội
6. 1228-29 :: H.đế Frederic II :: Đức :: Thỏa Ước Jaffa
7. 1248-54 :: Vua Louis IX :: Pháp :: Vua bị bắt : Chuộc
8. 1270 :: Vua Louis IX :: Pháp :: Vua bị bệnh dịch : Chết

Dù có Dòng Bệnh Viện (1099) và Dòng Đền Thờ (1119) năm 1146 Edessa bị tái chiếm khiến thánh Bênadô phải nhọc công hô hào thánh chiến lần thứ II. Năm 1187, Hồi quân Ai Cập tái chiếm Giêrusalem, gây nên thánh chiến III. Ảo vọng quyền lực bộc lộ rõ trong thánh chiến IV và V.

Cuộc chiến thứ VI kết thúc bằng Thỏa ước Jaffa, theo đó Hồi quân nhường lại Bêlem, Giêrusalem và Nagiarét, nhưng họ chỉ giữ Thỏa ước 10 năm. Hai cuộc viễn chinh cuối chỉ

còn vua Louis IX với những nỗ lực sau cùng. Sau đó, mọi lời hô hào Bình Thánh Giá gần như không được hưởng ứng. Năm 1342, vua nước Pháp Roland d'Anjou mua Thánh Mộ, đức Clêmente VI trao cho Dòng Phanxicô quản trị.

1,3. Nhận định

Tuy lấy tôn giáo làm lý do hô hào binh sĩ, nhưng ta có thể thấy nhiều yếu tố nhân loại nơi những người tham gia cuộc chiến, đó là : lãnh địa cho các ông hoàng, chiến phẩm cho binh sĩ, tước hiệp sĩ cho giới bình dân, sự kính nể của người ở nhà và ân xá cho các tội nhân.

Hơn nữa, chiến tranh bao giờ cũng mù quáng giết hại những người vô tội. Chiến tranh phải có kẻ chiến thắng người thua, có mối hận thù về người thân bị giết và làm cho người Kitô hữu với người Hồi giáo ngày càng xa nhau hơn.

Nếu không kể một số phát triển về vấn đề văn hóa và kinh tế (giao lưu ba nền văn hóa Latinh - Hy Lạp - Islam ; việc buôn bán trực tiếp với Đông phương ; học hỏi cải tiến kỹ thuật), Bình Thánh Giá hầu như hoàn toàn thất bại. Có lẽ đó là ý Chúa, vì Thiên Chúa không cần đến bạo lực của nhân loại mà chỉ muốn xây dựng tình thương. Người ta đã quên mất tổ tiên mình (German) đã được Tin Mừng cảm hóa trong trường hợp nào.

II. VIỆC TRÁN ÁP CÁC LẠC GIÁO

Ngay trong thời điểm thành công nhất của thần quyền chính trị, Giáo hội vẫn chịu sự phân rẽ ngay trong nội bộ. Người ta quen gọi là những nhóm lạc giáo. Có nhóm không công nhận giáo lý Giáo hội, có nhóm nhân danh Tin Mừng để đả phá các giáo sĩ giàu có và phong kiến. Rồi từ những dị biệt nhỏ, họ xa dần Giáo lý chính thống và phê phán cơ chế Giáo hội. Càng ngày họ càng ít được dung thứ.

2,1. Phong trào Vaudois

Dù hồ sơ Tòa Tra không nói tốt cho họ, ta vẫn thấy nhóm Vaudois nằm trong phong trào trở về nguồn Tin Mừng của thế kỷ XII. Đó là kết quả cuộc cải cách của Đức Gregorio VII. Tiếc rằng hành trình về nguồn của nhóm không được thuận lợi như hai Dòng tu lớn Phanxicô và Đa Minh (xin coi chương X).

Khoảng năm 1170, Valdo phát động phong trào "người nghèo Lyon". Ông vốn là một thương gia giàu có, bối rối về lợi tức, đã đem bán toàn bộ tài sản Rồi đi rao giảng về sự nghèo khó của Tin Mừng. Ông qui tụ nhiều nhóm nam nữ. Họ cùng nhau đọc Kinh Thánh theo tiếng Pháp, học thuộc lòng nhiều đoạn văn các Giáo Phụ. Họ đến các quảng trường hô to lên : "Không thể làm tôi hai chủ, Thiên Chúa lẫn tiền tài".

Hàng giáo sĩ Pháp bấy giờ không đủ khả năng đáp ứng nhu cầu tâm linh và trí thức của giới thị dân. Các vị chỉ thấy mình bị phê phán, nên tỏ ra e ngại các nhà giảng thuyết không chức thánh này. Giáo hoàng Roma lại trao quyền thẩm định cho Giáo hội địa phương. Và tổng giám mục Lyon là Gioan cấm nhóm Vaudois đi giảng, liệt họ vào danh sách các lạc giáo. Thế là họ phân tán đi Languedoc, Dauphine, Provence và Bắc Ý.

Nếu trước, nhóm Vaudois là lời phản kháng có tính Tin Mừng, thì từ nay, họ liên kết với các nhóm khác chống đối hàng giáo phẩm. Họ đề cao chức tư tế cộng đoàn và chống lại mọi công

việc có tính làm giàu. Họ nói chỉ có họ mới thi hành sứ vụ đích thực. Điều đáng tiếc của nhóm Vaudois là không tin vào sức mạnh của Lời Chúa, thiếu kiên nhẫn và chọn cách ứng xử thiếu tính Tin Mừng bác ái yêu thương.

2.2. Chờ đợi thế giới tốt hơn

Cũng trong hướng về nguồn Tin Mừng và Giáo hội sơ khai xuất hiện nhiều trào lưu tiên đoán về tương lai nhân loại dựa vào sách Khải Huyền và các sách Tiên tri. Phong trào "Ngàn Năm" dựa vào Khải Huyền 20, 4-5. Sống trong một xã hội khổ cực và tràn đầy bất công, một số người mong đợi Nước Trời chưa đến, nơi tình thế hiện tại sẽ bị đảo lộn. Đó là khởi điểm phát sinh các cuộc cách mạng tâm linh do những nhân vật tự nhận mình được Thánh Thần linh ứng.

Nổi tiếng trong trào lưu này là Joachim de Flore (1130-1202), ông nói đến lịch sử có ba thời kỳ : sau thời Chúa Cha Cựu Ước, thời Chúa Con Tân Ước, nay đến thời Thánh Linh kéo dài vô tận. Mỗi vị thiên thần thổi loa trong Khải Huyền, ông gán cho một hạng người nào đó sẽ xuất hiện.

2.3. Nhóm Cathares

Học thuyết của nhóm Cathares khác hẳn với Giáo lý Giáo Hội, được phổ biến nhiều tại Languedoc và Bắc Ý. Người ta coi họ là theo phái Manikê xưa, vì họ chủ trương Nhị nguyên.

Để trả lời câu hỏi muôn thuở của con người về nguồn gốc sự ác, thì nhị nguyên có vẻ có lý hơn nhất nguyên. Cathares "những người tinh tuyền" tự nhận mình là kitô hữu tốt (bon chrétien) và lấy lại nhiều nghi lễ của Giáo hội Thượng Cổ. Những ai lãnh nhận nghi thức đặt tay (Consolamentum) đều được phái đi giảng. Thế nhưng vì coi thân thể là vật chất xấu xa, họ chối việc Đức Kitô nhập thể và lên án hôn nhân. Đối với tín hữu thường, họ đòi hỏi ít hơn : cho phép lập gia đình và kêu gọi góp tiền giúp những người "hoàn hảo".

2.4. Trấn áp lạc giáo.

Nói chung suốt 11 thế kỷ đầu không có bản án tử hình nào cho người lạc giáo, cùng lắm là án tù hoặc lưu đày. Thánh Gioan Kim Khẩu từng nói : "Giết một người lạc đạo là làm nảy sinh trong thế gian một tội ác không thể nào đền bù được".

Thế kỷ XI, đức tin trở thành nền tảng của xã hội Âu Châu. Do sức ép của dân chúng, một vài vị Vua muốn tiêu diệt những ai bất đồng chính kiến, thì Giáo hội vẫn phản đối án xử tử. Giám mục Wason thành Liège viết năm 1045 : "Những người hôm nay là đối thủ, biết đâu nhờ ơn Chúa, lại sẽ ở cao hơn ta trong thiên đường... Chúng ta được gọi là Giám mục, chúng ta được Chúa xúc dầu để đem lại sự sống chứ đâu phải giết chết".

Giữa thế kỷ XII, thánh Benadô khi giải quyết lạc giáo ở Cologne còn nói : "Đức tin là kết quả của thuyết phục chứ không thể áp đặt được". Thế nhưng vì lạc giáo vẫn tiếp tục gia tăng, các thứ vạ tuyệt thông dường như cũng bất lực, các biện pháp khác được đem ra áp dụng. Bộ luật Gratiano (1142) vẫn nhấn mạnh việc thuyết phục, trường hợp đặc biệt mới xử án Rôi trao cho cánh tay trần thế thi hành. Công đồng Laterano III (1179) phân biệt : với lạc giáo ít người chỉ dùng hình phạt tinh thần, còn nếu họ thành băng nhóm đông người thì cần dùng đến sức mạnh. Vua Aragon (1197) và Đức Innocente III (1199) thêm cho kẻ cố chấp tội "khi quân". Bản án tử hình vẫn chưa xuất hiện.

Năm 1208, sau khi đặc sứ Castelnau bị ám sát tại Pháp, binh thánh giá chống Aligeois bùng nổ. Thực chất đây là cuộc tranh chấp giữa các ông hoàng hai phía Bắc Nam, nhưng hàng ngàn người Cathares đã bị giết. Tại Béziers, nhiều người bị thảm sát ngay trong thánh đường. Ở Minerva, hàng trăm anh em Cathares nói : "Chúng tôi đã thề bỏ Giáo hội Roma. Dù sống dù chết cũng không thể làm chúng tôi bỏ đức tin của mình được". Rồi tất cả hăng hái nhảy vào đồng lửa.

2.5. Pháp đình tôn giáo

Tòa Tra hiệu theo nghĩa truy lùng và trừng phạt xuất hiện năm 1184 do Thỏa ước giữa đức Lucio III và hoàng đế Frederic II. Còn Tòa Tra được phép kết án tử hình được khai sinh trong khoảng 1224-1233. Khổ hình lợi ích được dùng như thuốc đắng để trị bệnh. Tòa tra trần thế do Frederic II (1224), Tòa tra của Giám mục Toulouse (1229), tiến đến Tòa tra Giáo hoàng do đức Gregorio IX (1233) đặt dưới quyền điều khiển của giáo triều.

Để tránh kết án sai lầm, mỗi chánh án thường có một "Cố vấn" giám sát và can gián. Khi kết án tử hình hoặc tù chung thân phải được vị giám mục sở tại đồng ý. Nhiều chánh án lạm quyền đã bị đức giáo hoàng khiển trách hoặc truất chức. Thế nhưng càng về sau, yếu tố nhân phẩm càng chi phối các Tòa tra : Dòng Đền Thờ ở Pháp bị tiêu diệt vì tài sản, và chân phước Jeanne d'Arc bị giáo sĩ Anh thiêu sống vì lý do chính trị ...

Qua diễn biến xử án, rõ rệt các chánh án phải chịu trách nhiệm về bản án, vì cánh tay trần thế chỉ lãnh phân thực hiện thôi. Nếu trước khi châm lửa, tất cả cùng tuyên xưng đức tin (auto da fer) thì thực tế ít ai dám chắc bản án không do những động lực khác. Mà dù lương tâm các chánh án có trong sáng mấy đi nữa, không thể nào chấp nhận nổi những giáo sĩ rao giảng Tin Mừng yêu thương, lại có thể can đảm thiêu sống những kẻ không chấp nhận giáo huấn của mình. Và dù cho công luận đại chúng thời đó cho rằng "làm biến chất đức tin, tức là sự sống của con người, còn nghiêm trọng hơn làm bạc giả nhiều" (Suma II, II, q 11, a 3), thì mọi biện pháp trấn áp chẳng thể nào đem lại đức tin thực sự được. Bạo lực chẳng bao giờ thắng được tinh thần.

Đọc lại những trang sử nổi cộm thường bị đem ra châm biếm nhất của Giáo hội Trung Cổ, chúng ta cần giữ được tâm trạng bình thản. Từ thân phận bị đàn áp thuở ban đầu chuyển sang vị thế có uy quyền, quyền bính trong Giáo hội đã gặp những cạm bẫy như bất cứ tổ chức nào sau chiến thắng thường gặp. Sống giữa thế giới, con người trong Giáo hội khó có thể thoát khỏi những ảnh hưởng của xã hội và những yếu tố nhân phẩm. Nên cần phải đánh giá sự kiện theo tư duy của người đương thời. Nhưng cũng cần đọc lại hiến chế Giáo hội của Vatican II : "Tuy cần đến những phương tiện nhân loại để chu toàn sứ vụ mình, Giáo hội được thiết lập không phải để tìm kiếm vinh quang trần thế, nhưng để truyền bá khiêm nhường và từ bỏ, bằng gương lành của chính mình" (Lumen Gentium số 8c).

TOÁT YẾU

1/. Binh Thánh Giá :

Trước thái độ của Hồi quân Thổ Nhĩ Kỳ thế kỷ XI, các giới chức Giáo hội đã tổ chức tám cuộc binh thánh giá, từ 1096 đến 1254. Giáo hội lập một số tiểu quốc tại vùng Đông phương và đã phải khá vất vả để gìn giữ nó. Kết cuộc Mồ Thánh vẫn không được giải thoát. Giới có

lợi duy nhất là các thương nhân thành thị, yếu tố quan trọng làm sụp đổ chế độ phong kiến sau này.

2/. Trấn áp lạc giáo :

Ảnh hưởng cuộc cải cách đức Gregorio VII, nhiều nhóm trở về nguồn Tin Mừng xuất hiện, phản kháng lại sự giàu có xa hoa của hàng giáo sĩ bấy giờ. Thế nhưng vì thiếu khả năng thần học, thiếu tế nhị, họ bị đẩy ra bên lề Giáo hội để tiến dần đến lạc giáo. Nổi tiếng nhất có phong trào Vaudois (từ 1170) và Nhóm Nhị nguyên Cathares. Sau một số xô xát, các lạc giáo bị trấn áp bằng võ lực và các Tòa Tra (1184 đến 1233).

Hoa trái của lòng tin HOA TRÁI CỦA LÒNG TIN (Thế kỷ XI - XIV)

Hãy đổ rượu mới vào bầu da mới (x. Lc 5, 38). Trong bối cảnh lịch sử thời Trung Cổ, niềm tin các tín hữu không chỉ chịu tác động từ bên ngoài. Tin Mừng vẫn không ngừng thúc bách những con người thời đại, khởi từ những cảm hứng của Tin Mừng, góp phần xây dựng tòa nhà văn minh Trung Cổ đặc biệt về văn hóa nghệ thuật.

I. MẠCH NGẦM NIỀM TIN

Quả là thiếu sót nếu nghiên cứu niềm tin thời Trung Cổ, lại chỉ dựa vào những tổng luận đặc sắc của các nhà thần học. Các nhóm lạc giáo chứng tỏ đức tin Trung Cổ không thống nhất toàn vẹn. Đại chúng miền nông thôn thất học và các phong trào thị dân đã ảnh hưởng không ít đến cách diễn đạt niềm tin.

1.1. Ba đặc tính niềm tin Trung Cổ

a. Thiên Chúa toàn năng bị nhân hóa

Ảnh hưởng xã hội phong kiến và nông dân, Thiên Chúa dần dần được quan niệm như vị vua tối cao, mọi lãnh chúa trần gian chỉ là chư hầu của ngài. Lòng yêu mến Chúa ngày càng nhường chỗ cho sự kính sợ. Ngài kiểm soát, ngài ban phát niềm vui nỗi buồn, sự sống và sự chết. Thành công thất bại, đói kém hay dịch tễ đều gán cho Ngài. Tích cực hơn, nhân tính Đức Kitô được quan tâm đặc biệt. Ngài là mẫu gương, là thủ lãnh, là hôn phu và là bằng hữu. Phong trào hành hương Thánh Địa và suy niệm cuộc khổ nạn ngày càng gia tăng.

b. Kitô hữu lý tưởng là đan sĩ

Vì tầm ảnh hưởng quá lớn và đời sống gương mẫu, các đan sĩ trở thành mẫu lý tưởng cho người tín hữu, Thánh Bênêđô so sánh đời như biển rộng, ai vượt được biển mới được cứu. Theo ngài, các đan sĩ đi trên cầu khô ráo, hàng giáo sĩ dùng thuyền, còn những người có đôi bạn thì bơi tay, nên đa số chết đuối dọc đường. Danh mục các thánh thời này toàn các đan sĩ, giám mục và vài bà quý tộc góa đã kết thúc đời mình như một đan sĩ, kẻ không đi tu thì cố phỏng theo nếp sống nhà tu. (Vua Louis IX đọc kinh giữa đêm và đánh tội phạt xác). Đến lúc lia trần, nhiều tín hữu mơ ước được mang áo dòng và được chôn trong đan viện.

c. Niềm tin trong đời sống

Nếu trước đây Kitô giáo đã thừa hưởng các sinh hoạt tôn giáo cũ gắn liền với thiên nhiên, thì nay năm phụng vụ vừa làm sống lại các mùa nhiệm cứu độ vừa liên kết với mùa màng tự nhiên. Nhịp sống của người dân gắn liền với mùa phụng vụ và các địa chỉ tôn giáo. Có nơi cộng 52 Chúa nhật với các lễ trọng là 107 ngày nghỉ (Oxford 1222). Các ngày lễ bị dân gian hóa : Buche Noel, Ông già Noel, việc nói dối lễ anh hài, lễ hội điên ... Nhà thờ là trung tâm

mỗi làng, là nơi trú ẩn lúc chiến tranh hoặc thiên tai. Các tín hữu tích cực với vị chủ chăn để đào hào đắp lũy, xây chợ búa và các đan viện.

Niềm tin đại chúng còn bộc lộ trong việc tôn kính thánh tích đến mức thái quá, kính riêng các thánh bốn mạng mùa màng, súc vật. Mỗi nghề nghiệp lại có bốn mạng với nhà thờ riêng.

Dựa vào các bản di chúc ta thấy các tín hữu mong lễ an táng long trọng và xin được nhiều lễ Misa. Họ yêu cầu bố thí cho người nghèo như cho Đức Kitô, mà họ coi là cách thánh hóa, lập công. Họ dành tiền xây bệnh viện và các trại cùi. Thực ra thời đó bệnh viện chỉ độ chục giường cho cả người nghèo và khách lỡ đường trọ.

1,2. Sinh hoạt tôn giáo

Vào thế kỷ XII, Giáo hội xác định dần về Bảy bí tích phân biệt với các phụ tích (nước phép, bỏ tro...) và cố đưa thành luật thống nhất trong khắp Giáo hội.

a/. Bảy Bí Tích :

Hầu như khắp nơi trẻ em được rửa tội trong vòng vài ngày bằng cách đổ nước (thay vì dim) và bỏ dần việc cho trẻ rước lễ, việc rước lễ dưới hình rượu mát dần trong Thánh Lễ. Bí tích Thêm Sức dành riêng cho giám mục và chờ đến tuổi lớn.

Năm 1215, Công đồng Laterano IV đưa ra luật xưng tội rước lễ mỗi năm một lần mùa Phục Sinh tại giáo xứ mình. Bí tích hòa giải tiến đến hình thức hiện nay và quen gọi là xưng tội, với việc đền tội ấn định theo tội. Người sốt sáng cũng chỉ rước lễ đôi ba lần mỗi năm, vì lòng tôn kính cũng như hiểu biết giới hạn về Thánh Thể (Vua thánh Louis : 6 lần/năm). Vì ít hiểu Thánh Lễ bằng tiếng Latinh, đín hữu đi "xem lễ", việc nâng cao Thánh Thể, đặt Minh Thánh châu kính xuất hiện ...

Hôn nhân trước đây không phân biệt nghi lễ đời và đạo, thì từ nay thẩm quyền Giáo hội xác định các ngăn trở và điều kiện "thành sự và hợp pháp" (valide et licite). Yếu tố chính của hôn nhân là sự ưng thuận. Nghi lễ cưới long trọng tùy địa phương. Các cô dâu chú rể, chẳng hiểu bao nhiêu các câu Latinh, nhưng phải đến nhà thờ rồi mới tiệc tùng linh đình.

b/. Việc huấn giáo

Thời này chưa có giáo lý viên đúng nghĩa. Các cộng đoàn có trách nhiệm truyền bá đức tin bằng miệng. Thường cha mẹ, người đỡ đầu dạy cho trẻ các kinh và các giới răn. Con số 7 được dùng làm khung dạy giáo lý, soạn thành các kinh, đọc vắn như thơ : 7 tội đầu, 7 nhân đức, 7 ơn Thánh Thần, 7 Bí tích, Thương xót 7 mối ...

Các bài giảng ngày chúa nhật và đại lễ góp phần huấn luyện người già lẫn trẻ. Việc giảng thuyết bằng ngôn ngữ bình dân có bước tiến dài trong thế kỷ XIII. Các đan sĩ và các Dòng Hành Khất cạnh tranh với các lạc giáo. Nhờ Dòng Đa Minh, việc giảng xưa dành riêng cho các giám mục, nay mở rộng cho tất cả các linh mục, tòa giảng được đưa xuống giữa nhà thờ, có nơi đặt giữa sân khi đông người. Thánh Đa Minh giảng cả nơi cối xay. Giảng viên dùng nhiều chuyện và thí dụ trong cuộc sống. Giáo hữu có thể nêu ý kiến, vỗ tay, phản đối hay tranh luận, còn giảng viên có thể đánh thức thính giả đang ngủ gật.

II. ĐÁP ỨNG NHU CẦU THỜI ĐẠI

Phong trào về nguồn Tin Mừng không nhất thiết đưa đến lạc giáo mà có thể gọi lên dạng tu trì mới : các dòng hành khất. Các dòng tu này nhạy bén với sự phát triển của lạc giáo, với phong trào thị dân và trí tuệ, đáp ứng nhu cầu loan báo Tin Mừng cho người thời đại.

2,1. Các Dòng Hành Khất

Không kể các cộng đoàn nhỏ, công đồng Lyon II (1274), xác định bốn Dòng Hành Khất chính là Phanxicô (1209), Đa Minh (1216), Carmelô (1228) và ẩn sĩ Augustino (1256). Hai dòng tu sau dần dần cũng theo cơ chế tổ chức của Dòng Đa Minh.

a/. Thánh Đa Minh (1170-1221) là linh mục Kinh sĩ đoàn Osma. Tại Languedoc, ngài chứng kiến sự thất bại của các đan sĩ uy nghi lộng lẫy trước nhóm lạc giáo Cathares sống khổ hạnh. Ngài liền cố võ nếp sống nghèo và du thuyết. Dòng Thuyết Giáo tổ chức theo dân chủ bầu phiếu, các cộng đoàn linh mục sống tại thành phố, chuyên nghiên cứu, giảng thuyết phục vụ các nghiệp đoàn và dạy tại đại học. Các nữ đan sĩ Đa Minh được lập từ 1206.

b/. Thánh Phanxicô (1181-1226) là một tín hữu, năm 24 tuổi, đã từ bỏ giấc mơ hiệp sĩ và thương gia để tận hiến cho bà chúa nghèo. Anh đi sửa các nhà thờ, trả cho thân phụ đến mảnh áo cuối cùng rồi 12 bạn hữu đi giảng từ năm 1208. Thanh thoát, thơ mộng, chỉ sống theo luật Tin Mừng, nhưng ngài cũng chiêu anh em để soạn tu luật 1221 và 1223 với tu viện và học viện gần giống với Dòng Đaminh. Các nữ đan sĩ Clara được lập từ 1212.

Ngay trong thế kỷ XIII các dòng Hành Khất đã đóng vai trò then chốt trong toàn Giáo hội. Số tu sĩ gia tăng nhanh (Phanxicô và Augustin lên 30.000, Đaminh 12.000) với nếp sống nghèo khó và chuyên chăm thần học, đã góp phần nâng cao hàng giáo sĩ về trí thức lẫn luân lý. Cũng trong một thế kỷ, dòng Hèn Mọn có 56 Giám mục, dòng Thuyết Giáo có 450. Ngoài ra, các Dòng hành khất còn là lực lượng quan trọng xây dựng Giáo hội thống nhất với các hoạt động tuyên úy, đại sứ và cố vấn cho các vị vua. Các tu sĩ hành khất đã tích cực ra đi truyền giáo và qua các đại học, đào tạo một lớp tín hữu mới có khả năng. Chúng ta cũng không thể quên đến lớp men Tin Mừng mới cho xã hội là các anh chị em dòng Ba Carmelo, Phanxicô và Đaminh được.

2.2. Con đường sứ vụ rộng mở

Bên cạnh những đạo binh Thánh Giá có nhiều vấn đề Giáo hội đã hoàn tất việc Phúc âm hóa các miền Âu-Châu. Esthonia có tòa Giám mục năm 1201 tại Riga. Nước Phổ có tòa Giám mục 1215 nhờ công cha dòng Xitô Christian Oliva. Vùng Litwania năm 1386 ông hoàng Jagelion đã rửa tội để cưới Nữ hoàng Ba Lan Hedwidgia.

Với anh em Hội Giáo :

Thánh Phanxicô đã đến gặp Giáo chủ Ai Cập năm 1218, ngay giữa cuộc thánh chiến V. Raymond Lulle (Ofm, TBN +1315) chủ trương cảm hóa bằng tình yêu và sự hiểu biết. Thánh Raymondo (OP, +1275) đồng sáng lập Dòng "Đức Mẹ Chuộc Kẻ Làm Tội", khuyến khích mở trường cho các thừa sai học tiếng Ả Rập và sách Kinh Coran, để có thể đối thoại với người Hồi Giáo.

Tại Trung Hoa :

Năm 1248 và 1253, đức Innocente IV và vua Louis gửi hai phái đoàn do các Cha Plancarpin và Rubrouk dòng Phanxicô dẫn đầu đến gặp vua Mông Cổ, nhưng không thành công. Sau đó nhiều nhóm du thuyết Đaminh, Phanxicô kéo nhau đi giảng đạo tại Ba Tư, Ấn Độ và Trung Hoa.

Năm 1261 Vua Hốt Tất Liệt, qua trung gian cha và chú của Marco Polo, xin giáo triều gửi các thừa sai đến. Hai linh mục Đa Minh đã đi nhưng lâm bệnh phải trở về. Năm 1288, đức Nicolas IV cử cha Montecorvino (Ofm) đến Bắc Kinh. Ngài xây Thánh đường và rửa tội cả vạn người. Năm 1307 ngài được phong làm Tổng Giám mục Bắc Kinh. Năm 1333 số tín hữu đã lên đến cả 100.000. Thế nhưng khi nhà Minh (thay thế nhà Nguyên) ra lệnh cấm đạo từ năm 1368, thì Giáo hội Trung Hoa dần dần biến mất, phải chờ đến thế kỷ XVI.

2.3. Văn hóa đặt nền trên đức tin

a/. Nhu cầu văn hóa mới

Trong thời Man Dân việc học gần như chỉ phục vụ nhu cầu tôn giáo. Các xứ đạo dạy giáo lý, dạy đọc, viết, đếm và văn phạm ; các đan viện dạy Kinh Thánh, Giáo phụ và các bản chú giải ; các trường nhà thờ chính tòa thì đào tạo giáo sĩ triều.

Nhưng từ cuối thế kỷ XI, do nhu cầu thị dân, số người tìm học ngày càng tăng, nhiều giáo sư như Abélard đứng ra mở trường riêng. Các giáo sư và sinh viên liên kết với nhau tìm cách thoát khỏi vòng kiểm soát của hàng Giám mục. Họ đấu tranh để được dạy triết lý, Y khoa,

Luật khoa, và đề ra những qui chế tự trị. Abélard (+1142) đề nghị phương pháp thần học dựa vào lý luận, phân tích những lý lẽ bênh và chống, làm nhiều người phải bối rối.

Thế là lần lượt các đại học ra đời : Paris (1200) Bolonia, Oxford, Toulouse, Napoli, Salamanca ... Tính đến 1400 đã có 40 học viện hầu hết do sắc lệnh Tòa Thánh thiết lập dưới quyền tối cao của các Giáo hoàng. Tốt nghiệp các trường này, sinh viên được giảng dạy ở khắp nơi.

b/. Phái Kinh Viện Trung Cổ

Đặc trưng của phái Kinh Viện là lý trí và mạc khải đi đôi với nhau. Thề giá, đức tin và lý luận là ba yếu tố khám phá chân lý. Mọi vấn đề được tranh luận có biện chứng rồi tổng hợp thành hệ thống. Anselmo (+1109), Abélard (+1142), Lombardo (+1160) là những người khai phá tiền đến thời hoàng kim của các tiên sĩ Alexandro Hales (+1245), Bonaventura (+1274), Alberto (+1280) và nhất là Thomas Aquino (÷1274). Hơn bao giờ hết Giáo hội đảm nhận văn hóa thời đại.

Triết học Aristote được phổ biến rộng rãi thời này bị hàng giáo phẩm nghi ngờ, vì nhấn mạnh thế giới tự nhiên do quan sát thí nghiệm. Nó dường như phản lại thần học của thánh Augustino nhấn mạnh đến ân sủng và việc điều lãnh của Thiên Chúa. Thánh Alberto và Thomas được nhiều người coi là đã rửa tội cho triết học Aristote khi giải thích : Thiên Chúa sáng tạo nhưng Ngài để vạn vật tự biến chuyển theo bản tính. Siêu nhiên không phá đổ tự nhiên. Vinh dự của con người là vinh quang cho Tạo Hóa... Trong bộ "Tổng Luận Thần Học" thánh Thomas đưa ra một tổng hợp hòa điệu giữa kiến thức và Mạc khải. Mọi khám phá tìm tòi đều nhằm đến hạnh phúc tối hậu của con người. Triết lý bao gồm mọi khoa học đều phục vụ cho thần học.

Về sau nhiều đại học trở thành chuyên khoa. Môn Luật tại Bolonia, Y khoa ở Salerno, Văn chương ở Chartres, còn Triết và Thần Học ở Paris ... Để giúp sinh viên, các đại học tặng học bổng, mở lưu xá, thư viện và quán ăn. Lưu xá nổi tiếng nhất do vị tuyên úy vua Louis là Sorbon thành lập năm 1257.

2,4. Nghệ thuật Trung Cổ

a/. Sân khấu tôn giáo

Niềm tin các tín hữu Trung Cổ còn được diễn tả qua nghệ thuật sân khấu. Nhiều xen trong Kinh Thánh được kịch hóa : chia vai, hóa trang và diễn cách sống sảng trong nhà thờ, ngoài thăm cỏ hoặc ngay giữa phố xá như Giáng Sinh, Ba Vua, Phục Sinh, Emmaus ... Ngoài ra còn có nhiều vở kịch ghi lại phép lạ, sự can thiệp của các thánh. Kịch "Phép lạ Théophile" kể về một giáo sĩ ký hợp đồng với ma quỷ để được giàu có, sau xin Đức Maria cứu thoát khỏi nanh vuốt của chúng. Nhiều kịch bản dài, cầu kỳ và nhiều vai như kịch Thương Khó. Tiếc rằng hầu hết đã thất truyền.

b/. Kinh Thánh ghi trên đá

Kiến trúc Roman (X-XII) phát xuất từ các đan viện, với kỹ thuật đá vữa còn thô sơ. Cao từ 8-20m, ít cửa vì sợ sụp đổ, nên thường tối, thiếu ánh sáng. Nay bước qua thời thị dân, kiến trúc Gothic phản ánh sự phát triển của thủ công nghệ. Cao từ 38-42 mét, với cửa kính tròn và lớn, vòm mái có múi, nhiều cửa sổ và thanh thoát về không gian. Glaber một sử gia đương thời nói về việc xây nhà thờ nhiều đến độ "thế giới trút bỏ y phục cũ kỹ để mặc tấm áo trắng mới các nhà thờ" (Histoire III, 4).

Kỹ thuật về kiếng màu, điêu khắc, đắp tượng cũng phát triển. Các hình chạm trổ, kiếng màu và tranh tượng được ví như người giáo lý viên trung thành nhắc nhở từng giai đoạn Thánh Kinh, các mẫu nhiệm đức tin, các nhân đức và nét xấu. Qua gạch đá, nghệ nhân nói lên những khắc khoải và hy vọng của tín hữu đương thời : mong chờ Thiên Đàng và sợ Hỏa ngục với những quỷ thần và phù thủy. Qua các hình ảnh trang hoàng giáo đường này, ta có thể hiểu được những bận tâm của con người, biết đến y phục, nghề nghiệp và cả những giải trí của thời đại.

TOÁT YẾU

1/. Mạch ngầm niềm tin :

Thời Trung Cổ : niềm tin của đại chúng bao trùm tất cả mọi sinh hoạt trong đời sống. Thiên Chúa được tôn kính như Đấng Toàn Năng, các buổi lễ được dân gian hóa, người tín hữu càng giống các đan sĩ càng được coi là đạo đức.

Về sinh hoạt Giáo hội : Bảy Bí Tích được xác định, giáo lý được dạy truyền khẩu và được bổ sung bằng các bài giảng gần gũi với cuộc sống.

2/. Đáp ứng nhu cầu thời đại :

Trước phong trào thị dân và đại học thời Trung Cổ, xuất hiện các Dòng hành khất như Đa Minh, Phanxicô, Carmelo, Ân sĩ Augustin ... Những giảng viên di động, loan báo Tin Mừng bằng đời sống nghèo.

Những Dòng tu này là thành phần nòng cốt cho Giáo hội phổ quát : đảm nhận vai trò trí thức trong các đại học, đáp ứng nhu cầu triết học đương thời và tích cực ra đi đến những nơi xa xôi để truyền đạo. Những vùng còn lại của Âu Châu như Esthonia, Phổ, Lithuania đón nhận Tin Mừng; nhiều nỗ lực tiếp xúc với anh em Hồi Giáo và đường sứ vụ đã mở rộng đến tận đất Trung Hoa.

Về văn hóa, kinh viện học phái ra đời, nối kết hòa điệu kiến thức với mạc khải, nổi tiếng nhất là Thánh Bonaventura và Thánh Thomas. Về nghệ thuật Trung Cổ, tất cả đều được gọi hứng từ tôn giáo : từ kịch nghệ, thủ công nghiệp, tiến đến kiến trúc Gothic là nghệ thuật của các thành phố, làm nổi bật sự cân đối hài hòa trong thế kỷ XIII.

Nước Kitô thời khủng hoảng

NƯỚC KITÔ THỜI KHỦNG HOẢNG

(1303 - 1453)

I. CHẤM DỨT THÀN QUYỀN CHÍNH TRỊ

1,1. Phong trào quốc gia tại Châu Âu

Ngôi hoàng đế La-Đức bị bỏ trống gần 20 năm (1254-73). Những vị hoàng đế sau đó do các ông hoàng bầu lên, nên không có thực quyền. Các vị vua Anh và Pháp dần dần củng cố ngai vàng riêng với tổ chức tập trung quyền hành về kinh tế lẫn tư pháp. Tây Ban Nha thì muộn hơn, chờ đến khi thắng Hồi Giáo tại trận Grenade năm 1492. Hậu quả của phong trào quốc gia này là những cuộc chiến tranh giữa các nước, tiêu biểu là chiến tranh "Trăm Năm" giữa Anh và Pháp (1337-1453). Để củng cố quyền bính, tranh chấp giữa các vua với giáo hoàng là điều chắc chắn xảy ra.

1,2. Anagni (1303)

Cuộc tranh chấp giữa vua Philipe le Bel nước Pháp, với đức Bonifacio VIII xảy đến hai lần, cả hai đều đùng độ mạnh. Vua nước Pháp được các luật gia cổ vấn, xác định quyền của hoàng cung. Còn giáo hoàng cũng là một luật gia cứng rắn nhất định không nhân nhượng về quyền giáo hoàng.

Năm 1297, để ngăn cản chiến tranh, giáo hoàng cấm các giáo sĩ nộp thuế cho vua Anh, Pháp. Ngược lại vua Philippe cấm đưa tiền và vàng ra khỏi nước. Tình hình lắng dịu khi Roma phong thánh cho vua Louis IX. Lần thứ hai, khi vua Pháp đưa ra tòa kết án giám mục Pamiers Saisset, khâm sai Tòa thánh, vu cáo tội dấy loạn năm 1301. Đức Bonifacio VIII có lẽ còn nhớ đến 100.000 khách hành hương dịp "Năm Thánh" 1300, ban hành một Tông Chiếu triệu tập công đồng giải quyết chuyện nước Pháp. Vua Pháp liền họp Đại Hội Quốc Dân (10-4-1302) tại nhà thờ Đức Bà Paris và được cả ba giới giáo sĩ, quý tộc lẫn thứ dân Pháp hoan nghênh.

Đức Bonifacio VIII ban hành Thông Điệp Duy Nhất Thánh (Unam Sanctam 1302) khẳng định thần quyền tối thượng của chức vị giáo hoàng, mà các vua phải tuân phục. Đáp lại, nhà Vua tự khẳng định quyền tối cao trong vương quốc và tố cáo giáo hoàng lên chức bất hợp pháp, mại thánh và bội ước. Ngày 7-9-1303 Guillaume de Nogaret đem quân vây bắt Đức Bonifacio VIII tại Anagni. Vị giáo hoàng 86 tuổi buồn sầu và từ trần ba tuần sau đó, dù dân địa phương nổi dậy bên vực Ngài.

Lâu đài Anagni trở thành biểu tượng thay thế Canossa, xóa mờ những kỷ niệm Gregorio VII - Henry IV, Alexandro III - Frederic I, và Gregorio IX - Frederic II.

1,3. Đặt lại vấn đề thần quyền

Tại Đức, Vua Louis Bavière bị đức Gioan XXII ra vạ năm 1324. Ngài tuyên bố Frederic d'Autriche mới là vua. Linh mục Ockham ủng hộ vua Louis Bavière, khẳng định quyền của vua Đức trong lãnh vực trần thế, chủ trương quốc giáo tự trị.

Marsilius de Padua đi xa hơn, thượng tôn công đồng, phủ nhận giáo hoàng Gioan XXII. Ông cùng vua Louis nước Đức đặt giáo hoàng Nicolas V (Ofm 1328-30), có điều chẳng bao lâu vị này từ chức. Theo ông, giáo hoàng chỉ quyền triệu tập công đồng chứ không có quyền tài phán. Chủ thuyết độc tài hoàng đế bắt đầu manh nha từ đây.

II. KHỦNG HOẢNG NGÔI GIÁO HOÀNG

2,1. Giáo triều Avignon (1309-76)

Sau 11 ngày họp tuyển cử, hai nhóm hồng y (theo vua Philippe hoặc giáo hoàng Bonifacio) đã bầu giám mục Bordeaux lên chức giáo hoàng. Đức Clément V đăng quang tại Lyon năm 1305, ngài ở lại đất Pháp theo ý vua Philippe và vì Nước Tòa Thánh đang có nội chiến. Năm 1309, ngài lập tòa tại Avignon. Năm 1348, đức Clemente VI mua thành phố này với giá 80.000 phạt lãng (năm 1791 cách mạng Pháp truất hữu).

Nhiều người nói về Avignon như cuộc lưu đày Babylon. Nhưng thực tế thành phố này khá thuận lợi cho việc cai quản Giáo hội, vừa yên tĩnh vừa dễ dàng giao lưu với các vùng trong Nước Kitô. Có ba vấn đề đáng lưu tâm :

a/. Ảnh hưởng nước Pháp

Bảy vị Giáo hoàng Avignon, đều quốc tịch Pháp ; 113 trong số 134 hồng y thời Avignon là người Pháp. Hơn nữa do áp lực của vua Philippe Le Bel, đức Clemente V giải tán Dòng Đền Thờ tại công đồng Vienne (1311-12).

b/. Nỗ lực tập trung quyền hành

Các giáo hoàng, nhất là Gioan XXII, gia tăng số nhân viên giáo triều (có khi đến 4000) ; mũ giáo hoàng được đức Benedictô XII thêm tăng thứ ba. Từ nay việc bầu giám mục được thay thế dần bằng việc đặt giám mục "nhờ ân huệ Thiên Chúa và Tông Tòa".

c/. Lạm phát về chi tiêu

Vì số nhân viên đông và việc xây cất giáo triều Avignon Tòa Thánh cần rất nhiều tiền. Ngoài lợi tức của Nước Tòa Thánh, và quà cáp hằng năm của các vua, thánh đường, tu viện... ta thấy xuất hiện các loại thuế nhậm chức của Giám mục và viện phụ, thuế bó buộc cho các Giám mục đi "ad limina" (về Tòa Thánh trong hạn 5 năm). Dĩ nhiên chúng ta không quên những khoản chi phí chính đáng để cứu trợ con dịch đen, cứu tế xã hội, và việc thiết lập các Tòa Giám mục mới tại Á Châu.

Việc trở về Roma

Chân phước Urbano V (1362-70) quyết định đưa giáo triều về Roma và được đón tiếp long trọng ngày 16.10.1367. Thế nhưng khi ngài đặt tám hồng y mà chỉ có một vị người Ý (7 vị Pháp), dân Roma dự định nổi loạn. Đức Urbano V quay trở lại Avignon và băng hà.

Đức Gregorio XI lên kế vị (1370-78), được sự cổ vũ tích cực của thánh nữ Catharina Sienna, mới thực sự đưa giáo triều về giáo đô năm 1376. Từ nay các giáo hoàng ngụ tại điện Vatican thay vì ở Laterano.

2.2. Cuộc ly giáo Tây phương (1378-1417)

Tháng 4.1378, sau hai ngày bầu cử căng thẳng giữa tiếng la ó của dân chúng đòi có tân giáo hoàng người Roma hoặc người Ý, giám mục Bari là Bartolomeo Prignano đắc cử, lấy hiệu là Urbano VI (1378-89). Vì tính ngài cứng cỏi lại dự định đặt nhiều Hồng y người Ý, nên cuối cùng tháng 5, 13 Hồng y bỏ xuống Avignon tuyên bố cuộc bầu cử trước thiếu tự do và bầu Giáo Hoàng mới Clementê VII (1378-94) người Genève, lập giáo triều tại Avignon. Vua Pháp Charles V công nhận Clementê VII đưa đến cuộc ly giáo kéo dài 40 năm.

a/. Tình hình chia rẽ

Nước Kitô bị chia đôi theo địa dư : Phía Roma có Đức, Anh, Ái, Bỉ, Ý và Đông Âu ; Phía Avignon có Pháp, Savoie, Napoli, bán đảo Ibérique. Mỗi bên đều có các vị thánh ủng hộ. Kế vị Urbano VI là Bonifacio IX (1389-1404). Kế vị Clementê VII là Benedicto XIII (1394-1423). Các Giáo hoàng ra vạ tuyệt thông lẫn nhau.

Các nhà thần học Paris đề nghị ba giải pháp là thoái vị, hòa giải với trọng tài, hoặc công đồng. Thế nhưng cả hai giáo hoàng không chịu thoái vị. Phía Roma có hai giáo hoàng mới là Innocente VII (1405-06) và Gregorio XII (1406-17). Năm 1407, vua Pháp Charles VI tự nguyện mời hai bên hòa đàm nhưng không thỏa thuận được địa chỉ. Giải pháp hai cũng thất bại.

Các Hồng y của hai bên thấy vậy liền họp nhau tại Pisa (1409) kết án thủ lãnh cả hai phe là bè phái, lạc đạo và bội ước, đồng thanh bầu Alexandro V (1409-10) rồi bầu Gioan XXIII (1410-19), trụ sở ở Bolonia, Đức. Thế là Giáo hội có cùng lúc ba giáo hoàng.

b/. Công đồng Constancia kết thúc phân ly

Theo yêu cầu của hoàng đế La-Đức Sigismund, giáo hoàng Gioan XXIII đứng ra triệu tập công đồng Constancia (1414-18). Ngay phiên họp đầu, công đồng yêu cầu ba giáo hoàng từ chức :

* Gioan XXIII bỏ trốn, bị bắt giam, cách chức, nhưng sau được tự do khi nhận quyền giáo hoàng mới.

* Gregorio XII tuyên bố thoái vị.

* Benedicto XIII dầu đã 90 tuổi vẫn không từ chức nên bị công đồng truất phế. Sống cô đơn tại một đan viện ở Valencia, ngài vẫn nghĩ mình là giáo hoàng.

Năm 1415, công đồng Constancia xác định công đồng có quyền tối cao trong Giáo hội, kết án Jean Hus và bầu đức Martino V (1417-31). Ngài chủ tọa nốt công đồng, ra nhiều sắc lệnh cải tổ rồi mới về Roma đăng quang. Đại ly giáo chấm dứt, Công đồng chung được quyết định trong tương lai sẽ họp định kỳ.

2.3. Công đồng hiệp nhất Florencia (1439-43)

Theo quyết định của công đồng trước, đức Martino V triệu tập công đồng Pavia (1423) và Bâle (1431). Công đồng Bâle tuy ít Giám mục, nhưng lại có nhiều giáo sĩ, các bề trên dòng và đại học tham dự. Công đồng đề cao việc canh tân nhấn mạnh đến việc giảm thuế các loại. Đức Eugenio IV (1431-47) trong hướng đại kết, đã hội ý với hoàng đế Byzantin, quyết định dời công đồng Bâle về Ferrera (1438) rồi Florencia (1439-43).

Hồng y Aleman với 10 giám mục và 300 chuyên viên vẫn cố chấp họp lại Bâle. Họ truất phế đức Eugenio IV và đặt ông hoàng xứ Savoie lên ngôi là Felix V (1439-49). Khi vị này từ chức, họ đặt Giáo hoàng Nicolas V trùng danh hiệu với Đức Nicolas V (1447-55), nhưng ít người hưởng ứng.

Công đồng Florencia có những thành quả sáng chói ít là bên ngoài. Các ông hoàng phía Chính Thống đang cần viện binh để đối đầu với sức tiếp quân của Hồi Giáo Thổ Nhĩ Kỳ, phía

Roma liền đặt điều kiện "hiệp nhất". Công đồng Florencia gồm 150 vị bên Tây và 700 Nghị Phụ Đông Phương, đã đi sâu vào những tranh luận thần học và kết thúc tốt đẹp với sắc lệnh hiệp nhất "Laetentur coeli" vì "bóng mây buồn thảm của thời gian dài chia cắt đã qua, ánh quang của sự hiệp nhất ước mơ bấy lâu đã chiếu sáng tất cả". Đông phương được dùng bánh có men trong Thánh Lễ. Nhiều Giáo hội trở về hiệp nhất Arménie (1439), Jacobit (1442), Syria (1444), Chaldea và Maronit (1445). Thế kỷ sau thêm Ucraina (1596), Rumani (1697)...

Thế nhưng việc hiệp nhất không được trọn vẹn. Các giáo chủ ủng hộ hiệp nhất như Isidoro thành Kiev, Josephus thành Constantinople bị các giáo sĩ và dân chúng phản đối. Còn các Giám mục phản đối bản văn như Marco thành Epheso thì được tung hô như người hùng bảo vệ Chính Thống Giáo. Tình hình thêm xấu khi Tây Phương thờ ơ trước vận mạng của Constantinople, bị rơi vào tay Thổ Nhĩ Kỳ năm 1453. Với thời gian việc đại kết vẫn có thể thành sự, nhưng trước mắt, quan hệ Đông Tây chầm dứt, các dị biệt ngày càng tăng.

Cuối cùng, uy tín giáo hoàng được củng cố. Đức Eugenio IV tuyên bố chỉ nhìn nhận những sắc lệnh Constancia không nghịch với quyền tối cao của giáo hoàng. Thế nhưng, nửa sau thế kỷ XV, vì lạc vào chính sách đề cao nước Ý và cơn hỏa mù thời phục hưng, các giáo hoàng chỉ bận tâm làm đẹp thành phố Roma, mang tiếng nhiều về tệ nạn xa hoa, háo danh, vụ lợi và thiên tư con cháu trong gia tộc.

III. CUỘC KHỦNG HOẢNG XÃ HỘI

3.1. Những bất hạnh của thời đại

a/. Chiến tranh, ôn dịch và chết chóc

Âu Châu thế kỷ XIV - XV còn chồng chất những tai ương, kinh hoàng nhất là "Con Dịch Đen" (1347-49) thảm sát 1/3 dân số. Rồi chiến tranh các vùng như Chiến Tranh "Trăm Năm". Nhưng nạn nhân các cuộc chiến còn ít hơn nạn nhân trong các cuộc cướp phá, thiêu hủy làng mạc đô thị. Nhiều thánh đường thiếu mái, nhiều giáo sĩ bị giết, nhiều nơi không tìm ra bánh rượu để dâng lễ.

Vì thế người ta luôn bị cái chết ám ảnh. Các tranh ảnh sách vở thuật lại những cái chết thảm. Các cuộc khiêu vũ quỷ thần (hóa trang thần chết và các bộ xương khô) nhấn mạnh con người bình đẳng trước thần chết. Người ta ít khóc người chết và chuẩn bị chết với các nghệ thuật chết. Ở Paris, nghĩa trang là nơi nhiều người tụ họp nô đùa giải trí nhất.

b/. Ma quỷ với con người

Trước cái chết mọi nơi, người ta tìm cách giải thích. Đúng là Thiên Chúa trừng phạt tội con người? Đó là nguồn gốc các "đoàn rước đánh tội" đến đổ máu giữa phố. Thế nhưng thảm họa vẫn chưa dứt, satan được gán cho mọi bất hạnh. Con sốt ma quỷ kéo dài đến thế kỷ XVII, cụ thể qua các bà phù thủy. Nhiều người thích coi bói và liên lạc với ma quỷ dù hàng ngàn người phải lên đàn lửa. Một thần học sai lầm cộng với tâm lý bệnh hoạn là lời giải thích cho các biểu hiện ngoại nhiên về quỷ ma.

3.2. Cuộc khủng hoảng tri thức

Các xáo trộn trong Giáo hội, các tranh chấp giữa giáo hoàng - hoàng đế, việc có hai ba giáo hoàng giữa một xã hội mất ổn định, khiến người ta ngày càng bán tín bán nghi. Tương quan triết thần đã mất dần thế quân bình của thế kỷ XIII.

Phái Duy Danh của Ockham (+1350) đề cao vai trò dân chúng hơn ý kiến Giáo hội. Theo ông, người ta không thể dùng lý trí để biết Thiên Chúa, các ý niệm thần học chỉ là mớ danh từ. Vì thế ông cổ võ đọc Thánh Kinh và hạnh các thánh. Thiên Chúa hoàn toàn tự do thưởng phạt ai tùy ngài muốn.

Wiclif (+1384) đề cao Thánh Kinh so với Truyền Thống và nhân danh triết học (Ockham) chối việc Minh Thánh biến đổi bản thể. Trong bối cảnh đại ly giáo, ông chối bỏ thần học truyền thống. Theo ông, không thể đồng hóa Giáo hội với các thủ lãnh công lại luật Chúa vì

Giáo hội là toàn thể những người được tiền định, có Đức Kitô là thủ lãnh. Cuốn "Thánh Thể" bị Công đồng Lyon (1382) lên án, ông vâng lời xin hiệp thông với Giáo hội và qua đời cách thánh thiện.

Jean Hus (+1415) : trong bối cảnh ba giáo hoàng, Hus không coi Giáo hội cơ chế là Giáo hội thực. Bị Gioan XXIII kết án, nhưng ông vẫn được dân Tiệp Khắc ủng hộ. Jean Hus mạnh dạn đến công đồng Constancia, chứng minh ý kiến mình có căn bản Tin Mừng. Bị bắt giam, ông viết thư tự nhận mình tử đạo cho chân lý. Cuộc hành trình Jean Hus gây ra nội chiến nhiều thập niên, vì ngay khi đó, 450 lãnh chúa viết thư bênh vực ông là người chính thống về giáo lý.

3,3. Những thay đổi trong đời sống đức tin

Trước ám ảnh cái chết, mỗi ưu tư ơn cứu độ và vì mất tín nhiệm nơi giáo quyền, đời sống Kitô hữu có nhiều biến chuyển. Nói chung họ dựa vào kinh nghiệm cá nhân hơn là uy tín phẩm trật. Như trường hợp Jeanne d'Arc (+1431), cô tin vào thị kiến hơn là Giám mục, đan sĩ và thần học gia Áng-lê. Tuy nhiên khuynh hướng kinh nghiệm cá nhân đã chuyển thành hai chiều trái ngược : hoặc trở thành mê tín, hoặc đào sâu đích thực đời sống nội tâm.

Nhiều người tự tìm ơn cứu rỗi bằng những phương thế trong tầm tay : gia tăng số kinh số lễ, tôn kính thánh tích. Có người, nhất là các ông hoàng, sau những thời kỳ buông thả, đã tìm cách đền bù bằng những khắc khổ ngẫu hứng bệnh hoạn.

Lòng đạo đức thời này cũng đi sâu hơn vào lòng yêu mến nhân tính Đức Kitô. Một tác giả nói thời này được ơn khóc lóc. Mỗi tín hữu tốt đều phải cảm thương cuộc khổ nạn Đức Kitô cùng đau khổ với Ngài.

Đầu thế kỷ XIV, nở rộ phong trào thần bí có nền tảng thần học.

Ba vị Dòng Đaminh là Eckhart (+1327), Gioan Tauler (+1361) và chân phước Henri Suso (+1366) cùng với linh mục Rysbroek Flamand dòng Augustin (+1381) tạo nên phong trào thần bí lưu vực sông Rhin nhấn mạnh sự "chiêm ngưỡng mến yêu và ước muốn kết hiệp với Thiên Chúa" vượt qua mọi ngôn từ.

Cuối thế kỷ XIV, ước vọng sống thiêng liêng lan tràn đến giáo dân nam nữ ngoài tu viện. Họ họp thành các nhóm thần bí bị nghi ngờ như nhóm Béguine, Béghard, hoặc gia nhập các dòng Ba Carmelo, Phanxicô, Đa Minh ... như thánh nữ Catharina Sienna (1347-80). Những thành phần này dựa vào cảm tính tôn giáo và các phương thế tiến đức. Linh đạo của họ như tác phẩm "Đôi Thoại" của thánh Catharina thích hợp với đại chúng nên được phổ biến rộng rãi hơn.

Linh mục Gerson (+1429) chương án đại học Paris được coi như người khởi xướng trào lưu "sùng kính tân thời" (Dévotion moderne). Phong trào được kết tinh trong cuốn "Gương Phức" thường được gán cho Thomas Kempis (+1471) dòng Augustino. Nội dung coi thường thần học, khoa học, trí tuệ, nhấn mạnh việc bỏ ý riêng theo ý Chúa qua cầu nguyện, suy niệm và khẩn nài lòng Chúa xót thương. Với những câu ngắn như châm ngôn, sách đánh động tâm hồn và gợi ý thực hành dễ dàng. Bầu khí sùng mộ "mô-đéc" này giúp ta hiểu về những nhân vật thời phục hưng như Erasme, Luther ...

IV. GIÁO HỘI BÊN ĐÔNG PHƯƠNG

4,1. Những tòa giáo chủ cho dân Slave

Do ảnh hưởng các thánh Cyrillo và Methodo, hai Giáo hội Bungari và Serbia gần gũi với Constantinople hơn là Roma. Tòa giáo chủ Bungarie đặt tại Tarnovo, còn Serbia tại Pec. Khi hai nước này bị Hồi quân xâm chiếm, hai Giáo hội này đi dần vào bóng tối.

Tại vùng đất Nga, Giáo hội Kiev có vị trí trung tâm được Constantinople yểm trợ tối đa trong ngành nghệ thuật tiêu biểu là việc xây dựng nhà thờ Sophia ở Kiev. Thế nhưng từ năm 1240, Kiev bị người Mông Cổ chiếm đóng. Các vùng Nga Bắc, đặc biệt là Matxcova phải

hiệp lực giải phóng Kiev (nổi tiếng là trận Kourikovo 1380 do thánh Sergius cầm đầu). Quan hệ với phía Latinh ngày càng xấu đi, thánh Alexander Nevski và ông hoàng Novgorod đã phải vất vả đánh đuổi dòng Teutonic năm 1242. Năm 1325 tòa giáo chủ của dân Nga được chuyển về Matxcova. Năm 1448, sau khi phản đối sắc lệnh hiệp nhất của công đồng Florencia, một công đồng Nga tuyên bố Giáo hội tự trị, đặt thủ phủ tôn giáo tại Matxcova.

4.2. Byzantin sụp đổ

Sau cuộc binh thánh giá IV, đế quốc Byzantin tái thiết từ 1261, nhưng thực chất chỉ còn hai bán đảo Bosphore và Mistra. Năm 1453, thành phố bị quân Thổ Nhĩ Kỳ bao vây ... Ngày 28-5-1453, dân chúng còn rước kiệu và dâng lễ tại đền thờ Sophia. Hoàng đế Constantin Dragares XI lãnh bí tích cuối cùng và hôm sau bị giết trên tường thành. Ngày 30-5, Sultan Mahomet II cỡi ngựa bước vào đền thờ Sophia ngón ngang xác người. Roma đệ nhị đến ngày tàn. Matxcova đứng ra đảm nhiệm vai trò bảo vệ Giáo hội Chính Thống và tự nhận là Roma đệ tam (1461).

4.3. Linh đạo Đông phương

Các Giáo hội Đông phương từ Bulgari, Serbia, Russe, Hy-lạp ... có nhiều điểm tương đồng : tinh thần đan viện và truyền thống nghệ thuật qua ảnh tượng. Núi thánh Athos tại Hy Lạp quy tụ nhiều đan viện của mọi quốc gia Chính Thống. Sau một thời gian, các đan sĩ về phục vụ tại quê nhà, khá nhiều vị được chọn làm Giám mục, đôi khi làm giáo chủ nữa.

Các vị thánh nổi danh như thánh Gregorio ở Sinai, thánh Théodose ở Tarnovo, thánh Saba ở Serbia, và thánh Sergius vị sáng lập đan viện Chúa Ba Ngôi Nga (+1392). Đặc biệt thánh Gregorio Palamas (+1359) đan sĩ Athos sau làm giám mục Thes-salonica, đã có công tổng hợp thần học Chính Thống "Hésychia", một dạng định tâm để chiêm niệm.

Nhiều nhà thờ đan viện còn lưu lại các tranh Mosaic, tranh vẽ và tượng của giai đoạn này. Tác phẩm Ba Ngôi Thánh của Andrei Roublev họa năm 1411 được cả thế giới biết tiếng.

TOÁT YẾU

Cuối thế kỷ XIII, Nước Kitô bước vào cuộc khủng hoảng toàn diện : từ quyền bính xã hội đến tri thức. Nền tảng Nước Kitô là quyền Giáo Hoàng bị đặt thành vấn đề. Các quốc gia Tây Âu dần dần dành lấy quyền độc lập.

Vua Pháp Philippe le Bel cho bắt giam tác giả thông điệp nêu cao thần quyền "Duy Nhất Thánh" (1302) tại Anagni năm 1303. Tiếp theo là bầy Giáo Hoàng lập giáo triều tại Avignon, Pháp gần 70 năm. Sau đó Giáo hội còn phải chịu 40 năm ly giáo Tây phương với hai giáo hoàng ở Roma và Avignon, giai đoạn cuối còn thêm vị thứ ba ở Bologne, Đức. Công đồng Constancia 1415 phải cương quyết chấm dứt nhiệm kỳ cả ba vị để bầu đức giáo hoàng Martino V.

Xã hội Âu Châu thì bị xáo trộn vì chiến tranh, tiêu biểu là chiến tranh "Trăm Năm" Anh-Pháp, và vì thiên tai như cơn "Dịch Đen", tàn sát đến 1/3 dân số. Nhiều tín hữu bị ám ảnh bởi thần chết và qui ma phát sinh nhiều dạng mê tín và khổ chế tập thể. Thần học thời này không giải đáp được những thắc mắc của phái Duy Danh (Ockham). Wiclif và Hus thì phê phán cơ chế giáo sĩ.

Nếp sống đạo của tín hữu giai đoạn này cũng có chiều thay đổi : nhiều người tự xoay sở các phương thế đạo đức, nhưng cũng có nhiều tâm hồn đi sâu hơn vào đời sống tâm linh. Phong trào thần bí sông Rhin đề cao sống kết hiệp với Chúa. Việc "sùng kính Tân Thời", ta còn thấy trong sách Gương Phức, nhấn mạnh việc bỏ ý riêng để theo ý Chúa.

Việc hiệp nhất hai Giáo hội Đông-Tây được xác định tại công đồng Florencia (1439) do bối cảnh xâm lấn của Hồi quân. Nên khi Constantinople thất thủ năm 1453, tình trạng chia ly còn xấu hơn trước. Từ nay Matxcova đứng ra đảm nhận vai trò bảo vệ Chính Thống và tự nhận là Roma đệ tam (1461).

Nước Kitô thời khủng hoảng BÀI ĐỌC THÊM

BẦU GIÁO HOÀNG CUỐI THẾ KỶ XIII

Năm 1268, các hồng y họp suốt 17 tháng mà không ai đạt 2/3 số phiếu. Người ta phải giữ (nhốt) các hồng y không cho vị nào rời phòng họp, vua Louis IX thì gửi tối hậu thư thúc giục, còn dân chúng có khi rờ mái lâu đài giữa mùa mưa gây áp lực, yêu cầu các ngài bầu cử cho nhanh hơn. May mắn thay giáo hoàng đắc cử là một vị thánh, đức Gregorio X (1271-76).

Năm 1292, cuộc họp bầu giáo hoàng cũng mất gần hai năm, mới đưa lên được một đan sĩ 80 tuổi là đức Celestino V. Có điều vị giáo chủ ẩn sĩ này, choáng váng trước những xung đột chính trị đã xin thoái vị để được về rừng sâu. Mười một ngày sau, đức Bonifacio VIII đắc cử, vị giáo hoàng của lâu đài Anagni.

CHIẾN TRANH TRĂM NĂM

Ba người con trai của Philippe le Bel là Louis X, Philippe V và Charles IV đều không có con nối dõi, ngai vàng được chuyển giao cho Philippe VI em họ của các cậu. Công chúa Isabelle em gái các cậu trước đã cưới hoàng tử Anh và sinh hạ Edouard III. Nhân vụ tranh chấp mua bán vải vóc tại Flandre, Edouard III tự xưng là vua nước Pháp và đem quân xâm lấn. Chiến tranh trăm năm có bốn giai đoạn :

- + 1340-64 : Anh chiếm khoảng 1/4 nước Pháp.
- + 1364-80 : Pháp tái chiếm gần hết.
- + 1380-1422 : Vì nội chiến Pháp mất 1/2 lãnh thổ.
- + 1422-52 : Nhờ thánh nữ Jeanne d'Arc Pháp ủng hộ, Charles VII đuổi Anh ra khỏi bờ cõi, chỉ trừ Pas-de-Calais.

Sau chiến tranh trăm năm, quân đội hai bên đều tiến bộ, giai cấp thị dân tiến lên ngang hàng với quý tộc và tầng lữ ; tinh thần quốc gia ngày càng được nâng cao.

TƯ LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN ANAGNI

* Philippe xác định quyền của mình (1297)

Sự điều hành các việc trần thế trong vương quốc chỉ thuộc duy đức vua chứ không thuộc ai khác. Vị này không nhận quyền từ ai cả, không phải vâng phục bất cứ ai trong tất cả mọi vấn đề trần thế thuộc nước mình.

* Bonifacio VIII trong nghị hội

Các vị tiền nhiệm của chúng ta đã truất phế ba hoàng đế Pháp, điều đó còn ghi rõ trong sử biên niên của Pháp và của ta. Vì vua Pháp hiện nay đã phạm những điều tổ tiên y đã phạm, nên nếu không hối cải, ta cũng phải đau buồn truất ngôi y như một đứa con xấu.

* Thông điệp Unam Sanctam

(...) Giáo hội thánh và duy nhất, chỉ có một thân thể, một đầu chứ không thể có hai đầu như quái vật, đầu đó là Đức Kitô và Phêrô, đại diện đức Kitô và các đấng kế vị Phêrô (...) Thế quyền phải vâng phục thần quyền (...). Nếu quyền trần gian sai lạc, quyền thiêng liêng sẽ thẩm xét, nếu quyền thiêng liêng cấp dưới sai lạc, sẽ có quyền cao hơn phán định. Nếu quyền tối cao sai lạc, chỉ có Thiên Chúa chứ không phải con người phán xét được (...). Quyền này tuy được con người thể hiện, nhưng là quyền do Chúa chứ không do con người (...) Vì thế, chúng tôi tuyên ngôn và công bố rằng : việc vâng phục giáo chủ Roma là tuyệt đối cần thiết cho ơn cứu độ của mỗi người.

* Bản cáo trạng đức Bonifacio VIII của Nogaret

Tôi khẳng định cá nhân bị cáo, biệt danh Bonifacio không phải là giáo hoàng. Y không qua cửa mà vào nên phải coi là tên trộm cắp. Tôi khẳng định y đã công khai lạc đạo, mại thánh

đáng kinh tởm như chưa từng có từ tạo thiên lập địa đến bây giờ. Cuối cùng tôi khẳng định kẻ gọi là Bonifacio đã phạm những tội ác to lớn, rõ rệt và bất khả chữa trị. Cần phải có một công đồng chung để phán xét và kết án y.

(JC Đề đọc LSGH I,p 179)

MARSILIUS DE PADUA (1275-1342)

Viện trưởng đại học Paris từ 1313

Con người liên kết với nhau để sống thỏa mãn, giúp nhau tìm kiếm và trao đổi các sản phẩm (...). Các ông hoàng hành động theo luật và quyền được ủy thác, chính là qui luật và thước đo của mọi hành vi dân sự.

(...) Giáo hội là toàn thể những người tin và kêu cầu Danh Đức Kitô... Các tác vụ, linh mục, giám mục, phó tế chưa phải là Giáo Hội... Đức Kitô ấn định quyền kêu gọi, điều tra, thẩm định, giải quyết và kết án, là quyền thuộc về toàn thể tín hữu làm thành một cộng đoàn là công đồng chung.

(Defensor Pacis; theo Pacaut, trong Théocratie, p280-282)

PÉTRAQUE THÓA MẠ AVIGNON

Avignon, Babylon vô đạo, địa ngục của người sống, ổ tội lỗi như nhớp, công rãnh của địa cầu. Tại đây người ta không thể thấy đức tin lẫn đức ái, không tôn giáo, không có lòng kính sợ Chúa lẫn liêm sỉ, không có gì ngay chính, không có gì thánh thiện, dù đó là trú sở của Giáo hoàng, với điện thờ và đôn lữ (...)

Các hồng y, thay vì là những tông đồ đi chân không, đã trở thành những kẻ sa hoa, cỡi ngựa phủ toàn vàng, hàm thiếc cũng vàng. Và nếu Chúa không cản tội sa hoa ấy, chẳng bao lâu giày họ cũng bằng vàng. Người ta thấy các ngài như những vị vua Ba tư hay xứ Parthes, mà họ phải tôn thờ và họ không dám đến gần với hai bàn tay trắng.

(JC Đề đọc LSGH I. 181)

HƯỚNG NHÌN ĐẠI KẾT

(Theo Roger Aubert, Introduction Générale trong bộ Nouvelle Histoire de l'Eglise, T.I)

Đừng quên rằng những Giáo hội tách rời Roma vẫn tiến triển. Đức Pio XI có nói : "Các mẫu tách khỏi đá có vàng, vẫn có vàng". Do đó Chính Thống, Tin Lành, Anh Giáo, tuy cách lìa khỏi Una Sancta, vẫn mang theo mình gia sản chung là Thánh Kinh và phép rửa. Đôi khi họ cũng duy trì tất cả các bí tích cũng như hàng giám mục. Ở đó vẫn được nuôi dưỡng bằng những giá trị Kitô giáo tích cực. Hơn nữa, đôi khi có thể họ còn đánh giá chính xác hơn một số nội dung, họ thấy là quan trọng cách đơn phương, nhưng qua thời gian được biện minh là tích cực.

Từ đó người ta sẽ thấy rằng, tuy Roma bảo toàn qua các thời đại điều chủ yếu của gia sản thánh được Đức Kitô ủy thác vẫn có thể được phong phú hơn nhờ tiếp xúc với những anh em ly giáo, chờ ngày hòa hợp, ngày người ta được thấy tất cả đều đoàn tụ trong một tổ ấm.

Trích :

THỎ CHUNG 1980 ĐẠI HỘI GIÁM MỤC VIỆT NAM

SỐ 7 : HỘI THÁNH VÌ LOÀI NGƯỜI

Bởi vậy, sứ mạng của Hội Thánh không những là đem Phúc âm và ân sủng của Chúa Kitô đến cho nhân loại, mà còn đem tinh thần Phúc âm thâm nhuần và hoàn thiện những thực tại trần thế (TĐGD.5). Không có sinh hoạt nào của con người lại xa lạ đối với sứ mạng của Hội Thánh, và ngược lại, không có sinh hoạt nào của Hội Thánh, không liên quan tới tất cả cuộc sống con người. Lời rao giảng Tin Mừng và các cử hành bí tích đem ân sủng của Thiên Chúa vào đời sống con người, còn sinh hoạt trần thế của tín hữu, đem thực tại của con người đến với Thiên Chúa. Do đó, đối với người tín hữu, xao lãng bổn phận trần thế tức là xao lãng bổn

phận đối với tha nhân, và hơn nữa đối với chính Thiên Chúa, khiến phần rỗi đời đời của mình bị đe dọa" (MV 43).

Tóm lại, sứ mạng của Hội Thánh là tiếp nối sứ mạng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã đem đến không phải để được người ta hầu hạ, nhưng để phục vụ tất cả loài người. Đúng như Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã giải thích trong thông điệp "Đấng Cứu Chuộc con người" rằng: "Con người là con đường của Hội Thánh". Nghĩa là tất cả mọi con đường của Hội Thánh đều dẫn tới con người" (ĐCCCN.14). Đây cũng là điểm gặp gỡ giữa Hội Thánh và xã hội trần thế, vì dù "tin hay không tin, mọi người đều phải góp phần xây dựng thế giới cho hợp lý, vì họ cùng chung sống trong thế giới này" (MV 21,6).

SỐ 15 : QUÁ KHỨ HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI (. . .)

Nhìn về quá khứ, chúng tôi cảm mến sâu sắc bàn tay nhân lành của Thiên Chúa đã êm ái và mạnh mẽ hướng dẫn Hội Thánh Người trên đất nước Việt Nam chúng ta. Chúng tôi biết ơn công lao của vô vàn tín hữu đã làm sáng tỏ đức tin và lòng yêu nước của mình. Đừng nhìn về quá khứ với mặc cảm và phán đoán tiêu cực. Lịch sử luôn pha lẫn ánh sáng và bóng tối, cũng như đời sống của những người con Chúa vẫn có cả ân sủng và tội lỗi. Nhưng, dựa vào tình thương của Chúa Cha, dựa vào Lời ban sự sống của Đức Giêsu Kitô và sức mạnh của Thánh Thần, chúng ta hãy mạnh dạn nhìn vào hiện tại và tin tưởng ở tương lai.

Chúng ta có giáo lý của công đồng Vaticano II như luồng gió mát của Chúa Thánh Thần thổi trong Hội Thánh : Chúng ta tự hào là công dân của nước Việt Nam anh hùng, độc lập thống nhất ; và trong đà phát triển chung của cả nước, chúng ta được tình đồng bào thông cảm giúp đỡ trong khối đại đoàn kết dân tộc, nên chúng ta hãy hân hoan chu toàn sứ mạng vinh quang của mình (...).

BÀI ĐỌC THÊM

BẦU GIÁO HOÀNG CUỐI THẾ KỶ XIII

Năm 1268, các hồng y họp suốt 17 tháng mà không ai đạt 2/3 số phiếu. Người ta phải giữ (nhốt) các hồng y không cho vị nào rời phòng họp, vua Louis IX thì gửi tối hậu thư thúc giục, còn dân chúng có khi rở mái lâu đài giữa mùa mưa gây áp lực, yêu cầu các ngài bầu cử cho nhanh hơn. May mắn thay giáo hoàng đắc cử là một vị thánh, đức Gregorio X (1271-76).

Năm 1292, cuộc họp bầu giáo hoàng cũng mất gần hai năm, mới đưa lên được một đan sĩ 80 tuổi là đức Celestino V. Có điều vị giáo chủ ẩn sĩ này, choáng váng trước những xung đột chính trị đã xin thoái vị để được về rừng sâu. Mười một ngày sau, đức Bonifacio VIII đắc cử, vị giáo hoàng của lâu đài Anagni.

CHIẾN TRANH TRĂM NĂM

Ba người con trai của Philippe le Bel là Louis X, Philippe V và Charles IV đều không có con nối dõi, ngại vàng được chuyển giao cho Philippe VI em họ của các cậu. Công chúa Isabelle em gái các cậu trước đã cưới hoàng tử Anh và sinh hạ Edouard III. Nhân vụ tranh chấp mua bán vải vóc tại Flandre, Edouard III tự xưng là vua nước Pháp và đem quân xâm lấn. Chiến tranh trăm năm có bốn giai đoạn :

- + 1340-64 : Anh chiếm khoảng 1/4 nước Pháp.
- + 1364-80 : Pháp tái chiếm gần hết.
- + 1380-1422 : Vì nội chiến Pháp mất 1/2 lãnh thổ.
- + 1422-52 : Nhờ thánh nữ Jeanne d'Arc Pháp ủng hộ, Charles VII đuổi Anh ra khỏi bờ cõi, chỉ trừ Pas-de-Calais.

Sau chiến tranh trăm năm, quân đội hai bên đều tiến bộ, giai cấp thị dân tiến lên ngang hàng với quý tộc và tăng lữ ; tinh thần quốc gia ngày càng được nâng cao.

TƯ LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN ANAGNI

* Philippe xác định quyền của mình (1297)

Sự điều hành các việc trần thế trong vương quốc chỉ thuộc duy đức vua chứ không thuộc ai khác. Vị này không nhận quyền từ ai cả, không phải vâng phục bất cứ ai trong tất cả mọi vấn đề trần thế thuộc nước mình.

* Bonifacio VIII trong nghị hội

Các vị tiền nhiệm của chúng ta đã truất phế ba hoàng đế Pháp, điều đó còn ghi rõ trong sử biên niên của Pháp và của ta. Vì vua Pháp hiện nay đã phạm những điều tổ tiên y đã phạm, nên nếu không hối cải, ta cũng phải đau buồn truất ngôi y như một đứa con xấu.

* Thông điệp Unam Sanctam

(...) Giáo hội thánh và duy nhất, chỉ có một thân thể, một đầu chứ không thể có hai đầu như quái vật, đầu đó là Đức Kitô và Phêrô, đại diện đức Kitô và các đấng kế vị Phêrô (...) Thế quyền phải vâng phục thần quyền (...). Nếu quyền trần gian sai lạc, quyền thiêng liêng sẽ thẩm xét, nếu quyền thiêng liêng cấp dưới sai lạc, sẽ có quyền cao hơn phán định. Nếu quyền tối cao sai lạc, chỉ có Thiên Chúa chứ không phải con người phán xét được (...). Quyền này tuy được con người thể hiện, nhưng là quyền do Chúa chứ không do con người (...) Vì thế, chúng tôi tuyên ngôn và công bố rằng : việc vâng phục giáo chủ Roma là tuyệt đối cần thiết cho ơn cứu độ của mỗi người.

* Bản cáo trạng đức Bonifacio VIII của Nogaret

Tôi khẳng định cá nhân bị cáo, biệt danh Bonifacio không phải là giáo hoàng. Y không qua cửa mà vào nên phải coi là tên trộm cắp. Tôi khẳng định y đã công khai lạc đạo, mạo thánh đáng kinh tởm như chưa từng có từ tạo thiên lập địa đến bây giờ. Cuối cùng tôi khẳng định kẻ gọi là Bonifacio đã phạm những tội ác to lớn, rõ rệt và bất khả chữa trị . Cần phải có một công đồng chung để phán xét và kết án y.

(JC Đê đọc LSGH I,p 179)

MARSILIUS DE PADUA (1275-1342)

Viện trưởng đại học Paris từ 1313

Con người liên kết với nhau để sống thỏa mãn, giúp nhau tìm kiếm và trao đổi các sản phẩm (...). Các ông hoàng hành động theo luật và quyền được ủy thác, chính là qui luật và thước đo của mọi hành vi dân sự.

(...) Giáo hội là toàn thể những người tin và kêu cầu Danh Đức Kitô... Các tác vụ, linh mục, giám mục, phó tế thôi chưa phải là Giáo Hội... Đức Kitô ấn định quyền kêu gọi, điều tra, thẩm định, giải quyết và kết án, là quyền thuộc về toàn thể tín hữu làm thành một cộng đoàn là công đồng chung.

(Defensor Pacis; theo Pacaut, trong Théocratie, p280-282)

PÉTRAQUE THỎA MẠ AVIGNON

Avignon, Babylon vô đạo, địa ngục của người sống, ổ tội lỗi như nhóp, công rãnh của địa cầu. Tại đây người ta không thể thấy đức tin lẫn đức ái, không tôn giáo, không có lòng kính sợ Chúa lẫn liêm sỉ, không có gì ngay chính, không có gì thánh thiện, dù đó là trú sở của Giáo hoàng, với điện thờ và đồn lũy (...)

Các hồng y, thay vì là những tông đồ đi chân không, đã trở thành những kẻ sa hoa, cỡi ngựa phủ toàn vàng, hàm thiếc cũng vàng. Và nếu Chúa không cản tội sa hoa ấy, chẳng bao lâu giày họ cũng bằng vàng. Người ta thấy các ngài như những vị vua Ba tư hay xứ Parthes, mà họ phải tôn thờ và họ không dám đến gần với hai bàn tay trắng.

(JC Đê đọc LSGH I. 181)

HƯỚNG NHÌN ĐẠI KẾT

(Theo Roger Aubert, Introduction Générale
trong bộ Nouvelle Histoire de l'Eglise, T.I)

Đừng quên rằng những Giáo hội tách rời Roma vẫn tiến triển. Đức Pio XI có nói : "Các mẫu tách khỏi đá có vàng, vẫn có vàng". Do đó Chính Thống, Tin Lành, Anh Giáo, tuy cách lìa khỏi Una Sancta, vẫn mang theo mình gia sản chung là Thánh Kinh và phép rửa. Đôi khi họ cũng duy trì tất cả các bí tích cũng như hàng giám mục. Ở đó vẫn được nuôi dưỡng bằng những giá trị Kitô giáo tích cực. Hơn nữa, đôi khi có thể họ còn đánh giá chính xác hơn một số nội dung, họ thấy là quan trọng cách đơn phương, nhưng qua thời gian được biện minh là tích cực.

Từ đó người ta sẽ thấy rằng, tuy Roma bảo toàn qua các thời đại điều chủ yếu của gia sản thánh được Đức Kitô ủy thác vẫn có thể được phong phú hơn nhờ tiếp xúc với những anh em ly giáo, chờ ngày hòa hợp, ngày người ta được thấy tất cả đều đoàn tụ trong một tổ ấm.

Trích :

**THỜ CHUNG 1980 ĐẠI HỘI GIÁM MỤC VIỆT NAM
SỐ 7 : HỘI THÁNH VÌ LOÀI NGƯỜI**

Bởi vậy, sứ mạng của Hội Thánh không những là đem Phúc âm và ân sủng của Chúa Kitô đến cho nhân loại, mà còn đem tinh thần Phúc âm thâm nhuần và hoàn thiện những thực tại trần thế (TĐGD.5). Không có sinh hoạt nào của con người lại xa lạ đối với sứ mạng của Hội Thánh, và ngược lại, không có sinh hoạt nào của Hội Thánh, không liên quan tới tất cả cuộc sống con người. Lời rao giảng Tin Mừng và các cử hành bí tích đem ân sủng của Thiên Chúa vào đời sống con người, còn sinh hoạt trần thế của tín hữu, đem thực tại của con người đến với Thiên Chúa. Do đó, đối với người tín hữu, xao lãng bổn phận trần thế tức là xao lãng bổn phận đối với tha nhân, và hơn nữa đối với chính Thiên Chúa, khiến phần rỗi đời đời của mình bị đe dọa" (MV 43).

Tóm lại, sứ mạng của Hội Thánh là tiếp nối sứ mạng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã đem đến không phải để được người ta hầu hạ, nhưng để phục vụ tất cả loài người. Đúng như Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã giải thích trong thông điệp "Đấng Cứu Chuộc con người" rằng: "Con người là con đường của Hội Thánh". Nghĩa là tất cả mọi con đường của Hội Thánh đều dẫn tới con người" (ĐCCCN.14). Đây cũng là điểm gặp gỡ giữa Hội Thánh và xã hội trần thế, vì dù "tin hay không tin, mọi người đều phải góp phần xây dựng thế giới cho hợp lý, vì họ cùng chung sống trong thế giới này" (MV 21,6).

SỐ 15 : QUÁ KHỨ HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI (. . .)

Nhìn về quá khứ, chúng tôi cảm mến sâu sắc bàn tay nhân lành của Thiên Chúa đã êm ái và mạnh mẽ hướng dẫn Hội Thánh Người trên đất nước Việt Nam chúng ta. Chúng tôi biết ơn công lao của vô vàn tín hữu đã làm sáng tỏ đức tin và lòng yêu nước của mình. Đừng nhìn về quá khứ với mặc cảm và phán đoán tiêu cực. Lịch sử luôn pha lẫn ánh sáng và bóng tối, cũng như đời sống của những người con Chúa vẫn có cả ân sủng và tội lỗi. Nhưng, dựa vào tình thương của Chúa Cha, dựa vào Lời ban sự sống của Đức Giêsu Kitô và sức mạnh của Thánh Thần, chúng ta hãy mạnh dạn nhìn vào hiện tại và tin tưởng ở tương lai.

Chúng ta có giáo lý của công đồng Vaticano II như luồng gió mát của Chúa Thánh Thần thổi trong Hội Thánh : Chúng ta tự hào là công dân của nước Việt Nam anh hùng, độc lập thống nhất ; và trong đà phát triển chung của cả nước, chúng ta được tình đồng bào thông cảm giúp đỡ trong khối đại đoàn kết dân tộc, nên chúng ta hãy hân hoan chu toàn sứ mạng vinh quang của mình (...).

Phục hưng và cải cách
PHỤC HƯNG VÀ CẢI CÁCH (TIN LÀNH)
(Thế kỷ XV - XVI)

I. ÂU CHÂU THỜI PHỤC HƯNG

1.1. Cuộc khai sinh các nước tân tiến

Vào cuối thế kỷ XV, xuất hiện những quốc gia với ranh giới rõ rệt dưới quyền một vị vua thống lĩnh về kinh tế lẫn quân sự. Các quốc gia này muốn tách khỏi những quyền lực thời trung cổ, khỏi quyền giáo hoàng và đế quốc La-Đức :

- Anh và Pháp xác định ranh giới sau chiến tranh "Trăm năm" (1453). Vua Pháp Francois I được Đức Lêo X trao quyền chỉ định Giám mục và đan viện trưởng qua thỏa ước Bologna 1516. Anh hoàng Henri VIII (1509-47) cũng nắm giữ vai trò hàng đầu trong lãnh vực chính trị và tôn giáo Âu-châu.

- Nước Tây Ban Nha, được thống nhất qua cuộc hôn nhân giữa Isabella de Castilla và Fernando de Aragona năm 1469 và hoàn tất năm 1492, sau khi tái chiếm Grenada, vị trí cuối cùng của Hồi-giáo tại nước này. Để phục vụ lợi ích quốc gia, các "ông hoàng Công giáo" tổ chức lại Tòa tra (1478), nhằm truy nã gắt gao những người theo lạc giáo, hồi giáo hay Do thái giáo.

- Đế quốc La-Đức : từ năm 1438 chức hoàng đế Đức do bảy ông hoàng bầu lên, thuộc về nhà Habsbourg. Maximilian (1493-1519), qua hai cuộc hôn nhân chiếm thêm Bourgogne và Milan. Ông dùng hôn nhân của con và cháu để lấy Tây Ban Nha, Hung-ga-ri. Cháu ông là Carlos Quinto (1519-1556) được bầu lên làm hoàng đế, được thừa hưởng toàn bộ tài sản đó, kèm thêm các thuộc địa ở Tân thế giới, vì thế Carlos Quinto luôn mang trong mình giấc mộng bá chủ địa cầu.

Trong khi đó, quyền giáo hoàng đã bị giảm sút từ thời có cuộc đại ly giáo. Một số vị cuối thế kỷ XV lại gắn bó với các ông hoàng người Ý để phục vụ nước Ý nên đã trở thành đối thủ của Pháp và nhà Habsbourg. Có vị chỉ lo làm giàu cho gia đình và con cháu. Tệ hại nhất dưới thời Alexandro VI nhà Borgia (1492-1503), nhiều lễ lạc vui chơi được tổ chức ngay tại giáo triều. Vị giáo hoàng này lên ngôi nhờ tiền bạc và tự bôi nhọ tên tuổi vì hai người con là Cesarano và Lucrecia. Còn Đức Julio II (+1513) với mũ chiến và giáp sắt thì chỉ lo điều quân bảo vệ đất Tòa thánh.

Đóng góp đáng kể nhất của 10 vị giáo hoàng từ đức Nicolas V đến Lêo X (từ 1447 đến 1521) là vấn đề "văn hóa và nghệ thuật" thời phục hưng, các vị đứng ra bảo lãnh hoặc thuê mướn nghệ nhân xây dựng, khắc vẽ, trang hoàng các ngôi Thánh đường, cung điện và lăng tẩm.

1.2. Đổi mới văn hóa nghệ thuật

Ông tổ thời phục hưng là thi sĩ Petrarca (+1374), nhà nhân bản Florence. Nhưng phong trào Phục Hưng nở rộ từ 1453, khi Constantinople thất thủ, nhiều nhà bác học Hy-lạp như Bessarion sang Tây phương tị nạn, mang theo nhiều thủ bản Hy ngữ. Người Tây phương có dịp khám phá lại nền văn minh Cổ Đại dưới mọi hình thức : văn chương, nghệ thuật và khoa học. Các học giả người Ý say mê nghiên cứu nền văn chương cổ cho tới lúc này vẫn đang "ngủ yên" trong các đan viện.

Việc chế tạo máy in của Gutenberg (1440) đã giúp cho nhiều tác phẩm trước dành riêng cho một số người nay được phổ biến rộng rãi. Nhiều tài liệu cổ được dịch từ nguyên bản : các triết gia cổ, các giáo phụ, Kinh thánh và sách đạo đức. Hầu hết các sách đầu tiên được in là sách tôn giáo. Khát vọng hiểu biết và hành động bùng lên trong mọi lãnh vực, biểu hiện qua kiến thức bách khoa của những nhà nhân bản và thành tích của những nhà chinh phục, thám hiểm.

a/. Nhân bản thuyết và đức tin Kitô giáo

Nói chung, văn học thời phục hưng mang ba đặc tính quốc gia, nhân bản và Kitô giáo. Mỗi quốc gia đều phát triển ngôn ngữ riêng và đề cao giá trị xã hội, quốc gia mình. Các nhà nhân bản suy tư tự do hơn về cuộc đời và con người. Dante qua "Thần khúc" đã cho nhiều "đáng bậc" xuống hỏa ngục. Rabelais cổ võ lối giáo dục cá nhân tự do và tự lập.

Điều khắc hội họa có trung tâm mới tại Ý và có khuynh hướng tả chân, diễn tả đúng với thiên nhiên và cảm nghĩ của con người. Nổi bật có Michel Ange, Raphael, Leonardo Vinci và chân phước Fra Angelico ...

Điều đáng lưu ý là trừ vài người như Machiavelli (+1527), tác giả cuốn "Ông hoàng", còn thì đại đa số các nhà nhân bản vốn là kitô hữu, tìm cảm hứng sáng tác từ niềm tin và Kinh Thánh, ước ao góp phần cải thiện Giáo hội và xã hội. Thomas More (+1535) qua tác phẩm "Lý tưởng quốc" đã phê phán Giáo hội, nhưng ông giữ vững niềm tin để lãnh nhận ngành lá tử đạo.

b/. Đường hướng cải tổ của Erasme

Erasme (+1536) được người đương thời gọi là "ông hoàng các nhà nhân bản". Qua tác phẩm "Ca ngợi nàng điên" và "Đàm Thoại" ông đã phê phán xã hội về mọi mặt, đặc biệt về các giáo sĩ. Nhưng bận tâm chính của Erasme là "tái sinh con người bằng cách thanh luyện tôn giáo". Ông muốn cải tổ thần học bằng cách trở về nguồn. Ông cho xuất bản Tân Ước bằng Hy ngữ (1516) và nhiều tác phẩm Giáo phụ, để giải thích Kinh Thánh cho đúng. Theo ông, mục đích chính của thần học là khám phá Đức Kitô ; các tranh luận thần học vô ích nếu không hoán cải được ai ; phải giúp cho mọi người hiểu Tin Mừng bằng chính ngôn ngữ của họ ; phải trở về với tôn giáo nội tâm của "tinh thần hữu đích thực và hoàn hảo".

Erasme cũng đề nghị chính sách cai trị đặt căn bản trên Tin Mừng. Các ông hoàng phải được huấn luyện theo chiều hướng đó. Erasme cũng mạnh dạn đấu tranh cho hòa bình, coi việc các tín hữu đánh nhau là gương mù. Nếu con người phát động chiến tranh, họ phải đình chiến và liên kết với nhau dưới quyền một trọng tài. Tuy có ảnh hưởng rộng lớn, nhưng trong thực tế, đường hướng cải tổ của nhà nhân bản Hà-lan này đã không thành công.

1,3. Ước muốn cải tổ trong Giáo hội

Cách nhìn lạc quan của một số nhà nhân bản không che lấp được nỗi lo sợ sâu xa của con người cuối thế kỷ XV. Khắp nơi đều nói đến thị kiến, khái huyền, đến ngày tận thế. Tín hữu lo sợ mất linh hồn vì nghĩ Chúa toàn năng tiền định tùy tiện và sa tan luôn rình rập khắp mọi nơi. Thực vậy, đồng thời với phong trào phục hưng là cuộc hồi sinh của ma thuật và việc truy lùng các pháp sư.

a/. Giáo hội chậm đáp ứng

Để giải tỏa những lo âu trên, các tín hữu gia tăng đọc kinh kính đức Mẹ, hành hương và tôn sùng các thánh để tìm ân xá. Một số khác đào sâu đời sống tôn giáo qua việc đọc Kinh Thánh và sám hối. Nói chung họ ít tín nhiệm vào tổ chức Giáo hội. Nhiều linh mục không đạt tiêu chuẩn về cả tư cách lẫn kiến thức như tín hữu mong chờ. Nhiều linh mục quá lo đến bổng lộc, kiêm nhiệm những tòa ở xa nơi cư trú. Chẳng có hy vọng gì vị giáo hoàng chính đôn những lạm dụng này. Chính các ngài cũng thu tích tiền bạc để xây cất và chi phí. Các ngài chuẩn miễn cho giám mục sống xa địa phận, cho phép thu thuế và đôi khi dùng hình thức như buôn bán ân xá nữa.

b/. Những phê phán và đòi hỏi canh tân

Ngày nay, chúng ta phải ngạc nhiên về giọng điệu chua cay của Erasme trước những lạm dụng trong Giáo hội, cũng như lời kết án mạnh mẽ của Savonarola trong những năm 1494-1498. Tại Florencia, Savonarola tiến hành cải cách xã hội tại địa phương (giảm thuế, xóa nợ người nghèo...). Với giọng văn sấm sét, ông chỉ trích gắt gao những lạm dụng của đức Alexandro VI, loan báo án phạt Thiên Chúa, dù phải lên giàn lửa.

Nhiều người nghĩ đến biện pháp Công đồng. Năm 1512, đức Julio II khai mạc công đồng Lateranô V, lên án các lạm dụng trong Giáo hội và đề ra một dự án cải tổ, nhưng không kết quả. Công đồng bế mạc tháng 3-1517, thì ngày 31-10 năm đó, Luther niêm yết bản 95 đề tài chống ân xá tại nhà thờ Wittenberg.

II. NHỮNG NHÀ CẢI CÁCH

Đã từ lâu, tiếng "cải cách" (réforme) đồng nghĩa với đả vỡ trong Giáo hội mà người ta phải tìm ra kẻ chịu trách nhiệm. Thường người ta cho rằng vì trong Giáo hội có quá nhiều lạm dụng, lại không có hy vọng thay đổi, nên một số người rời bỏ Giáo hội. Nhưng hiện nay, đa số đã nhận ra những nguyên nhân tâm linh sâu xa của cuộc cải cách. Vì, cải cách đã phát sinh từ lòng mộ đạo cuối thời trung cổ và từ nỗ lực say mê tìm kiếm Đức Kitô trong Tin Mừng.

Trước đây, quả là khó nhận định chính xác về các nhà cải cách, nhất là về Luther. Vì dưới cặp mắt anh em Tin Lành, thì Luther là "vị lương y nghiêm khắc", là "thiên sứ được Chúa soi dẫn để đánh đổ tên phản Ki-tô ở Roma". Còn với người Công giáo, đó chỉ là một nhân vật thô kệch, kiêu căng, khoác lác và đam mê, đã rời bỏ Giáo hội để thỏa mãn những bản năng của mình. Cái nhìn thống nhất chỉ mới có trong vài thập niên gần đây. Mọi người đều nhìn nhận tiến trình đức tin của Luther. Ít người còn hồ nghi về những khuyết điểm và thiếu hiểu biết của Roma. Đồng thời anh em Tin Lành cũng thừa nhận những giới hạn của chính Luther.

2,1. Luther, vị tiên phong

Người ta vẫn coi ngày 31-10-1517 là ngày khai sinh phong trào cải cách. Nhưng biến cố hôm đó chỉ là kết thúc một giai đoạn đã khởi sự từ lâu. Luther, trong những bài viết vào cuối đời, đã kể lại hành trình đời mình giúp ta hiểu điều này.

Martin Luther, chào đời năm 1483 tại Eisleben, miền Saxe nước Đức, trong một gia đình thợ mỏ. Lớn lên trong nền giáo dục nghiêm khắc, cậu có ấn tượng mạnh về tôn giáo trừng phạt, luôn sợ chết và hỏa ngục. Năm 1505, sau khi thoát chết trong một cơn bão tố, cậu hứa và giữ lời, vào dòng Ân Sĩ Augustin ở Erfurt. Tại đây, người đan sĩ khổ hạnh Luther thụ phong Linh

mục và được cử đi dạy Kinh Thánh tại đại học Wittenberg. Dù đã giữ kỷ luật khít khao, ông không thấy tâm hồn được bình an. Dục vọng, khuynh hướng tội lỗi vẫn còn đó. Theo thần học đương thời, Thiên Chúa làm gì tùy thích, cứu người này, phạt kẻ khác...Bỗng một hôm, Luther tìm ra giải đáp cho nỗi khắc khoải đó khi đọc thư Roma : "Con người được công chính hóa nhờ đức tin chứ không do việc làm của lề luật" (Rm 3,28). Nghĩa là, người ta được cứu không phải do những cố gắng của mình, nhưng chính Thiên Chúa cho họ nên công chính nhờ ân sủng Ngài. Con người vẫn là tội nhân, nhưng nếu tin, họ sẽ được Chúa cứu. Thế là Luther tìm thấy niềm vui và an bình.

a/. Vấn đề ân xá

Vấn đề ân xá đã cho Luther cơ hội công bố khám phá của ông. Bấy giờ nhiều tu sĩ đi khắp nước Đức rao giảng về ân xá. Có kẻ dám nói : "Một linh hồn được lên trời khi đồng tiền kêu vang dưới đáy hòm tiền". Áp lễ Các Thánh (31-10-1517) dân chúng nô nức đi viếng hài cốt để lãnh nhận ân xá. Luther tức giận niêm yết 95 luận đề về ân xá lên cửa nhà thờ Wittenberg. Đây là lời phản kháng đối với sự an toàn giả tạo do ân xá mang lại. Người tín hữu không thể mua bán ân sủng mà Chúa ban cách nhưng không. Luther tỏ ra ôn hòa khi nói đến quyền Giáo hoàng, ông không nghĩ là phải đoạn giao với Roma. Các luận đề của ông rất thành công ở Đức và khắp Âu Châu. Chính Erasme cũng cổ vũ nồng nhiệt.

b/. Dẫn đến đoạn giao

Luther bị tố cáo về tòa án Roma. Trong vòng ba năm các tu sĩ cùng dòng (Augustin) và các phái viên tòa thánh cố khuyên ông từ bỏ những xác quyết của mình. Nhưng cuộc tranh cãi đã thức tỉnh tinh thần quốc gia của người Đức. Luther trở thành người bênh vực của một dân tộc đã mệt mỏi vì chính sách thuế khóa của giáo triều Roma.

Trong ba bài viết dài về cải cách năm 1520, Luther xác định suy tư của ông : "kêu gọi quý tộc Đức", "cuộc lưu đày Babylon của Giáo hội" và "quyền tự do của kitô hữu". Ông cũng hô hào triệu tập công đồng chung, nhưng vẫn quả quyết công đồng có thể sai lầm. Lập trường của ông ngày càng cứng rắn. Nếu trước ông nói : "Chấp nhận hay không, tiếng nói của Đức Thánh Cha sẽ là tiếng Đức Kitô nói với con", thì sau ông nói: "Giờ đây tôi biết rõ, giáo hoàng chính là Quí Vương ra đời".

Tháng 6-1520, đức Lêô X qua tông chiếu "Exsurge", kết án 41 mệnh đề của Luther và cho ông hai tháng để tuân phục. Ngày 10-12, ông long trọng đốt bản tông chiếu. Tháng giêng năm sau ông bị vạ tuyệt thông. Tại hội nghị Worms, các ông hoàng nước Đức triệu tập ông về để xét xử. Trước mặt hoàng đế Carlos Quinto, ông cương quyết giữ lập trường "vì lương tâm và theo Kinh Thánh". Ông bị án trục xuất, nhưng bạn hữu của ông tổ chức "bắt cóc" ông đưa đi trốn. Thời gian này ông dịch Tân Ước sang tiếng Đức (năm 1533 mới dịch xong Cựu Ước).

c/. Những xáo trộn tại Đức

Nước Đức chia thành hai phe, hoặc bênh hoặc chống Luther. Nhưng phe bênh Luther lại có những động lực khác nhau. Giới quý tộc thì muốn chiếm đất đai của Giáo hội. Nông dân nghèo thì nhân quyền bình đẳng của con người trước Thiên Chúa để nổi dậy chống lại các lãnh chúa ... Cuộc chiến tàn khốc bùng nổ năm 1524-1525. Điều Luther lo ngại là đám dân này dám xác nhận mình hành động theo lời Chúa như : "phải lật đổ những kẻ quyền thế xuống khỏi bệ cao"... Không thể trấn áp phe nông dân, Luther quay sang kêu gọi các lãnh

chúa trần áp cuộc nổi dậy. Thomas Muntzer (1490-1525) bênh vực nông dân, phê phán mạnh mẽ nhà cải cách, Muntzer bị bắt và bị chém đầu.

Cũng trong giai đoạn này, Luther đoạn giao với Erasme, là người không chấp nhận quan niệm bi quan của Luther về con người tự do. Luther bỏ áo dòng và kết hôn với Catharina Bora, một nữ tu hồi tục : "Để chọc giận ma quỷ...và tất cả những kẻ khá điên nghiêm cấm giáo sĩ kết hôn".

d/. Giáo lý và Giáo hội Luther

Mới đầu Luther không có ý lập Giáo hội mới. Ông nghĩ nếu Giáo hội trở về với Tin Mừng sẽ tự đổi mới. Nhưng những xáo trộn vì nhiều cách giải thích Lời Chúa quá khác biệt đã đưa ông đến chỗ xác định giáo thuyết và đề ra một tổ chức tối thiểu. Năm 1529, ông xuất bản hai cuốn giáo lý "Lớn" và "Nhỏ" (cho mục sư và tín hữu) và gặt hái nhiều thành công.

Đối với Luther, mọi sự đều khởi từ kinh nghiệm nền tảng của ông. Ý thức sâu xa mình là tội nhân, con người nhờ Kinh Thánh khám phá ra ơn cứu độ của mình do tự Thiên Chúa và bởi lòng tin mà thôi. Thiên Chúa làm tất cả. Con người không làm gì hết. Những việc tốt không làm cho con người nên tốt. Nhưng kẻ được Chúa công chính hóa thì làm việc tốt. Vì thế, Luther từ chối các truyền thống đi ngược lại vị trí tối thượng của Thánh Kinh và đức tin. Ông loại bỏ những gì con người dùng làm phương tiện để đáng nhận ơn cứu độ như : tôn kính các thánh, ân xá, lời khấn Dòng, các bí tích không ghi rõ trong Kinh Tân Ước. Tất cả những gì không ghi rõ trong Thánh Kinh đều vô giá trị. Chỉ có chức Linh mục cộng đồng của tín hữu (không cần hàng giáo phẩm). Giáo hội, cộng đồng những người tin, là thực tại vô hình, không cần tài sản và tổ chức.

Trong thực hành, Luther giữ lại hai bí tích Rửa tội và Thánh Thể, đồng thời chấp nhận việc xưng tội với Chúa. Tiệc Thánh được cử hành bằng tiếng địa phương, nhưng không phải là tế lễ, dù ông tin Đức Kitô hiện diện thực sự. Ông đề cao việc hát cộng đồng và đề nghị tổ chức tối thiểu để công bố Lời Chúa và cử hành bí tích. Các ông hoàng nắm giữ quyền Chúa ban, sẽ chịu trách nhiệm về việc này. Như thế, Luther khi từ chối quyền giáo sĩ lại tăng cường quyền cho các ông hoàng. Các Giáo hội theo Luther trở thành Giáo hội quốc gia với tổ chức thay đổi tùy từng miền từng nước.

e/. Nở rộ các nhà cải cách khác

Ngoài đồ đệ của Luther như Melancton (+1560), thì đồng thời với Luther, rộ lên nhiều nhà cải cách khắp nước Đức và Thụy Sĩ. Đa số họ là linh mục và thường là tu sĩ. Nhưng nếu họ đồng ý với Luther về đức tin và Kinh Thánh thì họ lại khác với ông khi nói về bí tích Thánh Thể. Cải cách ở Strasbourg có Bucer (+1551) tại Bâle có Oecolampade (+1531), còn ở Nurem-berg có Osiander (÷1552). Trước khi từ trần năm 1546, Luther đã đoạn giao với nhiều người trong họ.

2.2. ZWINGLI (1484-1531) tại Thụy Sĩ

Zwingli vốn được coi là nhân vật thứ ba của cải cách sau Luther và Calvin. Ông là nhà nhân bản, đồ đệ của Erasme, cha sở họ Glaris, Thụy Sĩ. Cùng các tín hữu trong xứ, ông phục vụ giáo hoàng đi chiến đấu ở Ý. Về làm cha sở Zurich, ông đưa cả thành phố theo cải cách : tục hóa các tu viện, triệt hạ ảnh tượng, tổ chức phụng vụ bằng tiếng Đức. Ông ít quan tâm đến kinh nghiệm cá nhân như Luther, mà lại nhấn mạnh đến việc tổ chức Giáo hội và giải phóng

dân tộc khỏi lệ thuộc ngoại bang. Ông không ngần ngại cưỡng ép kẻ chống đối. Phái Anabaptisme cảm rửa tội cho trẻ em, ông ném họ xuống sông.

Khác với Luther, Zwingli coi Thánh Thể chỉ có sự hiện diện biểu tượng hoặc là lời hứa thuần túy. Phép rửa tội tự nó không có hiệu lực mà chỉ là dấu được Chúa chọn. Nhiều khu vực Thụy Sĩ chống lại cuộc cải cách này đưa đến nội chiến. Zwingli theo đạo quân Zurich và chết trong khi chiến đấu. Nhiều giáo đoàn Thụy Sĩ theo ông, chỉ cử hành Tiệc Thánh mỗi năm 4 lần.

Phục hưng và cải cách

2,3. CALVIN (1509-1564)

Cùng với Calvin, phong trào cải cách bước sang giai đoạn hai, giai đoạn củng cố và tổ chức. Đặc biệt, Calvin chỉ là tín hữu. Thực ra tại Pháp, việc cải cách theo nghĩa rộng đã có từ trước, nổi tiếng nhất là nhóm Meaux, tập trung quanh Gm Bricconnet (+1534), Lefèvre d'Étaples (+1536) một dịch giả Tân Ước và công chúa Maguerite, em vua Francois I. Ban đầu, vua Francois I nhân nhượng với cải cách, nhưng vụ "dán bích chương" năm 1534 nhục mạ thánh lễ và hàng giáo phẩm, được gắn cả trên cửa phòng nhà vua, đã khiến vua nổi giận truyền truy nã và thiêu sinh khoảng 40 người. Từ nay phe cải cách Pháp đã có những "tử đạo". Họ cần một hệ thống thần học và Calvin đã làm điều đó.

a/. Jean Calvin :

Jean Calvin sinh tại Picardie, tốt nghiệp văn chương tại Paris và luật tại Orléans, chịu ảnh hưởng các nhà nhân bản. Ông tìm thấy ở Luther lời giải đáp về tiền định, về tội lỗi và hình phạt nhưng quan tâm đến đời sống đức tin. Từ 24 tuổi, Calvin đã được tham dự các buổi hội kín ở Paris. Còn Lefèvre thì giống cụ Siméon đã khóc lên mừng rỡ khi thấy Calvin như "đáng được trời sai đến". Sau vụ "dán bích chương", Calvin trở thành thần học gia của các nhà cải cách Pháp. Tại Bâle năm 1536, ông xuất bản cuốn "Thẻ chế Kitô giáo", được tái bản nhiều lần, cho đến dạng thức bốn tập năm 1559, trở thành thủ bản thần học của Tin Lành.

Vì những cải cách luân lý quá khắc nghiệt, dân Genève trục xuất Calvin năm 1538 (ông đến Strasbourg), nhưng năm 1541 họ lại phải mời ông về để ổn định trật tự. Ông ở đây cho đến chết. Khi tổ chức lại Giáo hội Genève, Calvin giúp cho cuộc cải cách thoát khỏi dạng vô luân, hỗn độn và khỏi lệ thuộc các ông hoàng. Ông đưa ra mẫu Giáo hội thực sự trang nghiêm và đáng kính được phổ biến khắp năm châu.

b/. Genève, thành phố Giáo hội

Tuy dựa vào giáo thuyết Luther trong những trục giác căn bản, giáo lý của Calvin hệ thống hơn và có những điểm nhấn riêng biệt, Calvin nhấn mạnh uy quyền tối cao của Thiên Chúa (Soli Deo gloria), ông khẳng định sự hư hỏng của con người sau tội nguyên tổ. Mọi người đều bị kết án, nhưng Thiên Chúa quyền uy cứu thoát những ai Người chọn : đó là sự "tiền định" thường được coi là đặc tính của Giáo hội Calvin. Ông đề ra một nền luân lý thực hành là cách biểu hiện quyền thừa tự, vì chúng ta đã được Chúa nhận làm nghĩa tử. Nền luân lý ấy còn có tính xã hội vì con người là thụ tạo xã hội.

Để xác nhận đức tin của mình, con người cần có sự hỗ trợ bên ngoài là Giáo hội vô hình, Calvin liền nhấn mạnh đến Giáo hội hữu hình là cộng đoàn địa phương. Giáo hội đích thực là "nơi Lời Chúa được rao giảng cách tinh tuyền và bí tích được cử hành". Các bí tích là dấu bên ngoài Chúa ban ơn sủng và là dấu chứng thực niềm tin của ta. Calvin bệnh vực mạnh mẽ

việc rửa tội trẻ em. Về Thánh Thể và Tiệc Thánh, Calvin nói : Đức kitô trao ban chính mình khi chúng ta lãnh nhận bánh và rượu.

Giáo hội phải được tổ chức chặt chẽ. Sống vô trật tự là nhục mạ Đức Kitô, thủ lãnh Giáo hội. Năm 1541, Calvin ra cuốn "Các phẩm chức Giáo hội" đặt nền tảng cho Giáo hội Genève. Cơ cấu mới dựa vào nguồn Kinh Thánh, nhưng cũng phản ánh con người Calvin với những kiến thức về luật và triết học Platon. Có bốn tác vụ : Mục sư, tiến sĩ, nguyên lão (nghị viên) và phó tế. Đứng trên hết là tôn giáo nghị hội (Consistoire) gồm sáu mục sư và 12 nghị viên do chính quyền tuyển chọn. Nghị hội họp thứ năm mỗi tuần, để kiểm điểm lòng đạo đức và đời sống luân lý của tín hữu. Quyền dân sự có trách nhiệm thi hành những quyết định của nghị hội.

Như vậy, mặc dầu trên nguyên tắc, giáo quyền và thế quyền phân biệt, nhưng thực tế, các nghị viên do dân quyền chỉ định và nghị hội có quyền phê phán quyền dân sự. Thành phố Kitô-giáo-Genève không xa với nước Kitô thời Trung cổ bao nhiêu. Nhiều chỉ đạo tỉ mỉ qui định các tranh chấp giáo lý biến thành bi kịch như nhà sinh vật học Servet (Tây Ban Nha) bị thiêu sinh năm 1553 vì chối Chúa Ba Ngôi.

c/. Ảnh hưởng cuộc cải cách của Calvin

Năm 1559, Theodore de Bèze thiết lập Hàn Lâm Viên Genève góp phần phổ biến cuộc cải cách Calvin. Tại đây việc giảng dạy được tổ chức hoàn chỉnh từ sơ cấp đến cao đẳng. Nhiều người nước ngoài đến đây học thần học, sẽ về tổ chức Giáo hội cải cách theo kiểu Calvin. Nhờ đó cải cách của Calvin có tính cách phổ quát và có thẩm quyền. Nhiều Giáo hội vay mượn những yếu tố của Giáo hội Genève, cách riêng là phái Presbyteranisme (do các nguyên lão cai quản).

Đàng khác, khi Calvin đề ra cách sống Tin Mừng trong hoàn cảnh cụ thể, ông phục hồi giá trị vật chất theo thần học. Khi cổ võ buôn bán và tích lũy của cải chính đáng, ông đã cắt đứt với nhân giới trung cổ và trở thành mẫu người hợp thời. Vì thế, có sử gia coi ông là một trong những người khởi xướng chủ nghĩa tư bản.

III. ÂU CHÂU, NHIỀU LỐI TUYÊN TÍN

Suốt thế kỷ XVI, nước Kitô bị chia thành nhiều "Giáo hội". Bản đồ tôn giáo mới đã thành hình, nhưng mãi đến năm 1648, sau chiến tranh "ba mươi năm" các biên giới mới được xác định dứt khoát.

3,1. Đức và Bắc Âu

Trải bao năm tháng, hoàng đế Carlos Quinto vẫn nuôi hy vọng tái lập thống nhất tôn giáo trong đế quốc. Ông dùng nhiều biện pháp lần lượt hoặc cùng lúc : cổ võ công đồng (như Trento), tranh luận ôn hòa hoặc áp lực quân đội. Các ông hoàng công giáo và những người ủng hộ cải cách lập thành những liên minh đôi đầu sẵn sàng nội chiến. Năm 1526, Hội nghị Spira đã cho các ông hoàng quyền tự do cải cách trong lãnh thổ mình. Năm 1529, hội nghị Spira II rút lại nhượng bộ đó. Thế là 14 ông hoàng ký vào bản Thệ Ước phản đối hội nghị (Protestation). Đó là nguồn gốc chữ Thệ Phản (Protestant). Năm 1530 Carlos Quinto mời các phe nhóm đến hội nghị Augsbourg trình bày giáo thuyết của mình. Melanchton nhân danh Luther soạn 28 khoản điều trần, gọi là bản "tuyên tín Augsbourg" cho đến nay vẫn được phái Luther trung dẫn. Melanchton tỏ ra ôn hòa, cố chứng minh đôi bên chỉ khác nhau về nghi lễ, kỷ luật.

Nhóm Luther vẫn tiếp tục bành trướng. Nhưng Luther phải đấu tranh với những làm lạc của nhóm Anabaptisme tại Munster (+1535). J. Leyde muốn thiết lập nước Kitô dựa theo Khải Huyền với chế độ đa thê và chia đều tài sản. Carlos V mới đầu thương nghị, rồi khai mạc công đồng Trento (1545), sau đem quân trừng phạt vẫn không vãn hồi được hòa bình. Cuối cùng hòa ước Augsburg 1555 đã chia nước Đức thành hai khu vực. Chỉ có các ông hoàng được tự do chọn tôn giáo theo nguyên tắc "cujus regio, ejus religio", nghĩa là miền nào đạo ấy. Quần chúng phải theo sự chọn lựa của ông hoàng, bằng không họ phải đi miền khác.

Về phần các lãnh chúa, miền Scandinavie thì chọn theo phái Luther (Thụy Điển 1527, Đan Mạch, Na Uy 1537). Tuy nhiên với dân ở đây điều này ít quan trọng, họ không thay đổi gì nhiều, vì hầu hết các tập tục cũ được giữ gìn.

3.2. Quần đảo Anh : Anh Giáo

Vua Henri VIII (1509-1547) từng được Đức Lêo X gọi là người "bảo vệ đức tin" khi có phong trào Luther. Thế nhưng vì ông chỉ có một con gái (bốn cô khác đã chết), nên ông xin Tòa Thánh cho ly dị Catarina, vốn là vợ của anh vua đã quá cố, để cưới Anne Boleyn. Chờ đợi lâu không được, ông cưỡng ép các Giáo sĩ Anh chấp thuận và tự tuyên bố là thủ lãnh Giáo hội Anh Giáo qua sắc lệnh "Quyền Tối Thượng" (1534). Hàng ngàn vị trung thành với Roma, trong đó có Gm Fisher, ông Tomas More, bị hành quyết. Dầu sao, vua vẫn giữ đức tin Công giáo.

Vua Henri VIII có ba người con là Mary Tudor (con bà Catarina), Elisabeth (con bà Boleyn) và Edward VI (con bà Jane Seymour). Thời vua Edward VI (1547-1553) tư tưởng Calvin được đưa vào cuốn Prayer Book 1549 và đạo luật 42 khoản năm 1553. Nữ hoàng Mary Tudor (1553-58) cố đưa nước Anh về Công giáo đã tiến hành khoảng 200 vụ hành quyết. Còn Elisabeth I (1558-1603) thì sử dụng Anh Giáo như một chọn lựa chính trị : tuyên bố ly khai năm 1559, lấy lại Prayer Book, phổ biến 39 khoản tín lý, lập hàng giáo phẩm mới. Nói chung Anh giáo là một tổng hợp giữa thần học Calvin và hình thức cổ truyền như chức Giám mục, y phục, phụng vụ... Những người Công giáo và Tin Lành bất phục đều bị truy nã không thương xót.

Giáo hội cải cách Tô-cách-lan là Giáo hội Nguyên lão dựa theo giáo lý Calvin và công khai hóa từ 1560. Người tổ chức tại đây là John Knox (1514-72), đã sống lâu ngày với Calvin tại Genève. Riêng người công giáo Ái Nhĩ Lan, đã viết nên những trang sử đẫm máu, vì cương quyết không theo Anh Giáo dù bị đàn áp, thống trị.

3.3. Tại Pháp

Chính sách các vị vua Pháp thay đổi luôn. Những thuận lợi của hòa ước Bologne khiến các ông trung thành với Roma. Sau vụ "dán Bích Chương", việc đàn áp lạc giáo ngày càng tăng. Khoảng 3.000 người Vaudois liên minh với phe cải cách bị tàn sát năm 1545. Nhiều Giáo hội cải cách Pháp "trỗi dậy" ở nhiều thành phố. Công nghị Paris 1559 qui tụ được đại biểu của 50 Giáo hội, đã soạn thảo cuốn kỷ luật và bản tuyên xưng Đức Tin mới. Công nghị Rochelle 1571 đã duyệt lại và long trọng châu phê tài liệu nền tảng này của Tin Lành Pháp.

Tuy nhiên, nhóm cải cách gọi là Huguenots liên kết thành một đảng phái chính trị. Trong ý hướng hòa giải, nữ hoàng nhiếp chính Catherine de Medicis và tể tướng Michel de l'Hôpital chấp nhận cho nhóm Huguenots một số quyền tự do.

Thế nhưng, cuộc tàn sát những người cải cách tại Wassy (1562) đã khởi đầu cuộc chiến tranh tôn giáo kéo dài đến năm 1598. Đẫm máu nhất là cuộc thảm sát vào lễ Saint Barthélémy (24-8-1572). Lấy cớ phá vỡ âm mưu của Tin Lành, Cathérine cho giết nhóm Huguenots ở Paris rồi ở các thành phố khác : có đến mấy chục ngàn nạn nhân trong vụ này. Vua Herri IV, sau khi tuyên bố bỏ đạo Tin Lành, vẫn hồi trật tự bằng sắc lệnh Nantes 1598, cho phép tự do Tôn giáo và tự do phượng tự. Phía Tin Lành được bảo đảm về pháp lý với một số khu vực an toàn, có quyền võ trang để tự vệ.

3,4. Bản đồ tôn giáo mới

Cần phải nói thêm về nước Hà Lan vốn thuộc nhà Habsbourg nay về tay Felipe II Tây ban Nha từ 1555. Tại đây, phái Calvin đưa ra bản "tuyên tín Hà Lan" năm 1561. Công tước Anbe nhân danh vua Tây ban Nha áp dụng chính sách đàn áp đẫm máu. Tại các tỉnh phía Bắc, những người cải cách lập ra một nước tự do quanh Guillaume d'Orange gọi là "Liên Tỉnh" (Provinces Unies). Ở đây tôn giáo chính theo Calvin.

TOÁT YẾU

Cuối thế kỷ XV các quốc gia Âu-châu được hình thành vững chãi, Anh, Pháp, Tây Ban Nha đều muốn tách khỏi quyền hoàng đế La Đức và quyền giáo hoàng. Đồng thời xuất hiện cuộc đổi mới văn hóa sâu xa, quen gọi là thời Phục Hưng mang đặc tính quốc gia, nhân bản và Kitô giáo. Máy in đã giúp các tài liệu cổ được phổ biến rộng rãi. Nhiều người như Erasme, Thomas More, tìm về nguồn Kinh Thánh và Giáo phụ, đã muốn thanh lọc Giáo hội khỏi những vết chai cứng của quá khứ, muốn cổ võ đời sống nội tâm tôn giáo, nhưng chưa thành công.

Các hệ phái Tin Lành xuất hiện với những nội dung khác nhau :

- Từ 1517, Luther nhấn mạnh giá trị Kinh Thánh và ơn công chính hóa nhờ Đức tin, loại bỏ những phương tiện trần gian kê cả hàng giáo phẩm. Trước cuộc nổi dậy của nông dân, ông tăng cường quyền của các ông hoàng. Từ 1555, nước Đức chia thành hai phe : miền nào đạo nấy.

- Zwingli tổ chức cải cách cưỡng bách tại Thụy Sĩ.

- Calvin tại Pháp xây dựng hẳn một hệ thống thần học mới, đưa ra tổ chức mới dựa trên Giáo hội địa phương, dưới sự điều hành liên hiệp với quyền dân sự trong các Nghị hội. Nhờ Viện hàn lâm Genève, giáo lý của ông được phổ biến rộng rãi.

- Anh Giáo do Henri VIII khởi xướng ghi đậm nét sự gia tăng quyền bính của Anh Hoàng, vẫn giữ nguyên hình thức cũ nhưng sử dụng thần học Calvin. Nữ hoàng Elisabeth là người chính thức công bố ly khai với Roma năm 1559. Ngoài ra, các nước Bắc Âu và Islande theo phái Luther ; Hà Lan, vùng Liên Tỉnh, Tô-cách-lan theo giáo lý Calvin. Tại Pháp, sau chiến tranh tôn giáo 1562-98 các Giáo hội Calvin có một số khu vực an toàn để hành đạo.

Cuộc canh tân Giáo Hội - CĐ. Trentô

CUỘC CANH TÂN GIÁO HỘI - CĐ. TRENTÔ

Thế kỷ XVI – XVII

Song song với phong trào Tin Lành, trong giáo hội, có một cuộc canh tân sâu xa về mọi mặt, khởi đầu do sáng kiến của các tu sĩ, giáo hữu, và giám mục. Sau đó các Giáo hoàng, dù nhiều khó khăn, đã triệu tập công đồng chung TRENTO. Công đồng kéo dài đến 18 năm, qua nhiều thời kỳ gián đoạn và được áp dụng cách chậm rãi. Thế nhưng Công đồng đã đưa vào Giáo hội những đường hướng đứng vững gần bốn thế kỷ, trải qua biết bao khủng hoảng và xung đột.

I. CUỘC CẢI TỔ CÔNG GIÁO THẾ KỶ XVI

1,1. Cuộc cải tổ từ địa phương

Chính lòng đạo đức và ưu tư tôn giáo đã khiến các nhà cải cách tách khỏi Roma, cũng đã khơi nguồn cho nhiều nỗ lực cải tổ trong lòng giáo hội Roma. Thường những nỗ lực này khởi từ hạ tầng. Sự trung thành với thánh phụ Phanxicô làm nảy sinh dòng Capucino (Lm Mt. Bascio, năm 1526). Tại nhiều thành phố Bắc Ý, có các hội "Diễn Giảng tình yêu Thiên Chúa" (Oratoire) gồm giáo dân và linh mục. Họ họp nhau, cầu nguyện chung và phục vụ bệnh nhân, phục vụ người cùng khổ. Các giám mục cũng xin tham gia. Trong đó có đức cha Giberti (+1543) trước từng phục vụ tại giáo triều Roma, nay hiến toàn thân cho giáo phận Verona. Suốt 15 năm, người cải tổ giáo phận, chú trọng đến việc đào tạo giáo sĩ, tổ chức phụng vụ, mở Hàn Lâm Viện, các trung tâm huấn nghiệp và các viện cô nhi...

Dạng tu mới : tu hội giáo sĩ

Một thành viên khác của hội Diễn Giảng, linh mục Gaetan de Thiène, sáng lập hiệp hội linh mục năm 1524 : dòng Theatines, kết hợp sinh hoạt mục vụ hằng ngày với kỷ luật đời tu. Đó là khởi điểm các tu hội giáo sĩ như Barnabit do thánh Anton Zacaria, dòng Somaco do thánh Emilian ... và nổi tiếng nhất là Dòng Tên do thánh Ignatio Loyola (1491-1556) sáng lập: Sau khi bị thương trong cuộc chiến, Ignatio hoán cải và ghi lại kinh nghiệm cá nhân trong cuốn "Linh Thao". Năm 1534, bảy sinh viên Paris đã tuyên hứa tại Montmartre, trở thành "Đạo Binh Chúa Giêsu" (La Compagnie de Jésus) được châu phê năm 1540. Các tu sĩ Dòng Tên có thêm lời khấn thứ bốn: vâng lời đức giáo hoàng, biểu lộ ý chí đáp ứng mọi nhu cầu của Giáo hội và thời đại. Các vị chuyên dạy học, lập học viên, hướng dẫn linh thao và truyền giáo tại các miền xa xôi. Khi thánh Ignatio qua đời số tu sĩ Dòng của Người đã lên tới một ngàn.

Cũng giai đoạn này xuất hiện Dòng Trợ Thế của thánh Gioan Thiên Chúa (+1550) chuyên hoạt động bác ái, phục vụ bệnh nhân và người nghèo.

1,2. Công đồng TRENTO (1545-63)

"Công đồng, Công đồng" ! Cả thế giới kêu lên như vậy ! Đó là lời vị đại diện đức Giáo hoàng nói khi Luther đến nghị hội Worms do vua Carlos V triệu tập (1521). Thế nhưng công đồng bị trì hoãn khá lâu. Các cuộc chiến dai dẳng giữa hoàng đế với vua Pháp đã cản trở việc nhóm họp. Đức Adriano VI (1522-23) người Hà Lan (Vị cuối cùng không phải người Ý, cho đến đời đức Gioan Phaolô II), nhận thức và tố cáo các tệ lạm, nhưng đời giáo hoàng của người lại quá ngắn. Kế vị ngài là đức Clémentê VII liên minh với vua Francois I, khiến quân đội Đức, một số thuộc nhóm Luther, đã đến tàn phá Roma vào tháng 5-1527. Chỉ cần bảy ngày, Roma trở nên "thây ma bị cắt từng mảnh", còn Carlos Quinto thì chối trách nhiệm, ông

nói : "Tất cả là do bản án Thiên Chúa chứ không do mệnh lệnh của tôi".

Đức Phaolô III (1534-49) lên ngôi, tuy đã 67 tuổi, nhưng cương quyết triệu tập công đồng.

Người lập một ủy ban cải tổ theo tinh thần Erasme gồm nhiều hồng y danh tiếng như

Contarini, Sadolet, Reginald Pole... Thế nhưng, dần dần khuynh hướng tự vệ lại thắng thế.

Năm 1542 Bộ Thánh Vụ (Nay là Thánh bộ Giáo lý Đức tin), được lập ra để ngăn chặn sự lan tràn của lạc giáo, vì bề trên dòng Capucino cũng đã theo cải cách.

Sau ba lần tuyên bố triệu tập mà không thành, cuối cùng công đồng Trentô (Tridentino) được khai mạc ngày 13.12.1545. Những trở ngại chính bấy giờ là : vua Pháp sợ công đồng sẽ tăng uy tín cho Carlos Quinto, trong khi hoàng đế yêu cầu dừng kết án giáo lý của Tin Lành. Phái Tin Lành thì đòi cho giáo dân tham dự. Ngoài ra còn vấn đề tài chính và địa điểm.

a/ Diễn biến công đồng Thành phố Trentô nằm ở trung tâm dãy Alpes thuộc quyền Carlos V.

Người ta hy vọng người Đức sẽ đến dự. Khởi đầu công đồng chỉ có 34 thành viên, đại diện

cho Giáo hội phổ quát gồm 500 Giám mục. Con số gia tăng dần và đạt mức tối đa là 237 vị

trong những phiên họp cuối. Hầu hết các giám mục thuộc vùng Địa Trung Hải, trong đó các

giám mục Ý chiếm đến ba phần tư. Các giám mục Pháp chỉ đến đông vào giai đoạn chót.

Không nên nghĩ về Trento theo kiến thức về công đồng Vatican I và Vatican II. Ở đây có sự can thiệp của các đại sứ, ông hoàng, có lễ hội, có chuyện tranh giành chỗ ngồi xen lẫn với nỗi kinh hoàng vì dịch tễ và chiến tranh.

Công đồng Trentô chỉ được các đại diện Giáo hoàng chủ tọa, nên đôi khi phải chờ hội ý kiến Giáo hoàng trong những quyết định quan trọng. Công đồng có đến 25 phiên họp, ngắt thành ba thời kỳ :

* Thời đức Phaolô III, họp tại Trentô (1545-47) rồi phải chuyển đến Bologne (1548-49) vì lý do ôn dịch.

* Đức Julio III tái nhóm công đồng từ 1551-52. Riêng phiên họp 15 có phái đoàn Tin Lành Đức tham dự. Chiến tranh đã khiến công đồng phải hoãn lại.

Nhưng giáo hoàng Phaolô IV lại chủ trương cải tổ không cần công đồng, người cùng có Tòa Tra, thiêu hủy những sách xấu. Nhiều hồng y cũng thuộc vào đối tượng bị truy lùng. Sách của Erasme bị đốt. Việc dịch Kinh Thánh bị cấm đoán.

* Đức Piô IV triệu tập lại công đồng (1562-63), và hồng y Morone, một nạn nhân của đức Phaolô IV đã bế mạc. Ngày 3 và 4-12-1563, các nghị phụ hiện diện đã ký nhận tất cả các nghị quyết từ năm 1545, hồng y Lorraine đưa ra 11 lời tung hô ; người ta chia tay nhau, ôm hôn từ biệt và khóc lên vì vui mừng.

b/ Những quyết định của công đồng

Chưa từng có Công đồng nào hoàn thành được một công trình đáng kể như thế. Trento đã xác định khá nhiều điểm tín lý và thúc bách cải tổ trong mọi lãnh vực mục vụ. Nhiều văn kiện là kết quả của những suy tư lâu dài như về ơn công chính hóa, việc hợp tác của con người trong ơn cứu độ, về truyền thống Giáo hội, bảy bí tích, tổ chức hàng giáo sĩ... Một số bản văn cũng có màu sắc chống Tin Lành như việc cấm cử hành phụng vụ theo ngôn ngữ địa phương. Trong các quyết định mục vụ, việc yêu cầu thiết lập chủng viện đã đem lại những kết quả lớn lao trong tương lai.

c/. Các Giáo hoàng áp dụng công đồng

Công đồng trao phó cho các giáo hoàng trách nhiệm áp dụng công đồng. Đức Pio IV ban hành nhiều sắc lệnh và lập một ủy ban tám hồng y để thực hiện. Đức Pio V (OP, 1566-72) một vị thánh, lần lượt xuất bản sách giáo lý Roma quen gọi là sách giáo lý Tridentino ; xuất bản sách nguyện và sách lễ Roma. Một bản văn Phụng vụ cho mọi nơi, bãi bỏ các phụng vụ chưa được hai thế kỷ. Những phụng vụ cổ kính như Milan, Lyon, Đa Minh ... vẫn được lưu giữ.

Đức Gregorio XIII (1572-85) sửa lại lịch cũ bằng cách bớt mười ngày, sau mùng 4 là ngày 15-10-1582, để mùa màng được chính xác. Người lập nhiều học viện và chủng viện, trong đó có đại học Gregoriana, và cắt đặt nhiều khâm sứ thường trực bên các chính quyền.

Đức Sixto V (1585-90) tổ chức giáo triều thành 15 thánh bộ với 70 hồng y, nhằm hỗ trợ giáo hoàng điều hành Giáo hội và Nước Tòa Thánh. Năm 1614, đức Phaolô V ấn hành sách lễ nghi Roma gồm bản văn và nghi lễ cử hành bí tích.

Thành phố Roma ngày càng đẹp, xứng đáng với thủ đô của thế giới Công giáo. Vòm đền thờ Phêrô hoàn thành năm 1590. Sang thế kỷ sau, Bernin hoàn tất công trình với 372 cột ở quảng trường. Năm Thánh 1600, người ta ước tính khoảng ba triệu du khách đến viếng thăm Roma. Tại các nước Công giáo, việc áp dụng công đồng phụ thuộc phần nào vào các vị vua. Vua Felipe II, Tây Ban Nha nhanh nhẹn nhận các quyết định của Công đồng, nhưng "trừ những gì thuộc quyền đức vua". Ở Đức, các ông hoàng muốn cho linh mục được kết hôn. Còn tại Pháp các vua nghĩ rằng quyền lợi mình bị hạn chế trong việc đặt giám mục, nên cấm phổ biến công đồng cho tới năm 1615.

1.3. Nhân lực và dòng tu sau Trento

Công đồng đi vào sinh hoạt Giáo hội là nhờ khá nhiều nhân vật đã cống hiến toàn bộ năng lực mình để loại bỏ những lạm dụng cũ, huấn luyện tín hữu và đào tạo hàng giáo sĩ. Nhưng có một số lại muốn đấu tranh với Tin Lành, tái chiếm các lãnh Thổ đã mất, đôi khi còn dùng đến vũ khí. Chính vì thế nhiều người hay lẫn lộn cải tổ với chống cải cách, dù hai khía cạnh này khác nhau hẳn.

a/ Phêrô Canisiô và Carolo Borromeo

Thánh Phêrô Canisiô (SJ, 1521-97) gốc Hà-lan, đã rong ruổi khắp Âu Châu và cách riêng vùng German để thực hiện không mỗi một cuộc cải tổ Công giáo. Là cố vấn nhiều ông hoàng và giám mục, người ưu tiên cho việc giáo dục tôn giáo, lập nhiều học viện, xuất bản nhiều sách giáo lý (được tái bản đến 550 lần).

Tại Milan, thánh Carolo Borromeo (1538-84) là vị tiêu biểu cho mẫu giám mục theo công đồng Trento. Người sống thật khổ hạnh, triệu tập các công đồng tỉnh và địa phận, thiết lập các học viện và chủng viện. Nhiệt tâm của người trong cơn dịch 1576 đã để lại ấn tượng mạnh. Những quyết định của người được phổ biến trong các công vụ Milan và cuốn "Chỉ nam các vị giải tội", lan rộng khắp Âu Châu Công giáo ngay khi người còn sống.

b/ Phát triển linh đạo và dòng tu

Tại Tây Ban Nha, nhằm cảnh giác không cho lạc giáo xâm nhập, Tòa Tra truy lùng các Alumbrados (những người được mặc khải), đôi khi cũng không tha những nhà linh đạo. Tuy nhiên, vì không có chiến tranh tôn giáo, đời sống tâm linh và nhiều dòng tu có cơ hội phát triển. Thánh Têrêsa Avila (1515-82), sau khi đi sâu vào đời sống thần bí, đã thiết lập tu viện Cát-Minh cải tổ đầu tiên tại Avila năm 1562. Từ đó đến cuối đời, thánh nữ đi khắp Tây ban Nha, xây dựng nhiều đan viện Cát Minh cải tổ nữ cũng như nam, nhờ sự hợp tác của thánh Gioan Thánh Giá (1542-91), vị thánh ngay giữa gian nan thử thách, đã diễn đạt kinh nghiệm thiêng liêng của mình qua những áng thơ kiệt xuất trong văn học Tây Ban Nha.

Tại Roma, thánh Philipê Nêri (1515-85) chủ trương khác hẳn với thánh Ignatio, vì ít chú trọng đến cơ cấu và thích linh động sáng tạo. Người qui tụ không chính thức các giáo hữu và linh mục để cầu nguyện, ca hát, giải thích Kinh Thánh rồi dẫn thân phục vụ bệnh nhân và khách hành hương. Đó là hội "Diễn Giảng" mà các thành viên chỉ ràng buộc với nhau bằng tình cảm và giao tế hằng ngày. Nhờ những hội viên danh tiếng như hồng y sử gia Baronius, nhóm phát triển vượt ra ngoài Roma và Ý.

Khắp nơi, các dòng tu đều phát triển nhanh chóng. Dòng Tên lên đến 15.000 tu sĩ (1650), Capucino thì 20.000. Trong nhiều thành phố Âu Châu, số tu viện tăng nhanh - nghĩa là tài sản giáo hội gia tăng - khiến các hội đồng thành phố phải e ngại.

Với các dòng nữ, việc phục hồi kỷ luật sơ khai được đề cao, còn việc đổi mới thì bị Roma và các giám mục cản trở. Theo châm ngôn thời đó, phụ nữ phải có chồng hoặc có tường (đan viện). Nên các dòng nữ Ursulines do Sta Angela Merici lập và dòng Thăm Viếng (1610) do thánh Francois de Sales và mẹ Jeanne de Chantal lập, vẫn phải duy trì hình thức viện tu. Điều

này cản trở không ít lý tưởng hoạt động giáo dục và xã hội của chị em.

c/ Cách hiểu khác chữ "Công giáo"

Công đồng Trento đã khoác cho Giáo hội một bộ mặt được gìn giữ đến thời gian gần đây. Chữ "Công giáo" biểu thị một nhóm kitô hữu riêng biệt, phân biệt với Tin Lành và Chính Thống. Công đồng tạo nên một Giáo hội vững chắc, có phẩm trật rõ rệt và quyền hành tập trung vào một thủ lãnh vào đức giáo hoàng. Công đồng đã hội nhập quá khứ vào hiện tại cách hài hòa, nhưng lại thỉnh lạng trước nhiều vấn đề mới như những biến chuyển khoa học, kinh tế, xã hội.

Cuộc canh tân Giáo Hội - CĐ. Trentô

II. VIỆC PHÁT TRIỂN TÔN GIÁO THẾ KỶ XVII

2.1. Liên đới giữa các nhóm Tuyên Tín

Trong thế kỷ của "chủ nghĩa độc tài" này, các vị vua, dù Tin Lành hay Công giáo, đều nghĩ mình là thủ lãnh của mọi tổ chức trong nước kể cả các giáo hội, đưa đến chính sách quốc giáo. Tôn giáo phải phục vụ cho nhu cầu chính trị. Họ không hề nhượng bộ dù phải chấp nhận nghịch lý, thí dụ nước Pháp liên minh chặt chẽ với các ông hoàng Tin Lành và cả Thổ Nhĩ Kỳ khi chống lại hoàng đế Đức và vua Tây Ban Nha là những kẻ bảo vệ phía Công giáo. Nhưng ngay trong nước Pháp, anh em Tin Lành ngày càng bị phân rẽ.

a/ Trận chiến Ba Mươi Năm (1618-48)

Hoàng đế Đức không mất hy vọng tái lập hoàn toàn đạo Công giáo trong các nước thuộc đế quốc. Việc từ chối nhượng bộ người Tin Lành xứ Bohême đã tạo nên các phe đối nghịch của chiến tranh 30 năm. Giai đoạn đầu, Fernando II chiến thắng Qua sắc lệnh "Bồi Hoàn" (Restitution, 1629), ông buộc đối phương phải trả lại cho người Công giáo trong đế quốc những tài sản đã chiếm được từ năm 1552. Thế là phía Tin Lành liên minh với Thụy Sĩ và Pháp. Cuộc xung đột lan rộng khắp Âu-châu và kết thúc với hiệp ước Westphalie năm 1648. Tin Lành được lại tình trạng năm 1618, Giáo hội Calvin được nhìn nhận. Đức Innocente X lên tiếng phản đối những khoản qui định về tôn giáo, nhưng từ nay quyền Giáo hoàng đã bị loại ra khỏi những quyết định chính trị thế giới.

b/ Tại quần đảo Anh

Tại Anh quốc, chính quyền bắt bớ những người Công giáo hoặc Tin Lành từ chối các tham dự các lễ nghi Anh giáo. Từ 1620, một số nhóm Tin Lành ly khai ở đây di cư qua Mỹ châu để sống niềm tin của mình. Năm 1649, vua Charles I bị Olivier Cromwell cầm đầu các nhóm ly khai đánh bại và hành quyết. Cromwell nhân danh Kinh Thánh để tàn sát những người Ái Nhĩ Lan không chịu bỏ niềm tin Công giáo. Năm 1660, vua Charles II dành lại vương quyền, nhưng số phận người Công giáo không có gì thay đổi. Năm 1673, đạo luật "Trắc-nghiệm" (Bill of Test) buộc những ai nhận các chức vụ công cộng phải tuyên thệ chống Công giáo. Năm 1681, tổng giám mục Armagh bị treo cổ.

c/ Điềm sáng khoan dung và đại kết

Dầu sao thế kỷ này cũng có một số tâm hồn hiếu hòa cố võ việc đại kết. Người ta thường nhắc đến triết gia Leibniz (1646-1716). Khởi đầu, giám mục Spinola (Ofm), bạn của hoàng đế Leopold I, quan hệ với một đan viện trường phái Luther là Molanus tại Hanovre và với Leibniz. Một bản văn nền tảng được soạn năm 1683 là : "Các qui luật nhằm hiệp nhất toàn thể Kitô hữu". Về sau Bossuet và Leibniz trao đổi với nhau rất nhiều thư từ (1691-94). Tuy nhiên họ không hiểu nhau được : Bossuet nghĩ Leibniz phải trở thành Công giáo trong khi ông này lại chủ trương duy trì nhiều cách cảm nghiệm kitô-giáo và mong muốn người ta khoan áp dụng Trento, để chờ một công đồng mới.

d/ Chính Thống gặp nghịch cảnh chính trị

Các Giáo hội Chính Thống phân bố trong ba khu vực chính trị: vương quốc Ba Lan

(Ukraine), đế quốc Nga và đế quốc Thổ. Quả là khó khăn nếu muốn duy trì sự hiệp nhất trong đức tin và phụng vụ. Vua Ba Lan cố gắng đưa dân Slave theo nghi thức Byzantin trở về với Roma. Cuộc hiệp nhất Brest-Litovsk (1596) đã khai sinh Giáo hội Uniates với giáo tòa Kiev. Uniates là cách gọi những giáo hội Đông phương tái hiệp nhất với Roma, nhưng vẫn được phép giữ các tập tục xưa về ngôn ngữ phụng vụ và hôn nhân linh mục.

Vì những trung tâm trí thức tại đế quốc Ottoman không còn nữa và tại Nga thì ít phát triển, nên nhiều vị lãnh đạo Chính Thống đã được đào tạo tại Tây phương, và chịu ảnh hưởng ít nhiều giáo thuyết của Cải cách hoặc của công đồng Trento. Năm 1629, giáo chủ Constantinople là Cyrillo Lukaris chọn theo giáo thuyết Calvin, gây nên nhiều chống đối và kết án. Ngược lại giáo chủ Kiev là Phêrô Moghila thì tuyên tín năm 1640 và xuất bản sách giáo lý 1645 theo Trento (dù vẫn chối quyền tối thượng của Đức Giáo hoàng và tín lý "Filioque"). Dosithée, giáo chủ Giêrusalem, cũng theo hướng đó. Cũng cần nói thêm yếu tố phụ là các đại sứ phương tây ở Constantinople, vốn là Công giáo hay Tin Lành. Họ giúp các thừa sai, nếu không chiêu hồi được người Hồi giáo, thì cố gắng đưa những người Chính Thống vào Công giáo vậy.

Trong đế quốc Nga, giáo chủ Mascova là Nikon (1652-58) khởi sự công việc cải tổ các tập tục "Nga" để loại bỏ những dấu vết Chính Thống giáo Hy-lạp. Việc đó đã đưa đến cuộc ly giáo (Raskol) của hàng triệu Cựu-tín-hữu. Thủ lĩnh của nhóm này là Pêtrovitch Avvakoum đã phản kháng mạnh mẽ và bị đưa lên dàn hỏa thiêu năm 1682. Hiện nhóm ly khai này vẫn còn tồn tại.

e/ Sự đe dọa của Thổ Nhĩ Kỳ

Chiến thắng của tướng Don Juan với hải quân Thổ tại vịnh Lepante 1571 không đem lại kết quả mong muốn, ngoại trừ việc phát triển lòng căm thù một kinh Mân côi. Quân Thổ vẫn tiếp tục tiến chiếm các đảo Hy-lạp, dành lấy đảo Crète khỏi tay người Venise năm 1669, và đe dọa miền nam Ba-lan cũng như các nước thuộc Áo quốc. Mỗi ngày vào buổi trưa, trong các nước thuộc Đức đều vang lên "Hồi chuông cho Thổ Nhĩ Kỳ". Đức Innocente XI (1676-89) tích cực hoạt động ngoại giao để qui tụ liên minh chống Thổ Nhĩ Kỳ; Ngài là vị bảo trợ chính cho liên quân. Ngày 12-9-1683, vua Gioan Sobieski đứng đầu quân Ba-lan và hoàng gia đã buộc quân Thổ phải rút khỏi Vienne. sau đó là cuộc tổng phản công, Budapest và Belgrade được tái chiếm. Các dân tộc Kitô giáo được an ủi lớn lao và niềm vui ấy bộc lộ qua việc phát triển nghệ thuật Baroque khắp miền Đông Âu này.

2.2. Giám mục mới, Linh mục mới

Dù cho nhà vua không đồng ý, năm 1615, các giám mục Pháp quyết định thực hiện những sắc lệnh của công đồng Trento. Nhiều giám mục khởi xướng cuộc cải cách trong mọi lãnh vực mục vụ. Các nhà linh đạo mới đã đào tạo một mẫu linh mục mới sẽ canh tân dân Thiên Chúa. Âm thầm hơn, nhiều phụ nữ cũng góp phần trong việc cải tổ.

a/ Thánh Phanxicô Salêsiô (1567-1622)

Thánh Phanxicô Salêsiô, giám mục Genève Annecy, sống theo gương thánh giám mục Carolo Borromeo. Ngài có ảnh hưởng rộng lớn về linh đạo giáo dân và tu sĩ linh mục qua hai tác phẩm: "Dẫn vào đời sống thánh thiện" (1608) và "Khảo luận về Tình Yêu Thiên Chúa" (1616). Tinh thần của thánh Phanxicô Salêsiô có đặc tính nhân bản, lạc quan, với lối giảng thuyết đơn sơ theo tinh thần Phúc Âm. Cùng với thánh Jeanne de Chantal (+1641), ngài lập dòng Thăm Viếng năm 1610.

b/ Trường phái linh đạo Pháp

Hồng y Pierre de Bérulle (1575-1629) nhờ Madame Acarie giúp đỡ, đã đưa dòng Cát Minh cải tổ vào Pháp, ý thức sự cao cả của chức vụ linh mục, Ngài thiết lập hội linh mục Diễn Giảng (Oratoire 1611) để tán dương Đức Giêsu linh mục và cải tổ đời sống linh mục. Các linh mục trong hội này phục vụ giáo phận theo ý giám mục như các linh mục triều. Các môn sinh của hồng y Bérulle truyền bá linh đạo của ngài, mỗi người có nét độc đáo riêng. Nhưng tất cả

đều tận tâm với việc loan báo tin mừng cho đại chúng và chú trọng việc đào tạo linh mục. Gioan Eudes (1601-80) lập dòng Eudist năm 1643, phổ biến lòng tôn sùng Thánh Tâm Chúa Giêsu. Việc tôn sùng này cũng được thánh nữ Magarita Maria Alacoque (Paray-le-Monial, 1673) cổ động. Cha Olier (1608-1657) lập hội Xuân Bích năm 1642, nhằm đào tạo hàng giáo sĩ.

Vị đại thánh của thế kỷ là thánh Vinhson Phaolô (1581-1660) đã rời Landes về Paris để phục vụ Giáo hội. Với tinh thần thực dụng : "Hãy yêu mến Chúa qua đôi bàn tay và giọt mồ hôi trên khuôn mặt", ngài sáng lập dòng truyền giáo Lagiarist năm 1632 để đi từ làng này qua làng khác giảng Tin Mừng cho dân quê. Cùng với thánh Louise Marillac, Ngài lập dòng Nữ Tử Bác Ái (1633) để phục vụ dân nghèo.

c/ Lập các chủng viện

Tất cả các nhân vật trên đều quan tâm đến việc đào tạo Linh mục. Thời đó chưa có điều kiện nào rõ rệt đòi hỏi người muốn tiến tới chức linh mục. Dần dần nhiều sáng kiến đã nảy sinh. Adrien Bourdois (+1655), tại họ đạo Nicolas huấn luyện cho các thỉnh sinh biết coi sóc thánh đường và cử hành phụng vụ trang nghiêm. Thánh Vinhson Phaolô với các đợt tĩnh tâm 11 ngày giúp các tiến chức về những điểm chính của thần học và tác vụ thánh. Sau đó, ngài đề ra một dạng thường huấn cho giáo sĩ qua các buổi hội thảo Thứ Ba (hằng tuần). Rồi Ngài qui tụ các ứng sinh linh mục gia nhập học viện với thời gian lâu dài hơn ... Những chủng viện đúng nghĩa ra đời giữa thế kỷ XVII nhưng phải đến đầu thế kỷ XVIII mới có chủng viện cho tất cả các địa phận.

Các giám mục ủy thác việc điều hành chủng viện cho các cha dòng Oratoire, Xuân Bích, Lagiarist, Eudist ... Thời gian đào tạo tăng dần từ vài tháng đến một năm vào cuối thế kỷ XVII rồi lên hai năm. Mới đầu chủ yếu huấn luyện về luân lý và tôn giáo, sau thêm việc nghiên cứu và trí thức. Các chủng viện đã góp phần tạo nên một mẫu linh mục vẫn còn giá trị cho đến nay : nhân vật tách biệt với thế gian qua y phục và lối sống, dâng lễ mỗi ngày, nguyện kinh thần vụ và ý thức trách nhiệm mục vụ với bản đạo.

2.3. Biến đổi nơi tín hữu

Nhờ có hàng giáo sĩ được đào tạo kỹ lưỡng hơn, đời sống đạo của tín hữu được nâng cao. Các vị thẩm quyền tìm cách loại bỏ dần những lễ hội dân gian và những tập quán tôn giáo bình dân thời trước. Đầu thế kỷ XVIII, nhằm bổ sung những thiếu sót của các linh mục xứ, nhiều "tập thể truyền giáo lưu động" đã đến các họ đạo. Đó là các tu sĩ hoặc các hội linh mục. Tại mỗi nơi, họ sinh hoạt nhiều tuần lễ, giúp dân hiểu về đạo, giải thích các kinh căn bản và cổ võ thực hành đạo tối thiểu như xưng tội rước lễ mùa Phục sinh. Đến cuối thế kỷ, khi các cha xứ đã được đào tạo kỹ hơn, công tác được chuyển thành những khóa học định kỳ giúp đào sâu đời sống kitô hữu. Thánh Grignon de Monfort (+1716) thuộc thế hệ thứ hai của các nhà truyền giáo loại này.

Tại mỗi giáo xứ, các cha sở cố gắng giúp bản đạo sinh hoạt tôn giáo đều đặn : rửa tội sau khi sinh vài ngày ; thêm sức mỗi dịp giám mục về thăm ; tại các vùng nông thôn hầu như không ai bỏ rước lễ mùa Phục sinh ; Việc rước lễ lần đầu ngày càng trọng thể ; Việc dự lễ chủ nhật trở nên điều hòa hơn, nhưng các giáo hữu dự lễ theo cách của họ là đọc kinh, lần chuỗi. Linh mục chỉ nói tiếng địa phương khi thông báo hoặc giảng sau Phúc âm. Trong việc sùng mộ Thánh Thể người ta ít nhấn mạnh việc rước lễ thường xuyên cho bằng việc tôn thờ Thánh Thể và các buổi rước kiệu lễ "Săng-ti" .

Về việc huấn giáo :

Các cha sở ý thức trách nhiệm huấn luyện các Kitô hữu từ thơ ấu qua các giờ giáo lý chủ nhật. Dần dần mỗi địa phương có sách giáo lý riêng. Nhưng giáo lý chủ nhật thôi chưa đủ, các tín hữu quảng đại mở những trường miễn phí trong khuôn khổ xứ đạo. Người có sáng kiến này tại Lyon là Charles Démeia (+1689). Thánh Fourier và chân phước Alix le Clerc lập dòng Nữ Kinh sĩ Augustin (Dòng Đức Bà) năm 1597, với mục đích ban đầu là mở trường

miễn phí cho thiếu nữ. Thánh Gioan de la Salle(+1719), kinh sĩ nhà thờ chính tòa Reims, sáng lập dòng "Su huynh các trường công giáo" (1684) nhằm cung cấp giáo viên dạy trẻ em nghèo bằng ngôn ngữ thường ngày.

Lòng nhiệt thành của tín hữu thời này còn được biểu lộ qua các hiệp hội bác ái và đạo đức, như hội các bà Bác Ái do thánh Vinhson Phaolô lập. Tuy nhiên các nhà giảng thuyết thời này chưa giúp cử tọa ý thức trách nhiệm xã hội của mình. Các vị thường cổ động việc làm phúc bố thí.

Tất cả những hoạt động trên góp phần tổ chức một Giáo hội đồng nhất trang trọng hơn, thần bí hơn. Người tín hữu thuộc giáo lý hơn, giữ đạo đều đặn hơn ... Ảnh hưởng cuộc canh tân thế kỷ XVI đã kéo dài đến thời gian gần đây, đôi khi còn được kể lại với lòng luyến tiếc.

TOÁT YẾU

Cải tổ Giáo hội không nhất thiết phải đưa đến ly giáo. Cuộc canh tân Giáo hội thế kỷ XVI trải qua bốn giai đoạn :

1. Ban đầu là ước muốn cải tổ từ địa phương của các tu sĩ, giáo dân và Giám mục. Các tu hội giáo sĩ xuất hiện, nổi bật nhất là dòng Tên, khẳng định ý chí muốn đáp ứng nhu cầu thời đại.
2. Tiếp theo, các Đức Giáo hoàng trực tiếp đảm nhiệm việc cải tổ. Nếu đôi khi các Tòa Tra có những hoạt động nặng màu sắc bảo vệ, ngăn cấm thì nói chung các Giáo hoàng đã nỗ lực tối đa trong việc tổ chức Công đồng Trento. Vượt qua mọi khó khăn chính trị, các Giám mục đã nhất tâm xác định các nội dung tín lý và đề ra phương án thực hiện rõ rệt.
3. Áp dụng công đồng : Các Giáo hoàng đã tổ chức những ủy ban đặc biệt, cải cách hồng y đoàn, phổ biến giáo lý và phụng vụ chung. Các Giám mục cũng nhiệt tình tổ chức việc thực hiện công đồng trong địa phận. Các dòng tu cũng cải tổ và phát triển nhanh, góp phần đem lại cho Giáo hội một chân dung mới.
4. Yêu cầu thiết lập chủng viện của Trento đã đem lại những kết quả lớn nhất. Nhiều hội dòng như Oratoire, Xuân Bích, Lagiarist, Eudist... góp phần tổ chức chủng viện cho mỗi địa phận, đào tạo các linh mục hết mình với công tác mục vụ. Nhờ đó các tín hữu ở những vùng xa xôi nhất đều có nhiều điều kiện hơn để học hỏi giáo lý và tham gia phụng vụ, bí tích. Các phong trào giáo dục và bác ái ngày càng được hưởng ứng hơn.

Giáo Hội trước cuộc khủng hoảng lương tâm

GIÁO HỘI TRƯỚC CUỘC KHỦNG HOẢNG LƯƠNG TÂM

(Thế kỷ XVII - XVIII)

I. NHỮNG XUNG ĐỘT LƯƠNG TÂM (thế kỷ 17)

Công đồng Trentô không dự trù trước được những biến chuyển trong tương lai. Giữa lúc tự do của con người ngày càng được đề cao làm sao dung hòa tự do với ân sủng của Chúa. Phái Jansen nhấn mạnh ân sủng, đề ra nền luân lý nghiêm khắc. Phái Quietisme thì nhấn mạnh sự tín thác vào tình yêu Thiên Chúa. Pháp giáo đòi quyền tự do tuyệt đối cho Giáo hội địa phương. Truyền thống Thánh Kinh trước những khám phá khoa học mới, tiến dần đến việc chú giải phê bình chính xác hơn.

1.1. Phái Jansenisme

Học thuyết phái Jansen tự nhận là dựa vào truyền thống của thánh Augustin, được giám mục Jansen gốc Hà Lan (1585-1638) trình bày trong tác phẩm Augustinus xuất bản năm 1640 (khi ông đã mất). Khá giống với Calvin, Jansen tỏ ra bi quan về bản tính con người đã hư hỏng do tội nguyên tổ ; chỉ những ai được tiền định mới được cứu; sống nghiêm ngặt về luân lý là dấu hiệu được tiền định. Thực ra chủ trương này đã được thần học gia Baius (ở Louvain) phổ biến

và bị kết án năm 1567. Nhưng khi cuốn Augustinus ra đời, các cuộc tranh luận mới bùng nổ. Du Vergier (+1642) đan viện trưởng Saint Cyran tích cực phổ biến học thuyết của bạn trong đan viện của mình và nữ đan viện Port-Royal nơi ông được đặt làm tuyên úy từ năm 1635. Mẹ bề trên ở đây là Angelique Arnauld, từng bỏ rước lễ 6 tháng vì theo giáo lý mới. Cuốn Augustinus bị Roma kết án nhiều lần (1642, 1653, 1656). Du Vergier thì bị tổng giam. Thế nhưng tu viện Port Royal vẫn tiếp tục phổ biến tư tưởng của họ. Anton Arnauld xuất bản cuốn "Việc rước lễ thường xuyên", đòi hạn chế việc rước lễ, gây nên nhiều chống đối. Bên vực cho phái Jansen còn có Blaise Pascal (+1662). Qua 18 "Lettres Provinciales", ông công kích lối hướng dẫn sống đạo "dễ dãi" của các cha dòng Tên.

Từ 1668, hai bên tạm thỏa hiệp cho đến năm 1695 cuốn "Suy niệm đạo đức" được Quesnel phát hành (Hội diễn giảng). Từ đây, vua Louis XIV coi phái Jansen như nhóm chống đối chính trị. Vua cho triệt hạ Port Royal năm 1709, bắt giam nhiều người và xin giáo hoàng kết án Quesnel qua tông chiếu Unigenitus (1713).

Một số thuộc nhóm này phải trốn qua Hà-Lan, sau tự bầu giám mục và thành lập Giáo hội Utrecht. Tại Pháp, năm 1717, bốn giám mục với sự ủng hộ của tổng giám mục Paris đòi Roma mở công đồng chung ; họ phản đối tông chiếu Unigenitus. Quân chúng Pháp thì chia thành hai phe, hoặc theo hoặc chống Jansennisme kéo dài đến giữa thế kỷ XVIII mới ổn định. Các tín hữu tin tưởng hơn vào Tình Yêu Thiên Chúa. Giáo hội tái xác định lập trường của Trento : Con người có thể và cần thiết phải hợp tác trong ơn cứu độ của chính mình.

1.2. Quietisme, vấn đề thần bí

Quietisme bị tố cáo là thuyết chủ trương phó thác tất cả cho Thiên Chúa rồi thụ động đến mức theo phiếm thần, coi thường việc cầu nguyện, bí tích, việc lành nên dẫn đến buông thả về luân lý. Thực ra nhóm Quietisme nhấn mạnh đến việc phó thác hoặc tình yêu đơn thuần. Năm 1675, linh mục Tây Ban Nha Miguel de Molinos (+1696), đã thành công với tác phẩm "Chỉ Nam Thiên Liêng", theo đó một khi tâm hồn đã kết hiệp mật thiết với Chúa, nó ở trong tình trạng "tĩnh tại" chẳng phải làm gì, không phải cố gắng hoặc chống trả cám dỗ. Ông giảm thiểu vai trò của việc làm cùng việc khổ chế. Ông bị án tù chung thân năm 1687 về tội lạc đạo và vô luân .

Tại Pháp, bà Jeanne Guyon (+1717), sau khi chồng qua đời đã hăng say truyền bá việc "phó thác cho Tình Yêu Thiên Chúa", bà xuất bản sách "Cầu nguyện ngắn gọn và dễ dàng" và du thuyết từ Dauphiné, Savoie đến Ý.

"Kinh nguyện của tôi không mang hình thức, thể loại hay hình ảnh nào (...) thấm nhuần niềm tin ngọt ngào, mọi phân biệt phải biến mất nhường chỗ cho tình yêu, yêu không cần động lực lẫn lý do".

Năm 1688 bà bị giam, nhưng được nữ hoàng Maintenon can thiệp cho tự do, và được giám mục Fénelon ủng hộ. Năm 1695, một ủy ban do giám mục Bossuet cầm đầu kết án những ý tưởng của bà Guyon, bà bị giam thêm 10 năm.

Năm 1697, Fénelon tự biện minh trong cuốn "Giải thích ngữ cảnh châm ngôn của các thánh về đời nội tâm", ngài nhấn mạnh tình yêu đơn thuần đưa đến những hành động vô vị lợi. Cuộc tranh luận giữa hai giám mục Bossuet và Fénelon rất sôi nổi, kết thúc bằng việc Đức Innocentê XII kết án Fénelon năm 1699. Dầu sao, Giáo hội đã tái khẳng định vai trò cần thiết các phương thế giúp con người sống niềm tin. Fénelon để lại mẫu gương tuân phục khá đặc biệt. Xét về bình diện thần học thì Bossuet thắng, nhưng cách giải quyết của nhà thần học này đã làm cản trở truyền thống thần bí nói chung của thế kỷ sau.

1.3. Chủ trương Pháp giáo

Hạn từ Pháp giáo (Gallicanisme) có nhiều nghĩa khác nhau. Các thần học gia đề cao công đồng hơn giáo hoàng, các phán quan thì muốn những quyết định của Roma phải đợi họ cho phép mới có giá trị pháp lý trong nước Pháp, Còn các vua, từ thời vua Philippe le Bel xưa,

muốn chiếm đoạt tài sản Giáo hội và chỉ đạo về tự do tôn giáo. Kế trước người sau, tất cả đều xác quyết Giáo hội Pháp có quyền tự trị đối với Roma.

Năm 1610, giám mục Richer, một thần học gia Paris đề ra tổ chức hội đồng Giáo hội tại Pháp (Collégiale).

Cuộc xung đột thế kỷ XVII từ chuyện tiền bạc trong cuộc tranh chấp về vương quyền (Régal : nhà vua thu bổng lộc những tòa Giám mục trống ngôi). Vua Louis XIV đòi áp dụng vương quyền trên mọi địa phận, thay vì hạn chế trong các địa phận cổ xưa nhất. Thế nhưng, Đức Innocentê XI không chấp nhận chuyện đã rồi, không chấp nhận các Giám mục do vua chỉ định. Chẳng bao lâu 35 địa phận Pháp không có Giám mục. Đáp lại, vua triệu tập hội nghị giáo sĩ Pháp năm 1681. Giám mục phận Meaux, đã giảng một bài danh tiếng tại hội nghị về sự duy nhất của Giáo hội và soạn thảo bản tuyên ngôn bốn khoản (19-3-1682) là hiến chương của thuyết pháp giáo :

- * Nhà vua là thủ lĩnh tối cao trong vương quốc.
- * Công đồng hơn Giáo hoàng (theo CĐ. Constancia)
- * Các tập tục Giáo hội Pháp phải được tôn trọng.
- * Sắc lệnh của Giáo hoàng có thể thay đổi.

Đức Innocentê XI không kết án bản tuyên ngôn, nhưng ngài phạt và các giám mục trực tiếp soạn thảo. Tranh chấp lên cao độ. Năm 1693, nhân dịp đức Innocentê XII lên ngôi và vì phải đối đầu với liên quân các nước, vua Louis XIV nhượng bộ và các giám mục Pháp rút lại bản tuyên ngôn.

Đây mạnh phong trào Pháp giáo, vua Louis XIV tìm cách giải quyết Jansenisme và Quietisme bằng cách bãi bỏ sắc lệnh Nante (1598 : cho tự do chọn tôn giáo). Vua cố phục hồi sự thống nhất tôn giáo theo nguyên tắc cũ : "Một Thiên Chúa, một đức vua, một luật lệ, một đức tin". Ông nghĩ điều này khiến giáo hoàng chấp nhận cho ông về vương quyền. Ông cưỡng ép những người R.P.R. (Religion Prétendue Réformée : tôn giáo tự nhận là cải cách) phải gia nhập Công giáo. Ông hạn chế việc phụng tự, cấm một số hệ phái Tin Lành. Một ngân quỹ lo việc cải đạo được thành lập. Kị binh nhà vua (Long kỵ binh) đóng quân ngay tại khu vực anh em cải cách làm gia tăng việc cải đạo cưỡng bức.

Năm 1685, vua làm ra về tin rằng trong nước Pháp không còn ai theo Tin Lành, tuyên bố hủy bỏ sắc lệnh Nantes làm nhiều giáo sĩ được thỏa mãn. Thế nhưng RPR không biến mất.

Khoảng 200.000 đã rời nước Pháp lên vùng Liên Tỉnh (Provinces Unies) đến thành phố Hesse hoặc Brandebourg. Thế hệ tiếp theo của họ sẽ vùng dậy tại Cévennes (nhóm Camisards 1702) hoặc tổ chức "Giáo hội sa mạc" (Antoine Court 1715).

1.4. Chạm trán giữa khoa học và truyền thống Thánh Kinh

Do tinh thần chống cải cách và đề phòng lạc giáo, hồng y Bellarmin (SJ +1621) người chủ trì diễn đàn tranh luận ở Roma, đã can thiệp vào hai vụ án tai tiếng là Jordano Bruno và Galilê.

Thế kỷ trước Copernic (+1543), một kinh sĩ Ba-lan đã từng làm đảo lộn quan niệm cổ truyền về thế giới trong một tác phẩm đề tặng đức giáo hoàng : ông muốn chứng minh không phải mặt trời quay quanh địa cầu nhưng địa cầu xoay trên chính nó và quay quanh mặt trời. Nửa thế kỷ sau, Roma bị xáo trộn và thuyết mặt-trời-trung-tâm của Copernic được Jordano Bruno và Galilê lập lại

Với các thần học gia Roma (cũng như Tin Lành) hệ thống Copernic đi ngược lại với xác quyết của Kinh Thánh (Gv 1,4; Gs.10,12-13). Giosuê đã không làm mặt trời ngừng chạy đó sao ? Quả thực, từ thuyết Copernic, Bruno rút ra những kết quả quá xa lạ với Kitô Giáo. Sau bảy năm tranh luận, ông bị thiêu sinh tại Roma năm 1600. Vài năm sau, Galilê giải thích rằng trong Kinh Thánh : "Chúa Thánh Thần không có ý cho ta biết trời di chuyển cách nào mà làm thế nào di chuyển lên trời". Năm 1616 học thuyết Copernic bị đưa vào sổ cấm (cho đến 1757). Sách của Galilê cũng bị cấm nếu không sửa đổi (mãi năm 1822 ông mới được phục hồi). Cuộc kết án Galilê lần thứ hai năm 1633 còn trầm trọng hơn : nhà bác học phải sống

những ngày cuối đời trong dinh thự có canh gác.

a/ Khởi đầu ngành chú giải phê bình

Số bản chú giải và phiên dịch Kinh Thánh ngày càng nhiều. Ngoài cách đọc hộ giáo và thiêng liêng, xuất hiện cách đọc "khoa học". Ta thấy những tác phẩm của triết gia do thái Hà Lan Spinoza (Khảo luận về Thần học chính trị 1670) và Richard Simon thuộc hội Diễn Giảng, tác giả hai cuốn "Phê bình lịch sử Cựu ước" (1678) và "Phê bình lịch sử văn bản Tân ước" (1689) Richard Simon là một trong những tổ phụ của khoa chú giải phê bình Kinh Thánh. Ông là người đầu tiên đặt vấn đề bản chất việc linh ứng, và chứng tỏ Maisen không thể là tác giả toàn bộ Ngũ Thư trong Cựu ước. Giám mục Bossuet đảm nhận việc kết án và hủy tác phẩm "Phê bình lịch sử" cũng như việc trục xuất Richard Simon ra khỏi hội Diễn giảng.

b/ Tìm lại các nguồn thần học

Dầu sao, nhiều học giả trong giáo hội cũng đã hoàn thành được những công trình phong phú trong việc khảo cứu và trình bày chân dung giáo hội chính xác hơn, có tính lịch sử và khoa học. Jean Bolland (+1655) một tu sĩ dòng Tên người Bỉ, đã lưu danh trong hội Bollandiste bằng việc xuất bản có hệ thống sử liệu hạnh các thánh, loại bỏ bớt những điều huyền hoặc. Các tu sĩ Biển Đức ngành Saint Maur (Mauristes) đặt trung tâm tại tu viện Saint Germain des Prés xuất bản nhiều ấn phẩm về giáo phụ. Nổi tiếng nhất trong nhóm là cha Mabillon (+1707) vị sáng lập ngành công văn thư học (khảo cứu các thủ bản). Ngoài ra Tillemont (+1698) thuộc phái Jansen cũng có một công trình sử học đáng kể trong "khảo luận lịch sử Giáo hội sáu thế kỷ đầu".

II. GIÁO HỘI THẾ KỶ ÁNH SÁNG (XVIII)

2.1. Cuộc khai hoàn của lý trí:

Dựa vào những tiến bộ khoa học, và khoa lịch sử, các triết gia thế kỷ XVIII muốn đặt lại các nấc thang giá trị dựa vào "ánh sáng" của lý trí thay vì sự tối tăm của mạc khải. Phong trào này quen gọi là "triết học ánh sáng" tiếng Đức là Aufklarung, như một tập thể chiến đấu chống lại Kitô giáo. Dầu sao ý tưởng đòi "hợp lý" này đã giúp nhiều bộ môn khoa học có ngôn ngữ riêng, tách khỏi khoa siêu hình. [/size]

Nền tín hữu chân thành cũng chia sẻ sự ngưỡng mộ lý trí của thời đại. Hội Tam Điểm (Tự do, bình đẳng và huynh đệ), khi sáng lập tại Anh năm 1717 vẫn được coi là Kitô giáo. Ngay cả tác phẩm Kinh điển của nhóm là Bộ Bách Khoa : Tự điển Lý Luận các khoa học, nghệ thuật và nghề nghiệp, (1751-72) vào lúc khởi đầu có nhiều nhà thần học cộng tác biên soạn, và trong số người ký nhận có Đức Pio VII sau này.

Sau những tiếp xúc với nền văn minh Trung Hoa, P.Bayle (+1706) chủ trương một xã hội vô thần có thể có nền luân lý hoàn hảo, dù không biết mạc khải. Các triết gia khác thì ủng hộ dạng Thần giáo (Déisme). Hầu hết họ đều thấy cần một Đấng Tối Cao và cần một tôn giáo để bảo đảm trật tự xã hội, nhưng họ đặt nền trên lý trí. Nếu Diderot cố chứng minh luân lý tôn giáo trái với tự nhiên (như luật bát phúc, như tội phạm đến vật thánh nặng hơn phạm đến con người...) thì Voltaire chống lại những cơ chế kỷ luật thiếu khoan dung, đang khi tìm cách phục hồi cho Calas, Sirven ... Ông đòi dẹp bỏ Giáo hội : "Hãy đập tan những điều đê tiện". Montesquieu trong "Vạn Lý Tinh Pháp" (1748) đề ra việc phân quyền (lập pháp, hành pháp, tư pháp) của chính phủ, lại đề nghị coi tôn giáo như một công cụ chính trị. Đó là nguồn gốc chủ trương độc tài sáng suốt sau này.

Cuối thế kỷ XVIII, dường như để phản ứng lại thuyết duy lý quá khô khan, ta thấy xuất hiện hai luồng tư tưởng lạ. Ở Đức có Kant (1724-1804) cha đẻ thuyết "duy tâm" nhấn mạnh đến lương tâm chủ quan tuy vẫn coi thường mạc khải. Ở Pháp có Jean Jacques Rousseau (+1778) đã muốn tái lập chỗ đứng tinh cảm trong tôn giáo tự nhiên như một nguồn lợi ích, hạnh phúc và thi hứng... Như thế, ông chuẩn bị cho nền văn học lãng mạn của thế kỷ XIX.

2.2. Chế độ độc tài sáng suốt

Nói chung, các chính quyền chịu ảnh hưởng triết học ánh sáng thường chủ trương chống ủng hộ Roma, đề cao quyền hành trong quốc gia, tương tự với Galicanisme hay Richerisme... Giám mục Fébronius (1763) thành Trêves chủ trương giảm thiểu tối đa quyền giáo hoàng trong giáo hội mỗi nước. Tại Áo, vua Joseph II chủ trương can thiệp tỉ mỉ vào nội bộ Giáo hội. Ông cấm các tu sĩ lệ thuộc bề trên nước ngoài. Năm 1783, ông đóng cửa các tu viện chiêm niệm (vì ông cho là vô ích), tịch thu tài sản đó để xây dựng các Giáo xứ mới. Ông chỉ huy chủng viện khiến chủng sinh bất mãn phá phách cơ sở. Ông vua làm thánh quân này còn qui định tỉ mỉ về phụng vụ, chôn cất và cả việc sử dụng chuông nhà thờ nữa.

2.3. Phản ứng của Giáo hội

Trước những đả kích, Giáo hội thời này vẫn áp dụng những phương thế cổ truyền như kiểm duyệt sách xấu, yêu cầu chính quyền can thiệp. Một số tác phẩm hộ giáo được phổ biến nhưng không đặc sắc lắm : Linh mục Desfontaine với "Journal Des Savants" chống Voltaire ; Fréron với "Année littéraire" đả kích nhóm Bách Khoa. Tuy nhiên cũng có một số hoạt động tích cực thích nghi trong Giáo hội.

Ở Pháp, có nhiều sách phản ánh tinh thần thời đại như "Phương pháp hạnh phúc đời này và đời sau", "Giáo lý theo triết học", "Giáo lý hòa hợp lý trí với tôn giáo"... Ở Đức, phong trào chiếu sáng Công giáo đề nghị trở về nguồn và xích lại với anh em Tin Lành, như soạn giáo lý cho hai bên đều dùng được. Tiêu biểu cho phong trào này là J.M.Sailer (1751-1932) linh mục xứ Baviê, giáo sư mục vụ, đã có nhiều đề xuất về linh đạo và thực hành đại kết qua câu lạc bộ Kinh Thánh với sự tham gia của nhiều phái Tin Lành.

Cuối thế kỷ, việc thực hành tôn giáo tại nhiều nơi, giảm sút rõ rệt : ít đi lễ, bớt đóng góp, bớt ơn kêu gọi, bàn giao một số công trình bác ái cho chính quyền... Tuy nhiên nhiều người cho rằng đó chỉ là giảm sút thái độ xu thời và thói lệ cũ, trái lại phẩm chất chỉ có phần tăng.

Thời này có nhiều vị thánh khá đặc sắc như : Linh mục Louis Monfort (+1716) sáng lập hội linh mục Đức Maria, cổ võ việc tận hiến và mở rộng nước Chúa của Đức Mẹ. Thánh Alphongsô Liguori Tiến sĩ (1696-1787), với bộ "Thần học Luân Lý" đã cứu Giáo hội khỏi ảnh hưởng Jansenisme, ngài sáng lập Dòng Chúa Cứu Thế (1749) chuyên tổ chức tĩnh tâm và rao giảng tại thôn quê. Thánh Benedicto Labre (+1783) đề ra đường lối chiêm niệm thực hiện trên đường hành hương, sống nghèo và hành khát.

2.4. Canvê của dòng Tên

Hậu quả tai hại nhất của chế độ độc tài sáng suốt là việc đức Clémentê XIV bãi bỏ dòng Tên năm 1773. Vì nhiệt tình trong các tranh luận thần học. Dòng Tên có nhiều đối thủ thuộc phái Jansen, phe Pháp giáo, và các triết gia ánh sáng. Voltaire từng nói : "Phá được dòng Tên là phá được tôn giáo ác ôn này". Bồ Đào Nha trục xuất 600 vị (1759), Pháp trục xuất 4.000 (1764), Tây Ban Nha trục xuất 6.000 (1767), nước Áo cũng lên tiếng đề nghị Giáo hoàng bãi bỏ.

Sau khi dòng Tên bị bãi bỏ nhiều tu sĩ trốn sang truyền giáo tại Phổ và Nga chờ ngày tái lập năm 1814.

Giáo Hội trước cuộc khủng hoảng lương tâm

III. NHỮNG BIẾN CHUYỂN TRONG TIN LÀNH, VÀ GIÁO HỘI ĐÔNG PHƯƠNG

3.1. Trong các Giáo hội cải cách

a/ Phái kiên tín Đức (Pietisme)

Phản ứng lại khuynh hướng của nhiều phái Tin Lành xây dựng các hệ thống tín lý tỉ mỉ và trở thành tổ chức của chính quyền, nhiều anh em Tin Lành muốn tìm lại những cảm nghiệm cá nhân. Bohme (+1624) bị phái Luther kết án là thần bí phiếm thần. Silesius (+1677) tác giả "Cuộc lữ hành Kérubim" thì bị chống đối, đã xin chuyển sang Công giáo. Nhưng người khởi xướng phong trào kiên tín là mục sư Spener (+1705). Ông qui tụ những nhóm nhỏ đọc Thánh Kinh và cầu nguyện được người khác gọi là nhóm đạo đức (Collegia pietatis).

Tác phẩm Pia Desideria (1675) của Spener xác định giáo lý phái kiên tín : đề cao cảm nghiệm hơn thần học, tái hội nhập linh đạo trung cổ, thay đổi cách huấn giáo theo đối tượng. Kinh nghiệm hoán cải được coi là chính yếu mà từng người phải trải qua để tìm được bình an, sau đó được quyền thuật lại nơi công cộng. Đặc biệt phái kiên tín lấy lại vị trí của việc bác ái. Với trung tâm chính là đại học Halle tại Saxe, phái đã tổ chức nhiều công trình từ thiện như trường học, cô nhi viện, cô võ ơn gọi truyền giáo khắp nơi. Dầu bị nhóm Luther chính thống chống đối, trong thế kỷ XVIII, một phần nước Đức theo chủ trương Pietisme.

b/ Mở rộng trên thế giới

Bá tước Zinzendorf (+1760), con đỡ đầu của Spener, sau chuyến du khảo các lối tuyên tín ở Âu-châu, đã đón tiếp những anh em Morava hậu duệ nhóm Hussites (Tiệp Khắc) đến lãnh thổ mình tị nạn. Ông tổ chức nhóm theo chủ trương Pietisme mang màu sắc thần quyền chính trị. Ông chia cộng đoàn theo giới và theo mức tiến bộ thiêng liêng : nhóm các ông, các bà, các cô, các em ... cô võ hát thánh ca và cầu nguyện ngày đêm. Năm 1738, Zinzendorf bị trục xuất khỏi Saxe và trở thành nhà truyền giáo tại Mỹ Châu cùng với anh em Morava, nhiều nhóm huynh đệ khác ở Âu Châu xin sát nhập. Sau này ông thêm vào cảm hứng Pietisme tinh thần ầu thơ với Đức Giêsu và khai triển việc lễ hội trong phụng tự. Sau khi nhà sáng lập qua đời, nhóm Morava đổi tên thành "Giáo hội hiệp nhất huynh đệ" khi đó đã có 226 thừa sai trên thế giới.

c/ Quakers và Methodism

Vì Giáo hội Anh giáo quá gắn bó với chính quyền và tài sản ruộng đất, nên nhiều nhóm Ly giáo đã xuất hiện bất chấp việc trừng trị đàn áp. Nhóm Quakers xuất hiện khoảng năm 1645 do người thợ giày Georges Fox (1624-91). Ông đi khắp nơi trên nước Anh rao giảng giáo thuyết về ánh sáng nội tâm, đặc tín điều và hàng giáo phẩm xuống bậc thứ yếu. Ông kêu mời thánh giả run lên trước Thiên Chúa, phát sinh tên gọi Quaker, và qui tụ họ thành "Hội thân hữu Thượng Đế".

Methodism khởi đầu từ "câu lạc bộ thánh" của các sinh viên Oxford do hai anh em John Wesley (1703-91) và Charles Wesley (+1788). Họ cùng nhau đọc Kinh Thánh, cầu nguyện và làm việc bác ái. Tiếp xúc với phái Morava tại Mỹ và Luân Đôn, John Wesley có được kinh nghiệm "hoán cải". Ông liên kết với Whitefield cũng có kinh nghiệm tương tự. Hai người tìm cách công bố khám phá của mình, nhưng không được phép nói ở nhà thờ, họ đi rao giảng ngoài trời, tại các khu lao động và đến những trại giam.

Methodism đề ra cung cách sống đạo đức với tổ chức Giám-lý-hội. Họ chia thành các tổ 12 người đã tái sinh, sống dưới sự hướng dẫn của một trưởng (leader) và các ủy ban địa phương, quận, tỉnh. Trên hết là hội nghị gồm 100 thành viên. Tín đồ Methodism vẫn đến nhà thờ Anh giáo lãnh nhận các bí tích, nhưng Wesley tấn phong nhiều mục sư hoạt động ở Tân Thế giới. Methodism trở thành một trong những hệ phái đầu tiên tại nước Mỹ. Họ nhấn mạnh đến việc hoán cải và nỗ lực thánh hóa thường xuyên. Phục hồi giá trị của việc làm, cảm tình, phụng vụ, Methodism tái hội nhập nhiều yếu tố của giáo hội Công giáo.

3.2. Các Giáo hội Đông phương

a/ Pierre Đại Đế (1694-1725)

Nga hoàng Pierre Đại Đế mở cửa đón "ánh sáng" Tây phương quyết đưa nước Nga lên hàng cường quốc và độc lập. Sau khi Thượng phụ Adrian qua đời (1700), ông cầm bầu người kế vị. Năm 1721, ông bãi bỏ chức thượng phụ và áp đặt lên giáo hội Nga bản "Qui Luật Thiên Liêng". Từ nay, đứng đầu Giáo hội là một tập đoàn 11 đến 14 Giám mục và Linh mục mà chủ tịch là một Giám quản do hoàng đế chỉ định. Bản "Qui luật" ấn định tỉ mỉ sinh hoạt các giáo xứ và tu viện. Về sau, nữ hoàng Catherine II (1762-96) quét sạch mọi dấu vết tự trị của tôn giáo. Từ 1772, một phần ba nước Ba Lan thuộc Nga cũng nằm trong sự điều hành này. Giáo hội Ruthen bị cưỡng ép theo Chính Thống chỉ còn khoảng 200 xứ đạo.

Để quyền tôn giáo này tồn tại đến cách mạng 1905.

b/ Truyền thống thiên liêng sống động

Mặc cho muôn khó khăn do thể chế, truyền thống thiên liêng Chính Thống trong thế giới Hy-lạp và Nga vẫn sống động. Núi Athos vẫn là tổ ấm tôn giáo vĩ đại. Năm 1782, đan sĩ Nicodemo Hagiorite xuất bản tại Venise cuốn "Philocalie" (Lòng yêu điều thiện mỹ), đã thu nhập tất cả các bản văn giáo phụ từ thuở đầu về cầu nguyện. Một đan sĩ Athos khác là Velitchovski dịch sang Nga năm 1793. Tác phẩm này được phổ biến rộng rãi trong các vùng Slaves. Truyền thống đan sĩ còn có nhiều nhân vật nổi danh khác như Giám mục Tykhon tại Zadonsk (+1783).

TOÁT YẾU

Thế kỷ XVII được ghi đậm nét bằng những cuộc xung đột lương tâm về cách thế sống đạo. Jansenism chủ trương sống nghiêm ngặt, đưa đến lối nhìn bi quan về sự hư hoại của con người. Quietism quá nhấn mạnh việc phó thác trong tình yêu Chúa đến độ coi thường những nỗ lực nên thánh của nhân loại.

Những xung đột giáo lý ấy gây nên xáo trộn vì nằm trong bối cảnh một nước Pháp chủ trương Pháp giáo, và vua Louis XIV đang đấu tranh đòi dành quyền tối cao trong vương quốc. Suốt một thế kỷ, các vua Pháp cưỡng ép Tin Lành trở về với Công giáo (1689-1787). Trong khoa học, Galilê cương quyết bênh vực thuyết mặt trời trung tâm của Copernic dù bị quản chế đến chết; Richard Simon chấp nhận chịu kết án vì muốn đọc lại Kinh Thánh theo khoa học sử; nhiều vị khác như Bolland, Mabillon kiên trì trong việc khảo cứu các nguồn lịch sử và văn học của Giáo hội.

Bước sang thế kỷ XVIII, Giáo hội chịu sự tấn công của các triết gia ánh sáng, nổi bật là phong trào Aufklarung ở Đức, nhóm Tam Điểm và nhóm Bách khoa ở Pháp. Họ phê phán các tín điều và tổ chức Giáo hội là phi lý. Ảnh hưởng rõ rệt nhất của họ là chế độ độc tài sáng suốt, như Josephisme ở Áo, đòi chỉ đạo tỉ mỉ mọi sinh hoạt tôn giáo; ngoài ra Dòng Tên bị ngưng hoạt động 42 năm (1773-1814). Dầu sao các triết gia này vẫn còn tin Thượng Đế, nên quần chúng vẫn vững chãi trong đức tin. Đến cuối thế kỷ, việc thực hành tôn giáo có phần giảm, nhưng giáo lý được canh tân cách trình bày sao cho hợp lý hơn.

Trong khi đó, xuất hiện các nhóm Tin Lành mới như Kiên Tín ở Đức và Giám Lý Hội ở Anh, tái hội nhập nhiều yếu tố Công giáo như giá trị của việc làm, vai trò của nghi lễ và phong trào truyền giáo. Riêng phía Đông, chính sách của Nga hoàng Pierre I đã tổ chức Giáo hội Nga theo tổ chức "để quyền tôn giáo", nhưng Chính Thống giáo vẫn không ngừng phát huy truyền thống tâm linh rất sống động của mình.

Phúc âm hoá toàn thế giới

PHÚC ÂM HÓA TOÀN THẾ GIỚI

I. BỐI CẢNH TỔNG QUÁT

1.1. Bước khởi đầu và những động lực

a/ Tình hình cụ thể

Gắn liền với công cuộc thám hiểm, việc phúc âm hóa thế giới lệ thuộc vào những điều kiện vật chất, thương mại lẫn chính trị của các đoàn viễn du. Trái đất hình cầu của Ptolémée được dư luận chung công nhận. Tiến bộ hàng hải ở bán đảo Ibérique, việc dùng la bàn, việc gia tăng cột buồm... đã giúp các đoàn tàu Caravelle đủ sức đương đầu với biển cả.

Thế nhưng, việc đi biển còn rất chậm và đầy nguy hiểm đã ảnh hưởng không nhỏ đến công cuộc truyền giáo. Từ Lisbonne đến Goa rồi về, mất những khoảng 18 tháng; từ Sevilla đến Manila rồi về, mất những 5 năm mà một nửa thủy thủ đoàn bỏ xác dọc đường. Có thể ta mới hiểu những hy sinh lớn lao của các thừa sai, lý do các Tòa Giám mục trống ngôi (vì chậm liên lạc) và việc kéo dài triền miên khi có tranh chấp như cuộc tranh chấp về lễ nghi Trung Hoa.

b/ Vàng, hạt tiêu và các linh hồn

Công cuộc tìm đất mới khởi từ vùng đất trước đây thuộc Nước Kitô (Chrétienté). Các nhà thám hiểm lên đường với nhiều động lực khác nhau nhưng gắn chặt vào nhau đến độ khó mà tách rời ra nổi.

Trước tiên là lý do Kinh tế : dân cư Địa Trung Hải muốn tìm ra nguồn vàng bạc để buôn bán với phương đông. Họ đi để mua hương liệu rẻ, tìm đất trồng trọt và nhân công nô lệ.

Ngoài lòng ham thích khám phá tìm tòi do những cuốn tự thuật hành trình của Marco Polo, S. Breden khơi lên ý niệm thánh chiến vẫn còn sống động. Bồ Đào Nha chiếm Ceuta (1415), còn Tây Ban Nha tái chiếm Grenada (1492) khỏi tay người Hồi giáo. Tại sao người ta không thể đánh tập hậu Hồi quân với linh mục Gioan (!) mà họ nghĩ rằng đang ở Ethiopie? Phải chăng đã đến thời vương quyền đức Kitô hiển ngự khắp địa cầu với Giêru-salem làm thủ đô như Joachim de Flore đã loan báo ?

Một số người thì nghĩ đến hàng triệu linh hồn sẽ chịu luật phạt vì không biết đức tin. Cuối thế kỷ XVI trong giới Công giáo còn có ý tưởng tìm người thế chỗ những anh em đã theo Tin Lành. Sang thế kỷ XVII xuất hiện những Tổ chức chuyên lo việc truyền giáo.

Tất cả những động lực ấy đan kết vào nhau không thể nào tách ra được : "Vàng, hạt tiêu, linh hồn". Nhiều nhà khai phá, kẻ chinh phục và đôi khi cả những thừa sai đã có những thái độ mà ngày nay chúng ta không chịu nổi. Có nơi người ta trồng Thánh Giá rồi bắt bớ thổ dân. Ở Mehicô, Cortès bắt Marina, một thổ dân phải rửa tội trước khi cưới làm vợ bé. Ở Peru, Pizzaro đòi một khoản tiền chuộc khổng lồ đối với Inca Atahualpa, đoạn rửa tội và ra lệnh treo cổ ông (1533).

1.2. Tổ chức việc Truyền giáo

a/ Từ Quyền Bảo Trợ : 1493

Trong thế kỷ XV, qua các tông chiếu về thánh chiến (1430-1452), Tòa thánh đã nhượng cho vua Bồ Đào Nha quyền phán quyết đòi cũng như đạo tại những vùng họ chiếm của Hồi giáo hay khám phá được. Năm 1492, Christophe Colomb khám phá ra miền Tây Ấn (Mỹ Châu) tạo nên sự căng thẳng giữa hai nước tại bán đảo Ibérique. Đức Alexandro VI đứng ra làm trọng tài. Năm 1493, ngài chia những phần lãnh thổ khám phá được về phía Tây cho Tây Ban Nha và phía Đông cho người Bồ Đào Nha. Ngài ủy thác cho hai vị vua trách nhiệm Tổ chức Giáo hội tại các miền liên hệ như chia địa phận, cắt cử giám mục ... Cách nào đó, các ông trở thành thủ lãnh của những Giáo hội mới lập. Giáo hội dễ dàng phê chuẩn việc bổ nhiệm các

vua, không can thiệp trực tiếp. Toàn bộ sự ủy nhiệm này tạo nên quyền bảo trợ (Padroado - Patronato).

Thế nhưng quyền bảo trợ lại sinh ra nhiều điều bất tiện. Việc truyền giáo bị lệ thuộc vào tình hình chính trị và việc chiếm thuộc địa. Cả hai quốc gia ghen tị với nhau về quyền lợi dù họ chưa chu toàn bổn phận mình. Bồ Đào Nha khi đó chỉ có một triệu rưỡi dân, không thể đáp ứng nhu cầu Giáo Hội trên nửa thế giới, thế mà họ vẫn buộc các thừa sai nước ngoài phải qua cửa Lisbonne và tuyên thệ trung thành với vua Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha có một số vua ý thức hơn. Thế nhưng còn các nước khác, họ cũng đang muốn nhảy vào cuộc chinh phục thế giới. Vua Pháp Francois I đã mỉa mai : "Ta muốn đọc xem đoạn Kinh Thánh nào đã loại ta khỏi việc chia phân thế giới này".

b/ Đền thánh bộ truyền bá đức tin : 1622

Do những khó khăn trên, Tòa thánh đã lấy lại quyền điều hành việc truyền giáo, và thiết lập Thánh bộ Truyền bá Đức Tin năm 1622. Thánh bộ này cũng có trách nhiệm kêu mời những anh em lạc giáo và ly giáo Âu Châu hay Đông Phương trở về. Quyền bảo trợ từ nay chấm dứt, tuy còn xảy ra một số xung đột về quyền tài phán. Từ nay Thánh bộ trực tiếp điều khiển việc truyền giáo.

Dưới sự thúc đẩy của hồng y Ingoli, Thánh bộ đã thực hiện cuộc kiểm tra toàn bộ sinh hoạt truyền giáo trên toàn thế giới và cung cấp nhiều phương tiện truyền giáo như mở nhà in đa ngữ, hỗ trợ tài chính, gởi sách Phụng vụ và Giáo lý, đào tạo chủng sinh, linh mục cho từng khu vực, lập chủng viện Urbano 1627 để đào tạo chủng sinh ở các vùng truyền giáo gửi về. Thánh bộ lập ra chức Đại diện Tông tòa, cho các giám mục truyền giáo trực thuộc Đức Giáo hoàng : ở Nhật và Ấn từ năm 1637, ở Việt Nam từ năm 1658.

Năm 1659, thánh bộ phổ biến bản Huấn thị (Instructions) đưa ra những chỉ thị tích cực : "Các thừa sai phải được huấn luyện theo luật Bác Ái Tin Mừng, biết thích nghi với phong tục và tính tình người khác... Công việc trước mặt của chư huynh là đưa ra những người địa phương xứng đáng lên chức linh mục và cả Giám mục nữa... Hãy rao giảng cho tín hữu bổn phận trung thành với chính quyền...Đừng đưa vào nước họ đất nước mình mà là đức tin, đức tin này không hề khai trừ hay làm Tồn thương những nghi lễ tập tục của bất cứ dân tộc nào..."

c/ Nhân sự truyền giáo

Cũng có một số linh mục triều đi truyền giáo. Nhưng những thừa sai số một của Tân Thế giới thường là thành viên các dòng tu sĩ lâu đời : như Biển Đức, Augustino, Carmelo, Mercédaire và nhất là hai dòng Phanxicô và Đa Minh. Họ nhanh chóng lập tỉnh dòng tại miền truyền giáo và lập kế hoạch để hoạt động lâu dài. Dòng Tên thì khởi từ thánh Phanxicô Xavie (từ 1540) mới tham gia việc truyền giáo. Sang thế kỷ XVII các hiệp hội linh mục như Lagiarist, Xuân Bích... cũng phái nhiều thành viên vượt đại dương. Riêng hội Thừa sai Paris M.E.P : Mission Etrangère de Paris, 1663 ngay từ khi thành lập đã chọn phục vụ các sứ mạng do Thánh bộ truyền giáo ủy thác.

1.3. Lương tâm Kitô giáo và việc chiếm thuộc địa

Tuy liên đới với những người đi chiếm đất và thương nhân, nhưng các thừa sai mau chóng phản đối thái độ xâm lăng và thực dân.

a/ Những lạm dụng khai thác thuộc địa

Rời bỏ Âu-châu vượt Đại Tây Dương, các nhà chinh phục chỉ nghĩ đến làm giàu : khai thác vàng, hương liệu và sau này thêm đường, cà phê. Cuộc chinh phục châu Mỹ đã khiến bao thổ dân phải chết trong trận chiến, lại còn du nhập nhiều chứng bệnh Âu-châu (như bệnh sởi, bệnh đậu mùa...) rồi việc cưỡng ép lao động nặng nhọc đã khiến cho nhiều chủng tộc thổ dân bị giảm thiểu nhanh chóng hoặc bị tiêu diệt. Giữa thế kỷ XVI dân cũ của đảo Antilles biến mất chẳng còn ai. Người Tây Ban Nha tự tiện chia nhau đất đai và dân cư (hệ thống Encomienda) biến thổ dân thành những người nô lệ trả hình.

Ngay từ năm 1511, linh mục Montesinos dòng Đaminh trong một bài giảng đã mạnh mẽ tố

cáo những bóc lột trên, khiến các nhà thực dân nổi giận, đem nội vụ về triều đình Tây Ban Nha. Đạo luật Burgos năm 1512, tuy vẫn duy trì hệ thống Encomienda, nhưng buộc phải đối xử với thổ dân như những người tự do và phải quan tâm giúp họ sống niềm tin Kitô.

b/ Bartolomeo de LAS CASAS

Tình hình như thế chưa thay đổi bao nhiêu. Nhưng cuộc đấu tranh cho công lý ủng hộ thổ dân được một linh mục tiếp nối, đó là Bartolomeo de Las Casas (1474-1566). Từng là thực dân, Las Casas hoán cải năm 1514, cổ võ việc khai thác hòa bình nhưng thất bại. Ngài xin vào tu dòng Đaminh và dần thân suốt đời để yêu cầu nhà vua bãi bỏ hệ thống Encomienda, và chủ trương loan báo Tin mừng Bình an (Vera Paz). Đường như nhờ ngài can thiệp, đức Phaolô III ra tông chiếu "Sublimis Deus" (1537) khẳng định thổ dân là những con người tự do, cần giúp họ theo đạo bằng đường lối dịu dàng.

Năm 1540, Las Casas mô tả những cảnh đáng sợ của thực dân trong bản "Tường trình tóm lược về sự tàn phá thổ dân". Cách gián tiếp, ngài gợi ý cho bộ Tân Luật 1542 của vua Carlos V hủy bỏ Tổ chức Encomienda. Được chọn làm giám mục Chiapa (1545) ở Guatemala, ngài đụng độ với sự thù hận của thực dân, nên năm 1550 ngài vượt đại dương lần thứ tám về Tây Ban Nha biện hộ cho thổ dân.

Cũng giai đoạn này, tại đại học Salamanca (TBN), thần học gia Francesco Victoria OP đã phê phán quyền chiếm thuộc địa của Tây Ban Nha khi phổ biến "Những bài học về thổ dân và quyền chiến tranh" (1539). Ông cực lực phản đối cách xử sự của những kẻ đi chiếm đất. Dựa vào đó Las Casas nghĩ rằng phải chấm dứt cuộc chinh phục. Hai phe bênh và chống đụng độ nhau gay gắt nhưng không có kết quả rõ rệt.

Cuộc đấu tranh của Las Casas và bạn bè làm sáng tỏ lương tâm Kitô giáo với ý thức về nhân quyền. Tuy nhiên ngoài một vài cải tiến, việc bóc lột vẫn tiếp tục vì người ta vẫn sống trong bối cảnh đầy nghịch lý. Nhà vua tuy ký những khoản luật nhân đạo hơn, nhưng vẫn chờ lợi tức của việc chiếm đất. Còn các nhà thực dân, lẽ nào họ chịu sống khổ cực như tại quê nhà sau bao vất vả sóng gió biển cả. Thế nên thổ dân lại tiếp tục bị áp bức trong lao động, tại các hầm mỏ để cung cấp vàng. Họ tiếp tục bị chết dần chết mòn.

c/ Chế độ nô lệ

Để thế chân cho những người thổ dân đã chết, việc buôn nô lệ đã biến mất từ lâu tại Kitô giáo Tây phương nay bỗng bùng phát triển. Nhằm cung cấp số nhân công to lớn cho Mỹ châu, người ta mua bán dân da đen Phi Châu. Việc mua bán này kéo dài đến thế kỷ XIX. Có khoảng 14 đến 20 triệu người da đen bị xuất khẩu.

Để biện minh cho chế độ nô lệ, người ta nại đến lý luận của Aristote rằng có những người tự bản chất là nô lệ. Người ta áp dụng lời chúc dữ con cháu họ Cam (St 9,5) cho người Phi-Châu... Tóm lại người ta phôi bày ra đủ loại đạo đức giả. Họ nói chế độ nô lệ là điều ác cần thiết vì nhu cầu kinh tế. Kẻ khác quả quyết nhờ chế độ này, dân da đen được Đức Kitô (!). Một vài thừa sai cũng có những tay vào việc buôn nô lệ và cũng có nô lệ riêng. Không có Las Casas bênh vực, những người da đen chỉ có những tâm hồn bác ái như P. Claver SJ xoa dịu nỗi cay đắng của số phận họ tại Colombia, và cha Labat OP ở Haiti.

d/ Cuộc hội ngộ của các nền văn hóa

Nói chung các nhà chinh phục và một số thừa sai đã cư xử thô bạo với những nền văn hóa mà họ chưa hề có chút ý niệm nào. Sau những tiếp xúc ban đầu tương đối tốt đẹp, họ bị choáng váng trước một số tập tục như việc sát tế người sống ở Aztèques. Đàng khác, các thừa sai tự hào về thành quả 15 thế kỷ văn hóa Âu châu. Họ không phân biệt nổi sứ điệp và vỏ bọc văn hóa. Điều đó đưa đến hai thái độ : trước tiên là phương án xóa sạch (table rase), phá đổ những tôn giáo truyền thống, và những biểu hiện thần bí. Việc phá đổ tôn giáo cổ xưa này cũng đồng thời làm hủy diệt văn hóa lẫn xã hội họ. Đàng khác, các người theo đạo phải thích nghi ít nhiều với văn hóa Âu châu như trang phục và quyền tư hữu.

Tuy nhiên, vẫn có một số nỗ lực tìm hiểu những nền văn hóa khá xa lạ này. Las Casas đòi hỏi phải tôn trọng văn hóa thổ dân mà ngài sớm hiểu được giá trị. Một số thừa sai như Sahagun

(+1590) tại Mehico đã hoàn thành một công trình đáng giá về nhân chủng học. Tại Ấn Độ và Trung Hoa, các tu sĩ dòng Tên đã nhận ra tầm vĩ đại của những nền văn minh hàng nghìn năm này để áp dụng chính sách thích nghi của Kitô giáo Âu châu. Cũng dựa vào kinh nghiệm đó, Thánh bộ truyền giáo đưa ra những chỉ thị cụ thể năm 1659 về việc tôn trọng văn hóa địa phương.

II. TIN MỪNG ĐẾN CÁC LỤC ĐỊA

2.1. Phi Châu

Sau cuộc thánh chiến, Bồ Đào Nha bành trướng dọc theo duyên hải Phi châu từ Ceuta (1415) qua mũi Hảo Vọng (1486), và tới Mozambique (1498). Đó là khởi điểm công cuộc rao giảng Tin Mừng cho châu Phi. Trong vòng vài năm, vương quốc Congo (phía nam hạ lưu sông Zaire) đã mang lại những triển vọng lớn lao nhất. Các thừa sai đã rửa tội cho vua Congo năm 1491. Sau đó Giáo hội Congo phát triển mạnh dưới thời vua Anfonso I (1506-45) một vị vua rất sùng đạo. Ông Tổ chức vương quốc theo mẫu Bồ Đào Nha và một hoàng tử đã được chọn làm giám mục da đen đầu tiên vào năm 1521. Đến năm 1596, thủ đô Salvador được chọn làm Tòa giám mục. Thế nhưng các vị vua Congo vẫn muốn giữ chủ quyền về kinh tế chính trị. Vua phản đối việc buôn bán nô lệ và gửi sứ giả đến Bồ Đào Nha và Roma (1612) để tranh đấu.

Cuộc xung đột bùng nổ khi vua Antonio I không cho phép người Bồ Đào Nha khai thác khoáng sản. Vua bị đánh bại và bị xử chém (1665). Người Bồ Đào Nha không còn quan tâm đến xứ này nữa mà quay qua Angola. Từ đây việc truyền giáo được tiếp nối từng giai đoạn. Thánh bộ truyền giáo gởi tới nhiều tu sĩ Capucino, các vị còn để lại nhiều bản tường trình. Nhờ cảm hứng của Beatrice một phụ nữ Congo, thuyết Antonionisme Tổng hợp Phi châu Kitô giáo chào đời, nhưng sớm bị đàn áp thẳng tay. Beatrice, bị thiêu sinh năm 1706. Sang thế kỷ XVII đến lượt các thừa sai Pháp. Hoàng tử con vua Assinie (Cote - d'Ivoire) được rửa tội tại Paris năm 1691. Các cha Lagiarist hoạt động ở Madagascar, nhưng không được lâu dài (1648-74). Dòng Chúa Thánh Thần khởi sự truyền giáo tại Sénégal (1776). Một số linh mục khác lo việc mục vụ cho dân tản cư, thực dân và nô lệ đảo Bourbon (Réunion) và đảo Pháp (Maurice).

Phúc âm hoá toàn thế giới

2.2. Mỹ Châu

a/ Châu Mỹ La Tinh

Chính quyền Tây Ban Nha nghiêm túc hơn trong trách nhiệm Tổ chức Giáo hội. Từ 1511 đến 1620, họ thành lập được 34 Toà giám mục. Các giám mục này thường là tu sĩ ở chính quốc và có ý thức trách nhiệm cao. Một số vị nổi tiếng như Zumarraga giám mục tại Mexico (Ofm, +1548) hay Giám mục Turibio thành Lima (+1606). Những Giám mục này đã mở nhiều công đồng miền và hội nghị địa phận nhằm Tổ chức Giáo hội, chủ yếu tại Mexico và Lima. Nhưng chính quyền dân sự thường không ủng hộ họ. Những vị thánh đầu tiên của Lima là thánh Martino Porres OP (+1639) và thánh nữ Rosa Lima (+1617).

b/ Phương pháp truyền giáo

Việc loan báo Tin Mừng ở Châu Mỹ La Tinh thường được khởi sự bằng một cuộc biểu dương niềm tin và sức mạnh : dựng thánh giá, những lễ nghi long trọng và phá hủy tượng thần. Để hủy diệt truyền thống bộ tộc Inca, phó vương Francisco de Toledo đã giết chết thế tử Tupac Amaru năm 1572.

Vào thế kỷ XVII còn có thêm việc kiểm tra thần tượng giáo nhằm mục đích truy tìm có hệ thống những tàn dư của tôn giáo cũ. Quả đúng với kế hoạch xóa sạch. Tuy nhiên các thừa sai cũng nỗ lực nhiều để học biết ngôn ngữ địa phương (như tiếng Nahuatl tại Mexico, Quéchua

tại Péru). Các ngài dùng thổ ngữ để soạn giáo lý, giảng giải và viết kịch. Nhiều vị trở thành sử gia của những nền văn minh cổ này. Tiếc rằng vua Tây Ban Nha đã ra lệnh thiêu hủy mất một phần công trình nhân chủng học của các vị.

Nếu các thừa sai vội vã đổ nước rửa tội, thì các vị lại dè dặt với việc cho rước lễ. Nói chung chức linh mục không được trao cho thổ dân. Cũng có một số đại học nổi tiếng tại các thành phố như đại học Mexico, Santa Fé, Bogota, San Marco La Paz, Charcas vừa nâng cao kiến thức vừa nhằm Âu hóa thổ dân. Ngôn ngữ Tây Ban Nha thay thế dần thổ ngữ (riêng Brasil dùng tiếng Bồ Đào Nha). Sách giáo lý thì rập khuôn theo mẫu Tây Ban Nha kể từ tranh ảnh, thánh ca đến các động tác biểu tượng ... Một số bài giảng bằng thổ ngữ cho ta thấy các thừa sai hiểu rõ và thông cảm với dân chúng, thế nhưng các vị lại dựa vào "Chúa Quan Phòng" để biện hộ cho người Tây Ban Nha, để kêu gọi thổ dân chấp nhận nhịn nhục và gây ra sợ sệt.

c/ Chính sách chiêu dân Guaranis

Trong khu vực bao bọc bởi ba con sông Parana, Paraguay, và Uruguay, các tu sĩ Dòng Tên đảm nhiệm việc rao giảng Tin Mừng và an sinh các chủng tộc du mục. Các ngài định cư họ trong các Chiêu Thôn (Reductions). Đó là những làng Công giáo không có thực dân bóc lột. Chiêu thôn đầu tiên ra đời năm : 1610. Dần dần có đến 30 thôn qui tụ khoảng 150.000 dân cư.

Tại đây, sinh hoạt cộng đoàn được Tổ chức hoàn toàn dựa trên nền tảng Kitô giáo. Vài ba tu sĩ dòng Tên phụ trách một thôn, dưới quyền một bề trên chung miền Paraguay. Tài sản cá nhân không được tự ý hoán chuyển. Mọi sự là của chung (Communisme). "Lý tưởng quốc" của Thomas More đã được thực hiện tại Paraguay. Đến năm 1750, hiệp ước các biên giới (Des Limites) đã chuyển những thôn thuộc Tây Ban Nha này sang tay người Bồ Đào Nha. Dân Guaranis chống cự được một thời gian cho đến năm 1768. Việc bãi bỏ Dòng Tên (1773) là phát súng ân huệ cho chính sách chiêu dân. Chẳng còn gì đáng kể nữa, vì các vị dòng Tên theo chủ trương hiền phụ (bao cấp), không đào tạo được những người lãnh trách nhiệm thực sự kế thừa.

d/ Vùng Mỹ châu thuộc Pháp

Cuộc Phúc Âm hóa xứ Canada khởi sự với việc thành lập Québec (1608) do Champlain. Ông mời các tu sĩ Récollets (Dòng Phanxicô cải tổ) đến đây năm 1615. Việc truyền giáo bị đình chỉ khi nước Anh chiếm Québec (1629). Từ 1632, công việc được trao cho các cha Dòng Tên. Các vị đi theo các bộ tộc du mục lang thang đây đó và cố gắng định cư họ. Các ngài thu lượm được một vài thành quả nơi dân Hurons nhưng lại gặp sự cản trở và chống đối của dân Iroquois được người Anh yểm trợ. Năm 1639, Québec đón nhận những nữ tu đầu tiên gồm ba chị dòng Bệnh viện và ba chị dòng Ursulines, trong đó nổi tiếng nhất là Sr. Marie de L'Incarnation một tác giả thần bí tâm cỡ. Các cha Xuân Bích, thì định cư tại Montréal năm 1642.

Nhiều thừa sai đã đổ máu để làm chứng cho Đức tin như Isaac Jogues và Gioan Brébeuf (1646, 1649). Hằng năm tại Pháp, các tu sĩ dòng Tên phát hành các tập "Tuờng trình" (relations) về sứ vụ dòng tại Canada, đã gây được tiếng vang lớn. Dọc theo thung lũng sông Mississippi, Canada là điểm phát xuất truyền giáo cho vùng Louisiana. Mặc dầu có những nhân vật nổi tiếng như giám mục tiên khởi ở Québec : Montmorency Laval (từ 1659-1708). Giáo hội ở đây đa số là người Pháp, cuối thế kỷ XVIII chỉ có độ 2000 thổ dân theo đạo.

2.3. Ấn Độ và Nhật Bản

a/ Hai phương thức nơi Thánh Phanxicô Xavie

Thánh Phanxicô Xavie (1506-52) sinh tại Navarre, ngài gặp thánh Ignatio tại Paris và là một trong bảy anh em tuyên khấn tại Montmartre năm 1534. Được chỉ định truyền giáo cho Ấn Độ, ngài đến Goa, thủ phủ Ấn Độ thuộc Bồ Đào Nha vào năm 1542. Dù chưa có thời gian học hiểu ngôn ngữ và văn minh địa phương ngài rửa tội cho nhiều ngàn người tại các miền ngư dân Đông Nam Ấn Độ, sau khi cho họ học giáo lý hết sức Tổng quát.

Từ năm 1545, ngài rời Goa đến Mã Lai thuộc quần đảo Sonde. Một nhà quý tộc Nhật là Hashiro xin theo đạo và mời ngài về quê hương ông.

Tháng 8-1549, cùng hai linh mục bạn, Phanxicô đến Nhật Bản miền Kyushu. Tính thực tế của dân Nhật làm ngài bối rối và duyệt lại phương pháp truyền giáo. Ngài nhận ra nhu cầu học hỏi kỹ lưỡng ngôn ngữ, hiểu biết về triết lý Nhật Bản và thích ứng theo phong tục xứ này, chẳng hạn ngài sử dụng áo thụng bằng tơ lụa. Đó chính là phương pháp thứ hai của Phanxico Xavie.

Năm 1551, ngài được gọi về Ấn giữ chức Giám tỉnh. Nhưng năm 1552, ngài quyết định đến Trung Hoa để học tận nguồn minh triết của dân Nhật và qua đời tại đảo Tam châu (thuộc Quảng châu).

Các bức thư đầy nhiệt huyết của Thánh Phanxicô Xavie viết về Âu châu đã được mau chóng xuất bản, đôi khi còn được thêm thắt đã xây dựng Ngài thành "mẫu" thừa sai thời tân tiến.

Truyền thuyết gán cho Ngài hàng triệu tân tông cùng vô vàn phép lạ.

b/ Thế kỷ Kitô giáo Nhật Bản

Nhiều người Nhật xin trở lại vì sự hấp dẫn của văn minh tiến bộ Âu Châu, trong bối cảnh phong kiến chia rẽ. Các lãnh chúa địa phương (Daimos) tỏ ra khá độc lập khi chọn lựa Kitô giáo. Số tín hữu gia tăng lên đến 300.000. Đa số tập trung ở phía Nam, đảo Kyushu, miền Kyoto và Edo (Tokyo). Vị có công lớn trong việc Tổ chức Giáo hội tiên khởi này là cha Valignano, giữ chức vụ thanh tra (SJ, 1579-1606).

Ngài chọn lựa hướng thích nghi, đưa ra những chỉ dẫn tỉ mỉ về nghi thức, tiếp xúc, quà cáp, về tôn giáo Nhật, về kiêu nhà thờ. Cuộc bách hại tại Nhật bùng nổ vì nhiều lý do : người Âu Châu gồm các thủy thủ và thừa sai chia rẽ nhau (Tin Lành - Công giáo) ; Các Đại-tướng-quân (Shogun) dòng họ Tokugawa, muốn thống nhất nước Nhật, đã đàn áp các lãnh chúa địa phương ; thêm vào đó là sự chống đối của các Phật tử và tín đồ Thần đạo. Năm 1597, 26 thừa sai và tín hữu bị hành quyết tại Nagasaki. Năm 1614, chiếu chỉ Daifusanna cấm đạo trên toàn quốc. Những cuộc hành hình ngày càng nhiều với những khổ hình ghê rợn nhất. Sau cuộc nổi dậy thất bại của tướng Shimabara (1635), 35.000 kitô hữu bị tàn sát. Cho đến giữa thế kỷ XIX (1865), Nhật đóng cửa cấm tuyệt đối các thừa sai.

Số thừa sai đến Nhật Bản không đông (dưới 100), nhưng đã có nhiều nỗ lực để hiểu ngôn ngữ văn minh Nhật Bản, để phiên dịch và ấn loát. Tuy nhiên các vị quá dè dặt trong việc đào tạo linh mục người Nhật (đến 1614 chỉ có 14 vị). Một Giám mục coi sóc Nagasaki từ 1598-1614. Tổ chức các cộng đoàn còn có các Dojokus (tu sĩ không linh mục), các giáo lý viên, các hương chức và hội đoàn giúp họ tồn tại khi thiếu vắng linh mục. Việc truyền giáo được duy trì tùy vào số tặng phẩm từ Âu châu và mức độ thương mại của Âu châu với Nhật Bản. Điều này đôi khi trở thành trở ngại cho việc rao giảng Tin Mừng.

c/ Tại Ấn Độ

Nếu việc thánh Tôma tông đồ giảng Tin Mừng ở Ấn Độ chỉ là giả thuyết, thì sự hiện diện của Kitô giáo tại miền nam nước này có thể xác định vào thế kỷ V. Đó là những kitô hữu theo phụng vụ Syriaque thuộc phái Nestorio miền Mésopotamia. Người Bồ Đào Nha đến lập cư tại Goa đã ép buộc họ phải theo Giáo hội La Tinh, gây nên xung đột và ly giáo. Goa có Tòa giám mục từ 1533, sau trở thành tòa Trưởng giáo cho cả vùng Á Châu. Từ Goa qua Cap đến Trung Hoa, người Bồ Đào Nha thử nghiệm việc rao giảng theo phương pháp xóa sạch một thời gian. Rất nhiều người theo đạo nhưng chưa thiết lập được một Giáo hội thực sự nào.

Linh mục Robert de Nobili (SJ, 1577-1656) đến Ấn Độ năm 1605 và Manduré (miền Nam) suốt nửa thế kỷ. Ngài học tiếng Tamul và tiếng Phạn. Ngài ăn mặc như một sa-môn kitô giáo (đeo dây Samyasi), theo mẫu các nhà tu hành Ấn giáo. Ngài hòa mình vào lối sống Bà-la-môn để giảng đạo cho họ. Phân biệt được những tập tục xã hội và tôn giáo, ngài cho các tân tông được giữ thói tục xã hội và của giai cấp như búi tóc (kudumi), giầy quàng... Trong nghi thức rửa tội, ngài bỏ bớt những gì người Ấn Độ khó chịu như thổi hơi, chắm nước miếng.

Nhiều thừa sai phản đối Nobili và tố cáo về Roma, nhưng đức Urbano VIII chấp nhận những

thích nghi của Ngài. Nhiều thừa sai khác hòa mình với lối sống hạ lưu để phục vụ những người cùng khổ nhất. Khó khăn lớn của Giáo hội ở đây là vấn đề giai cấp. Mỗi giai cấp có nhà nguyện và chén lễ riêng. Điều này xa lạ với tinh huynh đệ kitô giáo.

2.4. Trung Hoa, Triều Tiên

a/ Từ Macao đến Bắc Kinh

Người Bồ Đào Nha đến lập cư tại Macao năm 1557. Năm 1565, Dòng Tên lập cơ sở truyền giáo, ba năm sau, Macao có giám mục Melchior Carneiro, SJ. Theo lời mời của Lê Thế Tông, Công chúa Chiêm và Mạc Mậu Hợp, đức cha gửi một tu sĩ Phanxicô đến Việt Nam hoạt động nhưng không kết quả. Các thừa sai Đaminh, Augustin cũng đến Macao để vào Trung Hoa hoặc Việt Nam. Người Trung Hoa theo đạo, bị buộc cắt tóc ngắn và sống theo kiểu Âu châu cho đến thời cha Lý Mã Thi (Mateo Ricci +1610).

Mới đầu cha Ricci hòa đồng với các nhà sư Phật Giáo. Nhưng sau khi học hỏi về ngôn ngữ văn minh Trung Hoa, ngài chọn sống như một nho sĩ, vì thấy học thuyết đức Không gần gũi với đạo Kitô hơn. Ngài xúc tiến việc tông đồ cho giới trí thức, truyền bá khoa học phương tây như thiên văn và toán học. Ngài soạn giáo lý bằng chữ Hán : "Chân luận về Thiên đạo". Năm 1615, đức Phaolô V cho phép dịch Kinh Thánh và phụng vụ qua tiếng Trung Hoa, nhưng bản dịch trong thực tế không có. Khả năng của một số tu sĩ thông thái như Shall, Verbist... được triều đình ngưỡng mộ, và nhờ các vị giúp soạn lịch, chế tạo đại bác ...

Thời các vua đầu nhà Mãn Thanh : Sùng Trinh (1644-61) rồi Khang Hy (+1722), Giáo hội Trung Hoa tràn trề hy vọng, với gần 300.000 tín hữu và 120 thừa sai. Các dòng Tên, Đaminh, Phanxico, Augustin đều có tu sĩ địa phương. Năm 1683, tu sĩ Gregori Lô (+1691) dòng Đaminh người Trung Hoa được phong giám mục, Đại diện Tông tòa Nam Kinh. Thế nhưng cuộc tranh luận về lễ nghi và những xung đột giữa Bồ Đào Nha bảo trợ với Thánh bộ Truyền giáo làm các hoàng đế bức bối và gây nên nhiều cuộc bách hại. Chỉ các nhà bác học dòng Tên tạm được phép ở lại Bắc Kinh. Tình hình thêm suy sụp khi dòng Tên bị đóng cửa và hoàn toàn bị đất sau cuộc cách mạng Pháp.

b/ Giáo hội Philippines

Magellan người Bồ Đào Nha, nhưng phục vụ vua Tây Ban Nha, đã đến quần đảo này từ năm 1521. Năm 1564, người Tây ban Nha bắt đầu đến đây định cư. Liên đó các dòng Augustin, Dòng Tên, Dòng Phanxico và Dòng Đa Minh đã đến và lập tỉnh dòng để truyền giáo cho Á châu. Hầu hết các tu sĩ này là Tây Ban Nha, đi vòng qua Mỹ châu, nhất là Mexico. Tuy cũng áp dụng phương pháp Châu Mỹ La Tinh, nhưng vì quần đảo này không giàu có để làm hư hỏng các thực dân. Năm 1579 vùng này có giám mục tiên khởi Domingo de Salazar OP. Số tín hữu năm 1585 là 400.000 đã tăng lên đến hai triệu năm 1620. Đại học Santo Tomas do dòng Đaminh lập năm 1614 đã góp phần lớn lao nâng cao đời sống dân tộc này.

c/ Giáo hội Triều Tiên

Cuối thế kỷ XVIII, Giáo hội Triều Tiên được giáo hữu Triều Tiên thiết lập. Các học sĩ ở đây khám phá kitô giáo qua các sách đến từ Trung Hoa. Năm 1784, một học sĩ trẻ tên Yi Seung Houn, nhân dịp đi Bắc Kinh, đã nhận bí tích rửa tội. Trở về ông hợp tác với một học sĩ khác là Yi Piek, biên soạn Thần học theo truyền thống Không tử và Tổ chức giáo đoàn có Thánh lễ, rửa tội và giáo cải. Không an tâm, ông xin Bắc Kinh gửi linh mục đến. Thế nhưng bách hại đã tiêu diệt toàn bộ giáo đoàn tiên khởi này.

d/ Tại Á châu thuộc Nga

Nhờ việc bành trướng về phía Đông và cuộc chinh phục Siberi của nước Nga, Giáo hội ở đây cũng Tổ chức truyền giáo trong thế kỷ XVII, các giám mục ở Kazan đã đưa dân Tartare ở ngoại thành theo đạo. Giáo chủ Philarète thành Tobolsk gửi nhiều thừa sai đến Kamtchatka (1705), Lakoutsk (1724) và mở rộng công cuộc truyền giáo xuống Trung Hoa (1714). Một số tù nhân Nga đã hợp thành một cộng đoàn Chính Thống ở Bắc Kinh từ 1689.

💡 Phúc âm hoá toàn thế giới

III. TRUYỀN GIÁO THEO NHÃN QUAN ÂU CHÂU VÀ TRONG THẾ KỶ XVIII

3.1. Truyền giáo theo dư luận Âu châu

a/ Nền văn học truyền giáo :

Song song với dòng văn học về các cuộc thám hiểm, nền văn học truyền giáo phát triển nhanh chóng từ thế kỷ XVI. Từ 1549-1619, có đến 98 cuốn sách tiếng Pháp nói về nước Nhật, còn sách về Trung Hoa thì nhiều vô kể. Hai bộ sách ấn bản định kỳ của dòng Tên phổ biến rộng rãi trong quần chúng. Đó là bộ "Ký thuật về Tân pháp quốc" (Relations de la nouvelle France) xuất bản mỗi năm một tập từ 1632-73 và bộ "Những bức thư xây dựng và lý thú" gồm 34 tập, từ 1702-76, đã được tái bản nhiều lần. Nhiều bài viết đặc biệt của các tu sĩ dòng Tên ở Trung Hoa, có giá trị lớn lao về khoa học và góp phần mở mang kiến thức địa dư cho dân Âu châu. Họ khám phá thấy có những nền văn minh cổ kính và tinh tế, khác biệt nhiều với văn minh Âu châu. Triết gia Leibniz đã hứng khởi khi thấy Âu Châu và Trung Hoa bắt tay nhau.

b/ Hình ảnh mới về người ngoài kitô giáo

Một cách dè dặt, kiến thức truyền giáo đã giúp tín hữu Âu châu có một cách hiểu mới về dân ngoại. Có người thấy nơi Trung Hoa những yếu tố mạc khải sơ khởi. Một số tôn giáo lớn chẳng lẽ không thể là một chuẩn bị, một "hình bóng của Kitô giáo?". Quan điểm lạc quan này làm các nhà thần học như Bossuet và phái Jansenisme lo ngại.

Một số triết gia như Bayle, Voltaire, Diderot ... đã lợi dụng văn học truyền giáo để chống Kitô giáo. Người Trung Hoa khoan dung trái với Louis XIV cố chấp. Luân lý Trung Hoa chứng tỏ mạc khải không cần thiết. Lịch sử Trung Hoa còn lâu đời hơn niên đại Thánh Kinh...

3.2. Cuộc khủng hoảng về truyền giáo

a/ Tranh luận về lễ nghi.

Tại Ấn Độ và Trung Hoa, các thừa sai bị chia rẽ vì nhiều vấn đề : gọi Chúa thế nào theo tiếng địa phương ? Có cần thích ứng lễ nghi Kitô giáo không ? Được tôn kính người chết và gìn giữ chế độ đẳng cấp không ? Các tu sĩ dòng Tên đã áp dụng rộng rãi những thích nghi này. Nhưng các dòng khác lại coi đây là nhượng bộ việc thờ ngẫu thần.

Thực ra đằng sau những xung đột là sự đối kháng của quyền bảo trợ và Thánh bộ truyền giáo. Ngoài ra, việc thẩm định ở Âu châu lại nằm trong bối cảnh tranh luận của dòng Tên với Jansenisme, của phái rộng với phái ngặt. Các cha dòng Tên ở gần giới trí thức nên thấy chỉ có những vấn đề lễ nghi, còn các vị Thừa sai Paris, Đaminh và Phanxico đi sát với quần chúng hơn, thì thấy đó là việc "thờ cúng" Tổ tiên.

b/ Việc kết án lễ nghi

Năm 1645, Đức Innocente X cấm thờ cúng Tổ tiên. Năm 1656, Đức Alexandro VII cho phép "nếu cha Martinez (SJ) trình bày đúng sự thật". Thế nhưng vấn đề bùng nổ năm 1693, khi giám mục Maigrot (MEP) cấm địa phận Phúc Kiến thờ kính Tổ tiên. Đáp lại, vua Khang Hy trục xuất những thừa sai nào vâng lời vị giám mục ...

Dẫu các cha dòng Tên theo ý Khang Hy, đã giải thích các lễ nghi chỉ là hành vi dân sự, Tòa thánh năm 1704 đưa ra bốn quyết nghị : cấm dùng chữ Thiên, cấm treo bảng Kính Thiên, cấm cúng tế Khổng tử và ông bà, cấm đặt bài vị Tổ tiên trong nhà. Khâm sai Tòa thánh ở Đông Phương, giám mục De Tournon (Tòa Antiokia) được cử đi. Vị này cấm Ấn Độ không được dùng nghi lễ Malabars, tháo bảng Kính Thiên tại nhà thờ Bắc Kinh do vua Khang Hy chấp bút, công bố văn thư bác bỏ lễ nghi Trung Hoa. Kết quả nhiều thừa sai bị trục xuất, còn giám mục De Tournon bị người Bồ Đào Nha giam tại Tòa Công sứ Macao và qua đời tại đó.

Năm 1715, tông chiếu "Ex illa die" long trọng kết án kèm theo vạ tuyệt thông về nghi lễ Malabars và Trung Hoa. Vua Khang Hy coi đây là hành vi nhục mạ quốc thể nên ra lệnh cấm đạo, ông triệt hạ các nhà thờ, bắt bớ tín hữu. Việc bách hại gắt gao hơn dưới thời vua Ung Chính (1732-36). Số tín hữu Trung Hoa 300.000 nay chỉ còn 30.000 giữ đạo. Trước tình hình căng thẳng, khâm sứ Mezzabarba (cộng tòa Antiokia) năm 1721 đề ra cách áp dụng tông chiếu với tám điểm nới rộng. Đại khái Ngài cho phép thực hành nghi lễ với lời phân trần. Nhưng Tông Chiếu "Ex Quo" (năm 1742) loại bỏ tám điểm nới rộng trên và kết án các nghi lễ một lần nữa. Các nghi lễ dân tộc nay đã được phép tại Nhật (1936), Trung Hoa (1939) và Việt Nam năm 1964.

3.3/ Nạn nhân của tình hình chính trị

Việc giảm quyền mở rộng thuộc địa của Tây Ban Nha và Pháp qua hiệp ước Utrecht (1713) đã dẫn đến việc suy yếu trong hoạt động truyền giáo. 50 năm sau, hiệp ước Paris 1763, xác định quyền tối cao của Anh quốc tại Canada và Ấn Độ. Dòng Tên bị cấm hoạt động trong nhiều nước Công giáo rồi bị bãi bỏ (1773) đã chấm dứt hoạt động 3.000 thừa sai trên thế giới. Nhân sự các dòng khác không thể bù lại kịp. Nhiều cộng đoàn tín hữu bị bỏ rơi. Cuối cùng cuộc cách mạng Pháp (1789) đã khiến cho nhân sự và tài chánh càng kiệt quệ. Ưu thế về đại dương của nước Anh khiến các thừa sai Công giáo khó đến nơi mình muốn, ngược lại nhiều hệ phái Tin Lành tìm được đất trồng để phát triển. Bảng thống kê cuối thế kỷ XVIII làm nhiều người vỡ mộng, gây nên cảm tưởng bất lực trước toan tính "đưa Đông Phương theo đạo". Tuy nhiên phải ghi nhận rằng, từ nay Giáo hội đã phổ quát, dầu vấn đề chưa giải quyết tốt đẹp. Cuộc hội ngộ giữa Kitô giáo và các nền văn minh khác trên thế giới sẽ được đặt ra cách đúng đắn hơn vào thế kỷ XIX.